

LÀO TỬ[?] ĐẠO ĐỨC KINH

THU GIANG
NGUYỄN DUY CẦN
dịch và bình chú



VĂN HỌC

LÃO TỬ
ĐẠO ĐỨC KINH

THU GIANG
NGUYỄN DUY CẦN
dịch và bình-chú

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
1991

吾 今 見 老 子
其 猶 龍 邪 ！
(孔子)

«Nay ta thấy Lão-Tử như con Rồng !»

Khổng-Tử

(Theo Sử-Ký Tư-Mã-Thiên)

LỜI NÓI ĐẦU

I. - Lược-sử Lão-Tử.

Theo Sử-Ký 史記 Tư-Mã-Thiên 司馬遷, Lão-Tử 老子 là người nước Sở 楚, huyện Khổ 苦, làng Lẽ 厲, xóm Khúc-Nhân 曲仁, ở tỉnh Hồ-Nam bây giờ.

Ông họ Lý 李, tên Nhi 耳, tự là Bá-Dương 伯陽, thụy là Đàm 聃.

Ông làm quan giữ tàng-thất nhà Châu 周.

* * *

Không-Tử đến Châu, hỏi Lễ. Lão-Tử nói : « Lời nói của ông là lời nói của những kẻ nay đã xuong tàn cốt rụi. Và, người quân-tử đắc-thời thì đi xe, không đắc-thời thì tay vịn nón lá mà đi chơn. Ta nghe rằng : Kẻ buồn giỏi khéo giữ của quý như không có gì, người quân-tử đức thanh, dung-mạo dường như kẻ ngu. Họ khác với cái kiêu-khi và đa-dục của ông, thái-sắc và dâm-

chỉ ấy không ích gì cho thân ông cả. Tôi sợ-dĩ bảo cho ông biết có bấy nhiêu thôi».

Không-Tử ra về, bảo với đệ-tử: «Chim, ta biết nó bay như thế nào; cá, ta biết nó lội làm sao; thú, ta biết nó chạy cách nào. Thú chạy, thì ta có lưới bắt nó; cá lội, thì ta có dây câu vờ nó; chim bay, thì ta có bẫy gài nó. Chỉ như con Rồng, thì ta không biết nó theo mây theo gió mà bay liệng như thế nào. Nay ta thấy Lão-Tử như con Rồng!» (吾今見老子其猶龍邪!).

* * *

Ở Châu lâu, sau thấy Châu suy, nên bỏ mà đi. Đến cửa Quan, quan lệnh là Doãn-Hi 尹喜 nói: «Ngài toan đi ần, xin gượng vì tôi đề lại bộ sách».

Lão-Tử ở lại, soạn ra bộ sách, ý nói về Đạo Đức, phân làm hai thiên, gồm có trên 5.000 lời. Rồi bỏ đó mà đi, không biết chung cuộc đời Ngài như thế nào.

* * *

Câu chuyện hồi Lễ trên đây rất có thể là một chuyện bịa-dặt có tánh-cách ngụ-ngôn. Nhưng ý-vị của nó đáng cho ta chú-ý: nó miêu-tả được sự khác nhau giữa hai lập-trường tư-tưởng «Vô-Vi» và «Hữu-Vi» của hai nhà đại tư-tưởng đã thay phiên nhau ngự-trị tâm-hồn người Trung-Hoa trên mấy mươi thế-kỷ.

* * *

II.— Những bản dịch sách Lão-Tử.

Từ trước đến giờ, theo chỗ riêng biết của tôi, ở Việt-Nam chưa có một bản dịch nào về sách của Lão-Tử, trừ ra bản của Nghiêm-Toản tiên-sinh vừa cho xuất-bản trong năm; và cũng chỉ mới được 37 chương đầu mà thôi.

Lối dịch của tôi có khác với các bản dịch mà tôi đã biết. *Đạo-Đức-Kinh* có thể gọi là một tập cách-ngôn bằng thơ, không phải là một lối thơ như thơ Đường có những quy-luật hẳn-hòì, mà là một lối thơ tự-do xuất-phát từ một tâm-hồn thuần-phác tự-nhiên, đối nhau vanh-vách. Có đoạn lại dùng như văn xuôi, nhưng nhạc-điệu vẫn còn phảng-phất.

Vì vậy, tôi hết sức cố-gắng để giữ-gìn được khí-văn. Tuy-nhiên, muốn lột được tư-tưởng bên trong, tôi cũng không ngại thoát văn mà giữ ý, cố làm sao đọc qua dễ hiểu. Nếu chỉ dịch sát theo câu văn, thì dịch ra không ích gì, thà để nguyên câu Hán-văn rồi giải-nghĩa và tán-rộng còn hơn.

* * *

Một học-giả người Âu có khuyên ta cách đọc sách Lão-Tử như vậy: *Ce qui importe, ce n'est pas ce qu'il nous dit, mais ce qu'il nous suggère...* (Quan-trọng nhất, không phải những gì trong sách ấy nói với mình, mà là những gì trong sách ấy đã kêu-gọi được nơi lòng mình).

Câu nói này thật là thâm-thuý và tỏ ra là người đã hiểu rất sâu-sắc tinh-thần Đạo-học của Đông-Phương. Trong quyển *Văn-minh Đông-Phương và Tây-Phương* tôi cũng đã có nói: « Sự hiểu-biết theo người Đông-Phương là sự hiểu biết do mình tìm ra, hoặc nhờ bên ngoài kêu-gọi mà khai-phát, và chính sự hiểu-biết ấy mới thật là hiểu biết (...)

« Sách-vở kinh-diễn của Đông-Phương vì thế phần nhiều dùng một lối hành-văn rất vắn-tắt, không lý-luận, không minh-chứng dài-dòng... cốt cho kẻ học-hỏi phải vận-dụng công-phu suy-nghĩ mà lắng nghe cái tiếng dội nơi sáu-thẩm của lòng mình. Họ chỉ kêu-gọi thôi, chứ không cốt để truyền-bá tư-tưởng của họ... Dụng-ý của họ là để tạo cái học bề sâu... Sự tối-tâm của câu văn có cái hấp-dẫn của nó là kích-thích óc tò-mò, sự tìm hiểu ẩn-ý của người viết và nhân đó, giải-phóng những tiềm-lực sâu-thẳm của lòng mình... Không khác nào ánh-sáng thái-dương giúp cho trăm hoa đua nở, nhưng cây hoa nào trở hoa này. (*)

Vì vậy, chú-giải của các học-giả Trung-Hoa, Nhật-Bản từ xưa đến nay rất nhiều mà phần đông không giống nhau : mỗi nhà mỗi hiểu một cách. Các bản dịch của các học-giả Âu-châu cũng rất nhiều, riêng bản dịch bằng Pháp-văn, theo H. Maspéro, có trên 60 bản, nhưng không bản nào giống bản nào cả. Mỗi người mỗi dịch theo sự hiểu-biết của mình. Như ta đã thấy ở trên, thì sự khác nhau giữa các bản dịch không phải là điều quá quan-trọng.

(*) *Văn-minh Đ.P. và T.P.* » trang 100-101.

Bản dịch hôm nay của tôi đã khởi thảo từ năm 1935 và đã được đăng-tải trong tạp-chí *Nay* khoảng 1937. Và cũng chỉ đăng được một nửa mà thôi. Từ đó đến nay, bản-thảo đã được nhiều lần sửa-chữa, và tôi mong-ước mỗi năm lại được sửa thêm một lần cho đến chừng nào thật vừa ý sẽ hay.

Thế mà hôm nay lại bằng lòng cho in nó ra, vì xét rằng bản dịch nào cũng không sao bảo-đảm sẽ dịch sát được nguyên-ý của Lão-Tử, nên cho xuất-bản cũng là một cơ-hội để được lĩnh-giáo những bậc cao-minh trong Đạo-học.

* * *

Okakura Kakuzo, trong quyển *Le Livre du Thé* cũng có viết : « Một bản dịch luôn luôn là một phản-bội, và như một văn-sĩ nhà Minh đã nói, dù bản dịch có hay đến bậc nào, cũng chỉ như bề trái của một miếng gấm thêu, chỉ thêu văn y-nguyên, nhưng không còn cái sắc-sảo tinh-vi của đường kim mũi chỉ, của màu sắc và hình hoạ... »

« ... Bực thánh-trí ngày xưa không bao giờ trình-bày học-thuyết của mình bằng sự quả-quyết một chiều. Họ nói toàn bằng giọng nghịch-thuyết, mâu-thuẫn, là vì họ sợ đưa ra những chân-lý nửa chừng. Họ khởi đầu nói như người điên (trái với chân-lý thông-thường), nhưng rồi kẻ nghe họ nói, lại trở thành người ngoan. Với cái giọng đùa-cợt rất tế-nhị, Lão-Tử cũng nói : « Hạ sĩ vấn Đạo, đại tiểu chi. Bất tiểu, bất túc dĩ

vì Đạo.» (11) (Kể si bức thấp, nghe nói đến Đạo là cười to lên. Không cười, sao đủ gọi đó là Đạo!).

* * *

III. — Học-thuyết Lão-Tử.

Kể ra học-thuyết của Lão-Tử không phải là thật khó hiểu nếu ta quan-niệm nó bằng trực-giác. Sự khó-khăn của nó là chỗ đem ra mà bày-giải... Lão-Tử há đã chẳng nói: «Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri» 知者不言, 言者不知. Đem nó mà giảng-gải, bằng những danh-từ của giới nhị-nguyên thì thật là vô-cùng hiểm-trở.

Đạo 道 là gì? Đối với Lão-Tử, danh-từ này lại có một nghĩa mới-mẻ mà từ trước chưa hề có. Có lẽ Lão-Tử là người đầu tiên trong những triết-gia Trung-quốc đã dùng chữ Đạo 道 để chỉ cái Nguyên-lý Tuyệt-đối đã có từ trước khi khai-thiên lập-địa, không sinh, không diệt, không tăng, không giảm. Đạo có thể quan-niệm dưới hai phương-diện: Vô 無 và Hữu 有. «Vô», thì Đạo là Nguyên-lý của Trời Đất, Nguyên-lý vô-hình. «Hữu» thì Đạo là Nguyên-lý hữu-hình, là Mẹ sinh ra vạn-vật: vô-danh thiên-địa chi thủ, hữu-danh vạn-vật chi mẫu. (Chương I) 無名天地之始, 有名萬物之母.

Như thế, Đạo không còn phải là một phương-tiện, một lẽ-lối, một con đường... mà là một Nguyên-lý hoàn-

toàn huyền-diệu và bất-khả tư-nghị. Do Nguyên-lý ấy mới sanh ra những trạng-thái mâu-thuẫn như: Có không, cao thấp, dài ngắn, phải quấy... v.v... Nhưng thực ra, đó là những mâu-thuẫn ngoài mặt mà tựu-trung chỉ là bề trái và bề mặt của một Thực-tại mà thôi. Bậc Thánh-nhơn luôn luôn đứng trên cặp mâu-thuẫn ấy, không thiên hân bên nào cả. Họ cho rằng: *« thiên-hạ giai tri mỹ chi vi mỹ, tư ác dĩ; giai tri thiện, chi vi thiện, tư bất thiện dĩ... »* 天下皆知美之為美，斯惡已；皆知善之為善，斯不善已。 (Thiên-hạ đều biết tốt là tốt, thì đã có xấu rồi; đều biết lành là lành, thì đã có cái chẳng lành rồi...) (II). Ý-niệm về Thị Phi, Thiện Ác ấy khiến họ không bận-mắc hay lệ-thuộc vào một bảng giá-trị nào cả, vì họ không cho cái chi là tuyệt-đối. Và chính cái quan-niệm ấy mới có thể mưu được cho con người một thái-độ điềm-tĩnh thần-nhiên trước những biến-cổ của cuộc đời. *« Hoạ, là chỗ dựa của Phúc; Phúc, là chỗ núp của Hoạ »*. (Hoạ hễ phúc chi sở ỷ, Phúc hễ hoạ chi sở phục) 禍兮福之所倚，福兮禍之所伏。 (LVIII). Đó là quan-niệm tối-đại bình-đẳng mà về sau Trang-Tử chứng-giải trong suốt một thiên *Tề-Vật-luận*, một quan-niệm bình-đẳng về Thị Phi, Thiện Ác, Hoạ Phúc...

Cái Nguyên-lý tối-cao tối-đại ấy là nguồn-gốc của Vạn-Vật vẫn thường-tồn không thay-đổi. Cái Đức của Nó sanh ra Vạn-Vật Trời-Đất.

Nhưng trái với quan-niệm thông-thường, Lão-Tử cho rằng Trời-Đất vẫn thần-nhiên lạnh-lùng đối với số-

phận của con người: «*Thiên-địa bất nhân, dĩ vạn-vật vi sở cầu*» (Trời Đất không có lòng nhân, coi vạn-vật như loài chó rom) (天地不仁以萬物為刍狗) (V).

Trời-Đất sở-dĩ trường-cửu là vì Trời-Đất không sống cho mình; bậc Thánh-nhơn nên theo gương ấy: «*Thiên-Địa sở-dĩ năng trường thả cửu giả, dĩ kỳ bất tự sanh, cố năng trường sanh*» 天地所以能長且久者, 以其不自生故能長生。 (Trời-Đất sở dĩ đặng dài và lâu, là vì không sống cho mình, nên mới đặng trường-sanh) (VII). «*Thị dĩ Thánh-nhơn, hậu kỳ thân nhi thân tiên, ngoại kỳ thân nhi thân tồn*» 是以聖人後其身而身先, 外其身而身存 (Vì vậy, Thánh-nhơn để thân ra sau mà thân ở trước, để thân ra ngoài mà thân đặng còn) (VII). «*Đề thân ra ngoài*», tức là kẻ như thân mình không có, hay không đáng kể. Đó tức là «*quên mình*» vậy. Và phải chăng vì «*không nghĩ đến mình*» mà lại thành được việc của mình (*Phi dĩ kỳ vô tư da? Cố năng thành kỳ tư.*) 非以其無私邪, 故能成其私。 (VII).

Kẻ hiền và theo Đạo, giống như «*nước*», lợi cho vạn-vật, lại không bị trở-lực nào cả, là vì cái đức «*bất tranh*» của nó, «*ông thẳng bầu tròn*» nhưng không bao giờ mất tánh. «*Thượng thiện nhược thủy, thủy thiện lợi vạn-vật nhi bất tranh*». 上善若水, 水善利萬物而不爭 (Bậc thượng-thiện giống như nước: nước thì hay làm lợi cho vạn-vật mà không tranh) (VIII). Và nhân đó, ông chủ-trương: «*nhu-nhược thắng cương cường*». «*Thiên-hạ nhu-nhược, mạc quá ư thủy, nhi công kiên*

cường giả, mạc chi năng thắng... Nhu thắng cương, nhược thắng cường » 天下柔弱莫於水，而攻堅強者，莫之能勝，柔勝剛弱勝強 (LXXVIII). (Dưới trời, mềm yếu không chi hơn nước. Mà đánh đồ cứng mạnh, không chi hơn đó được... Mềm thắng cứng, yếu thắng mạnh). Không gì nguy-hiêm bằng tranh-đấu mà dùng đến bạo-động. « *Cường lương giả, bất đắc kỳ tử* ». 強梁者不得其死 (XLII). (Dùng bạo-động, chết bạo tàn).

Lão-Tử lại khuyên ta, trong phép xử-thế nên luôn luôn giữ phần thấp-kém: « *Phù quý nhi kiêu, tự di kỳ cữu* ». 富貴而驕自遺其咎 (IX). (Giàu sang mà kiêu, tự vùi hoại ương). « *Khi giả bất lập, khố giả bất hành* ». 企者不立跨者不行 (XXIV). (Nhón gót thì không đứng vững; xoạc chân ra, thì không đi được). « *Mộc cường tắc chiết, binh cường tắc bất thắng*... » 木強則折，兵強則不勝 (LXXVI). (Cây mạnh ắt gãy, binh mạnh không thắng). Cho nên « *đi Đạo tá nhưn chủ giả, bất dĩ binh cường thiên-hạ* ». (Ai lấy Đạo phò Vua, không dám dùng binh-lực mà bức-hiếp thiên-hạ) (XXX). Và hậu-quả của nó là như thế nào? « *Sư chi sở xử, kinh cửc sanh yên. Đại quân chi hậu, tất hữu hung niên* ». (Chỗ đóng sư-doàn, gai-gốc mọc đầy. Sau cuộc chiến-chinh, nhiều năm đói khó), 師之所處荆棘生焉大軍之後必有凶年 (XXX). Nước, hình-ảnh tượng-trưng của Đạo, thì luôn luôn tìm nơi chỗ thấp, mà ở « *nơi mà thiên-hạ không ai ưa* ». (Xử chúng nhưn chi sở ố) 處衆人之所惡 (VIII), thế mà « *giang hải sở dĩ năng vi bách cốc vương giả, dĩ kỳ thiện hạ chi* ». 江海所以能爲百谷王

者以其善下之。 (Sóng biển sỏ-dĩ làm đặng vua các hang
thẳm là vì nó thấp hơn cả) (LXVI). Đó, phải chăng là
một bằng-cớ hùng-bồn để chứng-minh rằng « quý lấy
tiện làm gốc, cao lấy thấp làm nền » (*quý dĩ tiện vi bản, cao
dĩ hạ vi cơ*) 貴以賤為本，高以下為基 (XXXIX), cũng
như « cứng mạnh, ở bực dưới; mềm yếu, ở bực
trên » ? (Kiên cường xử hạ, nhu nhược xử thượng)
堅強處下柔弱處上 (LXXVI). « Cô lậu », « quã đức »,
« bất thiện » là chỗ ghét của con người... Thế mà bậc
Vua Chúa lại dùng đó mà tự xưng » (*Nhơn chi sỏ dĩ,
duy Cô, Quã, Bất cốc, nhi Vương Công dĩ vi xưng*)
(人之所惡，唯孤寡不穀而王公以為稱) (XLII).

Lão-Tử khuyên ta : « bất cảm vi thiên-hạ tiên » 不敢為
天下先 (LXVII). Đâu phải đó là hèn-nhát, mà trái lại
là một sự đại dũng trong thiên-hạ : « tự thắng giả cường »
(自勝者強). Minh là con đục, hãy làm như con cái... Minh
là trắng, hãy làm như là đen... Minh là vinh, hãy giữ lấy
cái nhục. « Tri kỳ hùng, thủ kỳ thư... Tri kỳ bạch, thủ kỳ
hắc... Tri kỳ vinh, thủ kỳ nhục... » (知其雄守其雌，知其白
守其黑，知其榮守其辱) (XXVIII). Tức là « mình là bậc
thông-minh xuất-chúng, hãy làm như kẻ ngu-đần »,
« mình là kẻ sức mạnh kinh người, hãy làm như người hay
khiếp-sợ ». (Thông-minh duệ-trí, thủ chi dĩ ngu ; dũng-lực
chấn thế, thủ chi dĩ khiếp). (聰明睿智，守之以愚，勇力
振世，守之以怯) .

Trên trường đời, sỏ-dĩ thường xảy ra những cảnh
tranh-giành xâu-xé, thù-oán chập-chồng, phải chăng chỉ vì
người người đều muốn đua khôn cậy khéo, ăn trên ngồi

trước, chỉ nghĩ đến mình mà không nghĩ đến người... Nhưng nếu ta mạnh mà biết giữ phần yếu, khôn mà biết giữ phần dại, sáng mà biết giữ phần ngu, vinh mà biết giữ phần nhục, thì mầm cạnh-tranh do đâu mà phát lên được, thì thiên-hạ làm gì có loạn? Trong khi ta nhận thấy không có chi là thiện là ác, là thị là phi, là vinh là nhục, thì thiện ác, thị phi, vinh nhục làm gì còn cảm-khích được lòng mình? Cái đức khiêm-nhu, bất-tranh ấy khiến cho ta được « *huyền đồng* » 玄同 với tất cả mọi người. Nếu xét trong tư-chất trí-huệ của ta có chỗ tỏ ra sắc - sảo hơn người, thì cần phải che đậy, xoá bỏ đi, để đừng cho thấy cạnh góc phân-biệt nữa, tức là phải biết « *toà kỳ nhuệ, giải kỳ phân, hoà kỳ quang, đồng kỳ trần* » 挫其銳, 解其分, 和其光, 同其塵 (LVI), nghĩa là « *bè cái chỗ nhọn bén, mờ cái mối chia-rẽ, hoà ánh sáng với mọi người, cùng bụi-bặm với những bụi-bặm trên đời* » . Làm thế, cũng chẳng phải bảo phải hy-sinh cá-nhơn cho đoàn-thể đâu. Mà trái lại, bản-tánh nhờ đó mà hồn-nhiên thuần-phác, ngoại vật không bao giờ động được tâm nữa. (不以外物動其心也).

Bực thánh-nhơn không vì mình, không tích-trữ của-cái mà không bao giờ thiếu-thốn... càng cho bao nhiêu, lại càng có nhiều bấy nhiêu... « *Thánh-nhơn bất-tích, kỳ dĩ vị nhơn, kỳ dĩ hữu; kỳ dĩ dĩ nhơn, kỳ dĩ đa*... » 聖人不積既以爲人已愈有。既以與人已愈多 (LXXXI).

Tại sao lại vậy? Tại sao không tích-trữ, không vì mình, càng ban-bố cho ra, lại càng « có » nhiều hơn nữa?

Thối thường bề càng tích-trữ, càng chiếm-đoạt thì mới càng có được nhiều, càng giữ được nhiều... Nhưng, không! Ở đây Lão-Tử bàn về «phẩm» chứ không bàn về «lượng». Kẻ mà càng lo tích-trữ cho mình, là kẻ mà lòng mình còn nhiều thiếu-thốn, nghĩa là nghèo-nàn tham-muốn. Trái lại, có mà «cho» ra, «cho» vô điều-kiện mới thật là kẻ có thừa. Vì vậy Lão-Tử mới bảo: «*Tri túc giả phú*» 知足者富 (Biết đủ thì giàu) (XXXIII). Kẻ không biết đủ và đòi-hỏi luôn luôn thì không biết chừng nào mới đủ. Tục-ngữ thường bảo: «lòng tham không đáy»! Lòng mà không biết đủ, tham dục vô ngần, là một đại-họa trong đời: «*họa mạc đại ư bất tri túc*» 禍莫大於不知足 (XLVI).

Thực ra, con người sở dĩ có nhiều lo-lắng đau thương là vì đã quá lo nghĩ đến mình, quá yêu cái «*tiêu-ngã*» của mình: «*Ngô sở dĩ hữu đại họa giả, vi ngô hữu thân. Cập ngô vô thân, ngô hữu hà họa?*» 吾所以有大患者，為吾有身，及吾無身，吾有何患？ (XIII). Chữ «*thân*» 身 ở đây có nghĩa là «*vị ngã*» 為我.

Như thế, ta thấy trong đời không có gì đáng lo-sợ bằng lòng ích-kỷ. Nó là nguồn-gốc của tất cả mọi tai-họa của con người. Bởi vậy trong khi «*đạo Trời*», bớt chỗ dư, bù chỗ thiếu» thì con người lại đi «*bớt chỗ thiếu, bù chỗ dư*», gây ra không biết bao nhiêu là điều bất-công bất-chánh. «*Thiên chi Đạo, tổn hữu dư nhi bổ bất túc; nhơn chi đạo tắc bất nhiên: tổn bất túc nhi phụng hữu dư*» 天之道損有餘而補不足；人之道則不然，損不足而奉有餘。 (LXXVII).

Vì vậy, Lão-Tử khuyên ta đầu hết một chữ « *Từ* » 慈, « *nhất viết Từ* » (LXVII), một tình thương chẳng phải chỉ dành riêng cho một hạng người nào, mà là cho tất-cả mọi người, lành cũng như dữ : « *thiện giả ngộ thiện chi ; bất thiện giả ngộ diện thiện chi* », « *tín giả ngộ tín chi ; bất tín giả ngộ diện tín chi* » 善者吾善之, 不善者吾亦善之, 信者吾信之, 不信者吾亦信之 (XLIX). Là vì sao ? Vì Đạo Trời không thiên-vị ai cả : « *thiên đạo vô thân* » 天道無親 (LXVIX). Cùng một quan-niệm về *Bát-Nhã Bình-Đẳng* của Phật đại-thừa và *Tề-Vật* của Trang-Tử. Ta lại cần phải biết lấy đức mà báo oán, vì đó mới thật là *Từ* 慈 « *đi đức báo oán* » (以德報怨) (LXIII), và đó mới thật là cái đức của « *bất tranh* » : « *thiện thắng địch giả bất dữ* » 善勝敵者不與 (LXVIII), tức là đức « *Từ* » biến kẻ thù thành người bạn.



Đạo, theo Lão-Tử, là một nguyên-lý Quân-bình (Thiên-Quân 天均) ; « *cao giả ức chi, hạ giả cử chi, hữu dư giả tòn chi, bất túc giả bổ chi* » 高者抑之, 下者舉之, 有餘者損之, 不足者補之 (LXXVII), cho nên không cho cái gì thái-quá hay bất-cập. Vì vậy, « *hễ muốn làm cho cái chi «thu-rút» lại, đó là sắp làm cho nó mở rộng ra ; muốn làm cho đó «yếu-nhược» đi, là sắp làm cho đó «mạnh thêm lên»* ». « *Tương dục hấp chi, tất cố trương chi ; tương dục nhược chi, tất cố cường chi...* » 將欲歛之必固張之, 將欲弱之必固強之 (XXXVI). Là đề lập lại Quân-bình.

Lão-Tử vi Đạo như cây cung mà giương lên : « *thiên chi đạo, kỳ du trương cung dư ?* » 天之道其猶張弓與 (LXXVII), nên người ta thường vi muốn làm cho đời trị mà thành ra làm cho đời loạn, và càng muốn trị bao nhiêu, ta càng lại làm cho đời loạn bấy nhiêu. « *Tương dục phế chi, tất cố hưng chi.* » 將欲廢之必固興之 (XXXVI). Thật là những nhận-xét, mới xem mâu-thuần lạ, nhưng là những chân-lý rất thiết-thực, rất thông-thường và rất giản-dị.

Vì thế, hành-động hay nhất là đừng có ham can-thiệp đến việc đời... và nếu cần phải « làm », thì hãy « làm cái không làm » (vi vô-vi), một cách kín-đáo và khéo-léo.

Vô-vi 無爲 đâu phải là không làm gì cả, mà là « làm một cách kín-đáo », đem cái tự-nhiên mà giúp một cách tự-nhiên, không tư-tâm, không vị-kỳ: người thi ân không biết là thi ân, người thọ ân không dè là thọ ân. Bậc thánh-nhơn trị nước mà dùng đến đạo vô-vi, dân không hay là mình bị trị: « *Vi nhi bất thị, trư ờng nhi bất tề* » 為而不恃，長而不宰 (LI).

Cũng như Đạo, thì Vô-vi (không làm chỉ cả cho ta thấy), thế mà không có gì là không làm ». Chương 37 bàn đến cái đạo trị nước bằng Vô-vi rất rõ.

« Đạo thường không làm,

« Nhưng không gì là không làm.

« Bậc Hầu-vương giữ được nó.

« Thì vạn-vật sẽ tự thay đổi.

« Muốn thay đổi mà nhúng tay vào,

« Ta nên ngăn lại... »

(Đạo thường vô-vi, nhi vô bất-vi. Hậu-vương nhược năng thủ chi, vạn-vật tương tự-hoá. Hoá nhi dục tác, ngộ tương trần chi) 道常無爲而無不爲，侯王若能守之，萬物將自化，化而欲作吾將鎮之 (XXXVII).

Thật vậy, nếu « Vô-vi » là không làm gì cả, thì Lão-Tử đã không viết Đạo-Đức-Kinh ra làm gì ! Đạo-Đức-Kinh viết ra, là để cho bậc trị nước, hay cho những kẻ nào sắp ra lãnh phần trị nước. Có lẽ vì mục-kích hỗn-trạng của thời-kỳ Chiến-Quốc vô-cùng thâm-thâm, như Khổng-Tử, Mặc-Tử cùng các pháp-gia của thời ấy, Lão-Tử cũng cố-ý đưa ra một giải-pháp an-bang tể-thế. Ông nhận thấy rằng : « dân chi cơ, dĩ kỳ thượng thực thuế chi đa ; dân chi nan trị, dĩ kỳ thượng chi hữu vi ; dân chi khinh tử, dĩ kỳ cầu sanh chi hậu... » 民之饑以其上食稅之多，民之難治以其上之有爲，民之輕死，以其求生之厚 (LXXV), (dân đói, là vì trên bắt thuế nhiều... dân mà khó trị, là vì trên dùng đạo hữu-vi..., dân mà coi thường cái chết, là vì quá trọng cầu cái sống...)

Bởi vậy, đem cái chết mà dọa dân-chúng không ích gì cả, trong khi ta dồn họ vào nơi tuyệt-vọng : « dân chi uy tử, nại hà dĩ tử cụ chi » ? Lại còn gây nạn đao-binh thì hậu-quả thật là vô-cùng tai-hại : « sư chi sở tử, kinh cực sanh yên ; đại quân chi hậu, tử hữu hung niên » (XXX)

Như thế, ta thấy ông, vì ưu-thời, đã nghĩ đến cách dùng Đạo mà trị nước. Nếu không có được một bậc Thánh-nhơn để trị nước thì ít ra, kẻ trị nước phải biết đem áp-dụng cái thuật « vô-vi nhi trị », « hành bất ngôn chi giáo ». Đạo Trời thì « tồn hữu dư, bỏ bất túc », còn đạo của người thì trái lại « tồn bất túc, bỏ hữu dư », nên mới gây ra biết bao sự chênh-lệch bất-công trong xã-hội.

Xem ngay những câu như « tồn hữu dư, bỏ bất túc » của Đạo để lập lại quân-bình trong thiên hạ và sự-việc, mà phần đông lại hiểu chữ « vô-vi » là không làm gì cả, thiết-nghĩ không có nhận-định sai-lầm nào bằng. Những cuộc đại-cách-mạng từ xưa đến nay trong lịch-sử loài người há không phải vì mục-đích « tồn hữu dư, bỏ bất túc » để lập lại công-bình trong xã-hội là gì ? Cho nên « vô-vi » theo cái nghĩa tích-cực của nó, có nghĩa là « khử thậm, khử xa, khử thái », nghĩa là trừ-khử những gì thái-quá, đồng-thời nâng-đỡ những gì bất-cập. Như thế sao ta có thể quan-niệm rằng vô-vi là « không làm gì cả », là « khử khử bất-động », như phần đông xưa nay đã hiểu.

Mục-đích cách-mạng tuy có một, lập lại quân-bình trong xã-hội, — nhưng phương-tiện thì có khác với người đời : trong phương-pháp đấu-tranh để lập lại quân-bình trong xã-hội, ông chủ-trương phương-pháp « bất tranh nhi thiện thắng ». Đâu phải ông chủ-trương không tranh-đấu, mà tranh-đấu bằng phép « nhu thuật » : *nhu nhược thắng cương cường* ». Phương - pháp tranh-đấu « đề kháng bất

bạo-dộng" của Gandhi đã khuynh-đảo một đế-quốc mạnh nhất của Âu-Tây không phải là một kinh-nghiệm cụ-thể của phương-pháp «bất tranh nhi thiện thắng» của Lão-Tử sao? Kia như những trận «cuồng-phong bão-tổ» của giới tự-nhiên há không phải là những hiện-tượng đề lập lại quân-bình của tạo-hoá ư? Vậy, quan-niệm hai chữ *Vô-vi* của Lão-Tử là một sự «im-lìm bất-động» và «cam chịu» là quan-niệm một cách vô-cùng sai-lạc.

Hành-động bằng *Vô-vi* là một phương-pháp cách-mạng vĩ-đại, không phải ai ai cũng có thể làm được một cách dễ-dàng. Phải là người đã cách-mạng được bản-thân, đã là người «*vô kỳ, vô công, vô danh*», gột sạch tư-tâm, tư-dục mới có thể thi-hành nổi mà thôi. Người theo chủ-nghĩa *Vô-vi* phải là người có một tinh-thần cách-mạng rất cao đối với bản-thân và xã-hội, không biết khuất-phục một uy-quyền nào cả, vì họ là Đạo. Quan-niệm rằng *Vô-vi* là một thái-độ an-phận trước những sự thái-quá hay bất-cập, trước những bất-công xã-hội là quan-niệm hết sức sai-lầm.

Lão-Tử là một nhà đại-cách-mạng về tư-tưởng đã làm đảo-lộn cả một nền hệ-thống giá-trị thông-thường: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, của Nho-gia, nhưt là Mặc-gia. «*Đại Đạo phế, hữu Nhân, Nghĩa... Huệ Trí xuất, hữu đại nguy...*» (Đạo lớn mất, mới có Nhân Nghĩa, Trí Huệ sanh, mới có đối-trá) 大道廢，有仁義，慧智出，有大偽 (XVIII). Ông lại trọng Đạo Đức mà khinh Nhân Nghĩa: «*thất Đạo nhi hậu Đức, thất Đức nhi hậu Nhân, thất Nhân*

nhĩ hậu Nghĩa, thất Nghĩa nhĩ hậu Lễ... Phù Lễ giả, trung tín chi đạo, nhĩ loạn chi thủ 失道而後德, 失德而後仁, 失仁而後義, 失義而後禮。夫禮者忠信之薄而亂之首。 (XXXVIII). (Mất Đạo rồi mới có Đức, mất Đức rồi mới có Nhân, mất Nhân rồi mới có Nghĩa, mất Nghĩa rồi mới có Lễ... Lễ chỉ là cái vỏ mỏng che ngoài của lòng Trung-Tín và là cái đầu mối của hỗn-loạn).

Nhưng cuộc cách-mạng của ông là một cuộc cách-mạng ở bản-thân, ở nội-tâm trước nhất. « *Tri nhơn giả tri ; tự tri giả minh. Thẳng nhơn giả hữu-lực ; tự thẳng giả cường.* » 知人者智, 自知者明。勝人者有力, 自勝者強。 (XXXIII)

Dù là Nho-gia, cái đạo của người quân-tử cũng là « *đi tu thân vi bản* », mà Phật-gia, cũng lấy sự « *tự-giác-nhi-giác-tha* » làm đầu mối. Vô-vi của Lão-Tử, không phải là thái-độ tiêu-cực của những người yếm-thế hay phản-thế. Vô-vi là không làm gì trái với tự-nhiên, không đề thân tâm lụy vì ngoại-vật, tức là gìn-giữ thiên-chân, không đem tư-tâm mà can-thiệp đến việc người.

Cái mà người thường gọi là văn-minh lại chỉ là những lẽ-lối suy-tư hoạt-động ngược lại với Đạo Trời, tức là với cái Đạo Tự-nhiên : càng tăng-gia trí xảo, càng kích-thích tham-dục, lại càng làm cho nhân-dân khó trị và dễ sa vào tội ác : « *dân chi nan trị, dĩ kỳ trí đa* » 民之難治以其智多 (LXV), (dân mà khó-trị, là vì họ đa mưu túc trí). Trị nước, Lão-Tử muốn để cho nhân-dân sống theo tự-nhiên, và chỉ có

phương-pháp « vô-vi nhi trị » là đem lại được hạnh-phúc cho con người.

Xem ngay cách trị-nước của các bậc Vua Chúa đương-thời, Lão-Tử nhận thấy rằng : nhà cầm-quyền càng gia-tăng luật-pháp, càng bày ra nhiều điều cấm-ky, thì dân chúng lại càng bị công-trối khổ - sở, càng sinh ra tham-gian trá-nguỵ. « *Thiên hạ đa ky huỷ, nhi dân di bần ; dân đa lợi khí, quốc gia tư hôn ; nhân đa kỹ xảo, kỳ vật tư khởi ; pháp lệnh tư chương, đạo tắc đa hữu* » 天下多忌諱而民彌貧，民多利器國家滋昏，人多伎巧奇物滋起，法令滋彰盜賊多有 (LVI). (« Thiên hạ mà nhiều kiêng - cử thì dân càng nghèo ; dân mà nhiều lợi khí, nước nhà thêm tăm-tối ; con người mà nhiều khéo-léo, các vật lạ càng sanh thêm ; pháp-lệnh mà càng rõ-ràng, thì trộm cướp lại càng nhiều thêm »).

Như vậy, người trị nước nếu muốn cứu-vãn tình-thế đời-truy ấy, đâu cần phải dùng đến Trí, Mưu hay thao-lược mà làm gì, mà phải tự mình đem cái gương diêm-tĩnh vô-vi mà cảm-hoá : « *ngã vô-vi nhi dân tự-hoá, ngã hiếu tĩnh nhi dân tự chính, ngã vô sự nhi dân tự phủ, ngã vô dục nhi dân tự phúc* » (ta không làm gì, mà dân tự hoá ; ta thích thanh-tĩnh mà dân tự ngay thẳng ; ta không làm việc gì mà dân tự giàu ; ta không ham muốn gì mà dân tự trở nên thực-thà). 我無為而民自化，我好靜而民自正，我無事而民自富，我無欲而民自撝。 (LVII).

Ông lại nói : « Chánh lệnh mà lơ-mờ giả-tàng thì dân thuận-hậu ôn-hoà ; chánh lệnh mà dèm-dở xoi-bói

thì dân lại thiếu lương-thiện thực-thà» (kỳ chánh muốn-muốn, kỳ dân thuần - thuần; kỳ chánh sát-sát, kỳ dân khuyết - khuyết) 其政悶悶，其民淳淳，其政察察，其民缺缺 (LVIII).

Dân số-di càng ngày càng xa lẫn với đời mộc-mạc ôn-thuần, là vì người trên đã bày thêm nhiều thị-hiệu khiêu-gọi lòng tham-dục vô bờ-bến của chúng nhân. Họ tôn-trọng bậc hiền-tài để lợi-dụng khả-năng, nhưng đồng thời, họ tạo nơi lòng chúng nhân những tánh tranh danh đoạt lợi. Bởi vậy ông mới khuyên các nhà lãnh-đạo: «Bất thượng hiền, sử dân bất tranh; bất quý nan đắc chi hoả, sử dân bất vi đạo; bất kiến khả dục, sử dân tâm bất loạn. Thị dĩ thánh-nhơn chi trị, hư kỳ tâm, thực kỳ phúc...» 不尚賢使民不爭，不貴難得之貨使民不為盜，不見可欲使民心不亂。是以聖人之治，虛其心，實其腹。(III). (Không trọng người hiền, khiến lòng dân không tranh nhau; không quý của khó đặng, khiến lòng dân không trộm cướp; không phô điều ham-muốn, đó là khiến cho lòng dân không loạn. Cái phép cai - trị của Thánh-nhơn thì làm cho «lòng dân trống» mà cái «bụng dân đầy») (虛其心，實其腹).

Làm cho «lòng dân trống» là làm cho lòng dân không tham-dục. Làm cho cái «bụng dân đầy» là làm cho dân no-ấm, không vì cơ-hàn mà sanh ra tham-dục.

Lão-Tử lại còn cho kẻ dùng «trí-thuật» mà trị nước, là hạng người làm loạn trong nước, là kẻ làm hại cho

nước. Vì, khi đã dùng trí-thuật, thì trên trí mưu, dưới cũng trí mưu, dòm-ngó nhau, gin-giữ nhau. Nhân đó, trá-nguỵ sanh trá-nguỵ, thiên-hạ thành ra đa-đoan đa-sự : « Cồ chi thiện vi Đạo giả, phi dĩ minh dân, tương dĩ ngu chi ; — dân chi nan trị, dĩ kỳ trí đa. Cồ dĩ Trí trị quốc, quốc chi tặc ; bất dĩ Trí trị quốc, quốc chi phúc ». (Kẻ khéo hành Đạo ngày xưa, không làm cho dân sáng, mà làm cho dân ngu ; — dân mà khó trị, vì họ nhiều trí-không. Bởi vậy, kẻ dùng Trí mà trị nước, là cái tai-vạ của nước ; kẻ không lấy Trí mà trị nước, là cái phúc của nước). 古之善爲道者非以明民，將以愚之，民之難治，以其智多。故以智治國，國之賊。不以智治國，國之福。(LXV).

Vì vậy, Lão-Tử đề-nghị : « Tuyệt thánh khí trí, dân lợi bách bội ; tuyệt nhân khí nghĩa, dân phục hiệu từ ; tuyệt xảo khí lợi, đạo tặc vô hữu ». 絕聖棄智，民利百倍；絕仁棄義，民復孝慈；絕巧棄利，盜賊無有 (XIX). (Dứt thánh bỏ trí, dân lợi trăm phần ; Dứt nhân bỏ nghĩa, dân lại thảo lành ; Dứt xảo bỏ lợi, trộm cướp không có). Có được như vậy, thì người ta mới có thể « ăn ở giản-dị và chất-phác ; ít tư-riêng và ít tham-dục » (kiến tổ bảo phác, thiểu tư quá dục) 見素抱樸。少私寡欲。

Đứng về phương-diện cá-nhân, Lão-Tử chủ-trương sự « bất cảm vi thiên hạ tiên » 不敢爲天下先 và « bất tranh nhi thiện thắng » 不爭而善勝, đánh-dỗ sự dùng bạo - lực hay uy - quyền mà can-thiệp đến việc người. Đứng về phương-diện chánh-trị quốc-

tế ông cũng bài-bác triết-đề chiến-tranh dưới mọi hình-thức: «Phù giai binh giả, bất tường chi khi; cố hữu đạo giả bất xử... Bất đắc dĩ nhi dụng chi, diêm-đạm vi thượng. Thắng nhi bất mỹ, nhi mỹ chi giả, thị lạc sát nhơn. Phù lạc sát nhơn, tắc bất khả dĩ đắc chi ư thiên-hạ hi!» 夫佳兵者不祥之器，故有道者不處。不得已而用之，恬淡爲上。勝而不美。而美之者，是樂殺人。夫樂殺人則不可以得志於天下矣。(XXXI). «Ồi quân binh tốt đẹp, là cái món không lành! Bởi vậy bậc Thánh-quân trị nước mà hữu Đạo không dùng đến. Nhưng nếu bất-đắc-dĩ mà phải dùng, thì nên binh-tình diêm-đạm. Thắng được cũng không tốt gì. Thế mà cho đó là tốt đẹp, tức là vì thích giết người. Ồi! kẻ thích giết người, thì không thể đắc chí ở giữa thiên-hạ vậy.»

Ông lại nói: «Kẻ lấy Đạo mà giúp Vua, không nên dùng đến binh mà cưỡng hiếp thiên-hạ... Chỗ nào quân-gia ở, tất gai-gốc mọc đầy; sau những trận tranh-hàng đi phải nhiều năm mới khó. (Đi Đạo tá nhơn chủ giả, bất dĩ binh cưỡng thiên-hạ... Sư chi sở xử, kinh cực sinh yên; đại quân chi hậu, tất hữu hung niên». 以道佐人主者不以兵強天下，師之所處荆棘生焉。大軍之後必有凶年 (XXX).

Nhà cầm quyền trị nước, lại cũng cần phải cần-kiệm, không nên xa-xi... Xa-xi quá, tất phải sưu cao thuế nặng để cung-phụng cho nhóm cầm mạng-vận của nhân-dân: «Dân chi cơ, dĩ kỳ thượng thực thuế chi đa». Phải biết «tồn hữu dư» mà «bổ bất túc», chứ không nên «tồn bất túc» mà «bổ

hữu dư » làm cho giàu nghèo quá chênh-lệch. Bởi vậy, ông mới bảo : « *Ngũ hữu tam bảo, tri nhi bảo chi ; nhất viết Tì, nhì viết Kiệm, tam viết bất cảm vi thiên-hạ tiên...* » (Ta có ba của báu, hàng năm giữ không buông : một là Tì, hai là Kiệm, ba là không dám đứng trước thiên-hạ) 我有三寶持而保之，一曰慈，二曰儉，三曰不敢為天下先。(LXVII)

« Tì » nên xem mọi người như mình, không riêng gì kẻ lành người dữ, nên chỉ không bao giờ có kẻ thù ; « Kiệm », nên không xa-xí, không khêu-gọi lòng tham-dục của con người và làm nên đại sự ; « không dám đứng trước thiên-hạ », mới có thể cầm đầu thiên-hạ. Kẻ có lòng Tì, tức là người đại-dũng, dám xem người thù như người bạn, dám tha-thứ những điều gì mà người đời không thể tha-thứ. Kiệm, thì luôn luôn làm gì cũng mực-độ, nên lòng dạ quảng-dại quang-minh : kẻ xa-xí là người ích-kỷ. « Tì có năng dũng, kiệm có năng quảng ». 慈故能勇，儉故能廣 (LXVII).

Xã-hội lý-tưởng của Lão-Tử là một « *tiểu quốc, quá dân* » (...) « *cam kỳ thực ; mỹ kỳ phục ; an kỳ cư ; lạc kỳ tục* » (được ăn món ăn ngon của chỗ đó, mặc đồ đẹp của chỗ đó ; yên-đn nơi chỗ mình ở đó ; vui với phong-tục của chỗ đó). Có thể với quan-niệm này, Lão-Tử là người đầu-tiên chủ-trương thể-chế liên-bang (fédéralisme) như ngày nay, trong đó mỗi tiểu-bang được quyền sống theo phong-tục, tập-quán của địa-phương mình : « *cam kỳ thực ; mỹ kỳ phục ; an kỳ cư ; lạc kỳ tục* ». Muốn thực-hiện được thể-chế ấy thì mỗi phần-tử trong liên-bang phải là một nước nhỏ « *tiểu quốc, quá dân* ». Một nước to rộng không thể thực-hiện được. Người chúng ta ngày trước đã phần nào thực-hiện chủ-trương ấy của Lão-Tử trong chế-độ : « Phép Vua, thua lệ làng ».

Lão-Tử cũng đâu phải khuyên ta trở về với xã-hội cổ-sơ, đâu phải ông chủ-trương thuyết phục-cổ, mà thực-sự ông muốn khuyên ta trở về với một xã-hội văn-minh giản-dị, hồn-nhiên, không có những phiền-phức đa-đoan của những thứ văn-minh giả-tạo dùng Trí Mưu để mà trị nước.

ĐẠO - ĐỨC - KINH

CHƯƠNG I

I

道 可 道 非 常 道
A.— Đạo khả đạo, phi thường Đạo;
名 可 名 非 常 名
Danh khả danh, phi thường Danh.

無 名 天 地 之 始
B.— Vô - danh thiên - địa chi thi;
有 名 萬 物 之 母。
Hữu - danh vạn - vật chi mẫu.

故
C.— Cổ,
常 無 欲 以 觀 其 妙
Thường vô dục, dĩ quan kỳ diệu;
常 有 欲 以 觀 其 微
Thường hữu dục, dĩ quan kỳ diệu.

	此	兩	者	同
D.—	Thử	lưỡng	giã	đồng,
	出	而	異	名。
	Xuất	nhi	dị	danh.
	同	謂	之	玄
	Đồng	vị	chi	Huyền.
	玄	之	又	玄
	Huyền	chi	hựu	Huyền,
	衆	妙	之	門。
	Chung	diệu	chi	môn.

. . .

DỊCH NGHĨA

- A.— Đạo (mà ta) có thể gọi được, không (còn) phải là Đạo «thường»;
 Danh (mà ta) có thể gọi được, không (còn) phải là Danh «thường».
- B.— Không-tên, là gốc của Trời-Đất;
 Có-tên, là mẹ của Vạn-Vật.
- C.— Bởi vậy,
 Thường không tư-dục, mới nhận được chỗ
 huyền-diện của Đạo;

*Thường bị tư-dục, nên chỉ thấy chỗ chia-lìa
của Đạo.*

D.— Hai cái đó, đồng với nhau ;
Cùng một gốc, tên khác nhau.
Đồng, nên gọi Huyền.
Huyền rồi lại Huyền,
Đó là cửa vào ra của mọi huyền-diện trong
Trời-Đất.

* * *

BÌNH - CHỮ

A— Đạo 道 là một danh-từ cường-dụng để chỉ cái lẽ Tuyệt-đối, cái bản-thể của Trời-Đất. Vì là một lẽ Tuyệt-đối nên không thể dùng đến một danh-từ tương-đối nhị-nguyên mà ám-chỉ. Đã dùng đến một danh-từ tương-đối nhị-nguyên mà gọi tên, tức không còn phải là cái Đạo vĩnh-cửu, bất-biến, tuyệt-đối nữa. « Thường » 常 có nghĩa là vĩnh-cửu, bất-biến.

Câu « danh khả danh phi thường danh » 名可名非常 đồng một ý-nghĩa như câu trên. Đây là nguyên-lý đẻ ra thuyết « Vô-danh » 無名 của Lão-Tử. Danh-từ, bất-luận để ám-chỉ vật gì, đều có cái nghĩa hạn-định của nó, cho nên không thể nào dùng đến một tiếng gì trong giới nhị-nguyên tương-đối để trở vào cái lẽ tuyệt-đối thường-tồn và bất-

biến. Ta đã thấy đây là đối-phương của thuyết « Chánh danh » (正名) của Nho-gia.

Tại sao Lão-Tử chủ-trương Vô-danh 無名 ? Là vì như sau đây ta sẽ thấy, theo Lão-Tử, hễ có Thiện là có Ác, có Thi là có Phi... Cho nên không thể chánh-danh được, bởi không có danh-từ nào tuyệt-đối, vì thật ra Phải hơn Quấy, Tốt hơn Xấu, Khôn hơn Dại thì có gì là thật Phải, thật Tốt, thật Khôn đâu mà nói. Và cũng vì thế mà Lão-Tử mới chủ-trương « Bất - ngôn chi giáo » ở chương sau đây.

Ngay câu đầu này Lão-Tử đã chỉ-định rõ-rệt lập-trường triết-lý của ông.

B. — « Không-tên » (Vô-danh) (無名) là cái thể 體 ; « Có-tên » (Hữu-danh) (有名) là cái tướng 相. « Không-tên » là chỉ về thời-kỳ « tiên-thiên », Đạo chưa hiển-lộ ra. « Có-tên » là chỉ về thời-kỳ « hậu-thiên », lúc mà Đạo đã hiển-lộ ra. « Có-tên » là chỉ về thời-kỳ « hậu-thiên » lúc mà Đạo đã hiển-lộ ra, cùng một ý với chữ « danh tướng » 名相 của nhà Phật. Đây cũng là ý-nghĩa của câu « Hữu sanh ư Vô » 有生於無 của Lão-Tử sau này. Câu 1 và 2 thừa tiếp nhau: câu trên là thể 體, câu dưới là tướng 相.

C. — « Không tư-dục » (vô-dục) 無欲 tức là không bị tư-tâm (cái tâm sai-biệt) sai-sử, không phân nhĩ ngã.. thì mới nhận thấy được chỗ Một của vạn-sự vạn-vật trên đời, tức là chỗ nhất-nguyên huyền-diệu của Đạo.

« Bị tư-dục » (hữu-dục) 有欲 tức là bị tư-tâm khu-sử...thì chỉ nhìn thấy vạn-thù sai-biệt bên ngoài của sự-vật trên đời.

Chữ « dục » của Lão-Tử dùng đây là ám-chỉ tư-dục do nhân-kiến nhị-nguyên gây ra.

Diệu 妙, nghĩa là tinh-vi, rất nhỏ đến không thể phân-biệt được ranh-giới; — chữ kiếu 敎 nghĩa là sai biệt cái chỗ chia phân ranh-giới (đồng nghĩa với chữ 畧 (khúc) là vụn-vật (connaissance fragmentaire).

D.— Đoạn này thêm ý cho đoạn trên, lại cũng là đoạn cực-kỷ quan-trọng, nói lên sự bình-đẳng của 2 nguyên-lý Âm Dương, nghĩa là của tất-cả mọi cặp mâu-thuân trên đời.

« Thử lưỡng giả đồng » : 此兩者同.

« Hai cái đó » là ám-chỉ « Vô-danh » và « Hữu-danh », « vô-dục » và « hữu-dục » ... thật sự không phải là hai mà chỉ là một: nó là bề mặt bề trái của một tấm huy-chương, nói theo danh-từ ngày nay. « Hai cái đó, đồng với nhau », tên tuy khác nhau, nhưng đồng một gốc mà ra, đeo dính nhau làm một khối.

Đây là then-chốt của triết-học Lão-Tử : cái học Huyền-đồng 玄同 của ông mà Trang-Tử đã diễn rộng ở thiên Tề-Vật.

— « Đồng vị chi Huyền » 同謂之玄

(Đồng với nhau, nên gọi là Huyền).

Huyền 玄 nghĩa đen là đen-tối, sâu-kín, hoà lẫn một màu; nghĩa bóng là không thể phân-biệt được giữa cái Vô và cái Hữu, vì nó đã « đồng với nhau » (thử lưỡng giả đồng) về phẩm cũng như về sự hiện-hữu, « đồng xuất » không cái nào có trước cái nào : cả hai đều là điều-kiện lẫn nhau, hề có cái này là vì có cái kia. Xem chương II giải rõ lẽ ấy.

Cái « huyền » rồi lại « huyền » hơn nữa. Đó là chỗ vào ra biến-hoá của vạn-vật trong Vũ-trụ. Âm-chỉ Đạo.

* * *

Chương này là nền-tảng của toàn thể quyển Đạo-Đức-Kinh có thể chia ra làm 2 phần :

Phần thứ nhất gồm các đoạn 1-2 bàn về *Thế* 世 và *Tướng* 相 của Đạo ;

Phần thứ hai gồm các tiểu-đoạn 3-4-5-6 bàn về tác-dụng của Đạo, tức là phương-pháp để đi đến sự 玄 即 « huyền-dồng ». Đoạn 4 bổ-túc ý-nghĩa đoạn trên. Đoạn 5 bổ-túc ý-nghĩa câu 4. Câu 6 dọn đường cho các chương sau.

Chương này đề-cao giá-trị của sự LẶNG-THINH (Silence), của công-dụng chữ TỊNH, nền-tảng của Đạo-học Đông-Phương vượt khỏi Lý-Trí và Văn-Tự.

TỊNH, là nắm vững luật Quân-bình (Đạo) để mà « đi bất biến, ứng vạn biến ».

* * *

So-sánh câu « Đạo khả đạo, phi thường Đạo... » với câu này của A. Ferrière : « Le TOUT ne peut être défini, puisqu'il cesserait d'être le TOUT. Le défini est fini ; seul l'Indéfini s'ouvre vers L'INFINI » (*Libération de l'homme*, p. 51).

* * *

CHƯƠNG II

(2)

天 下

A.— 1.

Thiên - hạ

皆 知 美 之 爲 美，
Giai tri mỹ chi vi mỹ,
斯 惡 已，
tur ác dĩ；

皆 知 善 之 爲 善，
Giai tri thiện chi vi thiện，
斯 不 善 已。
tur bất thiện dĩ.

故

2.

Cổ

有 無 相 生，
Hữu Vô tương sanh，

難	易	相	成，
Nan	Dị	tương	thành,
長	短	相	形，
Trưởng	Đoản	tương	hình,
高	下	相	傾，
Cao	Hạ	tương	khuyên,
音	聲	相	和，
Âm	Thinh	tương	hoà,
前	後	相	隨。
Tiền	Hậu	tương	tuỳ.

B.—

是	以	聖	人	
Thị	dĩ	Thánh	-	nhơn
處	無	爲	之	事，
Xử	vô	-	vi	chi sự,
行	不	言	之	教。

a) Hành bất - ngôn chi giáo.

萬物作焉而不辭，
b) Vạn - vật tác yền nhi bất từ,

生而不有，
c) Sanh nhi bất hữu,

爲而不恃，
d) Vi nhi bất thị,

功 成 而 弗 居。
 c) Công thành nhi phát cư.
 夫 唯 弗 居,
 Phu duy phát cư,
 是以 不 去。
 Thi dĩ bất khứ.

* * *

DỊCH NGHĨA

A.—1. Thiên-hạ đều biết tốt là tốt,
 Thì đã có xấu rồi;
 Đều biết lành là lành,
 Thì đã có cái chẳng lành rồi.

2. Bởi vậy,
 Có với Không cùng sanh,
 Khó và Dễ cùng thành,
 Cao và Thấp cùng chiều,
 Giọng và Tiếng cùng hoạ,
 Trước và Sau cùng theo.

B.— Vậy nên, Thánh-nhơn
 Dùng «Vô-vi» mà xử sự,

*Dùng "bất-ngôn" mà dạy-dỗ
 Để cho vạn-vật nên mà không cần,
 Tạo ra mà không chiếm- đoạt,
 Làm mà không cậy công;
 Thành-công mà không ở lại.
 Vì bởi không ở lại,
 Nên không bị bỏ đi*

*
*
*
BÌNH-CHÚ

A.— Sự vật trong thiên-hạ như tốt xấu, lớn nhỏ, dài ngắn, sướng khổ... đều đo đối-đãi mà có. Phàm có tốt phải có xấu, có lớn ắt phải có nhỏ, có dài phải có ngắn, có sướng ắt phải có khổ. Việc gì cũng có bề trái cả.

Có tốt thì có xấu, có sướng thì có khổ... là vì thực-sự gọi rằng tốt là tốt hơn cái xấu, xấu hơn cái tốt... mà thôi. Mà thường-tình của thiên-hạ thì cầu tốt bỏ xấu, nguyện sướng xá khổ... nên mới sanh ra lắm việc. Phải hay quấy là một giá-trị tương-đối, không có giá-trị nào tuyệt-đối. Huống chi Phải Quấy, Tốt Xấu là điều-kiện lẫn nhau cũng như Âm Dương, Tối Sáng... không thể rời nhau mà đơn phương tồn-tại.

B.— Thánh-nhơn biết thế nên không thiên hấn bên nào, lấy "Vô-vi" mà xử sự, lấy "bất-ngôn" mà dạy đời.

Vô-vi 無為, không phải là "không làm" như người ta thường hiểu, mà là "làm theo Đạo" nghĩa là có chỉ dạy thì dùng đến phép "bất-ngôn chi giáo", "để cho vạn-vật nên mà không cần, sống mà không chiếm- đoạt, làm mà không cậy công, thành-công mà không ở lại".

a) *Bất ngôn 不言* cũng không phải là không nói, mà không nói đến Thị Phi, Thiện Ác, bởi nói Thị thì Phi dấy lên, nói Thiện thì Ác dấy lên. "*Bất ngôn chi giáo*" cũng có nghĩa là giáo-lý không có giáo-điều cố-định. Đó là nghĩa thứ nhất của Vô-vi.

b) *"... Để cho vạn-vật nên mà không cần"* là để cho vạn-vật yên trong chỗ sanh-thành tự-nhiên mà không dụng tư-tâm xen vào sự tự-sinh tự-hóa của nó; đó là nghĩa thứ hai của Vô-vi.

c) *"Tạo ra mà không cho là của mình"*, giúp cho vạn-vật sống theo chúng mà không chiếm làm của riêng; đó là nghĩa thứ ba của Vô-vi.

d) *"Làm mà không cậy công"* hành-động tự-nhiên giúp đời mà không cho đó là công riêng của mình, không tin-tưởng rằng không có mình thì trong thiên-hạ sẽ không còn ai làm được. Đó là nghĩa thứ tư của Vô-vi.

e) *"Thành-công mà không ở lại"* vì những lẽ đã nói trên. Tức là chỗ sau này Lão-Tử bảo : "Công toại thân thoái, thiên chi đạo" (功遂身退天之道) (IX). Đó là nghĩa thứ năm của Vô-vi.

"Vì bởi không ở lại, nên không bị bỏ đi" : Thánh-nhon là kẻ biết rõ cái đạo "*cao hạ tương khuynh*" tức là cái đạo "*vật cùng tác biến, vật cực tác phản*" đã nói ở trên (1-2), nên tác-động không thể để cho nó khuynh-đảo, biến-thiên, phản-phức... Vì vậy mà "*công thành nhi phát cư*", và đã không ở lại, làm sao bị bỏ đi.

Toàn chương bàn về hai chữ Vô-vi, hành-vi của con người "vô-kỷ", "vô-công" và "vô-danh". Vô-kỷ nên "vạn-vật tác yên nhi bất từ", "sinh nhi bất hữu", Vô-danh, nên "vi nhi bất thị". Vô-công, nên "công thành nhi phát cư".

Chương này thừa thừa tiếp hạ, văn-khí nhất-quán, tiếp theo chương nhất mà bày-giải cái luật mâu-thuẫn trên đời.

Đoạn 1 và 2 thừa tiếp nhau, một nhân một quả. Đoạn B bày-giải hành-vi của Thánh-nhơn do sự nhận-định nguyên-lý mâu-thuẫn tương-đồng của đoạn 1-2 : giải cái nghĩa "Vô-vi chi sự". Văn-từ ý-tưởng đối nhau chan-chát.

Các chương khác trong quyển sách phần nhiều là để giải-thích 2 chương trên đây mà thôi.

*
* *

Đoạn A trên đây, được giải thêm ở chương 22 : "Khúc tắc Toàn...". "Khúc", là phần phiên-diện của cái Toàn (Đạo). Hữu-Vô, Nan-Dị, Trường-Đoản, Cao-Hạ, Âm-Thỉnh, Tiên-Hậu... Phải là danh-từ kép, thành một khối bất-khả-phân. Tách rời ra, mỗi danh-từ Hữu hay Vô, Nan hay Dị, v.v... chỉ là một thực-tại phiên-diện (khúc 曲).

Người có một sự hiểu-biết phiên-diện theo nhị-nguyên, gọi là "khúc sĩ" 曲士.

*
* *

CHƯƠNG III

(7)

A.	不 Bất	尚 thượng	賢 hiền,				
		使 Sử	民 dân	不 bất	爭, tranh;		
	不 Bất	貴 quý	難 nan	得 đắc	之 chi	貨 hoá,	
		使 Sử	民 dân	不 bất	爲 vi	盜。 đạo.	
B.	不 Bất	見 kiến	可 khả	欲 dục,			
		使 Sử	民 dân	心 tâm	不 bất	亂。 loạn.	
	是 Thì	以 dĩ	聖 thánh	人 nhơn	之 chi	治, trị,	
			處 Hư	其 kỳ	心, tâm		

	實	其	腹，			
	Thực	kỳ	phúc,			
	弱	其	志，			
	Nhược	kỳ	chí			
	強	其	骨，			
	Cường	kỳ	cốt,			
常	使	民	無	知	無	欲，
Thường	sử	dân	vô	tri	vô	dục,
使	夫	智	者	不	敢	為也。
Sử	phù	trí	giả	bất	cảm	vi dã.
		為	無	為		
C.—		Vi	vô	vi,		
		則	無	不	治，	
	Tác	vô	bất	trị,		

. . .
DỊCH NGHĨA

- A.— Không tôn bậc hiền tài, khiến cho dân không tranh-giành ;
 Không quý của khó đặng, khiến cho dân không trộm cướp ;
 Không phó điều ham muốn, khiến cho lòng dân không loạn.

B.— Vì vậy, cái trị của Thánh-nhơn (là làm cho dân) :

Hư lòng,

Nô dạ,

Yếu chí,

Mạnh xương.

Thường khiến cho dân không biết, không ham,
Khiến cho kẻ trị không dám dùng đến cái khôn
của mình.

C.— (Nếu) làm theo Vô-vi, đi không có gì là
không trị.

BÌNH-CHÚ

A.— « Bất thượng hiền sử dân bất tranh » 不尚賢
使民不爭.

Trong « bất hiền-tài », tức là xúi-giục lòng dân tranh-
giành làm bậc hiền-tài để được người người quý-trọng.

Quý « của khóặng », tức là xúi-giục lòng dân tranh-
giành chiếm-đoạt để được người người thêm muốn món-đồ
sở-hữu khó kiếm của mình. Trộm-cướp nhân đó mà nổi
lên vì bậc trị nước đã gọi được lòng tham của con người.

Tóm lại, hề còn đem những gì làm cho người người
thèm muốn mà tranh-giành nhau, là khơi nguồn cho trộm
cướp, chiến-tranh.

« *Bạc hiên-tài* », cũng như « *củ khó động* » là những cái « *mồi* » làm cho lòng dân sanh loạn. Nó có khác nào những chất củi khô làm bởi cho ngọn lửa tham-dục dấy lên. Vậy *trị loạn* (tích-cực) sao bằng *phòng loạn* (tiêu-cực): rút củi ra thì lửa tắt đi.

« *Không tôn bực hiên-tài* », « *không quý của khó động* », không phổ-trương những điều mà lòng người tham-muốn, đó là phép để dứt nguồn tham-muốn của dân.

B. — « *Hư kỳ tâm, thực kỳ phúc* » 虛其心，實其腹.

« *Hư lòng* » là « *lòng không-không* », là lòng không tham-dục vì không bận-mắc trong Thị Phi, Thiện Ác, Vinh Nhục . . . nữa. « *Hư* » đây, đồng với chữ « *không* » của nhà Phật, tức là cái « *Tâm Chân-Không* ».

« *No dạ* », khiến cho người no-ấm, không vì cơ-hàn mà sanh ra tham-dục.

« *Nhược kỳ chí* » 弱其志 : « *Yếu chí* ». « *Chí* » 志 đây là sức cố-gắng, là âm-chỉ tham-vọng để chiếm-đoạt cho kỳ được tham-vọng. « *Yếu-chí* » là làm cho lòng tham-đoạt không chỗ dùng mà yếu đi. Kẻ biết hành-động theo Vô-vi thì thuận với tự-nhiên mà làm. Thuận với tự-nhiên mà làm thì không hay là cố làm, đâu cần gì ý-chí ? Lấy nhơn-lực, dụng tự-tâm mà cưỡng lại với tự-nhiên thì phải dùng đến chí. Không dụng tự-tâm, hợp nhơn-lực với thiên-lực mà thuận với tự-nhiên thì đâu phải dùng đến chí nữa. Cá và nước, thuận với nhau nên cá không hay là có nước, cá đâu cần phải cố-gắng ? Hành-động mà đến chỗ hoàn-toàn, là làm mà không hay là mình làm, làm một cách tự-nhiên, mà nhà Phật gọi là hành-động « *vô-tâm* ».

« Cường kỳ cốt » 強其骨 : « Mạnh xương » là được dồi-dào sức-khỏe. Kẻ bạc-nhược là kẻ thường có tâm-cảm tự-tỷ, cho nên dễ có nhiều lòng tham-vọng.

« Sử uận vô-tri, vô-dục » 使民無知無欲 : « Khiến cho dân không biết, không tham » : « Biết » đây là ám-chỉ sự hiểu-biết thông-thường, cái biết về thị phi, thiện ác... nguồn-gốc của sự đèo-bòng tham-muốn, đó là cái mà Trang-Tử gọi là « tiểu-tri », cái biết vụn-vặt chi-lý của lý-trí chứ không phải cái « đại-tri », cái biết bao gồm tổng-quát của trực-giác.

Nếu đã « vô-tri » 無知 thì sẽ « vô-dục » 無欲 vì không đèo-bòng tham-muốn do so-sánh phân-chia vinh-nhục, lợi-hại... mà có.

Dân mà trở lại thuần-phác, không trọng hiền, không quý của khó đặng, không bị ngoại-vật lôi-cuốn... thì kẻ trí mưu xảo-quyết nường đầu mà « dám dùng đến cái « khôn » của họ ? Kẻ mà còn nhiều tham-vọng thì lấy tham-vọng mà dụ, kẻ đã tuyệt lòng tham-vọng thì còn lấy cái gì để làm rối-loạn được lòng ? Và đây cũng đồng một ý với câu « Vì ta không tranh, nên không ai tranh nổi với ta » của Lão-Tử.

(1)

C. — Kết-luận toàn chương : « Lấy Vô-vi mà trị, thì không có gì là không trị » (無為而無不治)

CHƯƠNG IV

(4)

道冲而用之或不盈，

A.— Đạo xung nhi dụng chi hoặc bất doanh ;

淵兮似萬物之宗。

Uyên hê tự vạn - vật chi tông.

挫其銳，

B.— Toả kỳ nhuệ,

解其紛，

Giải kỳ phản,

和其光，

Hoà kỳ quang,

同其塵，

Đồng kỳ trần.

湛 兮 似 或 存 ,
 C.— Trăm hề tự hoặc tồn
 吾 不 知 誰 之 子 ,
 Ngò bất tri thùy chi tử,
 象 帝 之 先 。
 Tượng đế chi tiên.

* * *

DỊCH NGHĨA

A. — Đạo thì trống-không, nhưng đồ vô mảy mà
 không đầy ;
 Đạo như vực thẳm, dường như
 tổ-tông của vạn-vật

B. — Nó làm nhứt bèn nhọt,
 Tháo gỡ rối - rắm,
 Điều - hoà ánh - sáng,
 Đồng cùng bụi - bặm.

C. - Nó trong - trời thay ! lại dường như
 trường - tồn !
 Ta không biết Nó là con ai,
 Dường như có trước Thiên-đế.

* * *

BÌNH-CHỮ

Chương này chuyên nói về cái Thề và cái Dụng của Đạo. Thề của Đạo không thề dùng lời nói mà hình-dung được, thì nguyên-thuỷ của Đạo cũng không sao nói ra được. Ta chỉ có thể hiểu Đạo dường như có trước tạo-vật, nhưng không thể biết Đạo do đâu mà ra (C).

Tuy là Hư-Không, mà dùng không hết, lấy không cùng, linh-hoạt vô-cùng (A).

Bén nhọn, rồi-rậm thì Đạo làm cho nhụt bén, gỡ rối. Đạo dung-hoà tất cả mọi trình-độ hiểu-biết về Thị Phi Thiện Ác (hoà kỳ quang), 和兵光. Đạo cũng hoà lẫn cái Trong-sạch và Nhơ-bẩn, không phân Thanh Trọc gì cả. Thế mà Đạo vẫn trong-trẻo lạ-lùng ! (B)

Thề của Đạo thật khó biết ; Dụng của Đạo thật khó hiểu... Vì vậy Lão-Tử dùng toàn những chữ không quyết-định như « hoặc » 或, « tự » 自, « ngó bất tri » 吾不知. Đúng với câu : « Danh khả danh phi thường danh » đã nêu ở chương đầu.

« Toà kỳ nhuệ, 挫兵銳

« Giải kỳ phân, 解兵紛

« Hoà kỳ quang, 和兵光

« Đồng kỳ trần, 同兵塵

(Xem chú-giải ở chương 56)



CHƯƠNG V

(5)

A.—

天 地 不 仁，
Thiên địa bất nhân,
以 萬 物 爲 芻 狗，
Dĩ vạn vật vi sô cẩu;
聖 人 不 仁，
Thánh nhơn bất nhân,
以 百 姓 爲 芻 狗，
Dĩ bách tánh vi sô cẩu.

B.—

天 地 之 間，
Thiên-địa chi gian,
其 猶 索 綯 乎！
Kỳ du thác thược hồ！
虛 而 不 屈，
Hư nhi bất khuất,

	動	而	愈	出。
	Động	nhi	dư	xuất,
	多	言	數	窮,
C.—	多	言	數	窮,
	Đa	ngôn	số	cùng,
	不	如	守	中。
	Bất	như	thủ	trung.

DỊCH NGHĨA

- A. — Trời đất không có nhân,
Coi vạn-vật như loài chó rơm ;
Thánh-nhơn không có nhân,
Coi trăm họ như loài chó rơm.
- B. — Cái khoảng giữa Trời Đất,
Giống như ống bễ.
Tuy trống không mà vô-tận,
Càng động lại càng hơi ra.
- C. — Càng nói nhiều, càng không sao nói hết được,
Thà là giữ lấy cái Trung.

BÌNH - CHỮ

A.— Bậc Thánh-nhơn, cũng như Đạo, không tư-vị ai cả, nên gọi là « bất-nhân ». Đạo là cái luật lạnh-lùng của tạo-hoá, không vì kẻ rét mà đẹp mùa đông. Đang thời thì dùng, sai thời thì bỏ, coi vạn-vật như loài chó rơm. Chó rơm là vật dùng trong khi cúng tế. Lúc đang dùng thì quý. Dùng xong thì bỏ.

« Trời đất sanh vạn-vật, như sanh cây cỏ. Xuân thì đâm chồi, thu thì rụng lá. Đang sanh thì quý, đã rụng thì bỏ đi. Xuân tới sanh lại, nhưng không còn là cây cỏ ngày xưa. Thánh-nhơn đối với trăm-họ cũng thế. Trăm họ, tức là trăm quan lãnh phần thi-hành chánh-giáo. Trăm quan ngày nay không còn là trăm quan ngày xưa, thì chánh-giáo ngày xưa cũng không dùng cho ngày nay được... Như thế, ta thấy Lão-Tử phản đối thuyết Phục-cổ, như Trang-Tử thường bài-bác Nho-gia nói Nhân Nghĩa để tăng-bớt tiên-vương... » (Theo Trần-Trụ).

Trang-Tử về sau diễn rộng nghĩa « Bất nhân » trong bài *Sô-Câu* (1).

B.— Lấy một tỉ-dụ cụ-thể để so-sánh cái dụng của Đạo như cái ống bễ của thợ rèn. Cái lòng của ống bễ thì trống không, nhưng công-dụng nó một hồ một hấp mà thành ra vô-tận, cho nên mới nói « càng động lại càng hơi ra », tức trong không mà sanh có, có có không không liên-miên bất-tuyệt. Lòng ống bễ là tượng-trưng luật quân-bình của Trời Đất: cái « không » gọi cái « có », cái « tĩnh » gọi cái « động »...

C.— Chữ « trung » 中 mà Lão-Tử dùng ở đây là

(1) Trong *Trang-Tử Nam-Hoa-Kinh* (bản dịch của Thu-Giang, trang 107).

ám-chỉ cái luật quân-bình và điều-hoà của Đạo, rất ghét cái gì thái-quá: «tồn hữu dư, bỏ bất túc».

Chính chữ «trung» ấy nó gin-giữ đòn cân Thiện-Ác không cho chênh nghiêng thái - quá về một bên nào cả. Chữ «trung» cũng có nghĩa là «hư-không», đồng nghĩa với chữ «Đạo» hay chữ «chân-không» của nhà Phật.

«Đa ngôn sở cùng», 多言寡窮 tức là «nói nhiều bao nhiêu cũng không sao nói hết được»... «Nói hết được» cái gì? «Nói hết được» cái công-dụng «vô-tận» của cái hư-không «hư nhi bất khuất» mà Lão-Tử đã vừa nói ở câu trên.

Ta nên nhớ Lão-Tử chủ-trương Hư-không 虛空 và không ngót ca-tụng công-dụng vô-tận của nó trong đời... Suốt một quyển Đạo-Đức-Kinh đều loay-quay chung-quanh cái công-dụng của hai chữ Hư-Vô, như sau đây ở chương thứ 11: «Tam thập phúc, cộng nhất cốc, đương kỳ vô, hữu xa chi dụng...» (三十福共一穀當其無有車之用)

Câu này (C) dùng đề thừa tiếp ý nghĩa của câu trên «hư nhi bất khuất», tuy cái «thê» của Đạo là «trống không» nhưng mà cái «dụng» của nó thì «vô-tận».

Chương thứ 6 sau đây sẽ bàn rộng thêm: «miên miên nhược tồn, dụng chi bất cần».



CHƯƠNG VI

(6)

A.— 谷 神 不 死，
Cốc thần bất tử,
是 爲 玄 北。
Thị vị Huyền-tân.

B.— 玄 北 之 門，
Huyền-tân chi môn,
是 謂 天 地 根。
Thị vị thiên - địa căn.

C.— 絲 絲 若 存，
Miên miên nhược tồn,
用 之 不 勤。
Dụng chi bất cần.

DỊCH NGHĨA

- A.— *Thần hang không chết,
Nén gọi Huyền-tân. (a)*
- B.— *Cửa của Huyền-tân,
Gốc rễ của Đất Trời.*
- C.— *Dùng-dặc như còn hoài,
Dùng hoài mà không hết.*

BÌNH-CHỮ

Hai chữ « cốc-thần » 谷神 và « huyền-tân » 玄北 đều là tên riêng của Đạo, chỉ cái thể « hư-không » của Đạo.

Nghiêm-Phục bàn rằng : « Vì có muốn dùng cái nghĩa hư-không của Đạo nên gọi là cốc ; vì có muốn chỉ chỗ ứng-dụng vô-cùng của Đạo nên gọi là thần ; vì có muốn chỉ các công-dụng « bất khuất » và « dư xuất » (« không bao giờ tận », « càng động càng hơi ra » của Đạo nên gọi là « bất tử ». Ba cái Đạo, đều là Đức của Đạo vậy ». Câu giải-thích này của Nghiêm-Phục rất chính-xác.

Chương này bổ-túc cho chương trên, bàn về cái thể « hư-không » của Đạo

Phái Thần-Tiên giải-thích đoạn văn trên đây cho rằng: « Hang trong núi, gọi là « cốc », trở vào chỗ « Trống-không » (hư-không). Biến-hoá vô-cùng, gọi là « thần », linh-minh « Bất-tử » là luôn luôn tinh-tảo, không mê-muội.

Còn chữ « *huyền tấn* », phái Thần-Tiên lại giải: *Huyền*, là Trời (Dương); *Tấn*, là Đất (Âm). Trời Đất hợp lại, thành *Huyền-Tấn*. Có *Huyền-Tấn* rồi, hai khí Âm Dương mới hợp nhất thành một khí Thái-Cực, khi lên khi xuống, khi lại khi qua trong chỗ Hư-Không, đó tức là « cửa của *Huyền-tấn* » (*Huyền-tấn* chỉ môn).

Nhưng đó là lối giải-thích của nhóm Đạo-giáo, không phải của nhà Đạo-học.

Huyền-tấn 玄 洞: có nghĩa là Mẹ nhiệm-mầu. *Tấn* lại cũng có nghĩa là lạch nước trong hang. Vì vậy, Pierre Leyris dịch chữ « *cốc thần* » là « l'Esprit de la Vallée », như P. Salet, Stanislas Julien, L. Wieger, Liou Kia-Hway...

Xem lại chương I, câu « hữu danh vạn-vật chi mẫu ». « *Huyền-tấn* » là gốc rễ của Đất Trời (Âm Dương), tức muốn nói: Tĩnh là gốc của Động, là gốc phát-sinh ra vạn-hữu.

So-sánh với chương 4: « Đạo xung nhi dụng chi... »

CHƯƠNG VII

A.— 天 長 地 久
 Thiên trường địa cửu.
 天 地 所 以 能 長
 Thiên địa sở - dĩ năng trường
 且 久 者
 Thả cửu giả,
 以 其 不 自 生,
 Dĩ kỳ bất tự sinh,
 故 能 長 生。
 Cố năng trường sinh.

B.— 是 以 聖 人,
 Thị dĩ Thánh - nhân
 後 其 身 而 身 先,
 Hậu kỳ thân nhi thân tiên

外	其	身	而	身	存。
Ngoại	kỳ	thân	nhi	thân	tồn.
非	以	其	無	私	耶，
Phi	dĩ	kỳ	vô	tư	da ?
	故	能	成	其	私。
	Cố	năng	thành	kỳ	tư.

* * *

DỊCH NGHĨA

A.— Trời dài đất lâu.

*Trời đất sở-dĩ dài lâu,
Là vì không sống cho mình,
Nên mới đặng trường-sinh.*

B.— Vì vậy Thánh-nhơn,

*Để thân ra sau, mà thân ở trước ;
Để thân ra ngoài, mà thân đặng còn.
Phải chăng vì không riêng tư,
Mà thành được việc riêng tư ?*

* * *

BÌNH - CHƯ

1. — *Tự sinh* 自生: Hà thượng-công nói: «tự sinh» ở đây có nghĩa là «tự tư kỳ sinh» (自私其生) (sống riêng cho mình).

Trường-cửu (長久), là lâu dài. Đây cũng là một phép xử-thế tiêu-cực của Lão-Tử: «Vi không riêng tư mà thành được việc riêng tư». Phương-pháp xử-thế này căn-cứ vào câu: «Phản giả, đạo chi động» (反者道之動) căn-bản của triết-học Lão-Tử. «Phản ngược lại, đó là cái động của Đạo». Trái với quan-niệm thông-thường của người đời: hễ muốn làm thì phải được. Lão-Tử không cho vậy là phải. Theo ông thì cái gì mình muốn làm lại không được như ý nguyện. Muốn quá «nên», thì lại dễ «hư»; muốn quá «tốt», thì lại dễ thành «xấu»... Đạo, rất ghét cái gì thái-quá, cho nên «tồn hữu dư, bỏ bất túc», «cao giả ức chi, hạ giả cử chi» để lập lại quân-bình trong Trời Đất: hễ mình muốn đi trước thì Đạo lại kéo ra sau để được quân-bình.

Vì vậy, bậc Thánh-trí muốn cho «thân ra trước» thì lại «để thân ra sau», muốn cho «thân được còn» thì lại «để thân ra ngoài», muốn được việc cho riêng mình thì lại không bao giờ lo riêng cho mình, cũng như sau này ông thường khuyên ta: «trí kỳ hùng, thủ kỳ thư» 知其雄守其雌, «trí kỳ bạch, thủ kỳ hắc» 知其白守其黑, «trí kỳ vinh, thủ kỳ nhục» 知其榮守其辱 (XXVIII), và dùng «nhu-nhược thắng cang-cường» (XXXVI), hoặc «bất tranh nhi thiện thắng» (不爭而善勝), toàn là dùng tiêu-cực mà được tích-cực.

CHƯƠNG VIII

(8)

- A.— 上 善 若 水，
Thượng thiện nhược thủy：
水 善 利 萬 物
Thủy thiện lợi vạn - vật
而 不 爭，
Nhi bất tranh，
處 衆 人 之 所 惡，
Xử chúng nhân chi sở ố，
故 幾 於 道，
Cố cơ ư Đạo.
居 善 地，
Cư thiện địa，
心 善 淵
Tâm thiện uyên，
- B.—

與	善	仁
Dữ	thiện	nhân,
言	善	信
Ngôn	thiện	tín,
政	善	治
Chánh	thiện	trị,
事	善	能
Sự	thiện	năng,
動	善	時
Động	thiện	thời.

C.— 夫 唯 不 爭，
 Phù duy bất tranh,
 故 無 尤。
 Cố vô ưu.

* * *

DỊCH NGHĨA

A.— Bậc « thượng-thiện » giống như nước ;
 Nước thì hay làm lợi cho vạn-vật mà không
 tranh.

Ở chỗ mà người người đều ghét,
 Nên gần với Đạo.

B.— Ở thì hay lựa chỗ thấp ;
 Lòng thì chịu chỗ thâm sâu ;
 Xỉ thế thì thích dùng đến lòng nhân ;
 Nói ra thì trung-thành không sai chạy,
 Sửa-trị thì chịu làm cho được thái-bình.
 Làm việc thì hợp với tài-năng,
 Cử-động thì hợp với thời-buổi.

C.— Ói, và không tranh,
 Nên không sao làm lỗi.

* * *

BÌNH - CHỮ

A.— Tánh của Nước là yếu mềm : gặp chỗ trống, thiếu thì chảy vào, gặp chỗ đầy, dư thì chảy ra ; lánh cao mà tìm thấp, ngày đêm chảy mãi không ngừng... để lấp đầy những gì trống trên mặt đất. Nó là tượng-trưng thực-hiện luật quân-bình của Trời Đất. Lên trên thì làm mưa móc, xuống dưới thì làm sông lạch. Đầu đầu cũng tưới gội thấm nhuần. Luôn luôn từng thuận, chẳng hề kháng-cự : bị cản thì dừng, mở đường thì chảy, ống thẳng bầu tròn, nhưng không mất bản - chất bao giờ. Vì vậy mới gọi « hay làm lợi cho vạn-vật mà không tranh ».

« Xử chúng nhưn chi sở ở » 處衆人之所惡 : Thiên-hạ đều ham danh mà ghét nhục, thích ở trên cao mà

ghét ở dưới thấp. Nước trái lại, lánh cao mà tìm thấp...
 « cư thiện địa » (ở thì ưa chỗ thấp...). Đây là cùng một
 ý-nghĩa với chương trên: « hậu kỳ thân nhi thân tiên »,
 chứ không phải như phần đông đã hiểu sai, cho rằng
 triết-học của Lão-Tử chủ-trương thoái-hoá và yếu-hèn.
 (Xem lại phần bình-luận ở chương trên).

B.— Chữ « thiện » 善 đây có nghĩa là ưa thích,
 thuận chịu...

« Cư thiện địa » 居善地 : ở thì ưa lựa chỗ thấp
 mà ở ;

« Tâm thiện uyên » : (心善淵) đối với lòng
 thì ưa sự hư-không, vắng lặng ;

« Dữ thiện nhân » 與善仁 : đối với người thì yêu-
 thương tất-cả, không có tình-thương riêng tư ;

« Ngôn thiện tín » 言善信 : lời nói thì thành-thực
 trung-hậu ;

« Chánh thiện trị » 政善治 : trị thiên-hạ thì vụ sự
 làm cho lòng người đừng loạn ;

« Sự thiện năng » 事善能 : làm việc thì hợp với
 tài-năng, không miễn-cưỡng, không tham-vọng những
 việc làm quá tài đức của mình. Khác với thường nhờn,
 tài đức kém mà thích địa-vị cao ;

« Động thiện thời » 動善時 : hành-vi cử-động đều
 hợp thời, vừa lúc ;

Đó là hạnh của Thánh-nhơn.

C.— Thánh-nhơn « không tranh » nên không làm-lỗi...
Đó là kết-luận của toàn chương này.

* * *

Chương này thừa tiếp chương trên, đề thêm ý-nghĩa. Ở đây Lão-Tử đề-xướng cái đạo « bất tranh », lấy nước mà ví với Đạo. Phải chăng vì muốn cầu-kỳ lập-dị ?

Người ta sở-dĩ có tranh-giành với nhau, điều - kiện đầu tiên là phải cùng đồng một quan-niệm với nhau về điều Phải lẽ Quấy. Cùng cho một vật là quý mới có sự tranh - giành với nhau. Chứ đối với một vật mà kẻ trọng người khinh thì sự đấu-tranh không còn lý-do gì tồn-tại. Huống chi Lão-Tử đã cho rằng: « thiên-hạ giai tri mỹ chi vi mỹ, tư ác dĩ ; giai tri thiện chi vi thiện, tư bất thiện dĩ », xem Thị Phi Thiện Ác như nhau, thì lạ gì khi thiên-hạ ủa nhau vào chỗ cao, riêng ông đứng nơi chỗ thấp, thiên-hạ ủa vào đứng trước, riêng ông thích đứng đằng sau : đối với ông chẳng những vì ông không cho chỗ nào vinh chỗ nào nhục, chỗ nào thấp chỗ nào cao... mà lại cũng vì ông muốn làm thế để giữ lại mức thăng-bằng trong xã-hội quá thiên về cái đạo hữu-vi tích-cực. Cho nên dù cho ai cố muốn tranh, cũng không làm sao tranh với ông được. Vì vậy, ở chương 66 sau này, ông mới nói : « dĩ kỳ bất tranh, cố thiên-hạ mạc năng dữ chi tranh » (bởi vì Nó không tranh, nên không ai tranh với Nó được). 以其不争，故天下莫能与之争。



CHƯƠNG IX

(9)

特	而	盈	之
Tri	nhi	doanh	chi
不	如	其	已。
Bất	như	kỳ	dĩ.
揣	而	悅	之
Suỷ	nhi	chuyết	chi,
不	可	長	保。
Bất	khả	trường	bảo.
金	玉	滿	堂
Kim	ngọc	mãn	đường,
莫	之	能	守。
Mạc	chi	năng	thủ.
富	貴	而	驕
Phú.	quý	nhi	kiêu,

自	道	其	咎。
Tự	đi	kỳ	cữu.
功	送	身	退
Công	toại	thân	thối,
天	之	道。	
Thiên	chi	đạo.	

* * *

DỊCH NGHĨA

*Ôm giữ chận đầy,
Chẳng bằng thôi đi.*

*Dùng dao sắc bén,
Không bén được lán.*

*Vàng ngọc đầy nhà,
Khó mà giữ lán.*

*Giàu sang mà kiện,
Tự vờn họa ư.*

*Nền việc, lui thân,
Đó là đạo Trời.*

* * *

BÌNH - CHỮ

Đây thì đồ. Cái gì đây không làm sao giữ được cho đồ, và giữ được lâu dài, chỉ bằng đừng để cho nó đây.

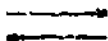
* * *

Một món đồ sắc bén mà dùng thường, khó giữ nó sắc bén lâu được.

Vàng bạc ngọc ngà mà chất-chứa đầy nhà là tự vời kẻ trộm đến. Phú quý là điều mà thiên-hạ ai ai cũng muốn, lại còn khoa-trương thì không vời hoạ đến cho mình sao được ?

Đây là bàn cho rộng thêm nghĩa cái ý chương thứ III : « *Bất kiến khả dục, sử dân-tâm bất loạn* » (不見可欲使民心不亂).

Ở đây Lão - Tử diễn thêm cái ý đã nói ở chương II : « *Cống thành nhi phát cư. Phù duy phát cư, thị dĩ bất khứ* » (功成而弗居，夫唯弗居，是以不去).



CHƯƠNG X

(10)

A.— 載 營 魄 抱 一 ,
 Tài doanh phách bao nhất,
 能 無 離 乎 ?
 Năng vô ly hồ ?
 專 氣 致 柔 ,
 Chuyên khí trí nhu,
 能 嬰 兒 乎 ?
 Năng anh nhi hồ ?
 跡 除 玄 覽 ,
 Dịch trừ huyền lãm,
 能 無 疵 乎 ?
 Năng vô tỳ hồ ?

B.— 愛 民 治 國 ,
 Ái dân trị quốc,

能	無	爲	乎，
Năng	vô	vi	hồ?
天	門	開	闢，
Thiên	môn	khai	hạp.
能	無	端	乎？
Năng	vô	thur	hồ?
明	白	四	達，
Minh	bạch	tứ	đạt,
能	無	知	乎？
Năng	vô	tri	hồ?

C.—

生	之	畜	之，
Sanh	chi	súc	chi,
生	而	不	有，
Sanh	nhi	bất	hữu, (a)
爲	而	不	恃，
Vi	nhi	bất	thị,

(a) Xem chương 51.

長 而 不 宰。
 Trường nhi bất tể,
 是 謂 玄 德。
 Thị vị Huyền - đức.

* * *

DỊCH NGHĨA

- A.— Làm cho hồn phách hiệp một,
 Không thể chia lìa, đặng không?
 Làm cho hơi thở tụ lại,
 Như trẻ sơ-sanh, đặng không?
 Gột rửa lòng ham huyền-diệu,
 Đừng còn chút bận, đặng không?
- B.— Thương dân trị nước,
 Mà làm như không làm, đặng không?
 Cửa trời khép mở,
 Mà làm như con mắt, đặng không?
 Hiểu biết tất-cả,
 Mà làm như không biết gì cả, đặng không?
- C.— Sanh đó, nuôi đó,
 Sanh mà không chiếm cho mình,

*Làm mà không cậy công,
 Làm bậc lớn mà không làm chủ,
 Đó gọi là Huyền - đức.*

* * *

BÌNH - CHỮ

A. — Làm cho hỗn và phách hiệp làm một luôn luôn, không cho chúng lìa nhau.

Điều-hoà hô-hấp để hoá khí và tụ nó vào « đan-diên » để giữ vững mãi sự « bảo nhất » của đấng trẻ sơ sanh (thai tức).

Đừng để cho lòng vọng-động, bởi còn lo nghĩ vu-vơ về những huyền-diệu của Trời Đất thì sinh-lực hao-mòn. Khi đã huyền-đồng vật-ngã, thì vấn-đề trên đây tự-nó đã giải-quyết : Ta và vũ-trụ vạn-vật là Một.

Trở lên là những lời khuyên về đạo dưỡng-sinh : các đạo-gia phái tu-dưỡng vịn vào đây để bày ra thuyết « trường-sinh cứu thế ». Phép « tính-toạ » chủ-trương « chân-không » nên mới bảo : « địch trừ huyền lẫm, năng vô tỷ hồ ». Có « địch trừ huyền lẫm » mới « chuyên khí trí nhu » và có « chuyên khí trí nhu » mới « làm cho hỗn phách hiệp một » (tài doanh phách bảo nhất) mà được khang-kien.

Vì vậy, tuy gọi là thuật dưỡng-sinh mà tựu-trung bắt đầu là thuật dưỡng-tâm, vì thân và tâm là Một.

Nhà triết-học Epicure cũng có nói: « Một thân-thể không đau ; một tinh-thần không loạn, đó là chân hạnh-phúc của con người ». Có được một thân-thể không đau là có đủ điều-kiện thuận-tiện để có được một tinh-thần không loạn. Nhưng ta cũng có thể nói : Sô-dì có được một thân-thể không đau là nhờ có một tinh-thần không loạn. Đó là hai điều liên-quan mật-thiết không thể rời nhau. Đây là chỗ mà Lão-Tử gọi là « *huyền đức* » trong đạo dưỡng-sinh.

B. — « *Huyền-đức* » 玄德 trong đạo dưỡng-sinh cần phải « *bảo nhất* » (抱一) hờn phách ; « *huyền-đức* » trong đạo trị dân cũng một thể.

Trị dân mà trị theo phép « vô-vi », dân không biết là bị trị. Luôn luôn « làm như con mồi », « thụ-động » và không làm gì cả, vậy mà thực ra không có gì là không làm.

« *Hiếu biết tất-cả, mà làm như không biết gì cả* » tức là « *tri kỳ hùng, thủ kỳ thư* » (知其雄守其雌).

C. — *Sanh-đường* mà không chiếm làm của riêng ;

Thành-công mà không cậy công ;

Làm bậc lớn mà làm như kẻ không dám đứng trước và chỉ-huy dẫn-đạo...

Đó là những hành-vi của kẻ hiểu Đạo mà Lão-Tử gọi là « *huyền-đức* » (玄德)

CHƯƠNG XI

(11)

三十輻，共一轂

- A.— Tam thập phước, cộng nhứt cốc,
當其無，有車之用。
Đương kỳ vô, hữu xa chi dụng.

埏埴以爲器

- B.— Duyên thục dĩ vi khí,
當其無有器之用。
Đương kỳ vô, hữu khí chi dụng.

鑿戶牖以爲室。

- C.— Tạc hộ dũ dĩ vi thất,
當其無有室之用。
Đương kỳ vô, hữu thất chi dụng.

故
Cổ,

有 之 以 爲 利 ,
D.— Hữu chi dĩ vi lợi,
無 之 以 爲 用 。
Vô chi dĩ vi dụng.

* * *

DỊCH NGHĨA

A.— Ba chục cãm, hợp lại một bầu, nhưng nhờ chỗ « không », mới có cái « dụng » của xe.

B.— Nhờ đất để làm chén bát,
Nhờ chỗ « không » mới có cái « dụng » của chén bát.

C.— Khoét cửa nẻo, làm buồng the,
Nhờ chỗ « không » mới có cái « dụng » của buồng the.

Bởi vậy,

D.— Lấy cái « Có » đó để làm cái lợi,
Lấy cái « không » đó để làm cái dụng.

* * *

BÌNH - CHÚ

Bánh xe, nhờ chỗ « trống không » ở giữa, mới được cái trục cho xe đi. Chén bát, nhờ chỗ « trống

không" mà chứa được đồ. Buồng the, nhờ chỗ trống" không" mà ở được. Nhưng, sờ-di thành được 3 món ấy cũng nhờ có cây, có đất, có vách.

Chẳng có cái « trống không » kia thì 3 món ấy không dùng được, nhưng không có cây, đất, vách kia cũng không thành 3 món ấy đặng. Bởi vậy mới nói: « Hữu chi dĩ vi lợi, Vô chi dĩ vi dụng » (有之以爲利，無之以爲用)。

* * *

Chương này nói rành cái diệu - dụng của cái « không » (空) bằng 3 ví-dụ cụ-thể: bánh xe, chén bát và phòng the. (Xem lại chương 5).

CHƯƠNG XII

(12)

五 色 令 人 目 盲。
A.— Ngũ sắc lệnh nhơn mục manh.

五 音 令 人 耳 聾。
Ngũ âm lệnh nhơn nhĩ lung.

五 味 令 人 口 爽。
Ngũ vị lệnh nhơn khẩu sảng?

馳 騁 攻 獵，

Trì sinh diên liệp,

令 人 心 發 狂。

Lệnh nhơn tâm phát cuồng.

難 得 之 貨，

Nan đắc chi hoá,

令 人 行 妨。

Lệnh nhơn hành phương.

是以聖人，
 B.— Thị dĩ thánh-nhơn,
 爲腹不爲目
 Vì phúc bất vì mục.
 故去彼取此。
 Cố khứ bỉ thủ thử.

* * *

DỊCH NGHĨA

A.— Năm màu khiến người tối mắt.
 Năm giọng khiến người điếc tai.
 Năm mùi khiến người té lưỡi.
 Sai ngựa săn bắn,
 Khiến lòng người hoá cuồng.
 Của cải khó đặng,
 Khiến người gặp nhiều tai hại.
 B.— Bởi vậy Thánh-nhơn,
 Vì bụng mà không vì mắt.
 Nên bỏ cái này mà lấy cái kia.

* * *

BÌNH - CHỮ

Trần-Trụ giải-thích chương này nói: « Đây là nói về cái hại của văn-minh vật-chất. Văn-minh vật-chất càng tiến-bộ thì sự theo đuổi thính sắc, càng ngày càng tăng gấp, khiến cho người người mù mắt, điếc tai, tê lưỡi, cuồng-tâm mà không thôi dặng. Loạn của thiên-hạ vì đó mà sanh ra.

« Thánh-nhơn vì bụng mà không vì mắt », là vụ « trong » mà không vụ « ngoài », không vụ sự làm cho đẹp mắt, êm tai, kích-thích thêm nhiều dục-vọng mà làm cho con người quên mất Thiên-Chân.

Những chữ « *manh* » 盲, « *lung* » 聵, « *sáng* » 爽, « *cuồng* » 狂 là những danh - từ rất mạnh đề cảnh - tỉnh người đời.

CHƯƠNG XIII

(13)

寵辱若驚

A.— Sùng nhục nhược kinh

貴大患若身。

Quý đại hoạn nhược thân,

何謂寵辱若驚？

B.— Hà vị sùng nhục nhược kinh ?

寵爲上，辱爲下。

Sùng vị thượng, nhục vị hạ ;

得之若驚，

Đắc chi nhược kinh,

失之若驚。

Thất chi nhược kinh.

是謂寵辱若驚。

Thị vị sùng nhục nhược kinh.

何 謂 貴 大 患 若 身 ?
 C.— Hà vị quý đại hoạn nhược thân ?
 吾 所 以 有 大 患 者
 Ngò sở dĩ hữu đại hoạn giả
 爲 吾 有 身 。
 Vì ngò hữu thân.
 及 吾 無 身 ,
 Cập ngò vô thân,
 吾 有 何 患 !
 Ngò hữu hà hoạn !

故

Cổ,

貴 以 身 爲 天 下 ,
 D.— Quý dĩ thân vi thiên hạ,
 若 可 寄 天 下 。
 Nhược khả ký thiên hạ,
 愛 以 身 爲 天 下 ,
 Ái dĩ thân vi thiên hạ,
 若 可 託 天 下 。
 Nhược khả thác thiên hạ.

* * *

DỊCH NGHĨA

A.— Vinh và Nhục đều là sợ-hãi ;
 Quý và Hoạn đều là vì có thân.

B.— Tại sao gọi Vinh và Nhục đều là sợ hãi?
 Là vì, Vinh trên thì Nhục dưới,
 Được cũng sợ-hãi,
 Mà mất cũng sợ-hãi.
 Vì vậy mới gọi « Vinh Nhục đều là
 sợ-hãi ».

C.— Tại sao gọi « Quý và Hoan đều là vì có thân ? »
 Là vì, ta sợ-đi có lo lớn là vì ta có thân.
 Nếu ta không thân,
 Ta sao có lo !

D.— Vầy, kẻ nào biết quý thân vì thiên-hạ, nên
 giao phó thiên-hạ cho họ được.
 Kẻ nào biết thương thân vì thiên-hạ, nên
 gởi-gắm thiên-hạ cho họ được.

* * *

BÌNH - CHƯ

Sao gọi là « Vinh Nhục đều là sợ-hãi » ? Vì có Vinh, tất có Nhục: « Vinh trên thì Nhục dưới ». Được Vinh thì mừng, nhưng mừng bao nhiêu thì sợ mất bấy nhiêu. Mất thì lại càng đau-khổ biết chừng nào ! Vì vậy, « được cũng sợ-hãi » mà « mất cũng sợ-hãi ». Chỉ có giữ được thái-độ « được không mừng thì mất không buồn » mới là người thông-đạt sự lý.

* * *

« *Ngô sở-di hữu đại hoạn giả, vi ngô hữu thân.* »
吾所以有大患者為吾有身。

« *Hữu thân* » đây chỉ về cái « *tiêu-ngã* » của mình, thấy mình cô-lập giữa Vũ-Trụ Vạn-Vật. Con người vì quá lo-lắng cho cái *tiêu-ngã* của mình mới có gây nên « *lo lớn* ». Cho nên nếu ta không nghĩ đến mình nữa thì làm gì có lo ? « *Cập ngô vô thân, ngô hữu hà hoạn !* » 及吾無身，吾有何患。

« *Vô thân* », là thấy không có mình, vì đã huyền-đồng cùng Vũ-Trụ.

CHƯƠNG XIV

(14)

視 之 不 見 名 曰 夷 。

A.—Thị chi bất kiến danh viêt Di ;

聽 之 不 聞 名 曰 希 。

Thính chi bất văn danh viêt Hi :

搏 之 不 得 名 曰 微 。

Bác chi bất đắc danh viêt Vi.

此 三 者 不 可 致 詰 。

Thử tam giả bất khả trí cật.

故 混 而 爲 一 。

Cố hỗn nhi vi nhất.

其 上 不 皦 。

B.—Kỳ thượng bất kiêu,

其 下 不 昧 。

Kỳ hạ bất muội.

繩 繩 不 可 名 ,
 Thăng thăng bất khả danh.
 復 歸 於 無 物 ,
 Phục quy ư vô vật,
 是 謂 無 狀 之 狀
 Thị vị vô trạng chi trạng,
 無 物 之 象
 Vô vật chi tượng,
 是 謂 惚 恍
 Thị vị hốt hoảng,
 迎 之 不 見 其 首
 Nghinh chi bất kiến kỳ thủ,
 隨 之 不 見 其 後
 Tùy chi bất kiến kỳ hậu.

C.—

執 古 之 道 ,
 Chấp cổ chi đạo,
 以 御 今 之 有
 Dĩ ngự kim chi hữu.
 能 知 古 始 ,
 Năng tri cổ thi,
 是 謂 道 紀
 Thị vị đạo kỷ.

* * *

DỊCH NGHĨA

- A. — Xem mà không thấy, nên tên gọi là « Di »;
 Lóng mà không nghe, nên tên gọi là « Hi »;
 Bật mà không nắm được, nên gọi là « Vi ».
 Ba cái ấy, không thể phân ra được,
 Vì nó hỗn-hợp làm Một.
- B. — Trên nó thì không sáng,
 Dưới nó thì không tối,
 Dài dằng-dặc mà không có tên.
 Rồi lại trở về chỗ không có.
 Ấy gọi là cái hình trạng không hình trạng
 Cái hình trạng của cái không có vật.
 Ấy gọi là « hốt hoảng ».
 Đón nó thì không thấy đầu,
 Theo nó thì không thấy đuôi.
- C. — Giữ cái đạo xưa,
 Để mà trị cái có của hiện nay.
 Biết được cái đầu mối của xưa,
 Ấy gọi là nắm được giềng mối của Đạo.

BÌNH - CHỦ

Chương này bàn về bản-thể của Đạo.

A.— Ba chữ «Di, Hi, Vi» là gương mà dùng, đề chỉ sự cực-kỳ tế-vi của Đạo, mắt không thể thấy, tai không thể nghe, sờ không thể đụng... chứ không phải tuyệt không có gì cả.

B.— Đạo lại là vô-thủy vô-chung, có mà như không, không mà như có... So-sánh với câu «Phi hữu, phi không; việc hữu, việc không» của nhà Phật.

C.— Kẻ trị thiên-hạ phải biết trở về với Đạo ấy, vì «biết được cái đầu mối của xưa, tức là nắm được giềng mối của Đạo».

* * *

Hà-thượng-Công nói: «Di 夷 là không có màu sắc» (無色曰夷 vô sắc viết Di).

Chữ Hi 希 là không âm không tiếng (無聲曰希 vô thanh viết Hi);

Chữ Vi 微 là không hình-dáng (無形曰微 vô hình viết Vi). Ba chữ ấy miêu-tả sự vô-sắc, vô-thanh, vô-hình của Đạo.

* * *

«Đạo kỷ» 道紀 tức là mối giềng của Đạo (道之端緒) (Đạo chỉ đoạn tự).

* * *

“Hối-hoàng” 惚恍, tức là “tợ hữu tợ vô” (như có mà như không).

• • •

“Vô-vật” 無物 :

Tuy nhìn mà không thấy, lắng mà không nghe, rò mà không đụng, nhưng chẳng phải toàn vô-hình-trạng, chỉ vì khó lấy lời nói mà hình-dung, cho nên gượng gọi là “vô-vật”.

• • •

“Thằng-thằng” 繩繩 : qua qua mãi mà không dứt, tức là không thể thấy đầu thấy đuôi ám-chỉ sự liên-tục của nhân và quả, của trước và sau, của không và có.



CHƯƠNG XV

(15)

- A.— 古 之 善 爲 士 者 ，
Cổ chi thiện vi sĩ giả-
微 妙 玄 通 ，
Vi diệu huyền thông,
深 不 可 識 。
Thâm bất khả thức.
夫 唯 不 可 識 ，
Phù duy bất khả thức,
故 強 爲 之 容 。
Cố cường vi chi dung.
豫 焉 若 冬 涉 川 ，
B.— Dự yên nhược đông thiệp xuyên,
猶 兮 若 畏 四 鄰 。
Do hề nhược úy tứ lân.

儼兮其若客，

Nhiễm hề kỳ nhược khách,

渙兮若冰之將釋

Hoán hề nhược băng chi tương thích.

敦兮其若樸，

Đôn hề kỳ nhược phác,

曠兮其若谷

Khoáng hề kỳ nhược cốc,

混兮其若濁。

Hỗn hề kỳ nhược trọc.

孰能濁以止，

C.— Thục năng trọc dĩ chỉ,

靜之徐清

Tĩnh chi từ thanh;

孰以安以久，

Thục dĩ an dĩ cửu,

動之徐生。

Động chi từ sanh.

保此道者不欲盈

D.— Bảo thử Đạo giả bất dục doanh,

夫唯不盈

Phù duy bất doanh,

故 能 蔽 不 新 成 。
Cố năng tể bất tân thành.

* * *

DỊCH NGHĨA

- A. — *Bác toàn-thiện xưa,
Tinh-tế, nhiệm-mầu,
Siêu huyền, thông suốt.
Sân chẳng khá dò.
Bờ chẳng khá dò,
Tạm hình-dung Đổ.*
- B. — *Thận-trọng đường qua sông trên nước đục.
Do-dự đường sợ mắt ngó bốn bên.
Nghiêm kình đường khách lạ,
Chạy ra đường băng tan,
Quê-mùa đường gỗ chưa đẽo gọt,
Trống-không đường hang núi,
Pha-lẫn đường nước đục.*
- C. — *Ai hay nhờ tĩnh mà đục hoá trong,
Ai hay nhờ động mà đứng lại đi?*

D. — *Kì giữ Đạo, không muốn đầy.
Chỉ vì không muốn đầy,
Nên mới che-lấp được.
Mà chẳng trở nên mới.*

BÌNH - CHỮ

A. — Bạc Thánh xưa rất nhiệm-mầu, tinh-tế và sâu-sắc đến nỗi không còn lời nào miêu-tả được.

Vì vậy Lão-Tử mới dùng đến phép tỉ-giao để tạm hình-dung những bậc ấy.

B. — Họ rất thận-trọng như lúc đi qua sông trên giá đặc ;

Họ đề-dặt như bị muôn mắt dòm ngó họ ;

Họ nghiêm-trang kính-cần như đứng trước người khách lạ ;

Họ làm như người không có bản-ngã, vì nơi họ nó đã rã như băng tan ;

Họ mộc-mạc như cây gỗ chưa đem ra mà cưa dùng ;

Lòng họ « trống không » như hang núi ; họ làm như kẻ sống trong tình-trạng hỗn - độn, chưa biết phân-biệt thiện-ác, thị-phi, vinh-nhục., như « nước bị bùn dầy... » « *hỗn hồ kỳ nhược trọc* » (pha lẫn đường nước đục).

Đoạn này nên để ý về sự dùng chữ « *nhược* » 若 của Lão-Tử có nghĩa là *đường như*, chứ không phải thực-sự như thế.

C.— *«Thục năng trọc dĩ chi, tĩnh chi từ thanh...»*
 孰能濁以止，靜之徐清。

Tìm sự trong sạch và yên-tĩnh «ngoài đời» là không đúng. Người ta, phần đông, hiểu lầm chủ-nghĩa vô-vi của Lão-Tử và cho đó là đạo «xuất-thế». Thực ra, ông bảo rằng trong đời không có gì «phải» mà không có «quấy», có «thiện» mà không có «ác», có «ngoài» mà không có «trong», có «tĩnh» mà không có «động»... Ông lại còn nói: «Quý, dĩ tiện vi bản; Cao, dĩ hạ vi cơ»... «trọng vi khinh căn...» (XXVI).

Đạo không «ngoài» đời... Cho nên người đạt Đạo không «xuất-thế» mà cũng không «nhập thế», vì «Thế» và «Đạo» là Một. Bởi vậy mới nói «Ai hay nhờ tĩnh mà «đục» hoá «trong»; ai hay nhờ động mà «đứng» lại «đi...» Nước mà tĩnh, thì «đục» cũng hoá ra «trong». Cái «đục» là điều-kiện của cái «trong», cái «tĩnh» là điều-kiện của cái «động»... cái «không làm» là điều-kiện của cái «làm»...

* * *

D.— Kê «giữ» cái Đạo ấy nơi lòng thì «không muốn đầy...» (Bảo thủ Đạo già, bất dục doanh) 保此道者不欲盈。

Là vì «đầy» thì dở... «Vật cùng tác biến, vật cực tác phản»... Đó là chỗ mà Lão-Tử thường khuyên: «khứ thậm, khứ xa, khứ thái»... để tránh trước sự phản biến.

Và «chỉ vì không muốn» để cho «đầy», cho nên

luôn luôn thường chịu sống trong cảnh « ở sau » hơn đứng trước, « ở dưới » hơn đứng trên, để được « đứng trước », « đứng trên » mà không bị hại, vì đã biết « che lấp » cái « đầy » của mình.



CHƯƠNG XVI

(16)

A.—	致	虛	極		
	Trí	hư	cực,		
	守	靜	篤		
	Thủ	tĩnh	đốc,		
B.—	萬	物	並	作	
	Vạn	vật	tĩnh	tác,	
	吾	以	觀	復。	
	Ngô	đi	quan,	phục.	
	夫	物	芸	芸	
	Phù	vật	vân	vân.,	
	各	復	歸	其	根。
	Các	phục	quy	kỳ	căn.
C.—	歸	根	曰	靜，	
	Quy	căn	viết	tĩnh,	

是 謂 曰 復 命。

Thì vj viết Phục - Mạng.

復 命 曰 常。

Phục-Mạng viết Thường.

知 常 曰 明。

D.— Tri Thường viết Minh,

不 知 常 妄 作 凶

Bất tri thường, vọng tác hung.

知 常 容

E.— Tri thường dung,

容 乃 公

Dung nãi công,

公 乃 王

Công nãi vương,

王 乃 天

Vương nãi thiên,

天 乃 道

Thiên nãi Đạo,

道 乃 久

Đạo nãi cửu,

沒 身 不 殆。
 Một thân bất di.

• • •

DỊCH NGHĨA

- A. — Đến chỗ cùng-cực hư-không,
 Là giữ vững được trong cái «Tĩnh».
- B. — Vạn-vật cùng đều sinh ra ;
 Ta lại thấy nó trở về gốc,
 Ói ! mọi vật trùng trùng,
 Đều trở về cội rễ của nó.
- C. — Trở về cội rễ, gọi là «Tĩnh».
 Ấy gọi là «phục-mạng».
 Phục-mạng gọi là «Thường».
- D. — Biết «Thường» gọi là «Minh».
 Không biết đạo «Thường» mà làm càn là
 gây hung họa.
- E. — Biết đạo «Thường» thì bao-dung,
 Bao-dung thì công-bình,
 Công-bình thì bao-khấp,
 Bao-khấp là Trời,

*Trời là Đạo,
Đạo thì lâu dài,
(Ai mà được vậy)
Suốt đời không nguy..*

BÌNH - CHỮ

A.— *«Trí hư cực, thủ tĩnh đức»* 致虛極守靜為。

Kẻ nào đạt đến «chỗ cùng-cực của hư - không» tức là kẻ đã «giữ vững trong cái Tĩnh».

«Tĩnh cực thì Dương-sinh». Dương đó là đầu mối của Đạo vậy. Có «hư» mới có «tĩnh».

B.— *Vạn-vật tĩnh tác, ngộ dĩ quan kỳ phục. Phù vật vãn vãn, các phục quy kỳ căn...* 萬物並作：吾以觀其復。夫物芸芸，各復歸其根。

Đây là thuyết phục-mạng. Các vật sau khi phóng ra... rồi đều trở về nguồn gốc của nó cả. Chính là chỗ mà sau đây, chương 40, ông nói: «Phản giả, Đạo chi động» 反者道之動。

C.— *Gội-rẽ của vạn-vật, tức là Đạo, thời «Tĩnh».* Cho nên «trở về cội rễ», là trở về «tĩnh». Cũng gọi là «phục mạng». Trở về được với gốc rễ, thời gọi là «thường», vì Đạo cũng có tên là «Thường» 常, nghĩa là «vĩnh cửu, bất biến».

D.— Biết được cái “thường” của Đạo, thì gọi là người “sáng-suốt”. Trái lại, không biết được cái đạo “thường” ấy lại làm càn làm bướng thì sẽ gây tai-họa cho mình và cho chung-quanh.

Là tại sao ?

E.— Là vì kẻ không biết Đạo, thì chấp một bên cái Phải mà phủ-nhận cái Quấy, chấp một bên cái Thiện mà phủ-nhận cái Ác... nên mới gây ra sự không hiểu nhau và thiếu lòng bao-dung. Kẻ thông hiểu Đạo, biết rõ lẽ tương-đối của mọi sự mọi vật, cũng như lẽ tương-đối của trình-độ hiểu biết của mọi người, nên dễ có lòng bao-dung. Mà có được lòng bao-dung mới là người công-bình. Công-bình thì đâu cũng một thể, nên mới nói “công-bình thì bao-khắp”.

“ Bao-khắp là Trời,

Trời là Đạo,

Đạo thì lâu dài...”

Đây là lối luận liên-châu, để kết lại rằng: Kẻ nào theo với Đạo thì sẽ được lâu-dài, “suốt đời không nguy”.

CHƯƠNG XVII

(17)

太上，下知有之。

A.— Thái thượng, hạ tri hữu chi.

其大親而譽之。

B.— Kỳ thứ thân nhi dự chi.

其大畏之。

Kỳ thứ úy chi.

其大侮之。

Kỳ thứ vũ chi.

信不足焉。

Tín bất túc yên,

有不信焉。

Hữu bất tín yên.

悠兮其貴言。

C.— Du hề kỳ quý ngôn.

功成事遂，
 Công thành sự toại,
 百姓皆謂我自然。
 Bách tánh giai vị ngã tự-nhiên.

* * *

DỊCH NGHĨA

- A.— *Đời thái sơ, dân chỉ biết có đấy.*
- B.— *Kế đó, dân thần và khen đấy.
 Kế đó, dân sợ đấy.
 Kế đó, dân khinh đấy.
 Vì không đủ tin,
 Nên dân không tin,*
- C.— *Bậc thánh xưa, quý lời nói,
 Làm xong công việc cho dân,
 Mà dân cứ tưởng « tự-nhiên tự mình làm ».*

* * *

BÌNH - CHÚ

- A.— Bậc Vua Chúa đời thái-sơ, dân chỉ biết có, mà không hay là bị trị.

Là vì các bậc ấy dùng Vô-vi mà trị, làm cho nhân - dân cảm thấy như cá sống trong nước, nhờ nước mà không hay là có nước.

* * *

B.— Qua đời thượng-cổ, dân biết thân-cận và khen ngợi công-lao của các bậc trị nước.

Đến đời trung-cổ thì dân lại càng thấy xa nhà cầm-quyền, nên biết sợ.

Sau đó thì dân chống lại và khinh-mạn. Đó là hậu-quả của phép hữu-vi trị nước vậy.

Văn-trung-tử cũng có nói: «Cường quốc chiến binh, bá quốc chiến trí, vương quốc chiến nghĩa, đế quốc chiến đức, hoàng quốc chiến vô-vi». 強國戰兵，霸國戰智，王國戰義，帝國戰德，皇國戰無為。

(Cường-quốc thì dùng đến binh-khí mà tranh ;

Bá-quốc thì dùng đến trí-thuật mà tranh ;

Vương-quốc thì dùng nhân-nghĩa mà tranh ;

Đế-quốc thì dùng ân đức mà tranh ;

Còn hoàng-quốc thì dùng vô-vi mà tranh).

Tại sao dân không còn tin - tưởng nơi người cầm - quyền, lại còn khinh-mạn chống-đối ? Là vì «người trên không đủ cho lòng dân tin, nên dân không tin».

* * *

C.— Bởi vậy bậc Thánh-nhơn trị nước « làm mà không nói », khi công việc thành rồi thì lánh mặt ra đi, nên dân

không hay là họ có làm mà tưởng là «*tự-nhiên tự mình làm*», cũng như các hoa nhờ ánh Thái-dương mà nở, nhưng không dè là nhờ nơi sức ấm nóng của Thái-dương mà nở, lại tưởng là «*tự nhiên tự mình nở*». Đó đều là nhờ cái trị vô-vi vậy.

* * *

Chương này Lão-Tử bàn đến cái đạo trị nước bằng vô-vi («*vô-vi nhi trị*») 爲無而治.

CHƯƠNG XVIII

(18)

- 大道廣，有仁義
A.— Đại Đạo phể, hữu Nhân Nghĩa.
慧智出有大偽
Huệ Trí xuất, hữu đại ngụy.
六親不和，有孝慈
B.— Lục thân bất hoà, hữu hiếu từ.
國家昏亂，有忠臣
Quốc-gia hôn loạn, hữu trung thần.

* * *

DỊCH NGHĨA

- A. — Đạo lớn mắt, mới có Nhân Nghĩa.
Trí Huệ sanh, mới có đối-trá.
B. — Lục thân chẳng hoà, mới có hiếu từ.

Nước nhà rối loạn, mới có tôi ngay.

* * *

BÌNH - CHỮ

Đời thái-bình đầu cần đến tôi ngay, nhà yên ổn đầu có cần đến con thảo. Quý tôi ngay con thảo, ắt là nước nhà đang rối loạn, bất hoà. Như cá trong nước nếu biết quý nước là vì có nạn thiếu nước. Cũng không khác nào kẻ khao-khát tự-do là những kẻ đang mất tự-do.

Nguyên-do của những điều bất-nhân bất-nghĩa đều ở chỗ dùng đến Tri-huệ mà sanh ra. Đạo mà chưa mất, thiên-hạ đầu cần dùng đến Tri-huệ để mà phân-biệt Thị-Phi, Thiện-Ác, để mà tranh-gành Tốt Xấu, Vinh Nhục với nhau. Đạo mà mất rồi, dục vọng mới sanh ra, mới có những sự đèo-bồng tham muốn. Tri-huệ được đem ra mà dùng để phụng-sự cho dục-vọng vô bờ-bến của con người : đại-loạn sanh ra là thế.

Nhân-Nghĩa mà được đề-cao là những lúc đời dấy dậy những bất-nhân bất-nghĩa. Nguyên-nhân là vì thiên-hạ đã mất Đạo.

Chữ "Tri-huệ" đây, là trí-phân-biệt (esprit discriminateur) trong giới nhĩ-nguyên, thường gọi là lý-trí (esprit analytique). "Tri-huệ" cũng có nghĩa là trí-mưu, tính-toán lợi hại. Lý-trí không bao giờ hiểu được Đạo Một.



CHƯƠNG XIX

(19)

- | | | | | |
|------|------------------------|-------------------------------|-----------------------|--------------------------|
| A. — | 絕
Tuyệt
民
Dân | 聖
thánh
利
lợi
Dân | 素
khí
百
bách | 智
trí,
倍。
bội. |
| B. — | 絕
Tuyệt
民
Dân | 仁
nhân
復
phục | 素
khí
孝
hiếu | 義
nghĩa,
慈。
từ, |
| C. — | 絕
Tuyệt
造
Đạo | 巧
xảo
賊
tặc | 素
khí
無
vô | 利
lợi,
有。
hữu. |
| D. — | 此
Thử | 三
tam | 者
giả, | 以
dĩ |

- 爲 文 不 足。
 Vi văn bất túc.
 故 令 有 所 屬
 E. — Cổ lĩnh hữu sở chúc.
 見 素 抱 樸
 Kiến Tố bào Phác,
 少 私 寡 欲。
 Thiểu tư quả dục,

* * *

DỊCH NGHĨA

- A. — Dứt Thánh bỏ Trí,
 Dân lợi trăm phần.
 B. — Dứt Nhân bỏ Nghĩa,
 Dân lại thảo lành.
 C. — Dứt xảo bỏ lợi,
 Trộm cướp không có.
 D. — Dứt ba khoản đó,
 Có đủ vào đâu.
 E. — Phải được như vậy:
 Ăn ở giản-dị và chất-phác.
 Ít riêng-tây,
 Ít tham-dục.

* * *

BÌNH-CHỮ

Đây là thừa ý của chương trên « Đại Đạo phệ, hữu nhân nghĩa ; Huệ-trí xuất, hữu đại nguy » mà bàn thêm sự bảo toàn Thiên-Chân, « ít riêng-tây, ít tham-dục ».

Thánh Trí, Nghĩa Nhân, Lợi Xảo sở-dĩ có là vì có chỗ so-sánh phân-biệt do cái tâm phân-biệt xa-lìa với Đạo Một mà sanh ra. Có so-sánh phân-biệt mới có đèo-bồng tham muốn. Dứt ba cái ấy : « dứt thánh bỏ trí », « dứt nhân bỏ nghĩa », « dứt xảo bỏ lợi » chỉ là trị ngọn mà chưa trị gốc, nên mới gọi là « có đủ vào đâu ».

Gốc nó là nơi lòng ta « nhiều riêng tây, nhiều tham dục » do nhân-kiến sai-lầm của nhĩ-nguyên mà sanh ra. Nhiều riêng - tây là vì nhận lầm có Nhi có Ngã, nhiều tham dục là vì nhận lầm có Mỹ có Ác, có Vinh có Nhục, có Thị có Phi, có Cao có Hạ... Cho nên mới bảo : « Ít riêng-tây, ít tham dục » « *Thiểu tư quá dục* » (少私寡欲).

« Phác », là chất gỗ chưa cưa chặt, chưa đẽo gọt và dùng làm vào việc gì cả, ám-chỉ thiên-chân. « *Bảo phác* », là « bảo-toàn thiên-chân » gọi tắt là « *toàn chân* ». « *Bảo phác* » là gìn-giữ cái đức còn trong-trắng lúc ban đầu. Nhà Phật gọi là « *bản-lai diện-mục* ».

« *Kiến* » 見 cũng đọc là *hiện* (hiện ra, tỏ rõ). Làm cho hiện tỏ ra.

« *Tổ* » 素, (tơ trắng, trắng nõn) ám-chỉ sự giản-dĩ, đơn-thuần, không trang-sức giả tạo, tức là giữ được tánh tự-nhiên lúc ban đầu (état primordial), mà nhà Phật gọi là Tánh hay Phật-tánh, mà nhà Đạo gọi là Thiên-Chân, (quy Chân, phản Phác).

CHƯƠNG XX

(20)

- 絕 學 無 憂。
A.— Tuyệt học vô ưu,
唯 之 與 阿,
Duy chi dĩ a,
相 去 幾 何?
Tương khứ kỷ hà?
善 之 與 惡,
Thiện chi dữ Ác,
相 去 若 何?
Tương khứ nhược hà?
人 之 所 畏,
B.— Nhơn chi sở úy,
不 可 不 畏。
Bất khả bất úy.

荒 兮 其 未 央 哉！
Hoang hề kỳ vị ương tai！

C.— 衆 人 熙 熙，
Chúng nhơn hy-hy,
如 享 太 牢
Như hưởng thái lao,
如 春 登 臺
Như xuân đăng đài.

D.— 我 獨 泊 兮 其 未 兆，
Ngã độc bặc hề kỳ vị triệu,
如 嬰 兒 之 未 孩，
Như anh nhi chi vị hải,
累 累 兮 若 無 所 歸。
Luy luy hề nhược vô sở quy.

E.— 衆 人 皆 有 餘
Chúng nhơn giai hữu dư,
而 我 獨 若 遘。
Nhi ngã độc nhược di,
我 愚 人 之 心 也 哉！
Ngã ngu nhơn chi tâm dã tai！

沌 沌 兮。
 Độn độn hề.
 俗 人 昭 昭，
 Tục nhơn chiêu chiêu
 我 獨 昏 昏。
 Ngã độc hôn hôn.
 俗 人 察 察，
 Tục nhơn sát sát，
 我 獨 悶 悶。
 Ngã độc muộn muộn，
 滄 兮 其 若 海，
 Đạm hề kỳ nhược hải.
 麗 兮 若 無 止。
 Liêu hề nhược vô chỉ.
 衆 人 皆 有 以，
 Chúng nhơn giai hữu dĩ，
 而 我 獨 頑 似 鄰。
 Nhi ngã độc ngoan tự bỉ.

F.— 我 獨 異 於 人，
 Ngã độc dị ư nhơn，
 而 貴 食 母。
 Nhi quý thực mẫu.

DỊCH NGHĨA

- A.— Dứt học, không lo.
 «Dạ» với «Ơi», khác nhau chỗ nào?
 Lành với dữ, khác nhau ở đâu?
- B.— Chỗ mà người sợ,
 Ta há chẳng sợ,
 Nhưng chưa có chi,
 Sợ cũng vô ích.
- C.— Người đời vui-vẻ,
 Như hương thái-lao.
 Như lên xuân-đài.
- D.— Riêng ta im-lặng,
 Chẳng dấu vết chi.
 Như trẻ sơ-sinh,
 Chưa biết tươi cười.
 Rũ-rượi mà đi,
 Đi không chỗ về.
- E.— Người đời có dư,
 Riêng ta thiếu-thốn.
 Lòng ta ngu dốt vậy thay!
 Mờ-mệt chừ!

- G.— *Người đời sáng chói,
Riêng ta mịt-mờ.
Người đời phân-biệt,
Riêng ta hôn-độn.
Điềm-tĩnh dường tối-tăm,
Vùn-vụt dường không lặng.
Người đời đều có chỗ dùng,
Riêng ta ngu dốt, thô-lậu.*
- H.— *Ta riêng khác người đời:
Ta quý Mẹ nuôi muôn loài.*

* * *

BÌNH - CHỮ

Chương này bàn về trạng-thái tâm-hồn của người đắc Đạo.

A.— «Dứt học» ở đây là ý bảo ta đừng tán tâm chạy theo cái học bên ngoài, cái học «nhị-nguyên» biện-phân Thiện Ác, Thị Phi... Cùng một ý với chương 48: «Vi học nhật ích; Vi Đạo nhật tổn. Tồn chi hựu tồn, di chi ư vô-vi...» 為學日益。為道日損。損之又損以至於無為。(XLVIII)

Bởi vậy, mới nói: «Dạ» và «Ơi» khác nhau chỗ nào? Lành và Dữ khác nhau ở đâu? Con người càng chạy theo cái học phân-tán của nhị-nguyên, thì tâm-trí càng thêm rối loạn vì hay phân-biệt Vĩnh Nhục, Thiện Ác quá. (Xem lại các chương trước). «Dứt học» thì «không lo» là thế.

B.— Chỗ mà người đời lo sợ, há ta lại không biết lo sợ sao? Nhưng lo sợ đến phải bấn-loạn tâm-hồn thì thật là quá đáng. Hiền-giả Tây-phương cũng có nói : « Chết không phải là điều đáng sợ. Đáng sợ là cái lòng sợ chết mới đáng sợ ! » Việc đáng sợ chưa đến mà đã lo sợ, dù có sợ cũng vô-ích, nên mới nói : « *Nhưng chưa có chi, lo sợ vô-ích* ».

C-D.— Cái vui của người đời là cái vui của xác thịt, như ăn lễ cỗ thịt trâu, như dự yến trên đài xem cảnh mùa xuân... Trái lại, ta vẫn im-lặng, chẳng dám lộ vẻ vui mừng ra nét mặt, như trẻ sơ-sinh chưa biết cười cợt với đời, dường như sống không mục-đích, không biết chỗ đi về.

E.— Người đời dường như có dư (về những điều học hỏi phức-tạp bên ngoài : « *vi học nhật ích* ») ; riêng ta thì dường như thiếu-thốn (vì « *vi Đạo nhật tồn* »).

G.— Bởi vậy mới nói « lòng ta ngu dốt » (ngu dốt về cái học la-tạp và trục-vật của người đời). Người đời phân-biệt Thị Phi, Thiện Ác .. nên dường như lòng họ sáng chói, riêng ta lại không thấy sự phân-chia Thị Phi, Thiện Ác nên dường như mịt-mờ hỗn-độn. Nên mới nói :

« *Người đời sáng chói,*

Riêng ta mờ-mịt.

Người đời phân-biệt,

Riêng ta hỗn-độn ».

Nhờ vậy mà lòng ta luôn luôn điềm-đạm trầm-mặc, còn lòng người thì luôn luôn náo-động «vùn-vụt» mà không ngừng...

Kết-quả, người đời đều đề cho đời lợi-dụng được, nên đời gọi họ là dùng được (hữu dụng), riêng ta như kẻ ngu-lậu, không chỗ dùng (vô dụng) vì không chạy theo thị-hiếu của đời. Còn tham danh, thì đời lấy danh mà lợi-dụng, sai-khiến; còn tham lợi, thì đời lấy lợi mà lợi-dụng sai-khiến.

Bởi vậy mới nói : «Người đời đều có chỗ dùng». «Riêng ta ngu dốt, thô lậu». Cái «ngu» này là cái «ngu» của bậc Thánh-nhơn ! Người đời thường cho bọn người đắc Đạo là bọn người «vô dụng», nghĩa là không lợi-dụng được.

H.— «Ta riêng khác người đời:

«Ta quý Mẹ nuôi muôn loài.

«Mẹ nuôi muôn loài» (thực mẫu) là ám-chỉ Đạo nuôi dưỡng vạn-vật, cũng gọi là «huyền-tân» (xem chương 6): «Huyền tân chi môn, thị vị thiên địa căn» (玄北之門是謂天地根).

«Quý thực-mẫu» là theo gốc quên ngọn, trở về với Đạo, đó là chỗ mà Lão-Tử khác với người đời.



CHƯƠNG XXI

(21)

A.— 孔 德 之 容，
Khổng đức chi dung,
惟 道 是 從，
Duy Đạo thị tùng.

B.— 道 之 爲 物。
Đạo chi vi vật,
惟 恍 惟 惚。
Duy hoảng duy hốt
惚 兮 恍 兮，
Hốt hề hoảng hề，
其 中 有 象。
Kỳ trung hữu tượng，
恍 兮 惚 兮，
Hoảng hề hốt hề，

其 中 有 物 。

Kỳ trung hữu vật.

窈 兮 冥 兮 。

Yêu hề minh hề,

其 中 有 精 。

Kỳ trung hữu tinh.

其 精 甚 真 。

Kỳ tinh thậm chân,

其 中 有 信 。

Kỳ trung hữu tín.

自 古 及 今 。

C.— Tự cổ cập kim,

其 名 不 去 。

Kỳ danh bất khứ.

以 聞 衆 甫 。

Dĩ duyệt chúng phủ.

吾 何 以 知 衆 甫 。

D.— Ngô hà dĩ tri chúng phủ

之 狀 哉 。

Chi trạng tai?

以 此 。

Dĩ thử.

DỊCH NGHĨA

- A.— Dáng của Đức lớn,
Theo cùng với Đạo,
- B.— Đạo sanh ra Vật,
Thấp-thoáng mấp-mờ,
Thấp-thoáng mấp-mờ,
Trong đó có hình.
Mấp-mờ thấp-thoáng,
Trong đó có Vật.
Sâu - xa tăm-tối,
Trong đó có tinh.
Tinh đó rất thực,
Trong đó có tin.
- C.— Từ xưa đến nay,
Tên đó không mất,
Gốc của vạn-vật.
- D.— Ta làm sao biết được trạng-thái của Nó.
Nhờ đó vậy.

BÌNH - CHỮ

Đây là chương thứ ba, Lão-Tử dùng đề định-nghĩa Đạo và Đức, một cách rõ-ràng và tinh-tế hơn.

A.— Đạo và Đức hiệp lại mà nói thì là Một; nhưng chia ra mà nói mới có Trong có Ngoài.

Tô-Triệt nói: « Đạo thì vô-hình. Động thì gọi là Đức. Đức thì có dáng mạo. Nên mới nói: « Dáng của Đức lớn, theo cùng với Đạo » (Không đức chỉ dung, duy Đạo thì tàng) (孔德之容, 惟道是從).

B.— Đạo sanh ra vật, thì dáng nó thấp-thoáng mập-mờ, tuy thấp-thoáng mập-mờ nhưng trong đó lại có hình, có vật, và cũng có tinh-thần nữa. Tinh-thần ấy mới là chân-thật.

C.— Từ xưa đến nay, cái tên của Nó không mất, nơi đó sanh ra vạn-vật.

D.— Ta làm gì biết được trạng-thái của Nó, tức là nguồn-gốc của tất cả mọi vật? Là nhờ những điều đã nói trên vậy.



CHƯƠNG XXII

(22)

A.— 曲 則 全，
Khúc tắc toàn,
枉 則 直，
Uống tắc trực,
窪 則 盈，
Oa tắc doanh,
敝 則 新，
Tệ tắc tân,
少 則 得，
Thiểu tắc đắc,
多 則 惑。
Đa tắc hoặc.

是 以 聖 人 抱 一
B.— Thị dĩ thánh nhân bào nhất,

爲 天 下 式

Vi thiên hạ thức.

不 自 見 故 明，

Bất tự kiến, cố minh,

不 自 是 故 彰，

Bất tự thị, cố chương,

不 自 伐 故 有 功，

Bất tự phạt, cố hữu công,

不 自 矜，故 長

Bất tự căng, cố trường.

夫 唯 不 爭

C.— Phù duy bất tranh,

故 天 下 莫 能 與 之 爭。

Cố thiên-hạ mạc năng dũ chi tranh.

古 之 所 謂 曲 則 全 者

D.— Cổ chi sở vị khúc tắc toàn giả,

豈 虛 言 哉。

Khởi hư ngôn tai!

誠 全 而 歸 之。

Thành, toàn nhi quy chi.

DỊCH NGHĨA

- A.— Cái gì khuyết thì lại toàn;
 Cái gì cong thì lại ngay;
 Cái gì sâu thì lại đầy;
 Cái gì cũ thì lại mới;
 Ít thì lại được,
 Nhiều thì lại mé.
- B.— Bởi vậy, Thánh-nhơn « óm giữ cái Một » để
 làm mẫu-mực cho thiên-hạ.
 Không xem mình là sáng, nên sáng;
 Không cho mình là phải, nên chớ;
 Không cho mình có công, nên có công;
 Không khoe mình, nên đứng đầu.
- C.— Chỉ vì không tranh,
 Nên thiên-hạ không ai tranh nổi với mình.
- D.— Chỗ người xưa gọi là « khuyết thì lại toàn »
 Há phải lời nói sai đâu?
 Thành, là trở về chỗ Toàn vậy.

Chương này Lão-Tử bàn về cái phép tu thân và cái đạo Huyền-đồng : « bảo toàn Thiên-Chân ».

A.— Đạo là Quân-bình, không đề cho cái gì thiên-lệch cả, thái-quá như bất-cập. Thánh-nhơn luôn luôn ôm giữ Đạo, tức là cái Quân-bình ấy, nên biết rằng :

Cái gì khuyết thì sẽ được toàn-vẹn lại; cái gì cong thì sẽ được kéo ngay ra, cái gì voi thiếu thì sẽ được bù-đắp cho đầy lại; cái gì đã cũ quá thì sẽ được đổi mới lại. Là đề lập lại cái Quân-bình đã mất.

« Ít thì lại được,

« Nhiều thì lại mê » là nghĩa làm sao ?

« Ít » đây là ít tư-dục, « Nhiều » đây là nhiều tư-dục. Cho nên ít tư-dục thì ôm giữ được Đạo, mà nhiều tư-dục thì sẽ bị mê-hoặc mà xa Đạo vậy. « Đắc », là *đắc Nhất*, *đắc Đạo*. So-sánh với câu : « Vi học nhật ích ; vi Đạo nhật tồn » (chương 68).

B.— « Bỏ nhất » (挹一) ôm giữ cái Một, tức là Đạo. Đạo thì bao gồm những cặp mâu-thuân, không cho thiên-hắn bên nào cả. Cho nên muốn được sáng mà làm ra sáng, thì tối; muốn được phải mà làm ra phải, thì quấy... Cùng một ý với chương 24 : « Tự kiến giả, bất minh ; Tự thị giả, bất chương ; Tự phạt giả, vô công ; Tự căng giả, bất trường... » 自見者不明, 自是者不彰, 自伐者無功, 自矜者不長. Nên so-sánh với chương 77 : « Thiên chi đạo, tồn hửu dư, nhi bỏ bất túc » (Đạo Trời thì bớt chỗ dư, mà thêm chỗ thiếu). Vì vậy, bậc Thánh-nhơn « không tự xem mình là sáng, nên sáng » thật, « không tự cho

minh là phải, nên chối », « không tự khoe công minh, nên có công », cũng như « không tranh, nên không ai tranh nổi với mình ».

C — « Chỉ vì không tranh, nên thiên-hạ không ai tranh nổi với mình », không nên hiểu là « không tranh », mà là không để cho mình có chỗ để người ta cùng tranh. Đó là cách « bất tranh nhi thiên thắng » (不爭而善勝).

Làm sao tranh nổi với người mà hễ mình cho đây là cao người ta cho đó là thấp, mình cho đây là phải, người ta cho đó chưa thật phải... Tranh Thị Phi, Vinh Nhục với kẻ xem Thị Phi, Vinh Nhục là Một, thì không sao cùng tranh cho được.

* * *

« Thành, toàn nhi quy chi » (誠全而歸之).

Đạo, là tượng-trưng cái ĐẠI-TOÀN-THỀ (Grand TOUT), nó là cái TOÀN gồm nắm mâu-thuân, không thể nhìn phiến-diện. Đạo là « bù vào chỗ thiếu, bớt đi chỗ dư » (bổ bất túc, tồn hữu dư). « Đắc Đạo » là « đắc Nhất » là được cái Một, và ôm giữ được cái Một luôn luôn nơi lòng.

TOÀN 全, là đầy đủ, trọn- vẹn, gồm cả Âm Dương, đồng nghĩa với chữ ĐẠO gồm cả Thị Phi, Thiện Ác... (hay Thái-Cực gồm cả lưỡng-nghi). Chữ « Thành » 誠 đây, nhà Đạo-học Chu-Liêm-Khê dùng làm căn-bản cho học-thuyết ông trong câu: « Thành giả, thánh nhân chi bản » (誠者聖人之本) (易通書). Chữ TOÀN đây, cũng cùng nghĩa với TOÀN THIÊN BẢO CHÂN của Dương-Chu.

(1) Xem « Lão-Tử tinh-hoa », chương 10, trang 153.

(2) Dịch Thông Thư (Chu-Liêm-Khê)

CHƯƠNG XXIII

(23)

希 言 自 然 。

A.— Hy ngôn tự nhiên.

故

B.— Cỗ,

飄 風 不 終 朝，
Phiêu phong bất chung triều,
驟 雨 不 終 日 。

Sậu vũ bất chung nhật.
孰 爲 此 者，
Thục vi thử giả，
天 地 。

Thiên-Địa.

天 地 尚 不 能 久
Thiên địa thượng bất năng cửu
而 況 於 人 乎 。

Nhi huống ư nhơn hồ !

故

Cổ,

C.—

從	事	於	道	者
Tùng	sự	ư	Đạo	giả,
道	者	同	於	道
Đạo	giả	đồng	ư	Đạo.
德	者	同	於	德
Đức	giả	đồng	ư	đức,
失	者	同	於	失
Thất	giả	đồng	ư	thất.
	同	於	道	者
	Đồng	ư	đạo	giả,
道	亦	樂	得	之。
Đạo	diệc	lạc	đắc	chi.
	同	於	德	者
	Đồng	ư	đức	giả,
德	亦	樂	得	之，
Đức	diệc	lạc	đắc	chi.
	同	於	失	者
	Đồng	ư	thất	giả,
失	亦	樂	得	之。
Thất	diệc	lạc	đắc	chi.
	信	不	足	焉
	Tín	bất	túc	yên,

L.—

有 不 信 焉
Hữu bất tín yền

* * *

DỊCH NGHĨA

A.— Ít nói, để cho tự-nhiên.

B.— Bời vậy,
Giờ lúc không thổi suốt một buổi mai,
Mưa dào, không mưa suốt một ngày trường.
Ai làm nên mưa gió ấy?
Trời Đất.

Việc Trời Đất còn không thể lán,
Huống chi là việc của người.

C.— Vậy nên,
Theo Đạo, thì đồng với Đạo,
Theo Đức, thì đồng với Đức,
Theo Mát (Đức), thì đồng với Mát (Đức).
Đồng với Đạo, Đạo cũng vui tiếp đó,
Đồng với Đức, Đức cũng vui tiếp đó,
Đồng với Mát, Mát cũng vui tiếp đó.

D.— Tin mà không đủ,
Nên mới không tin.

* * *

BÌNH - CHỮ

A.— « *Ít nói, để cho tự-nhiên* » (希言自然) tức là chỗ mà Lão-Tử « *bất ngôn chi giáo* » (不言之教). Hãy để vạn-vật yên, đừng cố-gắng mà mó tay vào việc riêng của người đời. Có giúp thì giúp một cách tự-nhiên, như mặt Trời giúp cho hoa nở, mà hoa không hay là được giúp. « *Để cho tự-nhiên* » tức là « *vi vô-vi* » vậy (為無為).

B.— Cũng như cái gì « *bạo phát* » thì « *bạo tàn* », đó không còn là cái lẽ thường của Trời Đất, như « *Gió lốc không thổi suốt một buổi mai; mưa xối không mưa suốt ngày trường* ». Cái gì cố-cưỡng, thái-quá... thì không bền.

Việc Trời Đất còn thư thế, hưởng hồ là việc của người. Trời không mới mà 4 mùa tự qua, muôn vật tự sanh. Đó là lẽ « *thường* » (常) của Trời.

C.— Bởi vậy, kẻ nào theo Đạo mà làm thì cái làm ấy đồng với Đạo, không còn phải là mình làm (我為) nữa, mà là cái Đạo nơi mình làm.

Câu « *Theo Mất...* » chữ Mất ở đây, có nghĩa là « *mất* » Đạo, « *mất* » Đức. Chữ « *Thất* » (失) này do câu: « *Thất Đạo, nhi hậu Đức; thất Đức, nhi hậu Nhân; thất Nhân, nhi hậu Nghĩa; thất Nghĩa, nhi hậu Lễ...* » (Chương XXVIII) (失道而後德; 失德而後仁; 失仁而後義; 失義而後禮). (Mất Đạo, rồi sau mới có Đức; mất Đức, rồi sau mới có Nhân; mất Nhân, rồi sau mới có Nghĩa; mất

Nghĩa, rồi sau mới có Lễ). Như thế, ta thấy Lão-Tử trọng Đạo Đức, mà khinh Nhân, Nghĩa, Lễ... vì có Mất Đạo Đức rồi, sau mới có Nhân, Nghĩa, Lễ... Vậy, câu này cũng đồng một ý với câu; «*Đại Đạo phế, hữu Nhân Nghĩa...*». (Chương XVIII) 大道廢有仁義.

Vậy, ta có thể hiểu câu: «*Thất giả đồng ư thất*» là còn chạy «*theo Nhân Nghĩa*» tức là đã «*Mất Đạo Đức*» rồi thì mất Đạo luôn.

D.— Tin-tưởng mà không để hết lòng tin thì chưa phải thật là tin-tưởng.

Câu này có người dịch là :

Bậc Vua mà không đủ lòng tin thì dân không tin. (Coi lại chương XVII). Nhưng thiết nghĩ, nếu hiểu như thế, e câu vẫn không nhất khí với những đoạn trên.

Phàm muốn theo Đạo, phải dốc lòng tin-tưởng, chứ hoài-nghi mà theo Nhân Nghĩa bỏ Đạo Đức thì phải mất Đạo ngay. Cho nên mới nói: «*Tin mà không đủ, nên mới không tin*».



CHƯƠNG XXIV

(24)

A.— 企 者 不 立
Khí giả bất lập,
跨 者 不 行。
Khoá giả bất hành,
自 見 者 不 明,
Tự kiến giả bất minh,
自 是 者 不 彰,
Tự thị giả bất chương,
自 伐 者 無 功,
Tự phạt giả vô công,
自 矜 者 不 長,
Tự căng giả bất trường.
其 在 道 也
B.— Kỳ tại Đạo dã,

曰：餘 食 贅 行，
 Viết：« Dư thực chuế hành,
 物 或 惡 之。
 Vật hoặc ố chi ».
 故 有 道 者 不 處。
 Cổ, hữu Đạo giả bất xử.

DỊCH NGHĨA

A.— *Nhơn gót lên thì không đứng vững;
 Xước chân ra thì không bước được.
 Tự xem là sáng thì không sáng.
 Tự xem là phải thì không chối.
 Tự xem là có công là không công.
 Tự kiến cũng thì không đứng đầu.*

B.— *Theo Đạo mà nói thì:
 « Đờ ăn dư, việc làm thừa »
 Ai cũng oán ghét.
 Vì vậy, người có Đạo không làm.*

BÌNH - CHỮ

Chương này thừa tiếp ý-nghĩa 2 chương trên :

A.— Hai câu đầu « *Nhón gót lên, thì không đứng vững; Xọc chân ra, thì không bước được* », là ý muốn bảo cái gì thái-quá thì mất quân-bình, mà mất quân-bình sẽ không được vững-vàng. Lão-Tử thường khuyên: « *không nên có gì thái-quá* » cả, vì « *vật tráng tắc lão* », « *vật cùng tắc biến* ». Ở chương trên ông đã nói: « *Phiêu phong bất chung triêu; sậu vũ bất chung nhật* » (飄風不終朝; 驟雨不終日).

« *Tự xem là sáng thì không sáng...* » 4 câu này là phản đề của 4 câu: « *Bất tự kiến cổ minh* » ở chương 22. (不自見故明).

B.— Thói thường rất thích những cái gì « *dư, thừa* », mong được « *dư, thừa* » và cho đó là hạnh-diện. Nhưng « *dư, thừa* » lại là việc mà ai ai cũng oán ghét. Một nhà xã-hội-học ngày nay cũng có nói: « *Cái đau khổ của kẻ nghèo, không phải do cái thiếu của họ mà là do cái dư thừa của người khác* ».

Người có Đạo cũng không chịu có chỗ « *thừa* » mà trái lại phải « *tồn hữu dư, bỏ bất túc* » (Chương 77), vì vậy mới nói: « *Hữu Đạo giả, bất xữ* » (有道者不處).

CHƯƠNG XXV

(25)

A.—

有	物	混	成	
Hữu	vật	hỗn	thành,	
先	天	地	生	
Tiên	thiên	địa	sinh.	
寂	兮	寥	兮	
Tịch	hề	liêu	hề,	
獨	立	不	改	
Độc	lập	bất	cải,	
周	行	而	不	殆
Châu	hành	nhì	bất	đãi,
可	以	爲	天	下
Khả	dĩ	vi	thiên	hạ
			hạ	mẫu,

B.—

吾	不	知	其	名
Ngô	bất	tri	kỳ	danh,

字 之 曰 道。
 Tự chi viết Đạo,
 強 爲 之 名 曰 大
 Cường vi chi danh viết Đại.
 大 曰 逝
 Đại viết Thệ,
 逝 曰 遠
 Thệ viết Viễn,
 遠 曰 反
 Viễn viết Phản.

C.— 故 道 大，天 大，
 Cổ, Đạo đại, Thiên đại,
 地 大，王 亦 大。
 Địa đại, Vương diệc đại.
 域 中 有 四 大
 Vực trung hữu tứ đại,
 而 王 居 其 一 焉。
 Nhi vương cư kỳ nhất yền.

人 法 地
 Nhơn pháp Địa,
 地 法 天
 Địa pháp Thiên,

天 法 道
 Thiên pháp Đạo,
 道 法 自 然
 Đạo pháp Tự-nhiên,

* * *

DỊCH NGHĨA

- A.— Có vật hỗn-độn mà nén,
 Sinh trước Trời Đất.
 Yên lặng, trống không.
 Đứng riêng mà không đổi,
 Đi khắp mà không mỏi,
 Có thể là Mẹ thiên-hạ.
- B.— Ta không biết tên,
 Gọi đó là Đạo,
 Gương cho là Lớn.
 Lớn là tràn-khắp,
 Tràn-khắp là đi xa,
 Đi xa là trở về.
- C.— Vậy, Đạo lớn, Trời lớn,
 Đất lớn, Người cũng lớn.
 Trong đời có bốn thứ lớn.

*Mà người là một.
 Người bắt chước Đất,
 Đất bắt chước Trời,
 Trời bắt chước Đạo,
 Đạo bắt chước Tự-nhiên.*

* * *

BÌNH - CHỮ

A.— Lão-Tử muốn hình-dung cái toàn-thể của Đại Đạo.

Trước Trời Đất đã có Đạo. Đạo thì «yên lặng», «trống không», bất-biến, nên gọi là «đứng riêng mà không đổi», đâu đâu cũng có mặt, nên gọi là «đi khắp mà không mỏi».

Đạo cũng sanh ra, vạn-vật nên gọi rằng: «Có thể là Mẹ của thiên-hạ».

B.— Đạo không có tên, tạm gọi là Đạo, gượng cho là Lớn, đều là những danh-từ gượng dùng đó thôi.

Câu «Viễn viết Phản» (遠曰反) «Đi xa, lại trở về» cùng một nghĩa với câu: «Phản giả Đạo chi động» ở chương 40 (反者道之動).

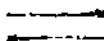
«Lớn là tràn-khắp» nghĩa là Đạo trùm lấp, không đâu là không có.

« *Tràn-khấp là đi xa* »... « *Đi xa là trở về* » là chỉ sự « *Châu nhi phục thủy* » của Đạo (週而復始).

C.— Chữ « *Vương* » (王) ở đây có nghĩa là « *người* ». Câu dưới Lão-Tử dùng chữ « *Nhơn* » (người): « *Nhơn Pháp Địa* » (人法地) cho nên biết rằng « *vương* » tức « *nhơn* » vậy. « *Người* » đây là kẻ thay mặt con người, tức là bực Vua Chúa.

* * *

« *Đạo pháp Tự-nhiên* » (道法自然) gốc của triết-học Lão-Tử là ở hai chữ « *Tự-nhiên* » (自然).



CHƯƠNG XXVI

(26)

重 爲 輕 根

A.— Trọng vi khinh căn

靜 爲 躁 君。

Tĩnh vi táo quân.

是 以 聖 人 終 日

B.— Thị dĩ Thánh-nhơn chung nhật

行 不 離 輜 重

Hành bất ly tri trọng.

雖 有 榮 觀

Tuy hữu vinh quan,

燕 處 超 然

Yên xử siêu nhiên.

奈 何 萬 衆 之 主，

C.— Nại hà vạn chúng chi chủ,

而 以 身 輕 天 下。

Nhi dĩ thân khinh thiên - hạ.

輕 則 失 本

Khinh tắc thất bản,

躁 則 失 君。

Táo tắc thất quân.

* * *

DỊCH NGHĨA

A.— *Nặng là rễ gốc của Nhẹ,
Tĩnh là chủ của Náo - loạn.*

B.— *Ấy nên, Thánh-nhơn, suốt ngày đi mà
không lìa xe nặng.
Tuy xem thấy cảnh-tượng vẻ-vang,
Mà lòng yên-lặng vượt lên trên cả.*

C.— *Vì sao vua nước vạn thặng,
Lấy thân mà xem nhẹ thiên-hạ?
Nhẹ thì mất gốc,
Náo - loạn thì mất chủ.*

* * *

BÌNH - CHÚ

A.— Vương-Bật nói: « Phàm vật nhẹ, không chỗ nặng được, nhỏ không đề lớn được. Không đi, sai-khiến sự đi; không động, sai-khiến sự động. Bởi vậy: *« nặng là rễ gốc của nhẹ, tĩnh là chủ của náo-loạn »*. Khoa-học vật-lý ngày nay cũng không nói khác hơn.

B.— Thánh-nhơn bao giờ cũng giữ gốc. Giữ luôn luôn trọng-tâm của mọi vật, tức là nắm ngay nguyên-tắc của luật quân-binh. Cho nên mới nói: *« Thánh-nhơn, suốt ngày đi mà không lìa xe nặng »*.

Nhưng lòng bao giờ cũng thần-nhiên, yên-lặng và vượt lên trên mọi ý-niệm về Thị Phi, Thiện Ác... nghĩa là chỉ chú-trọng vào cái Gốc là Đạo mà thôi.

C.— Bậc Vua nước muốn cỡi xe (tức là bậc Thiên-tử), tại sao lại xem mình là trọng mà coi thường thiên-hạ. Coi mình là trọng mà thiên-hạ là khinh (nhẹ) thì mất thiên-hạ, mà lòng vọng-dộng của mình sẽ làm mất cả ngôi-vị của mình nữa.

* * *

Chương này cốt-ý khuyên bậc Vương-nhân bắt chước theo Đạo mà trị nước, không nên xem nhẹ thiên-hạ và phải luôn luôn điềm-đạm, không nên rối loạn mà mất cả thiên-hạ cùng ngôi-vị.



CHƯƠNG XXVII

(27)

- A.— 善 行 無 極 迹。
Thiện hành vô triết tích.
善 言 無 瑕 適。
Thiện ngôn vô hà trích;
善 數 不 用 筭 策。
Thiện số bất dụng trừ sách.
善 閉 無 閤 鍵 而 不 可 開
Thiện bế vô quan kiện nhi bất khả khai.
善 結 無 繩 約 而 不 可 解
Thiện kết vô thằng ước nhi bất khả giải.
- B.— 是 以 聖 人
Thị dĩ Thánh nhân
常 善 救 人，故 無 棄 人。
Thường thiện cứu nhơn cố vô khí nhơn;

常 善 救 物，故 無 素 物。

Thường thiện cứu vật, cố vô khí vật.

是 謂 蒙 明。

Thị vị tạp minh.

故

C.—

Cổ

善 人 者 不 善 人 之 師。

Thiện nhơn giả bất thiện nhơn chi sư.

不 善 人 者 善 人 之 資

Bất thiện nhơn giả, thiện nhơn chi tư.

不 貴 其 師，

Bất quý kỳ sư,

不 愛 其 資

Bất ái kỳ tư,

雖 智 大 迷

Tuy trí đại mê,

是 謂 要 妙。

Thị vị yếu diệu.

DỊCH NGHĨA

- A.— Đi khéo, không để dấu chân ;
 Nói khéo, không để lỗi lầm ;
 Tinh khéo, không dùng bàn-toán ;
 Đóng khéo, không cần khóa mà không mở
 được ;
 Thắt khéo, không cần buộc mà không tháo
 được.
- B.— Cho nên, Thánh-nhơn
 Thường khéo cứu người nên không có người
 nào bị bỏ ;
 Thường khéo cứu vật, nên không vật nào
 bị bỏ.
 Ấy gọi là « sáng bằng hai ».
- C.— Nên chi, người lành là thầy của kẻ không
 lành,
 Người không lành là của-cải của người lành.
 Không quý người lành ấy,
 Không yêu người không lành ấy,
 Dù bậc trí, cũng mê to.
 Yếu diệu là đó !

* * *

BÌNH - CHƯ

A.— Một việc làm được gọi là toàn-thiện thì làm mà không ai nhận thấy dấu-vết của việc làm. Đó là hành-động hoàn-toàn của vô-vi. Lão-Tử chủ-trương «Vô-vi, nhi vô bất vi», «không làm, nhưng không có gì là không làm». Đem những ví-dụ cụ-thể như «đi khéo», «nói khéo», «tính khéo», «đóng khéo», «thất khéo»... để chỉ cái toàn-thiện trong những hành-động vô-vi, là không để cho ai thấy động cái dấu-vết của việc làm của mình cả. Thường tình lại khác : làm việc gì cũng khoa-trương, sợ người khác không hay.

B.— Thánh-nhơn hành-động cũng một thể : cứu giúp người mà không ai dễ được cứu giúp. Thánh-nhơn giúp người cũng không giúp riêng ai, vì vậy không có người nào bị bỏ

Người cũng vậy, mà vật cũng vậy. Thánh-nhơn cũng như Mặt Trời : Đức của Thánh-nhơn cũng như Đức của Mặt Trời : soi sáng mọi vật, không riêng cho vật gì cả. Giúp sự sống cho vạn-vật, mà vạn-vật không hay.

C.— Vậy nên, đức ấy được gọi là «sáng bằng hai», sáng cả trên lẫn dưới. Chữ «tập minh» (集明) có nghĩa là sáng bên này mà lồng qua tới bên kia.

«Người lành là thầy của kẻ không lành» cho nên dùng chữ «thầy» (師 師) tức là ám-chỉ «người lành» (善人) vậy.

« Người không lành (不善人) là của-cái của người lành », thì khi dùng chữ *tư* (資) là chỉ về « người không lành (不善人) » vậy.

Vì vậy, ta có thể dịch câu : « Bất quý kỳ sư, bất ái kỳ tư » như vậy : « không quý người lành, không yêu người không lành », thì dù là người « trí » cũng vẫn còn « mê to » : *Tuy trí, đại mê* (雖智大迷).

Bậc Thánh-nhơn đều yêu-quý tất cả, không phân Thiện Ác. Còn phân Thiện Ác là người chưa thức-tỉnh.



CHƯƠNG XXVIII

(28)

- A.— 知 其 雄
 Tri kỳ hùng.
 守 其 雌
 Thủ kỳ thụ,
 爲 天 下 谿
 Vi thiên-hạ Khê,
 爲 天 下 谿, 常 德 不 離
 Vi thiên-hạ Khê, thường đức bất ly,
 復 歸 於 嬰 兒。
 Phục quy ư anh nhi. (a)
- B.— 知 其 白
 Tri kỳ bạch,
 守 其 黑
 Thủ kỳ hắc,

爲天下式。

Vi thiên-hạ thức.

爲天下式，常德不忒

Vi thiên-hạ thức, thường đức bất thối,

復歸於無極。

Phục quy ư vô cực.

知其宗

C.—

Tri kỳ vinh,

守其辱

Thủ kỳ nhục,

爲天下谷

Vi thiên-hạ cốc.

爲天下谷，常德乃足

Vi thiên-hạ cốc, thường đức nãi túc.

復歸於樸

Phục quy ư phác.

樸散則爲器

D.—

Phác tán tắc vi khí,

聖人用之則爲官長，

Thánh nhân dụng chi tắc vi quan trường.

故大制不割。

Cố đại chế bất cắt.

* * *

DỊCH NGHĨA

- A.— Biết như con trống, giữ như con mái,
 Làm khe nước cho thiên-hạ;
 Làm khe nước cho thiên-hạ,
 —Hàng theo Đức mà không lia.
 Lại trở về trẻ thơ.
- B.— Biết trắng, giữ đen,
 Làm khuôn mẫu cho thiên-hạ;
 Làm khuôn mẫu cho thiên-hạ,
 Hàng theo Đức mà không sai.
 Lại trở về vô-cực.
- C.— Biết vinh, giữ nhục,
 Làm hang sáu cho thiên-hạ;
 Làm hang sáu cho thiên-hạ,
 Hàng theo Đức mới đầy-đủ.
 Lại trở về Mộc-mạc.
- D.— Mộc-mạc, tán ra, sinh đủ hạng người.
 Thánh-nhơn dùng hạng tài năng,
 Phong làm quan trường.
 Nền, phép trị lớn không chia.

BÌNH - CHỦ

A. B. C. — Đoạn A này cũng như 2 đoạn tiếp B và C đều đồng một ý và cùng bàn về một quan-điểm trọng-yếu của học-thuyết Lão-Tử: luật quân-bình. Theo Lão-Tử thì «Đạo của Trời, như cây cung giương lên: hễ chỗ cao thì ép xuống, chỗ thấp thì đỡ lên, bớt chỗ dư, bù chỗ thiếu...»

«Thiên chi Đạo kỳ du trương cung dư? Cao giả ức chi, hạ giả cử chi; hữu dư giả tồn chi, bất túc giả bổ chi...» (天之道其猶張弓與，高者抑之，下者舉之，有餘者損之，不足者補之) (Chương 77).

Vì vậy, muốn giữ thế quân-bình, đứng vững ở Đạo thì đừng thiên hân về một bên nào của đòn cân Thiện Ác, Thị Phi, Vinh Nhục... «Biết như con trống» hãy «làm như con mái», «biết trống» thì giữ mình như «đen tối»; «biết vinh» thì «giữ nhục»... tất như khi Lão-Tử khuyên ta, «hậu kỳ thân, nhi thân tiên» vậy.

Nên đề ý câu này «Tri kỳ hùng, thủ kỳ thư», «Tri kỳ bạch, thủ kỳ hắc»... Như theo ý-nghĩa của nó thì không bao giờ Lão-Tử khuyên ta «không học», «không biết» mà có người hiểu lầm là cái đạo «ngu dân». Sự thật ông bảo ta «Tri kỳ hùng», «tri kỳ bạch», nghĩa là «Biết như con trống», «biết trống»... nhưng đừng có đem cái biết ấy mà khoe-khoang... vì đó là vời hoa cho mình vậy. «Thông minh duệ tri» thì nên «thủ chi dĩ ngu», «dững lực chấn thế» thì nên «thủ chi dĩ khiếp». Thật thông-minh mà «làm như», kẻ tầm-tối ngu-khờ, đó mới thật là thông-minh. Đó là cái đạo xử-thế của ông vậy, tức là

cái đạo *"hậu kỳ thân nhi thân tiên, ngoại kỳ thân nhi thân tồn"* Vinh Nhục gắn liền nhau; được Vinh thì phải chịu cái Nhục của cái Vinh đó... *"Phúc hễ Họa chi sở phục"* (chương 58)

D.— *"Mộc-mạc"* tức là cái *Chân*. Vương-Bật nói : *"Chân mà tán ra, thì sanh ra trăm hạnh, trăm tánh khác nhau"*.

Có phân tán ra, mới có chỗ dùng khác nhau. Có chỗ dùng khác nhau, mới có dùng kẻ tài năng, phong làm quan trường.

Nhưng, phép *"trị lớn"* (đại chế 大制) thì không trị bằng cách chia-lìa, phân-biệt, phân-hóa tâm-hồn con người, lý một nơi, tình một ngã, mà phải làm cho con người trở về với Thiên-Chân tức là cái Sống Một, không phân-biệt Tâm Vật, Thiện Ác... Nên nói : *"phép trị lớn, không chia"* (đại chế bất cắt 大制不割).

*

* *

(a) *"Anh nhi"* (嬰兒) là ám-chỉ cái tâm của đứa trẻ sơ-sinh, chưa phân-biệt Thị Phi, Thiện Ác... thường gọi là *"xích tử chi tâm"* (赤子之心).

CHƯƠNG XXIX

(29)

將欲取天下而爲之

A.— Tương dục thủ thiên hạ nhi vi chi,

吾見其不得已

Ngò kiến kỳ bất đắc dĩ,

天下神器不可爲也。

Thiên-hạ thần khí bất khả vi dã.

爲者敗之，

Vi giả bại chi,

執者失之。

Chấp giả thất chi.

故 物

B.—

Cổ, vật

或 行, 或 隨

Hoặc hành, hoặc tùy,

或 獻, 或 吹

Hoặc hứ, hoặc xuy,

或 強, 或 羸

Hoặc cường, hoặc luy,

或 挫, 或 隳。

Hoặc toà, hoặc truy.

是 以 聖 人

C.—

Thị dĩ Thánh-nhơn

去 甚, 去 奢, 去 泰

Khứ thậm, khứ xa, khứ thái.

* * *

DỊCH NGHĨA

A.— Muốn lấy thiên-hạ mà làm (theo ý mình).

Ta thấy không thể được rồi.

Thiên-hạ là món đồ thần, chẳng thể làm theo
ý mình được đâu.

Hễ làm thì hỏng,

Hễ giữ thì mất.

- B.— *Cho nên, vật
hoặc đi, hoặc theo,
hoặc hà, hoặc hít,
hoặc mạnh, hoặc yếu,
hoặc che, hoặc phá.*
- C.— *Ấy nên, Thánh-nhơn
lánh bỏ những cái gì thái-quá.*

* * *

BÌNH-CHÚ

A.— Muốn đem thiên-hạ mà trị theo ý riêng của mình, lấy ý riêng của mình làm ý chung của thiên-hạ, tức là theo phép « hữu-vi » thì không được.

Thiên-hạ là một món đồ, nhưng là một món đồ « thần », không thể « làm » theo ý riêng mình được.

Hễ cố mà « làm » (hữu-vi) thì nó sẽ hỏng, cố mà giữ nó cho mình thì nó sẽ mất.

B.— Có lắm kẻ đi, ắt có lắm người theo. Có lắm kẻ mạnh, ắt có lắm người yếu. Do đó mà suy : có lắm giàu, ắt có lắm nghèo ; có lắm đặng, ắt có lắm mất ; có lắm vinh, ắt có lắm nhục ; có lắm vui, ắt có lắm khổ... nên thiên-hạ mời lắm việc (đa sự).

C.— Vì vậy, Thánh-nhơn không chịu đứng hẳn một bên nào cả vì sợ quá thiên quá độ. Nên mới nói : « Thánh-nhơn khứ thậm, khứ xa, khứ thái », (聖人去甚, 去奢, 去泰).

CHƯƠNG XXX

(30)

以道佐人主者，
A.— Di Đạo tá nhơn chủ giả,
不以兵強天下，
Bất dĩ binh cường thiên-hạ,
其事好還，
Kỳ sự hảo huòn,
師之所處，
Sư chi sở xử.
荊棘生焉。
Kinh cúc sanh yên.
大軍之後
Đại quân chi hậu,
必有凶年
Tất hữu hung niên.

- 故 善 有 果 而 已
 B.— Cổ thiện hữu quả nhi dĩ,
 不 敢 以 取 強。
 Bất cảm dĩ thủ cường.
 果 而 勿 矜
 Quả nhi vật cang,
 果 而 勿 伐
 Quả nhi vật phạt,
 果 而 勿 驕
 Quả nhi vật kiêu,
 果 而 不 得 已
 Quả nhi bất đắc dĩ,
 果 而 勿 強
 Quả nhi vật cường.
 物 壯 則 老
 C.— Vật tráng tắc lão (1)
 是 謂 不 道
 Thị vị bất Đạo.
 不 道 早 已。
 Bất Đạo tảo dĩ.

* * *

(1) Xem chương 55.

DỊCH NGHĨA

A.— Ai lấy Đạo phò Vua,
 Không dùng binh mà bức thiên-hạ,
 Sẽ thấy đặng kết-quả tốt.
 Chỗ đóng sư-đoàn,
 Gai-gốc mọc đầy.
 Sau cuộc chiến-chinh.
 Nhiều năm mất mùa.

B.— Vay thắng một cách khéo-léo,
 không dám dùng sức mạnh.
 Thắng mà không khoe-khoang,
 Thắng mà không tự khen,
 Thắng mà không kiêu-căng,
 Thắng vì cực-chăng-đã,
 Thắng mà không áp-bức.

C.— Vật mạnh lớn át già,
 Ấy là Trái Đạo,
 Trái Đạo, mất sớm.

BÌNH - CHỮ

A.— Lão-Tử rất chống-đối chiến-tranh, tức là sự dùng « *cương-đạo* ». Tuy nhiên nếu bất-đắc-dĩ mà phải chống-đối với địch, thì ông lại khuyên nên dùng phương-pháp « *nhu thắng cương, nhược thắng cường* » toàn là phương-pháp tiêu-cực, hơn là dùng cương-cường chế cương-cường.

Ông khuyên kẻ phò Vua giúp nước không nên dùng binh-bị mà bức-hiếp và cai-trị thiên-hạ ; vì như thế, hậu-quả sẽ không tốt-đẹp gì cả.

Theo ông nhận xét thì « *chỗ đóng quân binh* », hậu-quả sẽ « *gai-gốc mọc đầy* », « *chỗ chinh-chiến* » thì hậu-quả sẽ bị nhiều năm thất mùa, đói lạnh. Đó là chưa nói « *oán thù vạn kiếp* » sẽ gây ra do sự đắc-thắng của mình.

* * *

B.— Bởi vậy, bậc cầm quân giỏi là người « không dám » dùng sức mạnh để mà thắng địch. Chữ « *quả* » (果) đây có nghĩa là « *thắng* ». « *Thắng một cách khéo-léo* » là nhờ dùng cái thuật « *bất tranh nhi thiên thắng* », dùng « *nhu-nhược thắng cương-cường* », đó gọi là thắng mà « không dám dùng sức mạnh » (不敢以取強).

Và muốn dứt hậu-quả của sự chiến-thắng, phải biết « *thắng mà không khoe-khoang* », « *thắng mà không tự khen* », « *thắng mà không kiêu-căng* », « *thắng vì bất-đắc-dĩ* », « *thắng mà không hiếp-bức* » bằng sức mạnh.

* * *

C.— « *Vật mạnh lớn đi già* » (*vật tráng tắc lão*)

(物壯則老) cũng như Dịch-kinh nói: «Vật càng tác biến, vật cực tác phản» vậy.

Dùng « sức mạnh » là trái với Đạo Trời. Trái với Đạo thì phải mất sớm, vì như trước đây ông đã nói: «Phiêu phong bất chung triệu; sậu vũ bất chung nhật» (飄風不終朝驟雨不終日) (Chương 23). Đạo là quân-bình, không chịu cái gì «thái-quá»: hễ cái gì «bạo phát» thì «bạo tàn».

* * *

Tuy chương này bàn về quân-sự mà thực ra cũng là bàn về cách xử-thế hằng ngày.

Nên so-sánh với chương 68 sau này: «Thiện vi sĩ giả, bất vũ; thiện chiến giả, bất nộ; thiện thắng địch giả, bất dữ... Thị vị bất tranh chi đức» (善為士者，不武。善戰者不怒。善勝敵者不與... 是謂不爭之德。)

CHƯƠNG XXXI

(31)

- A.— 夫 佳 兵 者 不 祥 之 器，
 Phù giai binh giả bất tường chi khí,
 物 或 惡 之。
 Vật hoặc ố chi.
 故 有 道 者 不 處。
 Cổ hữu Đạo giả bất xử.
- B.— 君 子 居 則 貴 左，
 Quân tử cư tắc quý tả,
 用 兵 則 貴 右。
 Dụng binh tắc quý hữu,
 兵 者，不 祥 之 器
 Binh giả, bất tường chi khí,
 非 君 子 之 器，
 Phi quân - tử chi khí,

不 得 而 用

Bất đắc nhi dụng,

恬 淡 爲 上。

Điềm đạm vi thượng.

勝 而 不 美

Thắng nhi bất mỹ,

而 美 之 者

Nhi mỹ chi giả.

是 樂 殺 人

Thì lạc sát nhơn.

夫 樂 殺 人 者

Phù lạc sát nhơn giả,

則 不 可 以 得 志 於

Tắc bất khả dĩ đắc chí ư

天 下 矣。

Thiên hạ hĩ.

吉 事 尚 左

C.— Kiết sự thượng tả.

凶 事 尚 右

Hung sự thượng hữu.

偏 將 軍 居 左

Thiên tướng quân cư tả,

上 將 軍 居 右

Thượng tướng quân cư hữu.

言 以 喪 禮 處 之。

Ngôn dĩ tang lễ xử chi.

殺 人 之 衆，

Sát nhơn chi chúng.

以 哀 悲 泣 之。

Dĩ ai bi khắp chi.

戰 勝 以 喪 禮 處 之。

Chiến thắng dĩ tang lễ xử chi,

• • •

DỊCH NGHĨA

- A.— Binh khí tốt là vật chẳng lạnh,
 Vật nào cũng ghét nó.
 Nên chi, người có Đạo, không dùng.
- B.— Quán-tử thì trọng bên trái,
 Dụng binh thì quý bên phải.
 Binh là việc chẳng lạnh,
 Không phải đồ của người quán-tử.
 Bắt buộc mà dùng đến,
 Điềm-đạm là hơn.
 Thắng trận, đàn có tốt,

Mà cho là tốt,
 Là vui giết người.
 Phàm vui giết người,
 Không thể vừa ý-muốn thiên-hạ.
 Việc tốt chuộng bên trái,
 Việc dữ chuộng bên phải.
 Phó-tướng ở bên trái,
 Thượng-tướng ở bên phải:
 Là chỗ đứng trong khi tang lễ.
 Kẻ giết người nhiều
 Thâm thương khốc đố.
 Kẻ chiến thắng,
 Lấy tang lễ mà xư đầy.

* * *

BÌNH - CHÚ

Chương này thừa-ý chương trên, lên án chiến-tranh vào bạo-lực.

A.— Binh-khí tốt là những món bất tường mà một bậc Thánh-quân theo Đạo không bao giờ dùng đến.

* * *

B.— Thời-bình bậc Thánh-quân đề hạng người quân-tử bên trái (chỗ danh-dự): nhưng thời loạn, đề hàng vũ-tướng bên phải (không phải chỗ danh-dự, dù họ là người nước nhà đang cần).

Khi-giới là món bất-tường mà bậc Thánh-quân, bất-đắc-dĩ mới dùng đến, bao giờ cũng mong-muốn thà một hoà-bình không lợi hơn là một chiến-công rực-rỡ.

Chiến-công đâu phải là việc tốt, kẻ nào lại ưa-thích nó tỏ ra mình là kẻ khát-máu. Người như thế không xứng-đáng ở ngôi chúa-tể.

* * *

C.— Theo lễ, người ta để kẻ tốt bên trái, người bất-tường bên phải. Khi Nhà Vua tiếp các vị tướng, viên phó-tướng (vị tướng dự-khuyết để thay vào vị thượng-tướng thiếu) thì để đứng bên trái (vì họ ít bất-tường hơn vị thượng-tướng đương quyền), còn viên thượng-tướng thì để đứng bên phải, tức là cái chỗ của họ đứng lúc cử-hành tang lễ (chỗ của kẻ gieo-rắc tang khóc). Là vì kẻ giết người nhiều là kẻ phải khóc nhiều để đền tội ác của họ. Bởi vậy, cái địa-vị xứng-đáng nhất dành cho kẻ chiến thắng là chỗ của người chủ-tang.

CHƯƠNG XXXIII

(32)

A.— 道常無名樸，
Đạo thường vô danh phác，
雖小，
Tuy tiếu，
天下莫能臣也
Thiên-hạ mạc năng thần dã.
侯王若能守之，
Hầu vương nhược năng thủ chi，
萬物將自賓。
Vạn vật tương tự tân.
天地相合，
Thiên địa tương hợp，
以降甘露。
Dĩ giáng cam lộ.

民 莫 之 令 而 自 均。
 Dân mạc chi lệnh nhi tự quân.

B.— 始 制 有 名，
 Thi chế hữu danh,
 名 亦 既 有。
 Danh diệc ký hữu.
 夫 亦 將 知 止，
 Phu diệc tương tri chí,
 知 止 可 以 不 殆
 Tri chí khả dĩ bất đãi.
 譬 道 之 在 天 下，
 Thí Đạo chi tại thiên-hạ
 猶 川 谷 之 於 江 海。
 Du xuyên cốc chi ư giang hải.

* * *

DỊCH NGHĨA

A.— Đạo thường thì không tên, mọc-mạc,
 Tuy nhỏ,
 Dưới trời chưa chi thần phục được.
 Nếu bậc Vương Hân giữ được Nó,
 Vạn-vật sẽ tự xưng thần.
 Trời Đất hoà-hợp,

*Móc ngọt rơi xuống,
Dầu không bắt buộc,
Mà tự phục tùng.*

B.— *Pháp độ bày ra,
Thì mới có tên
Tên kia đã có,
Cũng phải biết dừng.
Biết dừng, không hại.
Đạo sánh với thiên-hạ,
Như sông biển với suối khe.*

* * *

BÌNH - CHỮ

A.— « Đạo thường » tức là Đạo vĩnh-cửu. Xem lại chương nhất: « Đạo khả đạo, phi thường Đạo », Danh khả danh, phi thường danh ».

Đạo thì thuần-phác, tuy tế-nhĩ (小) mà không chi có thể sai-khiến, phục-tùng Nó. Trái lại, Nó chi-phối tất cả.

Bậc Vua Chúa mà biết giữ Đạo, thì muôn vật theo về. Cũng như Trời Đất Âm Dương hoà-hợp nhau thì mưa-móc ngọt-ngào đồ xuống muôn dân nhờ được. Bậc Vua Chúa mà giữ Đạo, khác nào Trời Đất Âm Dương được hoà siróng ân-huệ rơi xuống cho thiên-hạ. Không cần ra lệnh bảo phải về, mà nhân dân đều cùng về.

B. — Một khi mất Đạo rồi, bày ra Nhân Nghĩa pháp-độ thì mới có đặt ra danh phận, cho nên mới nói : « *Pháp-Độ bày ra, thì mới có tên* ». Đòi mà có nhiều pháp-chế, thì đòi càng thêm loạn. Vì vậy mới bảo « *Cũng phải biết dừng* » (知止). « *Biết dừng* » thì mới « *không hại* ».

Đạo, đối với thiên-hạ, không khác gì khe suối đối với sông biển. Thiên-hạ rồi cũng phải đổ về Đạo, cũng như khe, suối phải đổ về sông, biển vậy.

* * *

« *Phác* » 棼 là gỗ chưa đẽo gọt, dùng để chỉ tánh-chất còn mộc-mạc chưa dùng vào việc gì cả của Đạo. (Xem lại chương 19).

CHƯƠNG XXXIII

(33)

- A.—
1. 知 人 者 智。
Tri nhơn giả trí;
 2. 自 知 者 明。
Tự tri giả minh.
 3. 勝 人 者 有 力。
Thắng nhơn giả hữu lực.
 4. 自 勝 者 強。
Tự thắng giả cường.
 5. 自 足 者 富。
Tri túc giả phú.
- B.—
6. 強 行 者 有 志。
Cường hành giả hữu chí.
 7. 不 失 其 所 者 久。
Bất thất kỳ sở giả cửu.
 8. 死 而 不 亡 者 壽。
Tử nhi bất vong giả thọ.

DỊCH NGHĨA

- A.— 1. *Biết người là Trí;*
 2. *Biết mình là Sáng.*
 3. *Thắng người là có sức;*
 4. *Thắng mình là Mạnh.*
 5. *Biết đủ là Giàu.*
- B.— 6. *Gượng làm là có chí.*
 7. *Không mất bản-tính là lâu dài.*
 8. *Chết mà không mất là sống lâu.*

* * *

BÌNH - CHÚ

A. Người « *Trí* » kém người « *Sáng* »; người « *có sức* » kém người « *mạnh* ». Theo Lão-Tử « *biết mình* » cũng như « *thắng mình* » khó-khăn hơn là « *biết người* » và « *thắng người* ».

« *Biết đủ là Giàu* » (知足者富): kẻ không biết đủ thì dù có dư bao nhiêu cũng vẫn nghèo thiếu mãi. So-sánh với câu « *tri túc chi túc thường túc* » và « *hoạ mạc đại ư bất tri túc* ». Lẽ ra câu này phải xếp ở chương 46 mới đúng.

B. — Câu « *cưỡng hành giả hữu chí* » 強行者有志 các nhà bình-luận phần đông mỗi người hiểu một cách. Có người hiểu là « làm mạnh-mẽ »; có người lại hiểu là « ép mình theo Đạo ». Nhưng, theo tôi, lại hiểu khác:

« Cưỡng hành » 強行 là « găng-gượng mà làm », cho nên dịch: « Gượng làm là có chí ». Là có lý-do: Lão-Tử chủ trương « Vô-vi », kẻ nào theo Đạo mà làm, thì cái làm ấy « thuận », nên làm mà không cần cố cưỡng. Kẻ nào còn cố-cưỡng làm theo cái ngoài của mình, chứ không làm theo mình, tất-nhiên là phải dùng đến cái mà ta gọi là « ý chí ».

Trên đây, ông « chế » kẻ « thắng nhơn » chỉ là kẻ « hữu lực », thì đây, kẻ còn « gượng gạo » mà làm theo kẻ khác, là kẻ « hữu chí » mà thôi. Hành-động của kẻ làm theo Đạo là hành-động Vô-vi, như lửa thì nóng, giá thì lạnh, một cách hết sức tự-nhiên, tức là hành-động « vô-tâm » của người thợ lặn giỏi, lội trong nước mà không hề có nước, không chống lại với nước, mà đã làm Một cùng với nước vậy.

Trang-Tử cũng nói một thể: « người say rượu té mà không bị thương là tại sao? Là tại họ không chống lại với cái té ấy... » Kẻ nào sành Nhu-đạo (Judo) sẽ rõ cái tinh-thiền của câu này.

Người Tây-phương có kẻ dịch chữ « Vô-vi » là hành-động tự-nhiên, không cố-gắng (non-effort).

Kẻ làm theo hữu-vi, thì không theo tự-nhiên, làm sai với Đạo, nên Lão-Tử mới nói: « *bất Đạo, táo dĩ* » (trái Đạo mất sớm). (Chương 30).

Kẻ nào còn giữ Thiên-Chân, tức là Đạo nơi ta, mới « không mất bản-tánh ». « Không mất bản-tánh » thì hành-động theo Đạo, nên không « mất sớm ». Bởi vậy, mới nói: « bất thất kỳ sở giả cửu, » 不失其所者久.

Bản-tánh ấy là vật trường-tồn, không mất đặng sau khi ta chết, nên mới nói: « Chết mà không mất » (từ nhi bất vong). Chữ « thọ » (sống lâu) cũng cùng một ý với chữ « cửu » 久 (lâu dài).

CHƯƠNG XXXIV

(34)

A.— 大 道 汜 兮，
Đại Đạo phiếm hề，
其 可 左 右。
Kỳ khả tả hữu.

萬 物 恃 之 而 生 而 不 辭
Vạn vật thị chi nhi sinh nhi bất từ.
功 成 不 名 有

Công thành bất danh hữu.

衣 養 萬 物 而 不 爲 主
Y dưỡng vạn vật nhi bất vi chủ，

常 無 欲，可 名 於 小
Thường vô dục, khả danh ư tiểu.

萬 物 歸 焉 而 不 爲 主。
Vạn vật quy yên nhi bất vi chủ.

可 名 爲 大

Khả danh vi đại.

以 其 終 不 自 爲 大

B.— Dĩ kỳ chung bất tự vi đại.

故 能 成 其 大。

Cố năng thành kỳ đại.

* * *

DỊCH NGHĨA

A.— Đạo lớn tràn lấp,

Bên phải bên trái.

Vạn vật nhờ Nó mà sinh ra,

Mà không một vật nào bị Nó khước từ.

Xong việc rồi, không để tên.

Che chở, nuôi dưỡng muôn loài, mà không
làm chủ.

Thường không ham muốn,

Nên có thể gọi tên là Nhỏ.

Được muôn vật theo, về mà không làm chủ,

Nên có thể gọi tên là Lớn.

B.— Bậc Thánh-nhơn, cho đến ngày cùng, không
cho mình là lớn.

Cho nên, mới thành được việc lớn của mình.

* * *

BÌNH - CHỦ

A. — « Đại đạo phiếm hễ, kỳ khả tả hữu » (大道汎分，其可左右) .

« 汎 » (phiếm) là chảy tràn lan, không đâu ngăn cản được.

Lấy nước mà ví với Đạo : Đạo tràn lấp mọi nơi, không đâu không đến. Nên nói : « Đạo lớn tràn lấp, bên phải bên trái ».

« Vạn-vật thị chi nhi sinh, nhi bất từ » . (萬物恃之而生，而不辭)

Muôn vật đều do Đạo mà sinh ra, Đạo không riêng cho ai, nên mới nói « nhi bất từ » (không một vật nào bị Nó khước từ).

« Công thành bất danh hữu » (功成不名有) . Đề ý đến câu « Công thành thân thoái, thiên vi Đạo ». Công-việc xong rồi, lại cũng không cho đó là công của mình. Thối thường thì làm xong việc gì hay cậy công và muốn lưu tên tuổi. Đạo không phải vậy. Nên mới gọi Đạo là « vô công » và « vô danh »... « Xong việc rồi, không đề tên ». (Xem chương 2).

« Y dưỡng vạn-vật nhi bất vi chủ » (衣養萬物而不為主) . « Y » (衣) cũng có bản chép là « Ái » (愛) đều có nghĩa là bao-bọc, che-chở, yêu-thương.

Đạo che-chở, bảo-bọc và nuôi-nấng muôn loài mà không chiếm làm của riêng như thói thường hay xem vật mình nuôi dưỡng là của riêng... Nên mới gọi Đạo là « vô kỷ » 無己. Tình-yêu chân-thật là tình-yêu không có tánh-cách chiếm-đoạt làm của riêng.

« Thường vô dục, khả danh ư tiều » (常無欲可名於小).

Vì thường không lòng ham-muốn, nên cảm thấy như không lớn lên mà lại bớt lần mãi, nên « có thể gọi là nhỏ ». So-sánh với câu : « Vi Đạo nhật lớn » (Chương 48).

« Vạn vật quy yên nhi bất vi chủ, khả danh vi đại » (萬物歸焉而不為主，可名為大).

Được muôn vật theo về là « lớn », nhưng nếu lại tự cho mình là chủ, thì thành ra hẹp-hòi vị-kỳ, nên không lớn được. Trái lại, nếu mình không xem đó là lớn, thì lòng mình còn rộng lớn hơn nữa. Nên mới gọi là « khả danh vi đại » (có thể gọi tên là Lớn).

« Dĩ kỳ chung bất tự vi đại » (以其終不自為大).

Tự xem mình là lớn thì không lớn được nữa, tự xem mình không lớn, thì mới lớn thêm được mà thôi. Cho nên mới nói : « Bậc Thánh-nhơn... không cho mình là lớn, mới thành được việc lớn của mình » (故能成其大).

CHƯƠNG XXXV

(35)

A.—

執 大 象，
Chấp đại tượng,
天 下 往。
Thiên-hạ vãng.
往 而 不 害，
Vãng nhi bất hại,
安 平 太。
An bình thái.

B,—

樂 與 餌
Nhạc dữ nhị,
過 客 止。
Quá khách chỉ.
道 之 出 口，
Đạo chi xuất khẩu

淡 乎 其 無 味 。

Đạm hò kỳ vô - vị,

視 之 不 足 見 。

Thị chi bất túc kiến.

聽 之 不 足 聞 。

Thính chi bất túc văn.

用 之 不 足 既 。

Dụng chi bất túc ký.

* * *

DỊCH NGHĨA

A.— Nắm được Đại-Tượng,
Đi khắp thiên-hạ,
Đi đến đâu cũng không hại,
Được yên-ổn thái-bình.

B.— Nhạc và bánh,
Khách đi qua dừng lại.
Đạo ra cửa miệng,
Lạt-lẻo vô-vị.
Nhìn không đủ thấy,
Lắng không đủ nghe.
Dùng Nó, không hết.

BÌNH - CHỮ

« *Đại-tượng* » là hình-ảnh Đạo.

A.— Bậc Thánh-nhơn nằm được Đạo, thì dù có đi cùng khắp thiên-hạ ở chỗ nào cũng được yên lành.

Chữ « an, bình » 安平 và chữ « Thái » 太 đồng với chữ 泰 đều cùng một nghĩa, nhưng có cao thấp khác nhau. « Thái » cao hơn « bình »; « bình » cao hơn « an ».

B.— Yến tiệc, có nhạc có bánh thì được khách đi qua dừng lại thưởng-thức.

Còn Đạo, tuy đem ra mà nói thì lạt-lẽo vô-vị, nhưng công-dụng của Nó thì vô-cùng, mặc dù nhìn không thấy, lắng không nghe. Không giống như cái vui-thú của xác-thịt dễ chán và chóng tàn.

CHƯƠNG XXXVI

(36)

- A.— 將 欲 歙 之
Tương dục hấp chi.
必 固 張 之。
Tất cố trương chi.
將 欲 弱 之
Tương dục nhược chi,
必 固 強 之。
Tất cố cường chi.
將 欲 廢 之
Tương dục phế chi,
必 固 興 之。
Tất cố hưng chi.
將 欲 奪 之
Tương dục đoạt chi,

必 固 與 之。

Tất cố dĩ chi.

是 謂 微 明

Thị vi vi minh.

柔 弱 勝 剛 強

Như-nhược thắng cương cường.

魚 不 可 脫 於 淵

B.— Ngư bất khả thoát ư uyên,

國 之 利 器

Quốc chi lợi khí,

不 可 以 示 人。

Bất khả dĩ thị nhơn.

DỊCH NGHĨA

A.— Hòng muốn thu-rút đó lại,

Là sắp mở rộng đó ra.

Hòng muốn làm yếu đó,

Là sắp làm đó mạnh lên.

Hòng muốn rút bỏ đó,

Là sắp làm hưng-khởi đó.

Hòng muốn cướp đoạt đó,

*Là sắp ban thêm cho đó,
 Ấy gọi là ánh-sáng huyền-vi.
 Mềm yếu thắng cứng mạnh.*

*B.— Cá không thể thoát vực sâu.
 Lợi khí nước nhà không thể bảo cho mọi
 người đều biết.*

* * *

BÌNH - CHỦ

Ở đây Lão-Tử giải rất rõ luật quân-bình của Đạo.

A.— Cặp mâu-thuân đối-dãi nhau như « hãm » (歟), « trương » (張), cường (強), « nhược » (弱), « hưng » (興), « phế » (廢), luôn luôn đi đôi với nhau, như Thiện Ác, Thị Phi, Vinh Nhục vậy. (Xem chương 2).

Không bao giờ luật Quân-bình (tức là Đạo) có thể đề cho Âm thắng Dương hoặc Dương thắng Âm mà không lập lại thăng-bằng. Cho nên ở dưới sẽ được đưa lên cao, ở bên phải sẽ bị đưa qua bên trái... Đạo như trọng-tâm của quả lắc, Đạo như « cây cung mà giương ra », « cao giả ức chi, hạ giả cử chi, hữu dư giả tồn chi, bất túc giả bổ chi »...

Nên đề ý so-sánh với hai câu này trong kinh Tân-Uớc (Nouveau Testament): « Quiconque s'élèvera sera abaissé et quiconque s'abaissera sera élevé » (Kẻ nào leo

lên cao sẽ bị hạ xuống thấp và kẻ nào hạ xuống thấp sẽ được nâng lên cao). « *Ainsi les derniers seront les premiers, et les premiers seront les derniers* ». (Kẻ đi sau sẽ là người đứng trước, còn kẻ đứng trước sẽ là kẻ đứng sau).

Thiên-hạ phần đông chịu đứng về bên tích-cực « *trung* », « *cường* », « *hưng* », « *dữ* » hơn là bên « *tiêu-cực* » « *hấp* », « *nhược* », « *phế* », « *đoạt* »... cho nên việc trong thiên-hạ bị mất quân-bình.

Người ta quên rằng hễ « *âm cực* » thì là dọn đường cho « *dương sinh* ». Cho nên bậc sáng-suốt « *hậu kỳ thân nhi thân tiên*, « *ngoại kỳ thân nhi thân tồn* » lấy « *nhu nhược* » mà « *thắng cương cường* » chứ không phải thật là nhu-nhược mà sợ cương-cường đâu, như người ta lầm hiểu.

B.— « *Ngư bất khả thoát ư nguyên* » (魚不可脫於淵). Cá đừng tìm cách ra khỏi vực sâu, tức là ra khỏi chỗ ở tự-nhiên và kín-đáo của nó. Tuy sống trong bóng tối mà an thân hơn là trôi lên mặt nước để bị bắt.

Một nước cũng vậy, tài lợi không nên khoe-khoang. Khoe-khoang cho mọi người biết, thì khó mà đừng sanh trộm cướp, nước cũng khó mà giữ được lâu bền.



CHƯƠNG XXXVII

(37)

- 道 常 無 爲，
A.— Đạo thường vô vi,
而 無 不 爲
Nhi vô bất vi,
侯 王 若 能 守 之
B.— Hầu vương nhược năng thủ chi,
萬 物 將 自 化
Vạn vật tương tự hoá.
化 而 欲 作
C.— Hoá nhi dục tác,
吾 將 鎮 之
Ngô tương trấn chi.
以 無 名 之 樸
Dĩ vô danh chi phác,

無 名 之 樸
 Vô danh chi phác.
 亦 將 無 欲,
 Diệc tương vô dục,
 不 欲 以 靜,
 Bất dục dĩ tĩnh,
 天 下 將 自 定
 Thiên-hạ tương tự định.

* * *

DỊCH NGHĨA

- A.— Đạo thường không làm,
 Nhưng không gì không làm.
 B.— Bậc Hài Vương giữ được Nó,
 Thì vạn-vật sẽ tự thay-đổi.
 C.— Muốn thay đổi mà nhúng tay vào,
 Ta nên ngăn lại,
 Dùng cái mộc-mạc của « Vô-danh »,
 Cái mộc-mạc của « vô-danh »,
 Cũng nên không ham-muốn ?
 Không ham muốn thì điềm-tĩnh,
 Thiên-hạ sẽ tự yên.

* * *

A. — « Đạo Thường » (道常) tức là ám-chỉ Đạo « trường cửu », « bất biến ».

« Vô-vi nhi vô bất vi » (無為而無不為): thấy thì dường như không làm gì cả, nhưng không có cái gì là không thấy ảnh-hưởng của việc làm của Đạo. Nghĩa là cái hành-động của Đạo đâu đâu cũng có, nhưng không đâu thấy được cái hành-động ấy, nên mới gọi là Vô-vi (không làm), chứ thực ra không phải là không làm gì cả.

Muôn hoa đua nở vì nhờ thọ lấy ánh sáng của mặt Trời. Mặt Trời dường như « không làm » gì cả, nhưng không có một vật nào là không thọ ánh sáng của mặt trời. Mặt trời giọi vạn-vật mà không hay mình giọi, vạn-vật thọ ánh sáng của mặt trời mà không hay là mình thọ. Đó là hành-động Vô-vi của Đạo, hành-động hết sức tự-nhiên như cái nóng của lửa, cái lạnh của giá vậy.

B. — « Bậc trị nước mà giữ được Nó » tức là biết thi-hành cái đạo « Vô-vi nhi vô bất vi », thì « vạn vật sẽ tự nó thay đổi » mà không hay có bàn tay mình sửa trị. Đó là đến được mực cao nhất của phép trị nước.

C. — Bởi vậy mới nói: « Muốn thay đổi mà nhúng tay vào, ta nên ngăn lại ». Thối thường theo đạo hữu-vi thì hay dụng ý riêng mình mà can-thiệp vào việc người, cưỡng ép người phải theo mình.

Giúp cho hoa nở, thì hãy giúp cho hoa nào nở hoa ấy, lấy cái tự-nhiên mà giúp cái tự-nhiên, « vạn vật tự hoá » mà không hay là mình thay-đổi.

Dùng cái «mặc-mạc của vô-danh» tức là của Đạo, hành-động Vô-vi mà «đần tự-hoá».

Nhưng Vô-vi phải đi đến Vô-tâm, nghĩa là thực-hiện Vô-vi một cách tự-nhiên đến nỗi không hay là mình hành cái đạo Vô-vi, như hoa nhả mùi hương của nó mà không hay là mình nhả ra mùi hương ấy. Nếu còn cố-gắng «ham muốn» làm cái đạo Vô-vi, là chưa Vô-vi vậy : còn hữu-tâm đến cái làm của mình, cái làm ấy chưa phải là cái làm tận-thiện tận-mỹ của Đạo. Cho nên mới nói : «Cái mặc-mạc của Vô-danh, cũng không nên ham muốn» nữa.

Được vậy, thì lòng mới yên-tĩnh «bất dục dĩ tĩnh» (不欲以靜) ; mình đã tĩnh rồi, thì «thiên-hạ» mới «tự-định» theo gương của mình. Đó cũng là yếu-chỉ của Lão-Tử trong sự thi-hành «bất ngôn chi giáo» (不言之教) của ông.

CHƯƠNG XXXVIII

(38)

- A.— 上 德 不 德
 Thượng đức bất đức,
 是 以 有 德;
 Thị dĩ hữu đức;
 下 德 不 失 德,
 Hạ đức bất thất đức,
 是 以 無 德。
 Thị dĩ vô đức.
- 上 德 無 為 而 無 以 為。
 B.— Thượng đức vô-vi nhi vô dĩ vi.
 下 德 為 之 而 有 以 為。
 Hạ đức vi chi nhi hữu dĩ vi.

上 仁 爲 之 而 無 以 爲。
C.—Thượng nhân vi chi nhi vô dĩ vi.

上 義 爲 之 而 有 以 爲。
Thượng nghĩa vi chi nhi hữu dĩ vi.

上 禮 爲 之 而 莫 之 應。
Thượng lễ vi chi nhi mạc chi ứng.

則 報 臂 而 捫 之。
Tắc nhượng tý nhi nhưng chi.

故，

Cổ,

失 道 而 後 德，
Thất Đạo nhi hậu Đức,

失 德 而 後 仁，
Thất Đức nhi hậu Nhân,

失 仁 而 後 義，
Thất Nhân nhi hậu Nghĩa,

失 義 而 後 禮。
Thất Nghĩa nhi hậu Lễ.

夫 禮 者，忠 信 之 薄，
Phù Lễ giả, trung tín chi bạc,

而 亂 之 首。
nhi loạn chi thủ.

前識者，道之華而愚之始；
 Tiên thức giả, Đạo chi hoa, nhi ngu chi thi;

是以大丈夫

D.— Thi dĩ đại trượng phu

處其厚不居其薄，

Xử kỳ hậu bất cư kỳ bạc,

處其實不居其華。

Xử kỳ thực bất cư kỳ hoa.

故去彼取此。

Cố khứ bỉ thủ thử.

* * *

DỊCH NGHĨA

A.— Đức mà cao là không có đức,
 Bởi vậy mới có đức.
 Đức mà thấp là không mất đức,
 Nên không có đức.

B.— Đức mà cao thì không làm,
 Lại không cậy đó là có làm,
 Đức mà thấp thì có làm,
 Lại cho là có làm.

C.— Nhân mà cao thì làm,
 Nhưng không cho đó là có làm.
 Nghĩa mà cao, cũng làm,
 Lại cho là có làm.
 Lễ mà cao, thì làm,
 Nếu không được đáp
 Thì xăn tay mà lườm.
 Vì vậy, mất Đạo, rồi mới có Đức,
 Mất Đức, rồi mới có Nhân.
 Mất Nhân, rồi mới có Nghĩa,
 Mất Nghĩa, rồi mới có Lễ.
 Lễ chỉ là cái vỏ mỏng của lòng trung tín;
 mà cũng
 Là đầu mối của hỗn-loạn.
 Tiên-thức chỉ là hoa của Đạo,
 Mà cũng là gốc của ngu.

D.— Ấy nên bậc đại-trượng-phu
 Ở chỗ dày, không ở chỗ mỏng,
 Chuộng trái, không chuộng hoa,
 Nén bỏ đầy mà giữ đó.

BÌNH - CHỦ

A.— « *Thượng đức bất đức, thị dĩ hữu đức* » 上德不德是以有德. Thượng và hạ ở đây, không có nghĩa là chỉ về tôn-ti trên dưới, mà chính là dùng để chỉ sự hợp hay không hợp với Đạo.

« *Thượng đức* », là chỉ về cái Đức hợp với Đạo, cận với Đạo. « *Bất đức* », chữ « *đức* » ở đây là chỉ những đức-tánh thông-thường như Nhân, Nghĩa, Trí, Tín v.v...

Câu « *thượng đức bất đức, thị dĩ hữu đức* » 上德不德是以有德 phải nên hiểu như vậy : Đức gần với Đạo, thì không có đức-tánh nào cả (theo nghĩa thông-thường), nên mới thật là có Đức, cái Đức của Đạo.

« *Hạ đức bất thất đức, thị dĩ vô đức* » 下德不失德是以無德. Còn cái đức thông-thường kia « *hạ đức* » thì không mất Đức nào cả, mà gồm cả những cái ta thường gọi là đức-tánh tốt (như nhân, nghĩa, lễ, trí v.v...) nên mới nói « *hạ đức bất thất đức* », đức ấy không phải là cái Đức gần Đạo nữa (thị dĩ vô Đức).

B.— « *Thượng đức vô vi nhi vô dĩ vi* » 上德無為而無以爲. Đức mà cao (gần Đạo) thì làm cái « không làm » (vô-vi), cho nên tuy làm mà lại không cho là mình làm (không cậy công).

« *Hạ đức vi chi nhi hữu dĩ vi* » 下德為之而有以爲. Đức mà thấp (xa Đạo) thì làm và lại cho là có làm (hữu-vi) và cậy công.

C.— «Thượng nhân vi chi nhi vô dĩ vi» 上仁爲之而無以爲

«Thượng nghĩa vi chi nhi hữu dĩ vi» 上義爲之而有以爲

Nhân (仁) mà cao (gần Đạo) thì tuy làm, nhưng không cho là có làm.

Theo Lão-Tử, tuy cho Nhân là khinh, nhưng «thượng nhân» (上仁) thì cũng còn gần Đạo hơn, nhờ làm mà không cậy đến việc làm của mình, hay nói một cách khác, làm mà không vì tư-tâm, tư-ý hay tư-lợi gì cả, làm gần với cái làm của «vô-vi».

Còn Nghĩa mà cao (gần Đạo) thì làm mà biết là có làm và nhân đó mà cậy công, nên xa với đạo vô-vi.

Như thế ta thấy Lão-Tử rất khinh Nghĩa 義.

«Thượng lễ vi chi nhi mạc chi ứng, tắc nhượng tý nhi nhưng chi» 上禮爲之而莫之應則讓臂而招之.

Lễ là hạng thấp nhất, vì Lễ mà không được người đáp lại thì xấn tay tỏ vẻ bất-bình. Như thế Lễ là hình thức dục lợi vị-kỳ nhất.

Tóm lại, Đạo Đức là trên hết, còn Nhân, Nghĩa, Lễ đều là đáng khinh cả.

«Thất Đạo nhi hậu Đức». 失道而後德

«Thất Đức nhi hậu Nhân». 失德而後仁

«Thất Nhân nhi hậu Nghĩa». 失仁而後義

«Thất Nghĩa nhi hậu Lễ». 失義而後禮

Mất Đạo rồi mới có Đức,
 Mất Đức rồi mới có Nhân.
 Mất Nhân rồi mới có Nghĩa.
 Mất Nghĩa rồi mới có Lễ.

* * *

«*Lễ giả trung-tin chi bạc, nhi loạn chi thủ*» 禮者忠信之薄而亂之首

Lễ là cái lớp che mỏng-mảnh của lòng trung-tin và là đầu mối của loạn-ly. *Lễ* là nước sơn giả-dối nhất trong đạo xử-thế. Đây là chỗ chống lại cái đạo của Khổng-Mạnh.

D.— Bởi vậy, bạc đại-trượng-phu (ám chỉ người hiền Đạo) «*xử kỳ hậu, bất cư kỳ bạc*». 處其厚不居其薄.

«*Hậu* 厚 là dày, tức là Đạo-Đức.»

«*Bạc* 薄 là mỏng, tức là Nhân, Nghĩa và Lễ, 仁, 義, 禮.

«*Xử kỳ thực, bất cư kỳ hoa*» 處其實不居其華. Họ chuộng trái mà không chuộng hoa. «*Trái*» là ám-chỉ thực-dụng, còn «*hoa*» là hư-dụng.



CHƯƠNG XXXVIII

(39)

A.— 昔 之 得 一 者：
Tích chi đắc Nhất giả：
天 得 一 以 清，
Thiên đắc Nhất dĩ thanh,
地 得 一 以 寧，
Địa đắc Nhất dĩ ninh,
神 得 一 以 靈，
Thần đắc Nhất dĩ linh,
谷 得 一 以 盈，
Cốc đắc Nhất dĩ doanh,
萬 物 得 一 以 生，
Vạn vật đắc Nhất dĩ sinh,
侯 王 得 一 以 爲 天 下 貞。
Hầu vương đắc Nhất dĩ vi thiên - hạ trinh.
其 致 之 一 也。
Kỳ trí chi Nhất dã.

天 無 以 清 將 恐 裂，
 B.— Thiên vô dĩ thanh tương khủng liệt.
 地 無 以 寧 將 恐 廢，
 Địa vô dĩ ninh tương khủng phế
 神 無 以 靈 將 恐 歇，
 Thần vô dĩ linh tương khủng hiệt.
 谷 無 以 盈 將 恐 竭，
 Cốc vô dĩ doanh tương khủng kiệt,
 萬 物 無 以 生 將 恐 滅，
 Vạn vật vô dĩ sanh tương khủng diệt,
 侯 王 無 貴 高 將 恐 蹶。
 Hầu vương vô quý cao tương khủng quyết.
 故，

C,—

Cổ,
 貴 以 賤 爲 本，
 Quý dĩ tiện vi bản,
 高 以 下 爲 基。
 Cao dĩ hạ vi cơ.

是 以 侯 王 自 謂 孤 寡 不 穀。
 Thị dĩ hầu vương tự vị cô quả bất cốc.
 此 其 以 賤 爲 本 耶？ 非 乎？
 Thử kỳ dĩ tiện vi bản da? Phi hồ?

故，
 D.— Cổ,
 致 數 譽 無 譽，
 Trí số dự vô dự，
 不 欲
 Bất dục
 珠 球 如 玉，
 Lục lục như ngọc.
 珞 珞 如 石。
 Lạc lạc như thạch.

• * •

DỊCH NGHĨA

A.— Đây là những vật xưa kia đã được ngời Một:
 Trời được Một mà trong,
 Đất được Một mà yên,
 Thần được Một mà linh,
 Hang được Một mà đầy.
 Muốn vật được Một mà sống,
 Hầu vương được Một mà trị thiên-hạ.
 Đều là đã đến được chỗ Một mà nên cả.

B.— Nếu trời không trong sẽ vỡ,
 Đất không yên sẽ lở.
 Hạng không đầy sẽ cạn,
 Thần không linh sẽ tấu,
 Vạn-vật không sống sẽ diệt,
 Hần vương không trị thiên-hạ sẽ mất.

C.— Bời vậy,
 Quý lấy Tiễn làm gốc,
 Cao lấy Thấp làm nền.
 Nếu chi,
 Hần vương tự xưng là « con côi », « ít đức », « không lành »;
 Đó là lấy « tiễn » làm gốc?
 Không phải vậy sao?

D.— Vậy quá khen thành như không khen.
 Bạc thánh-nhơn, không muốn
 được quý như ngọc,
 bị khinh như sỏi.

* * *

BÌNH - CHỮ

A.— Đoạn này quan-trọng ở hai chữ « đặc Nhất ». « Nhất » đây là Đạo.

Trời, Đất, Thần, Hang, Vạn-vật, Hậu-vương đều nhờ được chỗ Một (Đạo) mà nên. Trái lại, nếu Trời, Đất, Thần, Hang, Vạn-vật, Hậu-vương mà mất chỗ Một (Đạo) ấy thì thầy đều hỏng cả.

C.— Chỗ ta gọi là « Cao », là « Quý » đều lấy chỗ « hạ », chỗ « tiện » làm nền, làm gốc.

Nghiêm-Phục lại bảo rằng ở đây Lão-Tử chủ-trương dân-chủ. (!)

Thực ra, Lão-Tử chủ-trương Đạo không cao không thấp không quý không tiện, mà cả hai đều là Một. Đạo là lẽ quân-bình, không dung một cái gì thái-quá, nên nếu muốn Cao cần đứng dưới Thấp, muốn Quý nên đứng chỗ Tiện, để mà giữ sự thăng-bằng. Trái lại càng muốn thật Cao mà thiên hẳn một bên thì lại trở xuống Thấp, càng muốn thật Quý lại trở thành Tiện, bởi cái luật « *vật cùng tắc biến, vật cực tắc phản* ». Vì vậy ông luôn luôn chủ-trương sự « *hậu kỳ thân nhi thân tiên* » 後其身而身先. Gốc rễ của Cao Quý là ở chỗ Hạ Tiện, cũng như gốc rễ cái Tinh-thần là ở nơi Vật-chất. Đây là nòng-cốt đạo xử-thế của Lão-Tử.

Hồn và xác nương nhau mà sống, Tinh-thần Vật-chất nương nhau mà có, Quý Tiện nương nhau mà thành, Cao Hạ nương nhau mà nên... Cũng như khi ông nói: « *họa hề phúc chi sở ỷ; phúc hề họa chi sở phục* » vậy. Lìa nhau không có cái gì mà tồn-tại, như Âm-Dương, tuy nghịch nhau mà không thể rời nhau.

Cho nên trên kia mới có nói đến hai chữ « *đắc Nhất* » (得一).

Toàn chương nói về cái đạo trị nước của bậc thánh-nhơn. Thánh-nhơn "đắc Nhất" (Đạo) nên thiên-hạ được trị, đó là làm được chánh-sách "vô-vi nhi trị" (無爲而治).



CHƯƠNG XL

(40)

- 反 者 道 之 動 ;
A.— Phản giả Đạo chi động ;
弱 者 道 之 用 。
Nhược giả Đạo chi dụng .
天 下 萬 物 生 於 有 ;
B.— Thiên-hạ vạn vật sanh ư Hữu ;
有 生 於 無 。
Hữu sanh ư Vô .

. * .

DỊCH NGHĨA

- A.— Trở lại là cái động của Đạo ;
Yếu, mềm là cái dụng của Đạo .
B.— Vạn-vật dưới trời sanh nơi « Có » ;
« Có » sanh nơi « Không » .

. * .

BÌNH - CHỮ

A.— Đây là yếu-điểm của học-thuyết Lão-Tử.

Cái Động của Đạo, không phải là đi ra ngoài, mà là «trở vào» trong. Trở vào trong tức là trở về «Gốc». Vì vậy, những hành-động theo Đạo, luôn luôn trái-ngược với cái đạo hữu-vi của người đời thường hiểu và thường làm. Người thích lên cao, thì ông bảo đứng dưới thấp. Người ta thích tranh, ông bảo đừng tranh. Người ta thích se-sua, ông bảo che giấu. Người ta thích làm con trống, ông bảo làm con mái. Người ta thích cứng, ông bảo nên mềm. Người ta thích đứng trước, ông bảo nên đứng sau.

Theo ông «Yếu mềm là cái dụng của Đạo». Yếu-mềm, không phải là nhu-nhược như người đời thường hiểu. Nhược đây là biết thuận theo, biết chiều theo mà đừng cố cưỡng, không chống lại với những luật bất-di bất-dịch của tạo-hoá, của tự-nhiên, không dùng ý-chí mà cưỡng lại với Đạo, như người lợi trong nước mà không cưỡng lại với nước nên không biết có nước. Ta nên hiểu câu «Yếu mềm là cái dụng của Đạo» tức là lấy yếu mềm làm phương-pháp để trở về với Đạo. Ai có nghiên-cứu và tập qua Nhu-đạo (Judo) sẽ rõ một cách thiết-thực nguyên-lý «Yếu mềm là cái dụng của Đạo».

Câu này, với chữ Phản 反, ta có thể hiểu 2 cách :

1.— Tuần-hoàn.

2.— Trở về Bản-tánh.

1.— Vật dưới trời đều tuần-hoàn và tiếp-tục nhau

như ngày với đêm mà không bao giờ thôi. Hết sanh rồi tử, tử rồi sanh, lên rồi xuống, xuống rồi lên... phản-phức biến-động không ngừng. « Âm cực dương sinh », « dương cực âm sinh », « vật cùng tác biến, vật cực tác phản »...

2.— *Phản* 反 lại cũng có nghĩa là «trở về bản-tính», cái Có trở về cái Không (反於無). Theo Đạo thì không «tán ra», mà là «trở vào».

B.— «Có» đây, là «có hình»: vạn-vật do Trời Đất mà ra mà Trời Đất đã có địa-vị nhất-định trong Vũ-Trụ, nên mới nói : «Vạn-vật dưới trời, sanh nơi Có» (Thiên-hạ vạn-vật sinh ư hữu).

Trời Đất lại do Đạo mà ra, mà Đạo là cái lẽ nhiệm-mầu không sao hình-dung được, nên gọi là «Vô», đồng nghĩa với chữ Không của nhà Phật. Nghiêm-Phục bảo : «Vô bất chân Vô» (無不真無), nghĩa là cái Không đâu phải là Chân-Không, mà là cái Không tương-đối với cái Có.

* * *

Tóm lại, câu «Phản giả đạo chi Động» là nòng-cốt của tư-tưởng Lão-Tử.

Cũng vì phòng sự «phản phức» ấy, mà ông thường khuyên ta những câu như sau : «hậu kỳ thân nhi thân tiên», «bất tranh nhi thiện thắng», «nhu-nhược thắng cương», «quý dĩ tiện vi bền, cao dĩ hạ vi cơ» v.v...



CHƯƠNG XLI

(41)

A.—

上士聞道，
Thượng sĩ văn Đạo,

効而行之。

Cần nhi hành chi.

中士聞道，

Trung sĩ văn Đạo,

若存若亡。

Nhược tồn nhược vong.

下士聞道。

Hạ sĩ văn Đạo.

大笑之。

Đại tiếu chi.

不笑，不足以爲道。

Bất tiếu, bất túc dĩ vi Đạo.

故建言有之：

B.—

Cổ kiến ngôn hữu chi:

明 道 若 昧，
 Minh Đạo nhược muội,
 進 道 若 退。
 Tiến Đạo nhược thoái.
 夷 道 若 類。
 Di Đạo nhược loại.
 上 德 若 谷，
 Thượng Đức nhược cốc,
 大白若辱，
 Đại bạch nhược nhục,
 廣 德 若 不 足。
 Quảng đức nhược bất túc.
 建 德 若 偷，
 Kiến đức nhược thu,
 質 真 若 渝。
 Chất chân nhược du.
 大 方 無 隅，
 Đại phương vô ngung,
 大 器 晚 成。
 Đại khí vãn thành.
 大 音 希 聲，
 Đại âm hi thanh,

C.—

大 象 無 形 。

Đại tượng vô hình.

道 隱 無 名 。

Đạo ẩn vô danh.

夫 唯 道 。

Phù duy Đạo,

善 貸 且 成 。

Thiện thái thả thành.

* * *

DỊCH NGHĨA

A.— Thượng-sĩ nghe Đạo,
 Cố-gắng theo liền.
 Trung-sĩ nghe Đạo,
 Thoạt nhớ, thoạt quên.
 Hạ-sĩ nghe Đạo.
 Cả cười, bỏ qua.
 Nếu không cười, sao đủ gọi đó là Đạo.

B.— Nền chi,
 Người xưa nói:
 Sáng về Đạo, đừng tâm-tối,
 Tối về Đạo, đừng thói lui.

*Ngang với Đạo, đường tầm thường.
Đức mà cao, đường trũng thấp,
Thật trong-trung, đường bợn uơ.
Đức dồi-dào, đường không đủ.
Đức vững-chắc, đường cẩu-thả.
Kẻ chân-chất, đường biến đổi.*

*C.— Vuông lớn, không góc.
Châu lớn, muốn thành.
Âm lớn, ít tiếng.
Tượng lớn, không hình.
Đạo kín, không tên.
Chỉ có Đạo.
Hay cho, lại tác thành.*

* * *

BÌNH - CHỮ

A.— Bậc « cao », nghe nói đến Đạo, đem thi-hành ngay một cách cần-mẫn.

Bậc « trung », nghe nói đến Đạo, thì nửa tin, nửa ngờ, nên khi thì nhớ, khi thì quên, khi thì làm, khi thì bỏ.

Bậc « hạ » nghe nói Đạo, trái lại biếm nhẽ, lại cười chê, vì họ chỉ tin những gì mắt thấy tai nghe mà thôi. Bởi vậy, nếu họ lại không cười chê, biếm nhẽ thì ra Đạo là cái lẽ thấy

đặng, nghe đặng, rõ đặng hay sao ? Đạo mà như thế, đâu còn phải là Đạo nữa.

* * *

B. — « *Minh Đạo nhược muối* » 明道若昧.

Đoạn văn này, nên để ý những chữ « *nhược* » (若) (dường như), chứ không phải thực-sự như vậy. Chữ « *nhược* » đây, đồng một nghĩa với chữ « *thủ* » (守) trong những câu như « *tri kỳ hùng, thủ kỳ thư* ».

Kẻ sáng về Đạo, thì dường như người tầm-tối : họ giấu cái sáng của họ.

Mấy câu cách-ngôn này đều cùng một ý nghĩa với câu « *minh Đạo nhược muối* » và cũng đồng một ý với những câu : « *chúng nhơn chiêu chiêu, ngã độc nhược ôn* » (XX); « *Đại thành nhược khuyết, kỳ dụng bất tệt... Đại doanh nhược xung... Đại trực nhược khuất, đại xảo nhược chuyết, đại biện nhược nột* » 大成若缺其用不弊。大盈若冲。大直若屈。大巧若拙。大辯若訥。 (XLV)

Những câu của đoạn B và C trên đây đều đề biểu-thị cái đạo quân-bình của Lão-Tử : cái cực sáng giống như cái cực tối... (明道若昧)

CHƯƠNG XLII

(42)

A.—

道 生 一，

Đạo sanh Nhất,

一 生 二，

Nhất sanh Nhị,

二 生 三，

Nhị sanh Tam,

三 生 萬 物。

Tam sanh vạn - vật.

萬 物 負 陰 而 抱 陽，

Vạn - vật phụ âm nhi bào dương,

冲 氣 以 爲 和。

Xung khí dĩ vi hoà.

人 之 所 惡，

B.—

Nhơn chi sở ố,

唯 孤 寡 不 穀，

Duy cô quả bất cốc,

而王公以爲稱。

Nhì vương công dĩ vi xưng.

故，

Cổ,

物或損之而益，

Vật hoặc tổn chi nhi ích,

或益之而損。

Hoặc ích chi nhi tổn.

人之所教，

C.—

Nhơn chi sở giáo,

我亦教之。

Ngã diệc giáo chi.

強梁者不得其死。

Cường lương giả bất đắc kỳ tử,

吾將以爲教父。

Ngò tương dĩ vi giáo phụ.

DỊCH NGHĨA

A.— Đạo sanh Một,

Một sanh Hai,

*Hai sanh Ba,
Ba sanh Vạn-Vật.*

*Trong Vạn-Vật không vật nào
mà không công Âm và lòng Dương.
Nhân chỗ xung nhau mà hoà với nhau.*

*B.— Chỗ ghét của người
Là « cô-lậu », « quả đức », « bất-thiện »
Thế mà bậc vua chúa
Lại dùng đó mà tự xưng.
Vây, sự vật trong đời
Bớt là thêm,
Thêm là bớt.*

*C.— Chỗ mà người xưa dạy,
Ta nay cũng dạy:
Dùng bạo động,
Chết bạo tàn.
Người nói câu ấy là Thầy ta.*

* * *

BÌNH-CHỮ

Toàn chương ý-văn không nhất-khí, nên chia làm ba đoạn khác nhau A.B.C.

A. — Đoạn thứ nhất ; « Đạo sanh Nhất, Nhất sanh Nhị, Nhị sanh Tam, Tam sanh vạn-vật » 道生一, 一生二, 二生三, 三生萬物.

Nhất đây là trở vào cái Thê duy-nhất của Đạo. Nhị là trở vào Âm Dương, tức là hai nguyên-lý mâu-thuân đồng có trong mỗi vật, và vì thế mới có nói : « vạn-vật phụ âm nhi bảo dương ». Giữa sự xô-xát, xung-đột của hai nguyên-lý ấy có một cái gì nằm giữa-mỗi và làm cho nó dung-hoà nhau : đó là nguyên-lý thứ ba, cái Dụng của Đạo. Nó là chỗ mà Lão-Tử bảo : « xung khí dĩ vi hoà », tức là cái nguyên-lý làm cho cái khí xung-đột của hai nguyên-lý kia điều-hoà với nhau. Đến được cái số Ba đó, là vạn-vật thành hình, nên mới nói « tam sanh vạn-vật ».

B. — « Nhơn chi sở ố, 人之所惡

Duy cô, quđ, bất-cốc, 唯孤寡不穀

Nhi vương công dĩ vi xưng » 而王公以爲稱

« Bất cốc » 不穀 có nghĩa là « bất thiện » 不善.

Những danh-từ như « cô », 孤 « quđ » 寡, « bất thiện » 不善 đều là những danh-từ mà người đời ai cũng ghét ; nhưng bậc vua Chúa lại dùng đó tự xưng... Đó là ý Lão-Tử khuyên ta : « quý, dĩ tiện vi bôn ; cao, dĩ hạ vi cơ » đề gìn-giữ được lâu bền địa-vị « cao quý » của mình... Cũng là cùng một ý với câu : « hậu kỳ thân nhi thân tiên », phòng hờ sự phản-phúc biến-thiên của sự vật khi nó lên đến chỗ cùng-cực của nó : « vật cực tắc phản ».

Như thế, ta thấy rằng Lão-Tử đâu phải chủ-trương

sự « đi sau », « đứng dưới », nhưng mà « đi sau » để được « đứng trước », « đứng dưới » để được « ngồi cao ».

Ông nêu rất rõ cái luật quân-bình của Tạo-hoá là « *tồn chi nhi ích* » 損之而益, « *ích chi nhi tồn* » 益之而損 (bớt là thêm, thêm là bớt). Bớt, là để thêm vài chỗ bất-cập; thêm, là để bớt chỗ thái-quá để mà lập lại Quân-bình : *tồn hữu dư, bỏ bất túc*. So-sánh với những câu như « *tương dục hấp chi, tất cố tương chi ; tương dục nhược chi, tất cố cường chi ; tương dục phế chi, tất cố hưng chi...* » (chương XXXVI).

C.— « *Cường lương già bất đắc kỳ tử* ». (強梁者不得其死.)

Câu này đồng một ý với trong Thánh-kinh của Thiên-Chúa giáo : « *Celui qui frappe avec l'épée, périra par l'épée* » (Kẻ nào giết bằng gươm, sẽ chết bằng gươm). Hễ dùng bạo-lực thì chết bạo-tàn.



CHƯƠNG XLIII

(43)

A.— 天 下 之 至 柔，
Thiên-hạ chí chí nhu,
馳 騁 天 下 之 至 堅。
Trì sinh thiên-hạ chí chí kiên.
無 有 入 無 間。
Vô hữu nhập vô gian.
吾 是 以 知 無 爲
Ngô thị dĩ tri vô vi
之 有 益。
chí hữu ích.

B.— 不 言 之 教，
Bất ngôn chi giáo,
無 爲 之 益，
Vô vi chí ích,
天 下 希 及 之。
Thiên-hạ hi cập chí.

DỊCH NGHĨA

- A.— Cái rất mềm của thiên-hạ,
Thắng cái rất cứng trong thiên-hạ.
Cái « không có » còn xen vào được chỗ
không thể xen vào,
Do đó mà ta biết được sự lợi-ích của « vô-vi ».
- B.— Dạy bảo mà không cần đến lời nói,
Sự lợi-ích của Vô-vi,
Trong thiên-hạ ít ai hiểu kịp.

* * *

BÌNH - CHÚ

A.— Đây là chủ-trương « nhu thắng cương, nhược thắng cường » của Lão-Tử ở chương 78 sau này.

« Vô hữu nhập vô gian » 無有入無間

Gọi là « Vô », tức là « không có » (vô hữu) nhưng « cái Đó » lại có thể « nhập » vào những chỗ mà ta biết không còn có chỗ nào trống để xen vào được. Cho hay Đạo (tức là Vô-hữu) không chỗ nào là không có Nó.

B.— « Bất ngôn chi giáo » 不言之教

Dạy bảo mà không dùng đến lời, đó cũng là một trong nhiều nghĩa của chữ « Vô-vi »... Để tự-nhiên mà

vạn-vật tự-hoá, không dùng đến lời mà cưỡng-ép, thuyết-dụ... So-sánh với câu « *thiên hà ngôn tai !* » của Không-Tử.

Ở đây, ta lại cũng nên hiểu rằng Lão-Tử chủ-trương Đạo là một lẽ không thể dùng lời mà nói ra được, vì « nói ra được không còn là cái thường của Đạo » (*Đạo khả đạo, phi thường Đạo* (chương I)). Ông cũng nói : « *Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri* ». 知者不言。言者不知。 Đó là nghĩa thứ hai của câu « *bất ngôn chi giáo* ». Sở dĩ mà dùng đến lời, là một sự miễn-cưỡng rồi vậy. Đạo-học là một sự tâm-truyền tâm không thể dùng lời nói mà miêu-tả được, chỉ có thể cảm thông mà thôi. So-sánh với 4 câu Kệ này của giáo-phái Thiền-tông nhà Phật : « *Giáo ngoại biệt truyền, bất lập văn-tự, trực chỉ nhơn-tâm, kiến tánh thành Phật* » (教外別傳，不立文字。直指人心，見性成佛)。

CHƯƠNG XLIV

(44)

名 與 身，孰 親？

A.— Danh dư thân, thực thân?

身 與 貨，孰 多？

Thân dư hoá, thực đa?

得 與 亡，孰 病？

Đắc dư vong, thực bệnh?

是 故，

B.— Thị cố,

甚 受 必 甚 費；

Thậm ái tất thậm phí;

多 藏 必 厚 亡。

Đa tàng tất hậu vong.

知 足 不 辱，

Tri túc bất nhục,

知 止 不 殆，

Tri chỉ bất dãi,

可 以 長 久 。

Khả dĩ trường cửu.

DỊCH NGHĨA

A.— *Danh và Thân, cái nào quý hơn ?
Thân và Của, cái nào trọng hơn ?
Đặng và Mất, cái nào khổ hơn ?*

B.— *Vậy nên,
Thương nhiều đt tổn nhiều,
Chứa nhiều đt mất nhiều.
Biết đủ, không nhục.
Biết dừng, không nguy.
Và có thể lâu dài.*

BÌNH - CHỮ

A.— Không cần hỏi, ta cũng biết rằng « thân » ta là trọng hơn « danh » ta ; « thân » ta là quý hơn « của-cái » của ta ; và « được » danh « được » lợi, lắm khi còn khổ hơn là « mất » nó.

Danh và Lợi là vật ngoại-giới, có đáng giá gì để cho ta « được » mà mừng, « mất » mà buồn chẳng ?

Kẻ nào mà Đức đầy-dủ nơi trong rồi, thì đâu có màng gì đến « danh » mà vẫn thấy mình là sang, bởi vậy họ « biết đủ », nên không bao giờ « bị nhục ».

Họ biết rằng của-cải quý nhất là cái Đức của nơi họ, nên họ không màng gì đến lợi-lộc bên ngoài mà vẫn thấy mình là giàu, vì vậy, họ không tham-lam ham-muốn, họ biết dừng lại tham-vọng của họ nên họ không bao giờ bị nguy.

Không bị nhục, không bị nguy, họ có thể được lâu dài : « ngoại kỳ thân nhi thân tồn » gác thân ra ngoài vòng Danh Lợi thì mới gìn-giữ mình được lâu dài.

« *Thậm ái tất thậm phí ; đa tàng tất hậu vong* » 其受必其費。多藏必厚亡。 Đó là kết-quả của luật quân-bình : Đừng có gì thái-quá ! Điều mà Lão-Tử thường căn dặn : « *Khử thậm, khứ xa, khứ thái* ». « *Thậm ái* » 其受 là « *đắm mê quyến-luyến thái thậm* » quyến-luyến thái thậm thì phải hy-sinh rất nhiều ắt tổn phí sinh-lực, làm giảm tuổi trời.

Còn như thu-trữ, chứa-chất của quý thật nhiều, phải chăng đó là cách kêu-gọi trộm cướp đến, và cũng là cách vờn hoạ đến cho mình ? Bởi vậy « *biết đủ mới không vờn nhục đến cho mình* », « *biết dừng lại mới không vờn tai-nghuy đến cho thân mình* » vậy.

Và có như thế mới có thể lâu dài.

« *Tri túc* » 知足, « *tri chí* » 知止 là 2 liều thuốc « *lãnh nguy cầu an* » bất-cứ ở vào thời-buổi nào, nhất là ở thời loạn.

CHƯƠNG XLV

(45)

A.—

大成若缺，

Đại thành nhược khuyết,

其用不弊；

Kỳ dụng bất tẽ.

大盈若冲，

Đại doanh nhược xung,

其用不穷。

Kỳ dụng bất cùng.

大直若屈，

Đại trực nhược khuất,

大巧若拙。

Đại xảo nhược chuyết.

大辩若讷。

Đại biện nhược nột.

躁胜寒，

B.—

Tảo thắng hàn,

靜 勝 熱，
 Tĩnh thắng nhiệt.
 清 靜 爲 天 下 正。
 Thanh tịnh vi thiên-hạ chính.

* * *

DỊCH NGHĨA

- A.— Thành-tựu mỹ-mãn đường như dờ-dang,
 Thì chỗ dùng của nó không hư được.
 Đầy tràn đường như trống không,
 Thì chỗ dùng của nó vô-cùng.
 Rất ngay thẳng đường như cung quẹo,
 Rất khéo-léo đường như vụng-về,
 Rất hùng-biến đường như áp-úng.
- B.— Nóng-này thắng lạnh-lẽo,
 Yên-lặng thắng hăng-hái.
 Thanh-tịnh mới chính được thiên-hạ.

BÌNH - CHÚ

A.— Thánh-nhơn thật là hoàn-toàn, nhưng làm như đầy vụng-về đang-dờ, vì vậy mà năng-lực không bao giờ mòn.

Thánh-nhơn thì toàn-mãn, nhưng làm như thiếu-thốn

không có gì; vì vậy mà công-dụng không bao giờ cùng.

Thánh-nhơn thì rất ngay thẳng, nhưng làm như vụng-về; thật hùng-biện, nhưng làm như nói chẳng ra lời... Chương 28, Lão-Tử cũng đã chủ-trương như thế : « *tri kỳ hùng, thủ kỳ thư* », « *tri kỳ bạch, thủ kỳ hắc* ».

Ta nên đề ý đến những chữ *nhược* (« dường như » hay « làm như ») chứ không phải thực như thế.

B. — « *Táo thắng hàn* » 躁勝寒

« *Tĩnh thắng nhiệt* » 靜勝熱

« *Thanh tịnh vi thiên-hạ chính* » 清靜爲天下正

Phàm vật, hễ động thì sanh ra nhiệt, tĩnh thì sinh ra hàn. Bởi vậy, khi lạnh, người ta dùng nóng mà thắng lạnh (hàn); khi nóng, người ta dùng tĩnh mà thắng nóng (nhiệt) : « *Táo thắng hàn, tĩnh thắng nhiệt* ».

Thiên-hạ đều náo-nhiệt gần như cùng-cực, vậy bậc thánh-nhơn dùng « *thanh-tĩnh* » mà trị, nên thiên-hạ được tự-chính. « *Thanh-tĩnh* » 清靜, tức là Vô-vi 無爲.

CHƯƠNG XLVI

(46)

- A.— 天 下 有 道，
Thiên-hạ hữu Đạo,
卻 走 馬 以 棄。
Khước tẩu mã dĩ phản.
天 下 無 道，
Thiên-hạ vô Đạo,
戎 馬 生 於 郊。
Nhưng mã sanh ư giao.
- B.— 禍 莫 大 於 不 知 足；
Hoạ mạc đại ư bất tri túc；
咎 莫 大 於 欲 得。
Cữu mạc đại ư dục đắc.
故
Cố
知 足 之 足
Tri túc chi túc

常足矣。

Thường túc hĩ.

DỊCH NGHĨA

- A.— Thiên-hạ có Đạo,
 Ngựa cỡi vun phân ruộng.
 Thiên-hạ không Đạo,
 Ngựa chiến nuôi ngoài thành.
- B.— Không họa nào lớn bằng không biết đủ.
 Không hại nào to bằng muốn đặng.
 Bời vậy,
 Biết đủ trong cái đủ, mới luôn luôn đủ.

• • •

BÌNH - CHÚ

- A.— « Thiên-hạ hữu Đạo » 天下有道
 « Khước tâu mã dĩ phân » 卻走馬以糞
 « Thiên-hạ vô Đạo » 天下無道
 « Nhung mã sanh ư giáo » 戎馬生於郊

Thiên-hạ mà được Đạo, thì ngựa chiến được trả về đồng ruộng làm công-việc vun phân.

Thiên-hạ mà mất Đạo, thì ngựa chiến được nuôi tấp-nập bên thành.

Ở đây, Lão-Tử hình-dung tình-trạng của một nước trong cảnh còn và mất Đạo. Đó là bản cáo-trạng, lên án chiến-tranh dưới mọi hình-thức.

* * *

B. — « *Hoạ mạc đại ư bất tri túc* » 禍莫大於不知足
Lòng tham-muốn của con người không biết đâu là bờ-bến. Với lòng tham-muốn vô-tận, biết đến đâu mới là đủ. Kẻ không biết dừng lại « *tri chí* », thì không sao « *biết đủ* » (*tri túc*). Trong đời không có cái hoạ nào lớn bằng cái lòng không biết đủ.

Chính cái lòng không biết đủ ấy (*bất tri túc*) là nguồn-gốc của chiến-tranh, của tất-cả sự tao-loạn trên đời... Chiến-tranh, dưới mọi hình-thức, phải chăng là cái « *đại hoạ* » của con người ? Cho nên mới nói : « *hoạ mạc đại ư bất tri túc* ».

* * *

« *Cửu mạc đại ư dục đắc* » 咎莫大於欲得

Không có cái lỗi nào trọng bằng sự muốn được, tức là muốn thu-trữ. Thu-trữ, tàng chứa... thì gọi đến lòng tham dục của kẻ khác. Chương 3 có nói : « *Bất kiến khả dục, sĩ dân tâm bất loạn* » (không phô điều ham-muốn, đó là làm cho lòng dân không loạn).

Thu-trữ, tích của quý... là vờn hoạ đến cho mình.

* * *

« Tri túc chi túc thường túc » 知足之足常足

Biết đủ trong cái đủ thì luôn luôn được đủ. Cái đủ của ta không thể ai giống ai được. Cái đủ của người này là cái thiếu đối với người kia cũng không chừng. Nhu-cầu, địa-vị, hoàn-cảnh, không ai giống ai cả, vì cái đủ không sao nhất-luật được. Nhưng nó phải có một chỗ dừng. Biết dừng ngay chỗ phải dừng, đó là sáng-suốt. Cho nên mới nói : *« Biết đủ trong cái đủ của mình thì luôn luôn đủ »*.

CHƯƠNG XLXII

(47)

A.— 不 出 戶，知 天 下。
Bất xuất hộ, tri thiên - hạ.

不 關 牖，見 天 道。

Bất khuy dũ, kiến Thiên Đạo.

其 出 彌 遠，

Kỳ xuất di viễn,

其 知 彌 少。

Kỳ tri di thiểu.

是 以 聖 人。

B.— Thị dĩ thánh nhân.

不 行 而 知。

Bất hành nhi tri.

不 見 而 名，

Bất kiến nhi danh,

不 爲 而 成。

Bất vi nhi thành.

DỊCH NGHĨA

A.— Không ra khỏi cửa,
 Mà biết được việc thiên-hạ.
 Không dòm ngoài cửa,
 Mà thấy được Đạo Trời.
 Càng ra xa,
 Càng biết ít.

B.— Bời vậy, Thánh-nhơn,
 Không đi mà biết,
 Không thấy mà hiểu,
 Không làm mà nên.

* * *

BÌNH - CHỮ

A.— « Bất xuất hộ, tri thiên-hạ » 不出戶，知天下

« Bất khuy dũ, kiến thiên đạo » 不謁牆，見天道

Cái học của Lão-Tử, là cái học trở vào trong, cái học « nội quan phản chiếu », không phải là cái học « trực vật », đuổi theo ngoại-vật. Bời vậy mới nói : « Bất xuất hộ, tri thiên-hạ »...

Việc thiên-hạ cũng như Đạo Trời, chung quy cũng không ngoài việc riêng của mỗi người của chúng ta. Vấn-

đề của cá-nhân, tức là vấn-đề của xã-hội, của nhân-loại. Giải-quyết được vấn-đề của cá-nhân là giải-quyết được vấn-đề của xã-hội.

« Kỳ xuất di viễn, kỳ tri di thiểu » 其出彌遠，其知彌少

Bởi vậy, càng đi ra khỏi cái Ta chừng nào, càng xa Đạo chừng nấy, cái biết của ta về Đạo cũng càng ít chừng nấy.

So-sánh với những câu : « Vi học nhật ích, vi Đạo nhật tổn. Tồn chi hựu tồn, dĩ chí ư vô-vi » 為學日益，為道日損。損之又損，以至於無為 của chương 48 sau đây. Và câu : « Tri nhơn giả Tri ; tự-tri giả Minh... Thẳng nhơn giả hữu-lực, tự-thẳng giả cường » 知人者智，自知者明。勝人者有力，自勝者強。

B.— Bởi vậy, bậc thánh-nhơn, không cần đi ra ngoài mà tự-nhiên biết cả; không cần nhìn ngó việc người mà chỉ nhìn ngó việc mình và lòng mình mà hiểu được tất cả; không làm gì cả cho ai thấy mà công việc gì cũng thành-tựu.

Đó là nói về cái đức của Vô-vi. (無為).

CHƯƠNG XLVIII

(48)

- A.— 爲 學 日 益，
Vi Học nhật ích,
爲 道 日 損。
Vi Đạo nhật tổn.
損 之 又 損，
Tổn chi hựu tổn,
以 至 於 無 爲，
Dĩ chí ư vô vi.
無 爲 而 無 不 爲
B.— Vô - vi nhi vô bất vi,
取 天 下 常 以 無 事。
Thủ thiên hạ thường dĩ vô sự.
及 其 有 事 不 足 以
Cập kỳ hữu sự bất túc dĩ
取 天 下。
Thủ thiên - hạ.

* * *

DỊCH NGHĨA

- A.— Theo học, càng ngày càng thêm.
 Theo Đạo, càng ngày càng bớt.
 Bớt rồi lại bớt,
 Đến mức vô-vi.
- B.— Không làm mà không gì là không làm,
 Thường dùng « Vô-vi » thì được thiên-hạ,
 Bằng dùng « hữu-vi » thì không đủ trị
 thiên-hạ.

* * *

BÌNH - CHỮ

A.— « Vi học nhật ích » 為學日益.

Chữ « học » ở đây, ám-chỉ cái học thực-vật theo nghĩa thường, học những sự hiểu-biết về sự-vật bên ngoài. Bởi vậy càng học càng tăng thêm những phiền-phức rườm-rà.

« Vi Đạo nhật tồn » 為道日損.

Chữ « Đạo » ở đây là chỉ cái học về nội-tâm, cái học « trở về » gốc, lược bỏ những phiền-phức của cái học nhị-nguyên mà quy về cái Một. Cho nên mới nói : « Theo Đạo, càng ngày càng bớt » và bớt mãi đến nước cuối-cùng của nó là Vô-vi.

« Bớt rồi lại bớt » 損之又損

« Bớt đến Vô-vi » 以至於無為

B. — Vô-vi nhi vô bất vi. 無為而無不為

« Không làm », nhưng không có gì là không làm được. Hay nói một cách khác, tuy thấy là không làm, kỳ thật, không có gì không do cái « Không làm » ấy làm ra.

« Thủ thiên-hạ thường dĩ vô sự »

« Cặp kỳ hữu sự bất tức dĩ thủ thiên-hạ ».

Chữ « Vô-sự » 無事 đồng nghĩa với « Vô-vi » 無為.

Chữ « thủ » 取 có nghĩa là « trị » 治.

Chỉ dùng đến « Vô-vi » mới có thể được thiên-hạ, bằng dùng đến « hữu-vi » lấy ý riêng mà can-thiệp vào việc kẻ khác sẽ không gao trị được thiên-hạ.

Đoạn này rất dễ hiểu.

CHƯƠNG XLIX

(49)

A.—

聖 人 無 常 心

Thánh nhân vô thường tâm.

以 百 姓 心 爲 心

Di bách tánh tâm vi tâm

善 者 吾 善 之

Thiện giả ngô thiện chi

不 善 者 吾 亦 善 之

Bất thiện giả ngô diệc thiện chi

得 善 矣。

Đắc thiện hi.

信 者 吾 信 之

Tín giả ngô tín chi

不 信 者 吾 亦 信 之

Bất tín giả ngô diệc tín chi

得 信 矣。

Đắc tín hi

聖 人 在 天 下
 B.— Thánh nhân tại thiên - hạ
 翕 翕 爲 天 下 渾 其
 Hấp hấp vi thiên - hạ hỗn kỳ
 心
 tâm
 百 姓 皆 注 其 耳 目
 Bách tánh giai chú kỳ nhĩ mục
 聖 人 皆 孩 之。
 Thánh nhân giai hài chi.

DỊCH NGHĨA

A.— Lòng của Thánh-nhơn không phải luôn
 luôn không thay,
 Mà lấy cái lòng của trăm họ làm lòng mình.
 Với kẻ lành thì lấy lành mà ở,
 Với kẻ chẳng lành cũng lấy lành mà ở,
 Nên được lành vậy.
 Với kẻ thành-tín thì lấy thành-tín mà ở,
 Với kẻ không thành-tín cũng lấy thành-
 tín mà ở,
 Nên được thành-tín vậy.

B.— *Thánh-nhơn lo cho thiện-hạ,
Mà không để lòng lộ ra.
Trăm họ đều chú tai mắt.
Thánh-nhơn xem thấy như con mình.*

* * *

BÌNH - CHÚ

A.— « *Thánh-nhơn vô-thường tâm* » 聖人無常心

Bậc thánh không có cái tâm không thay đổi, nghĩa là cố-chấp, mà hoà-đồng với cái lòng của mọi người, tức là của nhân-dân. « *Vô thường tâm* » (無常心) chiều theo ý muốn, phong-tục, sự ưa ghét của dân mà trị.

Đối với kẻ « *thiện* » thì lấy lòng thiện mà ở, nhưng đối với kẻ « *không thiện* » cũng vẫn lấy lòng « *thiện* » mà ở. Ở chương 63 Lão-Tử chủ-trương « *đi đức báo oán* », cho nên dù là đối với kẻ « *bất-thiện* » cũng không nên hất-hủi mà gây thù. Chương 79, ông cũng nói : « *Hoà đại oán, tất hữu dư oán* » (和大怨，必有余怨) .

Huống chi Lão-Tử không nhận có thiện, ác, quý, tiện, thị, phi.. nên dưới con mắt không trọng ai mà cũng không khinh ai. Cũng đồng với chủ-trương « *đại đồng bình-dẳng* » của Nhà Phật.

« *Đắc thiện hỹ...* » 得善矣.

« *Đắc tín hỹ...* » 得信矣.

Đó là đạt đến chỗ « *chí thiện* » « *chí tín* » vậy. Bậc « *chí thiện* » không ở « *thiện* » với riêng ai; bậc « *chí tín* » không thành « *tín* » với riêng ai.

« *Bách tánh giai chú kỳ mục* » 百姓皆注其目

« *Thánh nhơn giai hải chi* » 聖人皆孩之

B. — « *Thánh nhơn* lo cho tất-cả mọi người mà không đề lòng lộ ra » nghĩa là « không tỏ ra thiên-vị hạng người nào » : kẻ « *thiện* » người « *tín* » cũng như kẻ « *bất thiện* » người « *bất tín* » đều được xem như nhau, vì Đạo không thiên bên nào cả, bên thiện hay bên ác.

Khi người dân thấy rằng *Thánh-nhơn* dường như không trọng người hiền, không khinh kẻ dữ, họ không thể hiểu được lý-do, không thể độ nổi hành-động, nên đề cả tai mắt mà nghe mà nhìn... *Thánh-nhơn* đối với họ, như bà mẹ nhìn con với một tấm lòng ưu-ái, nhưng cũng không sao cắt-nghĩa được lý-do của hành-động mình.

CHƯƠNG L

(50)

出 生 入 死。

A.— Xuất sanh nhập tử.

生 之 徒 十 有 三，

B.— Sanh chi đồ thập hữu tam

死 之 徒 十 有 三。

Tử chi đồ thập hữu tam.

人 之 生

Nhơn chi sanh.

動 之 死 地 亦 十 有 三。

Động chi tử địa diệc thập hữu tam.

夫 何 故？

Phù hà cổ？

以 其 生 生 之 厚。

Dĩ kỳ sanh sanh chi hậu.

蓋 聞 善 攝 生 者，

C.— Cái văn thiện nhiếp sinh giả.

陸 行 不 遇 兕 虎
Lục hành bất ngộ tỳ hổ

入 軍 不 被 甲 兵,
Nhập quân bất bị giáp binh.

兕 無 所 投 其 角
Tỳ vô sở đầu kỳ giác,

虎 無 所 措 其 爪,
Hổ vô sở thảo kỳ trảo,

兵 無 所 容 其 刃
Binh vô sở dung kỳ nhán.

夫 何 故?

Phù hà cố?

以 其 無 死 地。

Dĩ kỳ vô tử địa.

...

DỊCH NGHĨA

A.— Ra sống thì vào chết.

B.— Đường của sống có mười ba ;

Đường của chết có mười ba ;

Cái sống của con người,

Đi tới chỗ chết cũng có mười ba.

Cớ sao vậy ?

Vì quá lo tận sống cái sống của mình.

C.— *Ai biết cái đạo nhiếp-sinh,*

Đi đường không gặp thú dữ.

Vào trận không bị đao thương,

Té không chỗ đâm,

Cọp không chỗ vấu,

Đao không chỗ phạm.

Cớ sao vậy ?

Tại không có chỗ chết.

• • •

BÌNH - CHỮ

A.— « Xuất sanh, nhập tử » 出生入死

Ai cũng biết rằng Sống và Chết là hai lẽ ăn chịu nhau mật-thiết : ra khỏi cõi « sanh » là vào cõi « tử » (chết). Ở đây bàn về sự Sống và sự Chết. Sống là cái cửa đi vào cõi Chết ; Chết là cái cửa đi vào cõi Sống.

Ngày xưa có bảo : « Ai ai cũng mong thoát Chết ; nhưng không ai biết mong thoát Sống ». Chủ-trương của Lão-Tử là không ham sống sợ chết vì chết và sống là sự đối-đãi và tiếp-tục nhau như ngày đêm không bao giờ hết.

« Đường Sống » (Sanh chi đồ) là nói về cái Sống của tinh-thần, chứ không phải nói về sự sống của cơ-thể. Vì vậy, người sau cho Lão-Tử là tổ của đạo trường-sinh. Đó là một sự hiểu lầm, vì ông không bao giờ chủ-trương sự « ham sống, sợ chết ». Cả hai đều là Một.

B. — « Sanh chi đồ, thập hữu tam » 生之徒十有三

« Tử chi đồ, thập hữu tam » 死之徒十有三

Chữ « đồ » (徒) ở đây có nghĩa là đường đi (道), mà cũng là « nguyên-nhân ».

Nguyên-nhân của đạo Sống có 13 điều, nghĩa là có 13 phương-tiện để đạt đến đạo Sống : hư, vô, thanh, tĩnh, nhu, nhược, từ, kiệm, bất cảm vi thiên-hạ tiên, tri túc, tri chi, bất dục đắc, vô-vi. Và trái lại, là đạo Chết.

Theo Hàn-Phi-Tử thì « thập hữu tam » đây là chỉ về « từ chi, cửu khiêu » của thân mình. Và vì thế mới có bày ra cái đạo « nhiếp sinh » (dưỡng-sinh) và « trường-sinh cửu thị » của Đạo-gia về sau.

* * *

« Di kỳ sanh sanh chi hậu » 以其生生之厚

Lão-Tử muốn bảo rằng người đời quá say mê vật-dục mà không nghĩ gì đến Đạo.

Chữ « sanh sanh » (生生) có nghĩa là « tìm cách mà tận sống cái sống đầy tham dục của mình ». Tại sao tìm hạnh-phúc lại gặp tai họa ? Là người ta chỉ lo tìm những cách để thoả-mãn dục-vọng của mình, và không hay rằng càng hăng-hái tìm cách để sống như thế, là họ đi vào cõi chết. Hay nói một cách khác : họ só-dĩ đi vào con đường chết là vì họ quá « ham sống » và « tận sống » cái sống của tham-dục.

Người xưa, có nói « Ba-ba thường-luồng chẻ đũa biển chưa được sâu, đào thêm hang mà ăn ; kén-kén phụng-hoàng chẻ núi còn thấp, làm ổ trên tột non cao... Lưới không bắt được chúng, tên không bắn tới chúng, thế mà vì miếng mồi, chúng tôi lên mặt đất, xuống dưới đồng bằng mà bị bắt ».

* * *

« *Cái vấn thiện nhiếp sinh giả* »... 慈聞善攝生者

Kẻ sành cái thuật nhiếp-sinh, là kẻ biết gìn-giữ 13 điều-kiện hay nguyên-nhân của đạo « Sanh » nói trên, tức là kẻ biết giữ Đạo, thì dù gặp thú dữ, đao thương, cũng không sao « Chết » được. « Chết » đây, không phải muốn ám-chỉ về cái chết của xác thân mà muốn ám-chỉ đến cái chết của tinh-thần đã xa lìa với Đạo. Cũng là chỗ mà Lão-Tử bảo « *tử nhi bất vong giả thọ* ». Người đã sống được với Bản-tính của mình đồng với bản-thể của Đạo, thì làm sao « chết » được, vì họ đã sống được trong cái « không thể chết ».

Huống chi sự khang-kien vật-chất cũng do tâm-trạng tinh-thần mà ra. « Một thân-thể không đau, một tinh-thần không loạn. Đó là chân hạnh-phúc của con người ».

Nội-Kinh cũng có nói :

« *Đầm-dạm hư vô* » 恬憺虛無

« *Chân khí tùng chi* » 真氣從之

« *Tinh thần nội thủ* » 精神內守

« *Bệnh an tùng lai* » 病安從來

Biết gìn-giữ tinh-thần, đừng bị trác-táng vì loay-quay theo những vấn-đề thị phi, thiện ác, vinh nhục, tồn vong thì làm gì có bệnh, làm gì phải thương sanh, chết trước thời-kỳ ký-định của Tạo-Hoá. Đạo nhiếp-sinh của Lão-Tử là chỗ đó: hành cái đạo Vô-vi, tức là hành cái đạo « Hư-vô Địchm-Đạm ».

Tóm lại : Sở-di có một thân-thể không đau, là vì đã có một tinh-thần không loạn. Và chỉ có Vô-vi mới có thể mưu cho ta một tinh-thần không loạn, đứng trên và đứng ngoài cái vòng lẩn-quẩn của Thị Phi, Vinh Nhục...



CHƯƠNG LI

(51)

A.— 道 生 之，
Đạo sanh chi,
德 畜 之。
Đức súc chi.
物 形 之，
Vật hình chi,
勢 成 之。
Thế thành chi.

是 以 萬 物 莫 不 尊 道
Thị dĩ vạn - vật mạc bất tôn Đạo
而 貴 德。
Nhi quý Đức.

B.— 道 之 尊
Đạo chi tôn,
德 之 貴
Đức chi quý.

夫莫之命而常自然。

Phù mạc chi mạng nhi thường tự nhiên.

C.—

故

Cổ

道生之

Đạo sanh chi

德畜之，

Đức súc chi.

長之育之，

Trưởng chi dục chi.

亭之毒之，

Đình chi độc chi.

養之覆之

Dưỡng chi phúc chi

生而不有。

Sanh nhi bất hữu. (1)

爲而不恃

Vi nhi bất thị,

長而不宰

Trưởng nhi bất tể.

(1) Xem lại chương 10.

是 謂 玄 德。
Thì vi Huyền-đức.

* * *

DỊCH-NGHĨA

- A.— Đạo sanh đó,
Đức nuôi đó,
Chung loại tạo hình đó,
Hoàn-cảnh liêu-kết đó,
Vậy nên,
Muôn vật tôn Đạo, quý Đức.
- B.— Đâu phải tôn Đạo, quý Đức
Là một phạm-sự bất-buộc,
Mà là một chiều-hướng tự-nhiên.
- C.— Thế nên,
Đạo sanh đó.
Đức nuôi đó,
Cấp dưỡng đó,
Nuôi nấng đó,
Đùm bọc đó,
Bồi sức đó,
Dưỡng nuôi đó,

*Chờ-che đó,
 Sanh mà không chiếm làm của mình.
 Làm mà không cậy công.
 Là bậc trên, mà không làm chủ,
 Đó gọi là Huyền-Đức.*

* * *

BÌNH - CHỮ

Đây bàn về hai chữ Huyền-Đức, 玄德 tức là cái Đức Huyền-vi của Đạo. (Xem lại chương 10). Đạo và Đức có công Sanh và Thành vạn-vật, nhưng không vì « Sanh mà chiếm làm cho riêng của mình », không vì « gia ân » mà cậy công, không vì là kẻ bề trên áp-bức người dưới phải nghe theo mình.

Đức của người không hiểu Đạo, không như vậy : họ làm và kẻ công chứ không phải « làm để mà làm » thôi ; họ ích-kỷ, hay chiếm-đoạt làm của riêng ; họ làm bậc trên thì tra áp-bức, kẻ nào không nghe họ, là nghịch với họ.

Cho nên Đức Huyền của Đạo, là ở chỗ « Vô-vi nhi vô bất vi », không khác nào ánh sáng Thái-dương sanh dưỡng vạn-vật mà không dè mình sanh dưỡng, vạn-vật thọ hưởng sinh-khí mà sống, nhưng không hay là mình bị thọ ân.

Chữ 玄德 bản cổ chép là 元德. Hai chữ ấy, ngày xưa dùng lẫn nhau.

CHƯƠNG LII

(52)

A.—

天	下	有	始	
Thiên	hạ	hữu	thỉ	
以	爲	天	下	母
Dĩ	vi	thiên	hạ	mẫu.
既	得	其	母	
Ký	đắc	kỳ	mẫu	
以	知	其	子	
Dĩ	tri	kỳ	tử.	
既	知	其	子	
Ký	tri	kỳ	tử,	
復	守	其	母	
Phục	thủ	kỳ	mẫu.	
沒	身	不	殆	
Một	thân	bất	đai.	

B.—

塞	其	兌	
Tắc	kỳ	đoài,	

閉 其 門

Bế kỳ môn.

終 身 不 勤

Chung thân bất cần.

開 其 兌

Khai kỳ đoài,

濟 其 事

Tể kỳ sự.

終 身 不 救

Chung thân bất cứu.

見 小 曰 明

C.—

Kiến tiểu viết Minh.

守 柔 曰 強

Thủ nhu viết Cường.

用 其 光

Dụng kỳ quang,

復 歸 其 明

Phục quy kỳ minh.

無 遺 身 殃

Vô di thân ương,

是 爲 習 常
Thì vi tập thường.

* * *

DỊCH NGHĨA

- A.—
*Thiên-hạ có nguồn-gốc,
 Dùng làm Mẹ của thiên-hạ.
 Hễ giữ được Mẹ,
 Thì biết được Con.
 Đã biết được Con,
 Trở về giữ Mẹ.
 Thành đến chết không nguy.*
- B.—
*Ngậm miệng lại,
 Lấp mắt tai,
 Suốt đời không lao nhọc.
 Mở miệng ra,
 Bao biến việc,
 Suốt đời không cứu được.*
- C.—
*Thấy được chỗ tế-vi, là Sáng,
 Giữ được mềm-yếu, là Mạnh.
 Dùng cái Sáng của Đạo,*

*Trở về cõi Sáng của mình.
Thần không sợ tai ương.
Đó gọi là Sáng gấp hai.*

* * *

BÌNH - CHÚ

A.— « *Thiên-hạ hữu thi* » 天下有始

« *Di vi thiên-hạ mẫu* » 以為天下母

Đây là lặp lại ý-nghĩa câu : « *Vô danh, thiên-địa chi thi ; hữu danh, vạn-vật chi mẫu* » (không tên, là gốc của Trời Đất ; có tên, là Mẹ của Vạn-Vật) của chương I. (無名天地之始 ; 有名萬物之母)

Đạo, là « *Vô danh* », 無名, còn « *hữu danh* » là Mẹ của vạn-vật, tức là nguồn-gốc sinh ra hình-chất vạn-vật. Vô-danh là cái thể, hữu-danh là cái tướng của vạn-vật. Biết được cái này là biết được cái kia.

Kẻ nào nắm giữ được Đạo (Vô danh) cũng biết luôn cả cái Hữu-danh của Đạo (Mẹ). Biết được Mẹ, tất cũng biết được Con (âm chỉ vạn-vật). Nhưng không nên theo đuổi theo Con, tức là chạy mãi theo cái học trực-vật, đến quên trở về nguồn-gốc, nên mới nói : « *Ký tri kỳ tử, phục thủ kỳ mẫu* » (Đã biết được Con, phải trở về với Mẹ). Được thể thì dù đến ngày chết, thân cũng không nguy vì đã không ly-khai với Đạo. « *Một thân bất đãi* » 沒身不殆. Cái nguy của người nay (đời Lão-Tử) là quá lo nghĩ đến Con mà quên Mẹ (Đạo).

B.— « Tác kỳ đoài », 塞其兌

« Bế kỳ ngôn », 閉其門

« Chung thân bất cần », 終身不勤

Có kẻ cho đây là phương-pháp luyện-khi của đạo dưỡng-sinh.

« Đoài » 兌 là ám-chỉ miệng.

« Môn » 門 là ám-chỉ các lỗ hổng như mũi, mắt, tai...

Ngậm miệng lại, và ngưng hơi thở, nhắm mắt, bịt tai... thu cả tâm-thần vào trong, đừng để bị xao-lãng vì ngoại-vật. Đó là một trong những phương-pháp tĩnh-toạ của Đạo-gia theo phái trường sinh cửu thi. Ở đây, ta lại cũng có thể hiểu một cách khác, một cách thông-thường và triết-học hơn. Ngậm miệng (tác kỳ đoài) là ít nói (« hy ngôn tự-nhiên ») ; « bế kỳ môn » là đừng để ý dòm ngó, lóng nghe những thị phi bên ngoài, những cái đó làm động tâm lo nghĩ. « Chung thân bất cần » là suốt đời sẽ không lao nhọc mà thương sinh. (xem lại chương 56)

Trái lại, nếu « mở miệng ra » (nói nhiều), lại lo-nghi bao biện mọi việc (mà không lo trở về với Đạo) thì suốt đời không thể cứu được. « Tế kỳ sự » là làm tăng thị-hiểu và dục-vọng bằng cách mở cửa cho các giác quan sẽ lôi cuốn con người theo thú vui của ngoại vật.

C.— « Kiến tiền viết minh », 見小曰明

« Thủ nhu viết cường », 守柔曰強

« Thấy được cái nhỏ » tức là kẻ nào nhận-thức được những chỗ tế-nhị trong các sự vật, đó gọi là Sáng (明).

Kẻ nào biết dùng Nhu mà xử sự, đó gọi là Mạnh (莽).

Người đó biết dùng ánh sáng của Đạo (dụng kỳ-quang 用其光) để nhận xét những tế-nhị trong sự vật, để đừng bị lôi-cuốn theo đó, và trở về với cái Sáng của mình (phục quy kỳ minh 復歸其明). Nhận thấy dạng chân-tướng của sự vật, khiến ta trở về được với cái chân-thể của ta. Như thế là ta tránh được sự vờl hoạ ương cho thân mình vậy (vô di thân ương 無遺身殃).

Chữ «tập» 習 có bản viết là 𦉰 : 2 chữ này xưa vẫn dùng lẫn nhau.

𦉰 đồng một nghĩa với 𦉰明 nghĩa là sáng gấp đôi, ở chương 27.

Chữ tập có nghĩa là trùng 重 (bằng hai) ; chữ thường 常 có nghĩa là sáng 明, do Đạo mà ra.

Các nhà chú-giải phần nhiều giải thích đoạn này khác nhau.

Có kẻ cho rằng «tập thường» là «tập tu thường Đạo» 習修常道, nghĩa là tu-tập Đạo Thường.

Nhưng theo thiên-ý, nếu «tập thường» dịch là «sáng gấp đôi» thì đoạn văn sẽ được nhất khí hơn.

(Xem lại chương 55 ; 知常曰明 Tri thường viết Minh).

CHƯƠNG LIII

(53)

使 我 介 然 有 知

A.— Sứ ngã giới nhiên hữu tri,

行 於 大 道

Hành ư đại Đạo.

唯 施 是 畏

Duy thi thị úy.

大 道 甚 夷

Đại Đạo thậm di,

而 民 好 徑

Nhi dân hiếu kính.

朝 甚 除

B.— Triều thậm trừ,

田 甚 蕪

Điền thậm vu.

倉 甚 虛

Thương thậm hư.

服 文 綵

C.—

Phục văn thái.

帶 利 劍，

Đới lợi kiếm.

厭 飲 食，

Yếm ẩm thực,

財 貨 有 餘

Tài hoá hữu dư.

是 謂 盜 夸，

Thi vị đạo khoa,

非 道 也 哉？

Phi Đạo dã tai？

* * *

DỊCH NGHĨA

A.—

*Nếu ta hiểu biết kha-khá.**Ta đi theo đường Đạo lớn.**Chỉ sợ làm mà sai thôi！**Đạo Lớn thì rộng và trồn-tru,**Dân lại thích đường hẹp và quanh co.*

B.—

*Triều-đình lộng-lẫy thật,**Mà ruộng nương đầy cỏ hoang,*

Còn kho-đụn thì trống-tron.

C.— Áo quần sáng-trong thật,

Đeo kiếm bền.

Ấn nóng chan,

Của cái thừa...

Nhưng đó là đường của đạo tặc (盜賊)

Đâu phải đường của đại Đạo (大道)

* * *

BÌNH - CHÚ

A.— « Sử ngã giới nhiên hữu tri » 使我介然有知

« Hành ư đại Đạo » 行於大道

« Duy thi thị uy » 唯施是畏

Chữ « giới nhiên » 介然 có nhiều nhà chú-giải là « chút ít », « mỏng manh », nhưng có nhà lại cho là « lớn » 大. Theo sở kiến thì « giới nhiên » ở đây có nghĩa là « khá-khá », « khá nhiều ».

Nếu ta có một sự hiểu biết khá nhiều về thuật trị nước, ta sẽ noi theo con đường của Đạo (con đường Vô-vi nhi trị). Ta chỉ e sợ là phải đi sai với Đạo vì hay can-thiệp vào việc người. Chữ « thi » 施 là « 施為 (thi vi) nghĩa là « làm », tức là « hữu-vi ». Ta muốn thường

công người đạo-hạnh, nhưng chỉ sợ trong nhân-dân lại sanh ra sự tranh-giành, rồi lại biến ra đạo-hạnh giả. Ta muốn tín-cần những người trung tín, nhưng rồi lại e biến sanh ra hạng trung tín giả. Vì vậy « *ngô bất cảm vi* » 吾不敢為 (1), và cũng vì vậy mà Lão-Tử đã khuyên bậc trị nước : « *bất thượng hiền, sử dân bất tranh* » 不尚賢使民不爭 (Chương III).

Chữ « *thi* » 施 cũng có chỗ giải là « làm lớn ra » 張大. Hiểu vậy, cũng không sai với ý-chánh : ta muốn tôn người hiền, thi lại sợ rằng nhân đó mà lòng ganh đua lại « *bành trường* » lên, gian-nguy lại nổi lên.

Lối giáo-dục mạng danh là giáo-dục mới (éducation nouvelle) ngày nay của Tây-phương cũng chủ-trương như thế ; họ tránh sự cho điểm và sắp hạng, là để tránh lòng ganh-tỵ có thể sanh ra giữa các học-sinh.

* * *

« *Đại Đạo thậm di* » 大道甚夷

« *Nhi dân hiếu kinh* » 而民好徑

Con đường của Đạo thì trơn-tru rộng lớn lắm, thế mà chúng nhân thì lại thích đi những con đường nhỏ hẹp quanh co : lòng người dễ bị lạc-lúng và sa-đọa. Vì vậy, ảnh-hưởng của giáo-dục không đến được tâm và càng ngày càng mất hiệu-quả, trái lại gian trá, tàn ác càng ngày càng thêm, và pháp-lệnh càng ngày càng khắc-nghiệt bạo tàn.

Tóm lại, 5 câu trên đây, đại-ý muốn bảo rằng : chúng dân càng ngày càng thích đi quanh về tắt mà không chịu đi con đường thẳng-thần quang minh là tại sao ? Tại người trên dùng cái đạo « hữu vi » : « duy thi thị uy » (唯施是畏.)

(1) Ta không dám làm.

B.— « Triều thặng trừ » 朝其除

« Điền thặng vu » 田其蕪

« Thương thặng hư » 倉其虛

Chữ « trừ » 除 có nghĩa là 潔行 sạch-sẽ tốt đẹp.

Nếu lâu dài ở chốn triều-dinh mà lộng-lẫy, huy-hoàng là nhờ người ta đã « tồn bất túc, bổ hữu dư » lấy chỗ thiếu của dân mà thêm vào chỗ có dư của bậc giàu sang ở triều-dinh. Cho nên mới nói rằng : « ruộng nương đầy cỏ hoang », « kho dựn trống bọc » không còn một hạt thóc.

« Phục văn thái » 服文綵

« Đái lợi kiếm » 帶利劍

« Yếm ẩm thực » 厭飲食

« Tài hoá hữu dư » 財貨有餘

« Thị vị đạo khoa » 是謂盜今

« Phí Đạo dã tai » 非盜也哉

Các Vua Chúa thì có dư, mà chúng dân thì thiếu thốn, đó là kết-quả của cái đạo trị nước của người bấy giờ (thời Chiến-quốc). Bởi vậy, họ mặc áo quần sang-trọng thật, đeo gươm bén, ăn uống chán, của-cải thừa...

Nhưng, đó là « cướp trộm của kẻ khác để mà khoe-khoang hãnh-diện » 盜誇. Cho nên gọi là « đạo khoa » 盜夸. Chữ « đạo » 盜 đây là « đạo tặc » 盜賊, nghĩa là « trộm cướp », chứ đâu phải là Đạo lớn 大道, nghĩa là « tồn hữu dư, bổ bất túc » 損有餘, 補不足.

CHƯƠNG LIV

(54)

A.—

善 建 者 不 拔
Thiện kiến giả bất bạt,
善 抱 者 不 脫
Thiện bào giả bất thoát.
子 孫 以 祭 祀 不 輟
Tử tôn dĩ tế tự bất chuyết.

B.—

修 之 於 身
Tu chi ư thân,
其 德 乃 真
Kỳ đức nãi chân.
修 之 於 家
Tu chi ư gia,
其 德 乃 餘
Kỳ đức nãi dư.
修 之 於 鄉
Tu chi ư hương,

其	德	乃	長
Kỳ	đức	nãi	trường.
修	之	於	國
Tu	chi	ư	quốc,
其	德	乃	豐
Kỳ	đức	nãi	phong.
修	之	於	天 下
Tu	chi	ư	thiên - hạ,
其	德	乃	普。
Kỳ	đức	nãi	phổ.

故，

C.—

Cổ,

以	身	觀	身
Dĩ	thân	quan	thân,
以	家	觀	家
Dĩ	gia	quan	gia,
以	鄉	觀	鄉
Dĩ	hương	quan	hương,
以	國	觀	國
Dĩ	quốc	quan	quốc,
以	天 下	觀	天 下。
Dĩ	thiên - hạ	quan	thiên - hạ.

吾何以知天下然哉？

D.— Ngô hà dĩ tri thiên-hạ nhiên tai ?

以此。

Dĩ thử.

DỊCH NGHĨA

A.— *Cắm thật chặt, thì không nhổ lên được.*

Óm thật chặt, thì không rút ra được.

Con chân tử-tự không đứt.

B.— *Nếu lấy Đạo mà tu thân,*

Thì Đức ấy chân-thành.

Nếu lấy Đạo mà lo việc nhà,

Thì Đức ấy có dư.

Nếu lấy Đạo mà lo cho làng xóm,

Thì Đức ấy mới dài.

Nếu lấy Đạo mà lo cho nước,

Thì Đức ấy mới thịnh.

Nếu lấy Đạo mà lo cho thiên-hạ,

Thì Đức ấy mới rộng.

C.— *Nên chi,*

Lấy thân mà xét thân,

Lấy nhà mà xét nhà ;
 Lấy làng mà xét làng ;
 Lấy nước mà xét nước ;
 Lấy thiên-hạ mà xét thiên-hạ

D.— Ta làm sao biết được việc thiên-hạ như thế ?
 Thì lấy chỗ đó.

. . .

BÌNH - CHÚ

A.— « Thiện kiến giả bất bại » 善見者不拔

« Thiện báo giả bất thoát » 善抱者不脫

« Tử tôn di tế-tự bất chuyết » 子孫以祭祀不輟

« Thiện kiến » 善見 là lập một cơ-sở, một nền-tảng vững-vàng. Trồng một cái cây ở ngoài đồng, có ngày nó cũng bị gió lốc mà trốc ngã; cầm một vật trong tay, cũng có khi ta đánh rơi được. Nếu ta cầm cho sâu, xây một cái nền thật vững thì cũng khó mà nhô lên được. Nếu ta ôm chặt với hai cánh tay vào lòng thì cũng khó mà rút ra ngoài được. Hai thí dụ trên đây, muốn ám-chỉ kẻ biết lập Đức vững-vàng nơi Đạo và mãi ôm-ấp nó nơi lòng, thì kẻ ấy sẽ được « trường tồn ».

« Tử tôn di tế-tự bất chuyết » 子孫以祭祀不輟 là ám-chỉ sự miên-miên trường-tồn của mình nơi sự tế-tự của con cháu. Đây chỉ là một cái nghĩa bóng thôi.

B.— Mười câu của đoạn này bàn đến việc lấy Đạo làm gốc để mà tu, thì mọi việc đều hay cả, từ tu-thân, tề-gia đến trị-quốc và bình thiên-hạ.

C.— « *Di thân quan thân* » 以身觀身

« *Di thiên-hạ quan thiên-hạ* » 以天下觀天下

Năm câu của đoạn trên đây đều bao gồm trong một ý chánh này : lấy việc mình và những việc xảy ra quan-hệ đến mình để xét việc khác tương-tự cũng có thể hiểu biết được việc người. Đại-đề việc mình ưa ghét thì người ta ai ai cũng ưa ghét như thế. Mình muốn tự-do thì kẻ khác cũng muốn tự-do. Muốn được tự-do cho mình mà gây sự mất tự-do của kẻ khác là không nên.

Bởi vậy, nếu hỏi : « Ta làm sao mà biết được việc thiên-hạ như thế ? » Thì, là nhờ căn-cứ vào đó, tức là Đạo vậy.



CHƯƠNG LV

(55)

A.—

含 德 之 厚
Hàm đức chi hậu,

比 於 赤 子
Tỷ ư xích tử.

毒 蟲 不 螫
Độc trùng bất thích,

猛 獸 不 據
Mãnh thú bất cứ.

攫 鳥 不 搏
Cước diều bất bác.

骨 弱 筋 柔 而 握 固，

B.— Cốt nhược cân nhu nhi ác cố,

未 知 北 牡 之 合 而 全 作

Vị tri tảo mẩu chi hợp nhi toàn tác.

精 之 至 也。

Tinh chí chí dā.

終 日 號 而 不 嘔

Chung nhật hào nhi bất óa.

和 之 至 也。

Hoà chí chí dā.

知 和 曰 常

Tri hoà viết Thường

知 常 曰 明

Tri Thường viết Minh

益 生 曰 祥。

Ích sanh viết Tường.

心 使 氣 曰 強

Tâm sử khí viết Cường.

物 壯 則 老

C.—

Vật tráng tắc lão.

謂 之 不 道

Vị chí bất Đạo.

不 道 早 已。

Bất Đạo tảo dĩ.

DỊCH NGHĨA

A.—

Kẻ mà Đức dày,
Giống như con đồ,
Độc trùng không cần.
Thú dữ không ăn.
Ác đức không xót.

B.—

Xương yếu, gân mềm,
Tay nắm cứng khư.
Chưa biết giao hợp.
Tình kết có dư.
Suốt ngày hết vang,
Mà tiếng không khan,
Hoà-hợp hoàn-toàn.

Biết « Hoà » gọi là « Thường »
Biết « Thường » gọi là « Minh »
Quá ham sống, thì hại.
Tám sai khi, thì mạnh.

C.—

Vật mạnh lớn thì Già.
Đó là nghịch Đạo.
Nghịch Đạo chết sớm.

* * *

BÌNH - CHỦ

A. — « *Hàm đức chi hậu* » 含德之厚

« *Tỷ ư xích tử* » 比於赤子

« *Xích tử* » 赤子 là đứa trẻ mới sinh.

« *Hàm đức* » 含德 là ngậm Đức, tức là nhuần thấm Đức. Lão-Tử ví kẻ đã nhuần thấm Đạo, giống cái đức của đứa trẻ mới sinh. « *Xích-tử* » đây là ám-chỉ « *Xích-tử chi tâm* » 赤子之心, cái tâm của đứa « con đỏ ».

Những câu như « độc trùng không cắn... » v.v. là nói bóng. Đứa trẻ mới sinh không dục-vọng, bình-thản đối với ngoại-vật. Ngoại-vật tuy có, nhưng không động được tâm, nên không làm thương sinh. Vì vậy mà bảo: « độc trùng không cắn... thú dữ không ăn... ác điều không xót », nghĩa là ngoại-vật không làm hại được.

B. — « *Cốt nhược cân nhu* » 骨弱筋柔

« *Nhi ác cổ* » 而偻僂

« *Vị tri tân mẫu chi hợp* » 未知牝牡之合

« *Nhi toàn tác* » 而仝作

« *Tình chi chí dã* » 情之至也。

« *Xương yếu, gân mềm* » đó là tả sự nhu-nhược, nhưng hề vó nắm gì thì lại nắm cứng không buông, đó là tả sự không bị xao-lãng vì các ngoại vật khác.

« *Chưa biết giao hợp* » âm dương vợ chồng nên Âm-khí đầy đủ (仝作), tình khí có dư, chưa bị ngoại-vật làm dao-động.

« Chung nhật hào nhi bất sá » 終日號而不嗟

Suốt ngày la hét mà tiếng không khan. Tuy gào hét, nhưng không phải vì bị ngoại-vật xúc-dộng đến tâm, cho nên thần khí không vì đó mà bị thương-tồn. Theo y-học Đông-phương thì tâm mà bị thất tình xúc-dộng thì sinh lực bị thương-tồn. Cho nên vì hi, nộ, ái, cụ, ái, ố, dục mà la thì tiếng phải khan. Đứa trẻ sơ sinh la hét suốt ngày mà giọng không khan, người ta biết là vì tâm nó không dao động, nên sinh lực nó bình-hoà. Người mà giữ được cái tâm bất động bên trong, không bị ngoại-vật làm nao-dộng là kẻ đã giữ được sự điều-hoà (和) giữa nội-tâm và ngoại-giới (bất dĩ ngoại vật động kỳ tâm 不以外物動其心). Nên mới nói: *Biết « Hoà » gọi là « Thường »*. 知和曰常.

« Thường » 常 là « thường tâm, cái tâm không thay đổi, không bị dao-dộng.

* * *

« Tri Thường viết « Minh » 知常曰明

Ý này đã được bàn qua ở chương 16. Việc đời không gì là không biến đổi, chỉ có Đạo là « bất thiên bất biến » thôi ; kẻ nào giữ được Đạo thì mới được cái Tâm « thường » nghĩa là yên-tĩnh. Tâm mà yên, thì Thần vững ; Thần mà vững thì Tinh đầy. Đó là không bàn đến đạo Dưỡng-sinh mà thực ra là đạo Dưỡng-sinh.

« Tri Thường » 知常, là biết cái thuật giữ được « thường tâm » nghĩa là không bị ngoại vật sai-sử : « bất khả đắc nhi thân, bất khả đắc nhi sơ, bất khả đắc nhi lợi, bất khả đắc nhi hại, bất khả đắc nhi quý, bất khả đắc nhi tiện... » (chương 56).

Đó là người Sáng 明 (Minh).

« Ích sanh viết Tường » 益生曰祥

Chữ « tường » 祥, đây là giả-tá 假借 của chữ « tường » 祥 nghĩa là hoạ hại.

« Ích sanh » 益生 là làm tăng cái sống. « Tăng » cái sống, là không biết « tri túc », tham - lam, chạy theo sự thoả-thích dục vọng càng ngày càng tăng, đó là vờn hoạ đến cho mình, khổ mà sống lâu được.

« Tâm sử khi viết cường » 心使氣曰強

Khi tâm mình không định mà bị dao-dộng, thì tâm khiến khí phải động theo mà phi-huỷ. Thấy khí phát-lộ hung-hăng mạnh-mẽ, đó gọi là « Cường » (mạnh). Nhưng mạnh thì gãy, thì chết, vì « Vật tráng tắc lão » 物壯則老.

C.— Vật mạnh lớn thì già, già thì suy nhược và đi lần đến cái chết.

Đừng đề cho mình bị yếu mòn và đi lần đến chỗ chết, vì như thế là làm nghịch với Đạo.

Nghịch với Đạo thì chết sớm 不道早已 (bất Đạo tảo dĩ).

Trở lên là bàn đến cái đạo tu-dưỡng.

CHƯƠNG LVI

(56)

A.— 知 者 不 言，
Tri giả bất ngôn,
言 者 不 知
Ngôn giả bất tri.

B.— 塞 其 兌，閉 其 門
Tắc kỳ đoài, bế kỳ môn,
挫 其 銳，解 其 分，
Toả kỳ nhuệ, giải kỳ phân,
和 其 光，同 其 塵，
Hoà kỳ quang, đồng kỳ trần.
是 謂 玄 同。
Thị vị Huyền-đồng.

C.— 故
Cố,
不 可 得 而 親，
Bất khả đắc nhi thân,

不	可	得	而	疏,
Bất	khả	đắc	nhi	sơ,
不	可	得	而	利,
Bất	khả	đắc	nhi	lợi,
不	可	得	而	害,
Bất	khả	đắc	nhi	hại,
不	可	得	而	貴,
Bất	khả	đắc	nhi	quý,
不	可	得	而	賤,
Bất	khả	đắc	nhi	tiện.

故

Cổ,

爲	天	下	貴
Vi	thiên	hạ	quý.

. . .

DỊCH NGHĨA

- A.— *Biết, thì không nói,
Nói, là không biết.*
- B,— *Thường ngậm miệng,
Bít mắt tai,
Nhút bén nhọn,*

Bô chia phần.
 Hoà ánh sáng,
 Đồng hui-bậm,
 Ấy gọi là Huyền-đồng .

C.—

Thế nên,
 Không thể lấy chỗ thân mà được,
 Không thể lấy chỗ sơ mà được,
 Không thể lấy chỗ lợi mà được,
 Không thể lấy chỗ hại mà được,
 Không thể lấy chỗ quý mà được,
 Không thể lấy chỗ tiện mà được,
 Vì vậy,
 Dưới trời không gì quý hơn.

* * *

BÌNH - CHỮ

A.— Chương nhứt có nói : « Đạo khả đạo, phi thường Đạo ». 道可道，非常道。 Đạo không thể nói lên được, cho nên : « Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri ». 知者不言，言者不知, kẻ nào biết đạo thì lặng-lẽ, làm thinh, trái lại, kẻ bép-xếp giảng-giải dài-dòng là người không biết Đạo.

B.— « Tác kỳ đoài » 塞其兌

« Bế kỳ môn » 閉其門

« *Đoài* » 兌 ở đây là chỉ cái miệng. « *Tác kỳ Đoài* » là giữ mình trong tĩnh-mịch và lặng-lẽ, không ham nói. « *Bế kỳ môn* », chữ môn ở đây chỉ về tai và mắt. « *Bế kỳ môn* » là thu sự nghe thấy bên ngoài vào bên trong, việc ngoài gác một bên để mà lòng nghe nhìn thấy cái thực-tại bên trong của mình.

« *Toà kỳ nhuệ* » 挂其銳

« *Giải kỳ phân* » 解其分

« *Hoà kỳ quang* » 和其光

« *Đồng kỳ trần* » 同其塵

Bốn câu này đã nói rồi ở chương 4.

« *Toà kỳ nhuệ* » ở đây có nghĩa là : « làm nhụt sự bén nhọn », tức là kẻ biết Đạo không bao giờ làm cho kẻ khác thấy được chỗ sắc-sảo nhọn bén của mình, trái lại làm cho nhụt bớt đi, giấu sự thông-minh có cạnh góc của mình đi, vì như thế chỉ làm hại cho mình, chứ không có lợi gì cả.

« *Giải kỳ phân* » 解其分

Chữ « *phân* » ở đây có nghĩa là sự « phân chia » của óc nhị-nguyên, chia lìa cái « Một » của vạn-sự vạn-vật. « *Giải* » là giải-thoát, giải-phóng cái óc phân chia sự vật ấy.

« *Hoà kỳ quang* » 和其光

Tức là đem cái Sáng của mình hoà với cái sáng của người, không tự-tôn tự-đại đem cái Sáng của mình mà che-

lấp cái Sáng của kẻ khác. Thói thường hay đem cái Sáng của mình để loè người, để lấn-áp kẻ khác và phân-biệt mình và người. Bậc hiền Đạo, cho rằng tất cả những cái Sáng của mọi người cùng đồng một yểng Sáng chung mà ra cả.

* * *

« Đồng kỳ trần » 同其塵

« Trần » là bụi-bặm, ám-chỉ cái tầm-thường của con người.

Kẻ biết Đạo, chẳng những đem cái sáng của mình « hoà đồng » với cái sáng của mọi người, mà cũng đem cái « bụi-bặm » của người « hoà-đồng » với cái « bụi-bặm » của mình ».

Bậc đạt Đạo, không tách phân mình với đời.

Đó là cái đức « Huyền Đồng » 玄同 (thị vị Huyền-Đồng).

« Huyền-Đồng » (玄同) là đồng với Đạo Huyền. Huyền có nghĩa là « đen tối » ám-chỉ sự không thể nhận thấy chỗ chia-lia, mà tất-cả đều xem là « Một ».

* * *

C. — « Bất khả đắc nhi thân » 不可得而身

« Bất khả đắc nhi tiện » 不可得而便

6 câu này muốn nói rằng : Người đạt Đạo không thể lấy sự « thân », sự « lợi », sự « quý » mà đổi, cũng không thể lấy sự « sợ », « sợ hại », sự « tiện » mà đoạ... Tức là người đã điềm-đạm chí cực, không còn một thể-lực ngoại-giới nào làm chuyển-động tâm-hồn được nữa.

Cho nên dưới trời chưa có gì quý bằng hạnh người đó.

CHƯƠNG LVII

(57)

A.— 以 正 治 國
Dĩ chính trị quốc,
以 奇 用 兵
Dĩ kì dụng binh,
以 無 事 取 天 下
Dĩ vô sự thủ thiên-hạ.

B.— 吾 何 以 知 其 然 哉 ?
Ngô hà dĩ tri kì nhiên tai ?
以 此 。
Dĩ thử :

天 下 多 忌 諱 ,
Thiên-hạ đa kỵ huý,
而 民 彌 貧 。
Nhi dân dĩ bần.
民 多 利 器 ,
Dân đa lợi khí,

國	家	滋	昏。
Quốc-gia		tư	hôn.
人	多	伎	巧，
Nhơn đa		kỹ	xảo,
奇	物	滋	起，
Kỳ vật		tư	khởi.
法	令	滋	彰，
Pháp lệnh		tư	chương,
盜	賊	多	有。
Đạo tặc	đa	hữu.	

故

C.—

Cổ,

聖人云：

Thánh-nhơn vân：

我	無	爲	而	民	自	化
Ngã	vô -	vi	nhi	dân	tự	hoá.
我	好	靜	而	民	自	正
Ngã	hiếu	tĩnh	nhi	dân	tự	chính.
我	無	事	而	民	自	富
Ngã	vô	sự	nhi	dân	tự	phú.
我	無	欲	而	民	自	樸
Ngã	vô	dục	nhi	dân	tự	phác.

DỊCH NGHĨA

A.— Lấy ngay thẳng mà trị nước.
 Lấy trả ngay mà dụng binh.
 Lấy « vô-nữ » mà được thiên-hạ.

B.— Ta làm sao biết được?

Thì đây:

Thiên-hạ nhiều kiêu-ky,
 Thì dân chúng càng nghèo.
 Nhân-dân nhiều lợi-khí,
 Nước nhà càng tối-tăm.
 Người người nhiều tài khéo,
 Vật lạ càng nảy sinh.
 Pháp-lệnh càng rõ-rệt,
 Trộm cướp càng sinh nhiều.

C.— Vậy, bậc thánh-nhơn mới bảo ;
 Ta « vô-vì » mà dân tự hoá,
 Ta ra tịnh mà dân tự chính,
 Ta « vô-sự » mà dân tự giàu,
 Ta không dục-vọng mà dân trở thành chất-
 phác.

BÌNH - CHỮ

A.— Trị nước, cần phải lấy sự ngay thẳng thực-thà mà trị.

Trái lại, nếu trị nước mà làm như dụng binh, dùng trá-nguỵ mà trị, thì nguy. « *Đi trị trị quốc, quốc chi tặc* ». (LXV).

Cho nên, bậc Thánh-nhơn trị nước, dùng « *Vô-vi* » « *Vô sự* » mà được thiên-hạ.

« *Vô sự* » 無事 là không tạo thêm việc, không bao-biên, không đa-sự.

Chữ 奇 (kỳ) ở đây có nghĩa là mưu-mô, dối-trá (詐). Dụng binh thì phải dùng đến « *trá nguy* », điều mà bậc đạo không dùng. Vì vậy, Lão-Tử chống-đối việc chiến-tranh dưới mọi hình-thức.

B.— « *Thiên hạ đa kỳ huy* » 天下多忌諱

« *Nhi dân di bần* » 而民彌貧

« *Thiên hạ* » 天下, ở đây lại có nghĩa là bậc trị nước (人主).

« *Kỳ huy* » 忌諱 là những pháp-lệnh cấm- đoán. Kỳ (忌) là chỉ về những sự cấm- đoán về hành- động, huy (諱), chỉ về những cấm- đoán về ăn nói hay viết ra, tức là về ngôn-ngữ tự-do, đối với bất cứ việc gì.

Bậc trị nước mà ban-hành nhiều điều « *kỳ* », « *huy* » thì dân-chúng càng nghèo khổ, bởi thiếu tự-do hành- động và ngôn-ngữ.

« Dân đa lợi khí » 民多利器

« Quốc gia tư-hôn » 國家滋昏

« Lợi khí » 利器 ở đây có nghĩa là « quyền mưu » 權謀 là mưu-kế gian-quyết.

Dân chúng mà có nhiều mưu-kế xảo-quyết đề trực lợi, thì nước nhà phải sa vào cảnh hỗn-loạn tăm-tối. Người dân cần thực-thà, ít dục-vọng, thì nước mới dễ trị.

* * *

« Nhơn đa kỹ xảo » 人多伎巧

« Kỳ vật tư khởi » 奇物滋起

Chữ « nhơn » 人 đây, có bản chép là « dân » 民. Dân sẽ thuần-phác tự-nhiên, nếu không đua khôn đua khéo. Khi mà dân-chúng đua nhau tranh khôn tranh khéo, thì mới có tạo thêm ra nhiều món lạ-lùng và vô-ích, xúi-giục lòng dân tranh nhau đi đến xa-hoa và hỗn-loạn.

* * *

« Pháp lệnh tư chương » 法令滋彰

« Đạo tặc đa hữu » 盜賊多有

Lúc thái-bình, pháp-lệnh rất ít ; chỉ khi nào nước nhà ly-loạn, pháp-lệnh ban nhiều. Nếu bậc trị nước lại quá khắt-khe và đem pháp-lệnh mới bủa-giăng trên đầu dân để đề-phòng chúng, thì chúng dân cũng tìm đủ cách-khóe thủ-đoạn để trốn tránh ; gây ra mưu-mô gian-trá càng ngày càng thêm : dân càng khó trị mà bọn đạo-tặc lại càng nhiều.

Người xưa cũng có nói : « pháp lập tề sinh » (pháp-lệnh một khi thiết-lập ra rồi, là tề-hại theo đó mà sinh ra).

Một nơi khác, Lão-Tử có nói : *Dân chi nan trị, dĩ kỳ trí đa. Cổ dĩ trí trị quốc, quốc chi tặc ; bất dĩ trí trị quốc, quốc chi phúc* » (以智治國，國之賊，不以智治國，國之福) (LXV).

Bởi vậy, nơi chương 19, ông bảo : *Tuyệt thành, khí trí... Tuyệt nhân khí nghĩa... Tuyệt xảo khí lợi, đạo tặc vô hữu* » (絕聖棄智...絕仁棄義...絕巧棄利，盜賊無有) vì « đại Đạo phế, hữu nhân nghĩa ; huệ trí xuất, hữu đại hủ » (大道廢，有仁義；慧智出，有大偽) (XVIII).

C.— « Vô vi » 無為 là không can-thiệp đến việc người, không dụng tư-tâm mà hành-động... lấy gương-mẫu mình mà dạy dân, dùng « bất ngôn chi giáo » mà sửa dân... thì dân không hay là mình có làm gì, nhưng tự chúng sửa đổi lấy mình mà không cần đến sự bắt-buộc hay cấm-đoán, bàn-hành pháp lệnh, cho nên mới nói : « ngã vô-vi nhi dân tự hoá » (我無為而民自化). Hai chữ « tự hoá » rất quan-trọng, cũng như « tự chính », « tự phú ».

* * *

« Ngã hiếu tịnh nhi dân tự chính » 我好靜而民自正.

Khi bậc trên muốn sống trong điềm-tĩnh, thì dân cũng bắt chước theo đó mà chính lại lòng mình. Trái lại, nếu bậc trên mà nóng-nảy can-thiệp, bắt buộc dân phải ngay thẳng... thì họ lại không chịu làm theo. Đó cũng là ý nghĩa của tục-ngữ : « Năm giữ thì mất, buông bỏ thì được ».

* * *

« Ngã vô sự nhi dân tự phú » 我無事而民自富.

Nếu bậc trị nước mà đa sự, hoặc bắt tu-tạo những đình-thự xa-xí cho mình, bày ra các cuộc chinh-phạt... thì dân-chúng bị bắt buộc bỏ công ăn việc làm, làm gì không trở nên nghèo vì sưu cao thuế nặng là khác nữa.

Bởi vậy, khi bậc trị nước không bao biện và đa sự, thì dân tự-nhiên được giàu có.

* * *

« Ngã vô dục nhi dân tự phác » 我無欲而民自樸.

Nếu bậc trị nước mà không dục-vọng, thì tự mình đã dứt tất sự xa-hoa và lộng-lẫy, dân sẽ bắt chước gương kiệm-ước ấy mà trở thành chất-phác.

* * *

Chữ « tự » trên đây, như « tự-hoá », « tự chính » « tự phú » là ám-chỉ vai-trò cá-nhân trong việc tu-thân giải-thoát. Nói « tự-hoá », là nói về cái quyền sống tự-do cá-nhân của con người. Nhờ hành cái đạo vô-vi mà mỗi cá-nhân đều được tự-hoá, nghĩa là hoá theo mình, chứ không bị bắt buộc hoá theo ai cả. Sở dĩ có sự tự-hoá, là vì « đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu ». Sự giúp đỡ của Thánh-nhơn giống như ánh Thái-dương giúp cho trăm hoa đua nở, nhưng hoa nào trở hoa nấy. Khác với đạo hữu-vi, hay can-thiệp đến việc tự-hoá của con người, mong hoá tất-cả mọi người theo một mẫu người lý-tưởng nào đó, do chế-độ ước-định.

CHƯƠNG LVIII

(58)

A.— 其 政 悶 悶，
Kỳ chính muộn muộn,
其 民 淳 淳。
Kỳ dân thuần thuần.
其 政 察 察，
Kỳ chính sát sát,
其 民 缺 缺。
Kỳ dân khuyết khuyết.

B.— 禍 兮 福 之 所 倚，
Hoạ hề phúc chi sở ỷ，
福 兮 禍 之 所 伏。
Phúc hề hoạ chi sở phục。
孰 知 其 極？
Thục tri kỳ cực？
其 無 正，
Kỳ vô chính，

正復爲奇，
Chính phục vi kỳ,

善復爲妖。
Thiện phục vi yêu.

人之迷，
Nhơn chi mê,

其日固久。
Kỳ nhật cố cửu.

C. 是以聖人
Thị dĩ Thánh-nhơn

方而不割，
Phương nhi bất cát,

廉而不歲，
Liêm nhi bất quế,

直而不肆，
Trực nhi bất tứ,

光而不耀。
Quang nhi bất diêu.

* * *

DỊCH NGHĨA

A.—

Chính lệnh lờ-mờ,
Thì dân ôn-hoà.

*Chính lệnh dòm-dò,
Thì dân lỗi-làm.*

B.— *Hoạ là chỗ dựa của phúc.
Phúc là chỗ núp của hoạ.
Ai biết chỗ cùng của nó?
Trên mà không ngay thẳng,
Thì ngay trở thành nguy.
Thiện trở thành tà,
Cái mé của người,
Có đã lặn rồi.*

C.— *Bởi vậy, bậc Thánh-nhơn:
Đỡ vường-vực mà không đeo gót.
Cảm-hoá người mà không tổn thương.
Kéo cho ngay mà không sửa dạy.
Rọi ánh sáng mà không chói loà.*

* * *

BÌNH - CHÚ

- A.— « Kỳ chính muộn muộn » 其政悶悶
 « Kỳ dân thuần thuần » 其民淳淳
 « Kỳ chính sát-sát » 其政察察
 « Kỳ dân khuyết khuyết » 其民缺缺

Trị nước dùng chính-sách rộng-rãi khoan-hồng, dùng can-thiệp đến đời sống tư của nhân-dân, chính-lệnh không khắt-khe, thì nhân-dân cảm thấy thư-thái nhẹ-nhàng, nên ôn-hòa thuận-hậu.

Trái lại, khi chính-lệnh quá gắt-gao, xoi-bói, dòm-dõ, người dân cảm thấy bốn phương « dùng có mạch, vách có tai », đâm ra nghi-ngờ, lo sợ pháp-phông, bao giờ cũng đau khổ vầy-vò vì bị mặc-cảm tội-lỗi.

* * *

B. — « *Hoạ hề phúc chi sở ỷ* » 禍兮福之所倚

« *Phúc hề hoạ chi sở phục* » ? 福兮禍之所伏

Phúc đó hoạ đó, hoạ đó phúc đó. Đó là bề mặt bề trái của sự đời, cũng như có Thiện là có Ác, có Thị ắt có Phi, có Vinh ắt có Nhục, tức là Thiện trong cái Ác, Thị trong cái Phi, Vinh trong cái Nhục. Cho nên Lão-Tử mới khuyên ta : « *Tri kỳ hùng, thủ kỳ thư... Tri kỳ bạch, thủ kỳ hắc... Tri kỳ vinh, thủ kỳ nhục* »... để khỏi làm chênh-lệch đôn cân Hoạ Phúc.

« *Thục tri kỳ cực ?* » 孰知其極

Chữ « *cực* » 極 đây, có nghĩa là chỗ cùng-cực của nó, chỗ chung cuộc của nó (終). Phúc rồi Hoạ, Hoạ rồi Phúc xen lẫn, tiếp-tục nhau không biết đâu là dứt. Nghĩa là không bao giờ có Phúc mà không có một cái Hoạ của nó ẩn trong, cũng như không bao giờ có Hoạ mà lại không có cái Phúc của nó ẩn trong. Tức là chỗ mà sách Chu-Dịch bảo : Âm trung hữu Dương, Dương trung hữu Âm của đồ Thái-cực.

* * *

« Kỳ vô chính » 其無正

« Chính phục vi kỳ » 正復為奇

« Thiện phục vi yêu » 善復為妖

Chữ « 奇 » Kỳ ở đây có nghĩa là trá ngụy (詐).

Chữ « 妖 » Yêu có nghĩa là gian-tà (邪).

Nếu bậc trị nước mà không thẳng-thần, chính nhân, thì dân phía dưới sẽ biến thành trá ngụy, dù họ muốn giữ một lòng liêm-chính : người thiện cũng sẽ biến thành gian tà. Có lẽ vì bất chước, nhưng chắc-chắn là phải trá-ngụy gian-tà để mới có thể đánh lừa mà tránh cái nạn man-trá của kẻ trên.

* * *

« Nhơn chi mê » 人之迷

« Kỳ nhật cổ cửu » 其日固久

Thực ra cái mê-lầm của phần đông các nhà trị nước đã nói trên, đâu phải mới có đây, mà nó đã có từ lâu, từ thuở con người bắt đầu sống chung nhau trên mặt đất này.

* * *

C — « Phương nhi bất cát » 方而不剋

« Phương » 方 có nghĩa là chính-trực 正直. Bậc Thánh-nhơn trị nước, dù mình là người chính-trực bậc nào cũng không nhân sự chính-trực ấy mà làm tổn-thương lòng tự-ái kẻ khác. Trên công-lý còn lòng Nhân.

Có nhà lại chú-giải câu này như vậy : đẽo cây vuông mà không làm thương-tồn, tức là trị nước một cách khéo léo không va chạm đến lòng tự-ái, đến nhân-phẩm của người.

Có nhà lại cho rằng: bậc trị nước phải để mọi người sống tự-nhiên theo bản-tánh, không nên đem một cái gì làm khuôn-mẫu, rồi cái gì không vừa-vặn với khuôn-mẫu ấy thì đem mà cắt xén đi, đẽo gọt theo ý-mình, nghĩa là dùng tư-tâm mà bắt buộc người ta phải uốn mình theo.

Trong 3 cách giải-thích, cách giải-thích sau cùng là có ý-nghĩa hơn, mặc dù cả 3 đều cùng một ý chung là : bậc thánh-nhơn dùng « vô-vi nhi trị ». Cách giải thứ nhất, trùng với câu : « trực nhi bất tứ ». Cách giải thứ hai rất mơ-hồ : đẽo cây vuông mà không làm thương-tồn. Sao không đẽo cây tròn... ? Phàm khéo-léo thì đẽo cách nào mà không khéo. Cách giải thứ ba, hợp - lý nhất : chữ « phương » 方 đây là « mẫu-mực », là phương-thức... là phương-sách. Thánh-nhơn trị nước đâu phải không kế-hoạch, không phương-sách, nhưng không vì đó mà bắt mọi người phải theo đó y như khuôn-đúc để làm cái việc làm của anh chàng Procuste trong thần-thoại Hy-Lạp, chặt chân hay kéo dài thêm cho vừa-vặn với cái giường sắt của ông mà ngày nay ta có câu : giường của chàng Procuste (litt de Procuste). Ở những chế-độ độc-tài đều dùng phương-sách này mà trị dân. Luật-pháp không thể dùng bất-luận cho tất-cả mọi người mà không có trường-hợp giảm khinh...

* *

Ba câu kể :

« Liêm nhi bất quẽ » 廉而不刿

« Trực nhi bất tứ » 直而不肆

« Quang nhi bất diệu » 光而不耀

đều cùng một ý như trên. Ba chữ « liêm », « trực », « quang », ở đây, theo tôi, đều có công-dụng của một động-từ, chứ không phải là một tính-từ.

« Quang nhi bất diệu » 光而不耀

là mặc dù mình phải đem ánh sáng của mình mà giúp đời, nhưng đừng đem cái ánh sáng thông-minh của mình mà làm khó chịu kẻ khác; trái lại càng nên che bớt cái ánh-sáng ấy đi.

CHƯƠNG LIX

(59)

- 治 人 事 天 莫 若 嗇。
A.— Trị nhơn sự thiên mạc nhược sặc.
- 夫 唯 嗇 是 謂 早 服。
B.— Phù duy sặc thị vị tảo phục.
早 服 謂 之 重 積 德。
Tảo phục vị chi trọng tích đức.
重 積 德 則 無 不 克。
Trọng tích đức tắc vô bất khác.
無 不 克 則 莫 知 其 極。
Vô bất khác tắc mạc tri kỳ cực.
莫 知 其 極 可 以 有 國。
Mạc tri kỳ cực khả dĩ hữu quốc.
- 有 國 之 母，
C.— Hữu quốc chi mẫu，
可 以 長 之。
Khả dĩ trường cửu。

是 謂 深 根 固 蒂。
 Thị vị thâm căn cố đế.
 長 生 久 視 之 道。
 Trường sinh cửu thị chi đạo.

• * •

DỊCH NGHĨA

- A.— *Trị người, giúp Trời;
 Không chi bằng tiết-kiệm.*
- B.— *Tiết-kiệm phải là việc lo đầu tiên.
 Lấy nó làm việc lo đầu tiên,
 Thì chứa được đức.
 Chứa được đức,
 Thì không có gì là không thắng được.
 Không có gì là không thắng được,
 Không ai biết được chỗ cùng-cực của nó.
 Không ai biết được chỗ cùng-cực của nó,
 Thì mới có thể nắm giữ được nước.*
- C.— *Giữ được Mẹ của nước,
 Thì mới có thể lâu dài.
 Đó gọi là « rễ sâu gốc bền »*

Cái đạo « trường sinh cửu thi ».

* * *

BÌNH - CHỮ

Chương này cùng một ý với câu : « Ngã hữu tam bảo : nhất viết Từ, nhì viết Kiệm... »

A.— « Trị nhơn sự thiên » 治人事天

« Mạc nhược sắc » 莫若色

Bậc trị nước mà biết cộng-sự với Đạo Trời không chỉ bằng giữ mực-độ, biết tiết-kiệm tài-sản và sinh-lực.

(Chữ « sắc » 色 ở đây có nghĩa là tiết-kiệm).

* * *

B.— « Phù duy sắc » 夫唯色

« Thị vị tảo phục » 是謂早服

Chữ « tảo phục » 早服 có nghĩa là 先事 « việc làm đầu tiên » (theo Khang-Hi tự-điền). Kẻ nào sống kiệm-ước, không bao giờ bị phải cái hoạ thiếu hụt những cần-thiết : họ đã luôn luôn lo dự-bị trước để khỏi phải bị sa vào cảnh đói kém.

* * *

« Tảo phục vị chi trọng tích đức »

早服謂之重積德

« Trọng tích đức tức vô bất khắc »

重積德則無不克

« Vô bất khắc tức mạc tri kỳ cực »

無不克則莫知其極

« Mạc tri kỳ cực khả dĩ hữu quốc »

莫知其極可以有國

Nếu ta biết lấy sự tiết-kiệm làm việc lo đầu tiên, thì tức là ta tạo cho ta thêm nhiều đức hay trong việc trị nước.

Chữ « khắc » 克 có nghĩa là « thắng ». Khi mình có nhiều đức hạnh, thì người người sẽ được an-cư lạc nghiệp, nhờ thế mà không còn có gì ta không thắng nổi. (Dù là địch-thủ hay những trở-ngại).

Không gì thắng nổi, thì làm sao biết được đến đâu là cùng ? Lấy Kiệm mà trị nước, thì nước sẽ được trường cửu. Chữ 恆 có nghĩa là hạn-định, mức cùng.

* * *

C.— « Mẫu » 母 là chỉ Đạo (theo Hà-thượng-Công), Nhưng nhiều nhà chú-giải cho là « kinh-tế », đức « Kiệm ».

Vấn-đề kinh-tế là gốc của nước. Có « Kiệm » thì nước mới giữ được lâu dài. Trái lại, xa-xì là đem lại sự ly-loạn và bại vong.

* * *

« Cửu thị » 久視 có nghĩa là « không già » (不老) (theo Từ-Nguyên).

« Trường sinh cửu thị » 長生久視, tức là « sống lâu mà không già ».

Nhân câu này, người đời sau mới bày ra cái đạo dưỡng-sinh, luyện khí luyện đan của phái « đan đình », tức là phái thần-tiên, chủ-trương sự trường-sinh bất-tử.

Toàn chương đều lấy cái đạo trị nước mà bàn. Ở đây, riêng đoạn văn thứ ba này, Lão-Tử cũng dùng chữ « trường sinh cửu thị » với nghĩa bóng, muốn nói đến sự trường-cửu của phép giữ nước : Kẻ nào nắm được Đạo, « trị nhưn sự thiên » 治人事天 (trị người mà theo đạo Trời) thì mới giữ được nước lâu dài, dĩ nhiên với nghĩa tương-đối của nó. Lão-Tử đã cho rằng hễ có Sanh ắt có Tử... và xem Tử như Sanh, Sanh như Tử thì còn cố-gắng đeo-đuôi theo thuật « trường sinh cửu thị » để sống mãi với thời-gian là mâu-thuẫn với chủ-trương của mình còn gì. Miễn là giữ được « thiên-chân », cái mà ông bảo : « tử nhi bất vong giả thọ » ấy, thì đó là mình được « trường sinh cửu thị » theo nghĩa bóng của nó. Đó là ông bàn đến tinh-thần, chứ không phải là bàn về thân xác.

Phái « trường sinh đan đình » về sau, nắm lấy câu ấy đề tôn ông lên làm vị Đại - Tiên - Trường.

Thực ra tuy ông không bàn đến đạo « trường sinh cửu thị » về phần thân-xác, mà tựu-trung cũng có phần bàn đến một cách gián-tiếp. Người mà nắm được Đạo, đồng-hoà được với Đạo, thì không còn thấy có sanh có tử nữa, hay nói cho đúng hơn, đứng trên vòng Sanh Tử. Chết là chết thân xác này, chứ cái Tâm (đồng với Đạo) làm

sao chết được. Lại nữa, người mà đồng-hoá được với Đạo, là người đã biết tiết dục : « *thiếu tư quá dục* ». Người như thế « *bất dĩ ngoại vật động kỳ tâm* » thì tâm-hồn luôn-luôn điềm-đạm... Mà « *điềm-đạm hư-vô* » thì « *chân-khí từng chỉ, tinh-thần nội thủ, bệnh an từng lai* », người như thế khó mà bị bệnh tật, già yếu... có thể luôn luôn khang-khiến cho đến mãn kiếp người mà không đau bệnh. Ảnh-hưởng của tinh-thần đối với vật-chất mãnh-liệt dường ấy. Người ta thường há không nói « *tâm sâu bạch phát* » là gì ! Cho nên, không cần bàn đến dưỡng-sinh mà đó mới thật là dưỡng-sinh, và nhất-định kẻ nào giữ được cái Tâm *chân-không* thì suốt đời sẽ không bao giờ bệnh tật, lại sống lâu là khác nữa.

(Xem lại chương 50)

CHƯƠNG LX

(60)

治大國若烹小鮮。

A.— Trị đại quốc nhược phanh tiểu tiên.

以道蒞天下，

B.— Dī Đạo lý thiên - hạ,

其鬼不神，

Kỳ quỷ bất thần,

非其鬼不神，

Phi kỳ quỷ bất thần,

其神不傷人。

Kỳ thần bất thương nhơn.

非其神不傷人，

Phi kỳ thần bất thương nhơn,

聖人亦不傷人。

Thánh-nhơn diệc bất thương nhơn.

夫兩不相傷，

Phù lưỡng bất tương thương.

故德交歸焉。
Cố Đức giao quy yên.

* * *

DỊCH NGHĨA

- A.— *Trị nước lớn, khác nào nấu cá nhỏ.*
- B.— *Lấy Đạo mà điều-khiển thiên-hạ,
Quý cũng không lộ thần oai.
Không phải quý không lộ được thần oai,
Mà vì quý không làm hại được người.
Không phải thần không hại được người,
Mà vì Thánh-nhơn không hại người.
Cả hai đều không hại người,
Nên Đức của họ nối nhau về một chỗ.*

* * *

BÌNH - CHỮ

- A.— “Trị đại quốc” 治大國
“nhược phạnh tiểu tiên” 若烹小鮮

Nấu cá nhỏ, người ta không dám làm vảy, lóc thịt...
là vì người ta sợ làm nát nó đi. Trị một nước lớn bậc
thánh-nhơn không dám dùng đến cái đạo “hữu vi” 有為,

ra nhiều pháp-lệnh (xem lại chương 57 và 58) mà làm thương-tồn và đau khổ nhân-dân, xui họ sanh ra chống-đối và trá-nguỵ.

* * *

B.— Đoạn văn này thật bí-hiểm. Nhưng ta cũng có thể hiểu như vậy : Ngày xưa người ta vẫn tin-tưởng nơi thần quyền có thể tác phúc tác họa cho loài người. Lão-Tử không nghĩ như vậy, ông cho rằng quý thần không hại được người, nếu có được một bậc thánh-nhơn trị nước. Lấy Đạo mà trị thiên-hạ 以道莅天下 thì không bao giờ hại dân. Thánh-nhơn mà không hại dân, thì quý thần đâu có hại dân. Thánh-nhơn và quý thần chỉ là Một. Còn như, trái lại, dân bị thương-tồn, thì cũng đâu phải vì bị quý thần làm hại mà chính kẻ trị nước, không lấy Đạo mà trị nước làm hại dân mà thôi.

Ở đây Lão-Tử bài-bác thần-quyền. Họa Phúc đều do con người làm ra cho mình cả.

CHƯƠNG LXI

(61)

A.— 大 國 者 下 流，
 Đại quốc giả hạ lưu,
 天 下 之 交，
 Thiên-hạ chi giao,
 天 下 之 北。
 Thiên-hạ chi tân.

B.— 北 常 以 靜 勝 牡，
 Tân thường dĩ tịnh thắng mẫu,
 以 靜 爲 下。
 Dĩ tịnh vi hạ.

故

Cổ

大 國 以 下 小 國
 Đại quốc dĩ hạ tiểu quốc
 則 取 小 國
 Tắc thủ tiểu quốc.

小國以下大國
 Tiểu quốc dĩ hạ đại quốc
 則取大國。
 Tác thủ đại quốc.

或

Có

或下以取
 Hoặc hạ dĩ thủ
 或下而取。
 Hoặc hạ nhi thủ.

大國不過欲兼富人，
 Đại quốc bất quá dục kiêm súc nhơn.
 小國不過欲入事人。
 Tiểu quốc bất quá dục nhập sự nhơn.
 夫兩者各得其所欲。
 Phù lưỡng giả các đắc kỳ sở dục.
 大者宜爲下。
 Đại giả nghi vi hạ.

* * *

DỊCH NGHĨA

A.— Nước lớn mà làm chỗ thấp,
 Sẽ là chỗ hợp lại của thiên-hạ,

Là giống cái của thiên-hạ.

B.— *Giống cái thường lấy Tịnh mà thắng
giống đực.*

Lấy Tịnh làm chỗ thấp.

*Nước lớn mà hạ mình trước nước nhỏ,
ắt đặng tiểu-quốc xưng thần ;*

*Nước nhỏ mà hạ mình trước nước lớn,
ắt đặng đại quốc che-chỡ.*

Nén,

Hoặc hạ mình để đặng,

Hoặc hạ mình mà đặng.

Nước lớn chẳng qua muốn gồm nuôi người.

Nước nhỏ chẳng qua muốn vào thờ người.

Cả hai đều đặng chỗ muốn của mình.

Bậc lớn nên hạ mình.

• • •

BÌNH - CHỮ

Chương này rất dễ hiểu.

Nhưng văn-ngĩa thiên-lậu, không giống khí-văn của
Lão-Tử, phần đông các nhà chú-giải nghĩ là do các nhà

quyền mưu thời Chiến-quốc thêm vào. Tuy nhiên đều do tư-tưởng « *hậu kỳ thân nhi thân tiến* » của Lão-Tử mà suy-diễn ra.

« *Đại giả nghi vi hạ* » 大者宜為下

CHƯƠNG LXII

(62)

道 者

Đạo giả

萬 物 之 奧

Vạn vật chi áo,

善 人 之 寶

Thiện nhơn chi bảo.

不 善 人 之 所 保

Bất thiện nhơn chi sở bảo.

善 言 可 以 市 尊

B. — Thiện ngôn khả dĩ thị tôn

行 可 以 加 人

Hành khả dĩ gia nhơn.

人 之 不 善

Nhơn chi bất thiện

何 棄 之 有 ?

Hà khí chi hữu ?

故

C.—

Cổ

立天子

Lập thiên tử

置三公

Trí tam công

雖有拱壁

Tuy hữu cung bích

以先駟馬

Dĩ tiên tứ mã

不如坐進此道

Bất như tọa tiến thử Đạo

古之所以貴此道者何？

D.—Cổ chi sở dĩ quý thử Đạo giả hà？

不日以求得

Bất nhật dĩ cầu đắc

有罪以免耶？

Hữu tội dĩ miễn da？

故

Cổ

為天下貴也。
 Vi thiên - hạ quý dã.

* * *

DỊCH NGHĨA

- A. — Đạo là
 Chỗ chứa sản kìn của vạn-vật.
 Chân bản của người lành.
 Chỗ nương dựa của kẻ không lành.
- B. — Lời hay có thể được đắc giá.
 Việc hay có thể tăng giá con người.
 Nhưng, còn kẻ không lành,
 Sao lại bỏ chúng ?
- C. — Bởi vậy,
 Mọi lập đẳng thiên-tử,
 Mọi đặt bậc tam công.
 Tuy cầm cũng bích,
 Ngồi xe bốn ngựa.
 Nhưng sao bằng ngồi yên trên Đạo mà
 trị dân.
- D. — Người xưa sở-dĩ quý Đạo ấy là tại sao ?

*Không ngày nào họ không cần cho được đó,
Cho nên dù có lỗi cũng được miễn, hay sao ?
Vì vậy Nó là vật quý của thiên-hạ.*

* * *

BÌNH - CHỦ

A. — « Đạo-giá » 道者

« Vạn-vật chi áo » 萬物之衣

« Thiện-nhơn chi bửu » 善人之寶

« Bất thiện-nhơn chi sở bảo » 不善人之所保

« Đạo là chỗ chứa sâu kín của vạn-vật », nghĩa là vạn-vật lành dữ gì cũng ẩn-trú trong đó.

Chữ « áo » 衣 ở đây có nghĩa là chứa 藏. Thời xưa, căn phòng ở phía trong để dùng làm chỗ tế-tự thì là chỗ sâu nhất và tối-tăm nhất ở phía Tây-Nam. Còn cửa vào thường ở phía đông.

Chữ « bảo » 保 nghĩa thường là che-chờ, nhưng ở đây lại có nghĩa là « 倚 » 倚, tức là dựa vào để tìm một thế quân-bình và vững-vàng.

Đạo, theo Lão-Tử, là có lợi cho tất-cả mọi người ; đối với kẻ lành đó là vật báu ; đối với kẻ không lành đó là nơi nương dựa.

* * *

B. — « Thiện ngôn khả dĩ thị tôn » 善言可以市尊

« Hành khả dĩ gia nhơn » 行可以加人

« Nhơn chi bất thiện » 人之不善

« Hà khí chi hữu » 何素之有

Chữ « thị » 市 ở đây có nghĩa là « lợi » 利. Có nhà chú giải cho rằng : « lời nói hay có cái giá đặc như các món đồ đẹp bán ở chợ, ai cũng muốn mua ».

Theo Hà-thượng-Công thì chữ « gia » 加 ở đây có nghĩa là « biệt dị » 列異 (khác biệt). Những hành - động hay, những hạnh-kiểm tốt có thể là những hành-động hoặc những hạnh-kiểm làm cho ta khác biệt với kẻ khác.

Bởi vậy, khi một người lỗi lầm, nhờ Đạo mà họ tỉnh ngộ và hối cải, tại sao lại bỏ người ta đi ? « Nhơn chi bất thiện, hà khí chi hữu ? » Đạo là « thiện nhơn chi hữu, bất thiện nhơn chi sở bảo ».

* * *

« Cổ, lập thiên-tử » 故，立天子

« Trí tam công » 置三公

« Tuy hữu cang bích » 雖有拱壁

« Dĩ tiên tứ mã » 以先駟馬

« Bất như toạ tiến thứ đạo » 不如坐進此道

Ngày xưa, người ta lập ra nào là đấng Thiên-tử, bậc tam công là bề tôi giáo dân. Tuy sang trọng thật, tay cầm cung bích, ngồi xe tứ mã, sao bằng lấy Đạo ấy mà dạy dân trị nước ?

Chữ « *củng bích* » 拱壁 là thứ ngọc mà Nhà Vua cầm khi tế Trời.

Chữ « *toạ* » 坐 có nghĩa là ngồi yên, bình-tĩnh, vững-vàng, « căn-cứ hoàn-toàn trên... »

* * *

D.— « Cờ chi sở dĩ quý thử Đạo giả hà ? »

古之所以貴此道者何 ?

« *Bất nhật dĩ cầu đắc* » 不日以求得

« *Hữu tội dĩ miễn da* » 有罪以免耶 ?

« *Cố vi thiên-hạ quý dã* » 故為天下貴也.

Tại sao mà bậc Thánh xưa lại quý cái Đạo ấy ?

Chữ « *nhật* » 日 ở đây, nhiều bản lại chép là « *viết* » 𠂔, Nếu chép là « *viết* » 𠂔, thì câu này phải dịch và hiểu như vậy : « Họ há chẳng có nói : « Ai cầu được đó, dù có lỗi cũng được miễn » ư ? »

Chữ « *nhật* » 日 thì lại phải hiểu và dịch : « Không ngày nào họ không cầu cho được Đạo ấy, thì dù có lỗi-lầm cũng được miễn xá cho... »

Hai câu dịch như trên, tựu-trung cùng một ý-nghĩa, nhưng chữ 日 (nhật) có tánh-cách thiết-tha hơn, vì đó là một công việc tha-thiết từng ngày, không thể xao-lãng thì mới mong nắm được nó.



CHƯƠNG LXIII

(63)

A.—

爲	無	爲	
Vi	vô	vi,	
事	無	事	
Sự	vô	sự.	
味	無	味	
Vị	vô	vị.	
大	小	多	少
Đại	tiểu	đa	thiểu.
報	怨	以	德
Báo	oán	dĩ	đức.

B.—

闕	難	於	其	易
Đồ	nan	ư	kỳ	dị.
爲	大	於	其	細
Vi	đại	ư	kỳ	tế.
天	下	難	事	
Thiên - hạ	nan	sự,		

必 作 於 易
 Tất tác ư dị.
 天 下 大 事
 Thiên - hạ đại sự,
 必 作 於 細
 Tất tác ư tế.

C.—

是 以 聖 人
 Thị dĩ thánh nhân,
 終 不 為 大
 Chung bất vi đại.

故

Cổ

能 成 其 大
 Năng thành kỳ đại.

夫 輕 諾
 Phù khinh nặc

必 寡 信
 Tất quả tín.

多 易 必 多 難
 Đa dị tất đa nan.

是 以
 Thị dĩ

聖人猶難之，
Thánh-nhơn do nan chi,

故

Cố

終無難矣。
Chung vô nan hĩ.

• • •

DỊCH NGHĨA

- A.— *Làm mà « không làm »,
Lo mà « không lo »,
Ném mà « không mùi ».
Xem lớn như nhỏ.
Coi nhiều như ít.
Lấy đức báo oán.*
- B.— *Làm việc khó, bắt nơi chỗ dễ.
Làm việc lớn, bắt nơi chỗ nhỏ.
Việc khó trong đời, khởi nơi chỗ dễ.
Việc lớn trong đời, khởi nơi chỗ nhỏ.*
- C.— *Bời vậy Thánh-nhơn,
Suốt đời không làm chi lớn.*

*Nên mới thành được việc lớn,
Kẻ hứa dễ, ít tin được.
Kẻ xem gì cũng dễ, ít gặp nhiều cái khó.*

D.—

*Vậy nên,
Bạc thành-như xem việc gì cũng khó,
Nên trọn đời không gặp gì khó cả.*

* * *

BÌNH - CHỮ

A.— « Vi Vô-vi » 為無為

Thường người ta hay hiểu lầm hai chữ Vô-vi và cho rằng Vô-vi là không làm gì cả. Lão-Tử bảo : « Hãy làm cái Vô-vi » 為無為. Như vậy, Lão-Tử nào có chủ-trương sự không làm gì cả, mà bảo nên làm theo phép « Vô-vi ». Như vậy Vô-vi có nghĩa là một phương-thức làm việc như phép « bất tranh » của ông vậy.

Ở đây, ta có thể hiểu câu « Vi Vô-vi » bằng 3 cách :

1.— « Vi Vô-vi » là làm cái đạo Vô-vi, không dùng tư-tâm mà xen vào việc kẻ khác, không lấy tư-lợi mà can-thiệp vào việc của người.

2.— « Vi Vô-vi » cũng có nghĩa là làm mà như không làm gì cả, làm một cách hết sức tự-nhiên kín-đáo không cố-cưỡng, không dụng tâm, làm mà như không có làm

gi cả, như cái « làm » của Thái-dương. Thái-dương xạ ánh sáng làm nở muôn hoa, nhưng không hay là mình đã giúp muôn hoa đua nở, vì vậy muôn hoa cũng không hay là mình đã nhờ ánh sáng Thái-dương mà trở. Cái đức Sáng của Thái-dương là cái hành-dộng Vô-vi vậy. Làm mà không hay là mình có làm ; làm không phải vì tư-tâm, tư-lợi ; làm vì làm, vì không thể không làm choặng, đó là hành-vi mà Lão-Tử bảo ở chương 64 sau đây : « dĩ phụ vạn vật chi tự-nhiên, nhi bất cảm vi » (以輔萬物之自然而不敢爲). (Giúp vạn-vật một cách tự-nhiên, mà không « dám làm »).

« Làm » đây là « hữu-vi chi đạo » (有爲之道).

3.— « Vi Vô-vi » lại cũng có nghĩa là « làm mà không mắc trong cái làm » của mình. Là nghĩa làm sao ? Thường tình việc làm của ta bao giờ cũng đi theo một chiều nào, với một mục-đích là đi đến kết-quả theo lòng mong-ước của ta về điều phải hay lẽ quấy nào. Như thế mới có những hành-dộng đi đến cuồng-tin nơi một lẽ Phải nào theo mình. Trái lại, người hiểu Đạo, không cho đâu là Phải mà không có Quấy, cho nên không chấp nơi một lẽ Phải tuyệt-đối nào cả. Bằng giá-trị luân-lý nào cũng đều tương-đối cả. Người đạt Đạo là kẻ đã thoát khỏi cái bằng giá-trị ấy. Cho nên mới nói : « làm mà không mắc trong cái làm của mình ». Đó là nghĩa thứ ba của câu « Vi Vô-vi » vậy.

* * *

« Sự vô-sự » 事無事

« Sự » 事 là lo-lắng.

« Vô-sự » 無事 là không mắc trong sự lo-lắng.

« Sự vô-sự » 事無事 cũng có 3 nghĩa là : a) lo-lắng

mà như không lo-lắng gì cả ; b) lo-lắng cái « không lo-lắng » ; c) lo-lắng mà không bận mắc trong sự lo-lắng của mình. Nó cũng đồng một ý như « Vô Vô-vị », nên cũng có 3 nghĩa như trên.

Người đạt Đạo, đâu phải không làm, đâu phải không lo. Nhưng làm một cách tự-nhiên, lo một cách tự-nhiên, không bận mắc trong việc làm, việc lo của mình. Lo mà không cầu nên, không sợ hư. Cứ thân-nhiên mà làm, thân-nhiên mà lo. Cho nên lo-lắng mà như không lo-lắng gì cả. Lòng luôn luôn điềm-đạm.

• • •
 « Vị vô-vị » 味無味

« Vị » 味 là nếm ; « vô-vị » là « không mùi ».

« Vô-vị » 無味 là cái mùi - vị của Đạo, nghĩa là cái không mùi-vị gì cả.

Chữ 味 (vị) đều có nghĩa là nếm, và nghĩa bóng là biết mùi-vị, biết thưởng-thức, biết đánh giá, biết ưa-thích ..

Câu « Vị vô-vị » (味無味) cũng có 3 nghĩa : nếm cái không nếm được, tức là Đạo ; nếm mà như không nếm, tuy biết thưởng-thức, nhưng không phủ-nhận những giá-trị đối-đích của nó, nên mới nói là « như không nếm » ; và nếm mà không mắc trong sự nếm của mình, một cách tự-nhiên, không nô-lệ trong sự ưa-thích của mình.

• • •
 « Đại tiểu đa thiểu » 大小多少. Lớn hay nhỏ, nhiều hay ít, đều xem như nhau với cặp mắt « Tề-Vật » theo như Trang-Tử đã nói, nghĩa là đều có một giá-trị tương-đối : lớn hơn cái nhỏ, nhỏ hơn cái lớn. Hễ có lớn thì cũng có lớn hơn mà tự nó lại thành ra nhỏ. Còn nhỏ cũng có cái nhỏ

hơn, mà thành ra lớn. Nhiều là đối với ít hơn, nhưng nhiều còn có nhiều hơn, thành ra lại nhỏ; nhỏ còn có nhỏ hơn thành ra lại lớn.

Cho nên lớn cũng vô-cùng mà nhỏ cũng vô-cùng; nhiều cũng vô-cùng mà ít cũng vô-cùng. Thấy đều như nhau cả trước con mắt người hiểu Đạo.

* * *

« Báo oán di đức » 報怨以德.

Lấy đức mà trả oán, thì oán sẽ tiêu đi. Chứ lấy oán mà trả oán thì oán sẽ chấp-chồng biết chừng nào dứt. Đó là cái đức « Từ » 慈 của Lão-Tử vậy, không chạm vào lòng tự-ái của ai cả.

Đây cũng là một cách « bất tranh nhi thiện thắng » 不爭而善勝.

* * *

B.— « Đu nan ư kỳ dị » 闢難於其易

« Vị đại ư kỳ tế » 為大於其細

« Thiên-hạ nan sự » 天下難事

« Tất tác ư dị » 必作於易

« Thiên-hạ đại sự » 天下大事

« Tất tác ư tế » 必作於細

Việc khó, nên khởi đầu nơi chỗ dễ.

Việc lớn, nên khởi đầu nơi chỗ nhỏ. Và dù là việc khó hay việc lớn trong thiên-hạ cũng đều như thế cả.

Người đời thường hay xem thường xem khinh những việc dễ và việc nhỏ, mà không hay rằng nó là đầu mối của các việc khó và việc lớn trong thiên-hạ.

Bởi vậy, bậc thánh-nhơn trị nước, suốt đời dường như không dám làm chi lớn cả mà chỉ lo săn-sóc những cái nhỏ... Thế mà lại thành được việc lớn.

Đừng khinh việc nhỏ : lỗ một đũa chim thuyền. Bậc làm đại-sự nên hết sức thận-trọng nơi những cái nhỏ.

Ở đây ta thấy lối biện-chứng tam-nguyên của Lão-Tử : bao giờ ông cũng ở dưới để được ngồi trên, đem mình ra sau để được đứng trước, làm cái nhỏ để được cái lớn, làm cái dễ để được cái khó.

* * *

« Phù khinh nặc, tất quả tín » 夫輕諾，必寡信

Người hứa quá dễ-dàng, là người mà mình không nên tin. Ý-tứ tầm-thường. Không hiểu có ăn chịu vào đâu trong đoạn văn này. Nghi là người sau chưa thêm vào.

* * *

« Đa dị tất đa nan » 多易必多難

« Thị dĩ » 是以

« Thánh-nhơn do nan chi » 聖人猶難之

« Cổ chung vô nan hỹ » 故終無難矣

Cái khó, nên khởi đầu nơi chỗ dễ ; nhưng trái lại, cái gì cũng xem thường xem khinh, ắt phải gặp nhiều cái khó.

Biết là khó, mà không dám xem thường, nên luôn luôn phòng-bị, bởi vậy dù là khó bao nhiêu, ta không bao giờ bị sự bất ngờ bất chợt, nên mới nói rằng : « Thánh-nhơn do nan chi, cổ chung vô nan hỹ ». (Bậc thánh-nhơn xem việc gì cũng khó, nên trọn đời không gặp gì khó cả).

CHƯƠNG LXIV

(64)

其	安	易	持	
Kỳ	an	dị	trì,	
其	未	兆	易	謀
Kỳ	vị	triệu	dị	mưu.
其	脆	易	泮	
Kỳ	tuý	dị	phán,	
其	微	易	散	
Kỳ	vi	dị	tán.	
爲	之	於	未	有
Vi	chi	ư	vị	hữu.
治	之	於	未	亂
Trị	chi	ư	vị	loạn.

B.—

合	抱	之	木
Hạp	bao	chi	mộc.
生	於	毫	末
Sanh	ư	hào	mạt.

九 層 之 臺
Cửu tầng chi đài.
起 於 累 土
Khởi ư lũy thổ.
千 里 之 行
Thiên lý chi hành,
始 於 足 下
Thỉ ư túc hạ.

C.—

為 者 敗 之
Vi giả bại chi.
執 者 失 之
Chấp giả thất chi.
是 以 聖 人
Thị dĩ thánh-nhơn,
無 為 故 無 敗
Vô-vi cố vô bại,
無 執 故 無 失。
Vô chấp cố vô thất,

D.—

民 之 從 事
Dàn chi tùng sự
常 於 幾 成 而 敗 之
Thường ư cơ thành nhi bại chi.

慎終如始
Thận chung như thi,
則無敗事
Tắc vô bại sự.

E.— 是以聖人
Thị dĩ thánh-nhơn

欲不欲
Dục bất dục,
不貴難得之貨
Bất quý nan đắc chi hoá;

學不學
Học bất học,
復衆人之所過
Phục chúng nhơn chi sở quá.
以輔萬物之自然
Dĩ phụ vạn-vật chi tự nhiên
而不敢爲。
Nhi bất cảm vi.

* * *

DỊCH NGHĨA

A.— *Vật yên-tĩnh, dễ cảm;*

*Chưa bày điềm, dễ lo ;
Vật mềm, dễ tan-tác ;
Vật nhỏ, dễ phân tán.
Ngăn ngừa khi chưa hiện,
Sửa trị khi chưa loạn.*

B.— *Cây to một ôm,
Khởi sanh gốc nhỏ.
Đài cao chín tầng,
Khởi đầu nhúm đất con.
Đi xa nghìn dặm,
Khởi đầu một bước chân.*

C.— *Làm thì hư,
Giữ thì mất.
Bời vầy thánh-nhơn,
Không làm, nên không hư,
Không giữ, nên không mất.*

D.— *Người dân mà làm,
Gần thành thì bại.
Dè sau như trước,
Ắt không hư hại.*

E.— *Vầy nên thánh-nhơn.*

*Muốn mà không muốn.
 Không quý của khó được.
 Học mà không học,
 Giúp chúng nhưn hối mà trở về.
 Giúp vạn-vật sống theo tự-nhiên.
 Mà không dám mó tay vào.*

* * *

BÌNH - CHÚ

A.— « Kỳ an dị tri » 其安易計

« Kỳ vị triệu dị mưu » 其未兆易謀

Hai chữ « an » 安 và « vị triệu » 未兆 là muốn ám-chỉ cái lúc mà ý-tưởng chưa phát ra trong tâm, mừng giận chưa hiện ra ngoài mặt, tâm-hồn còn yên-lặng, và tuyệt-nhiên chưa bị một mối cảm-xúc nào chao động. Lúc đó, tức là lúc ta dễ cầm, dễ giữ, dễ lo toan.

* * *

« Kỳ tuy dị phán » 其脆易判

« Kỳ vi dị tán » 其微易散

Chữ « tuy » 脆 có nghĩa là mềm, dễ gãy ; chữ « vi » 微 là một-mảy, bé nhỏ ; ở đây đều dùng theo nghĩa bóng để chỉ những mầm tư-tưởng vừa chớm nở.

Cùng một ý với 2 câu trên : những cái gì còn yếu-mềm, nhỏ bé bao giờ cũng còn dễ uốn-nắn, sửa-đổi, chứ khi nào trở thành cứng rắn thì nếu can vào sẽ khó sửa-đổi lại.

* * *

« *Vi chi ư vị hữu* » 爲之於未有

« *Trị chi ư vị loạn* » 治之於未亂

Chữ « *vi chi* » 爲之 có nghĩa là *ngăn-ngừa*; nếu hiểu 爲 (vi) là làm, thì lại nghịch với tư-tưởng của Lão-Tử. Lão-Tử chủ-trương không nên mó tay vào mà hành-động, nhưng cho phép làm bằng cách *ngăn-ngừa* (防之). Chính đây, là chỗ mà Trang-Tử về sau cũng bảo: « Cái đạo trị thiên-hạ, không khác nào việc chèn ngựa, chỉ trừ - khử những cái gì có hại cho ngựa mà thôi ». (去其害馬者而已矣 (1)).

Vi chi ư vị hữu, trị chi ư vị loạn » là lúc mà lòng người chưa nẩy mầm vọng - động thì nên ngăn - ngừa trước đưng cho nó hiện ra. Muốn trị thì hãy trị ngay lúc nó còn chưa loạn. Tu thân cũng thế mà trị nước cũng thế.

* * *

B. — « *Hạp báo chi mạt* » 合抱之木

« *Sanh ư hào mạt* » 生於毫末

« *Cửu tầng chi đài* » 九層之臺

« *Khởi ư luy thổ* » 起於累土

« *Thiên lý chi hành* » 千里之行

« *Thi ư túc hạ* » 始於足下

Đoạn này Lão-Tử diễn tiếp cái ý « *dở nan ư dị* » 闢難於易 và « *vi đại ư tế* » 爲大於細 ở chương 63 trước đây.

Cây to cũng khởi đầu là một gốc nhỏ. Đài cao chín tầng, cũng khởi một nhóm đất con. Đi xa nghìn dặm, khởi đầu cũng một bước chân. Việc gì to lớn cũng gốc ở những

(1) Xem TRANG-TỬ TINH-HOÀ, cùng một tác-giả, trang 145.

việc nho-nhỏ mà ra. Nếu muốn trừ-khử một tai-họa nào, phải diệt trừ ngay nơi cái mầm nhỏ bé sanh ra nó trước kia. Trị bệnh phải trị tận gốc.

* * *

C.— « Vi giả bại chi » 爲者敗之

« Chấp giả thất chi » 執者失之

Chữ « vi » 爲 đây là chỉ về hành-động hữu-vi 有爲.
« Làm » đây là làm cho mình, đem tư-tâm mà chen vào việc người. Cái « làm » của thiên-hạ phần nhiều nói là vì người, vì đời, mà thực ra là vì mình, vì ý riêng của mình. Kẻ trị nước, thường lấy tư-ý làm ý chung cho mọi người, phục-vụ mọi người bằng cách cưỡng-ép người người phải nhìn-nhận quan-điểm của mình là phải. Cho nên « càng làm càng hư, càng giữ càng mất », nghĩa là « làm » mà còn nghĩ đến mình thì hư, giữ mà còn nghĩ đến cho mình thì mất.

Bởi vậy, thánh-nhơn trị nước :

« Vô vi cố vô bại » 無爲故無敗

« Vô chấp cố vô thất » 無執故無失

« Không làm nên không hư »

« Không giữ nên không mất ».

* * *

« Dân chi tùng sự » 民之從事

« Thường ư cơ thành nhi bại chi » 常於幾成而敗之

« Thận chung như thi » 慎終如始

« Tác vô bại sự » 則無敗事

Thế nhân hễ làm việc chỉ thường khi lúc gần thành-công lại gặp thất-bại. Là tại sao ? Là gì lúc đầu khó, thì cố-gắng, thận-trọng, lúc gần thành thì khinh-thường lơ-đềnh nên hư-hỏng bất ngờ. Nếu « thận chung như thi » 始終如一 (thận-trọng lúc cuối-cùng cũng như lúc ban đầu) thì làm sao mà thất-bại ?

* * *

E.— « Thánh-nhơn dục bất dục » 聖人欲不欲

Chữ « dục » 欲 trước là muốn ; còn chữ « bất-dục » 不欲 sau là chỉ cái lòng không tham-dục gì cả.

Lòng không tham-dục, là vì biết rõ không có gì lợi mà không có hại, không có gì vinh mà không nhục, không có gì thành mà không bại, không có gì phải mà không có quấy, không có gì phúc mà không hoạ... Cho nên người đạt Đạo cũng làm, cũng lo, cũng muốn như ai, có điều là lòng vẫn thản-nhiên với cái làm, với cái lo, với cái muốn ấy, mà không bận mắc vào đâu cả. Tây-phương gọi là « dégage-ment de toute valeur » tức là lòng không nô-lệ lấy một bằng giá-trị nào cả của giới nhị-nguyên về thị phi thiện ác...

Phần đông xưa nay người ta đã hiểu lầm và cho Lão-Tử là người chủ-trương xuất thế, lấy sự an-nhàn ẩn-dật làm cái thú của nhân-sinh, không thiết gì đến nhân-tâm thế đạo. Đó là người ta đã hiểu lầm Vô-vi là không làm gì cả. Kỳ thật, kẻ theo Vô-vi mà trị nước lo đời, vẫn cũng như mọi người, cũng làm, cũng lo, cũng muốn... như ai, như ta đã thấy ở trên. Họ chỉ khác kẻ khác là họ dùng cái đạo Vô-vi mà trị nước thôi. Khác với người đời, là hễ « công thành thân thoái », làm mà không vị kỷ, vị công,

vị danh, làm một cách kín-đáo, đem cái tự-nhiên mà giúp cái tự-nhiên, luôn luôn nhún-nhường không khoa - trương, không dùng vũ-lực ..

« Dục bất-dục » lại cũng có 2 nghĩa là muốn có được một tấm lòng không tham-muốn; — hoặc muốn cái điều không thể muốn được, tức là Đạo.

« Bất quý nan đắc chi hoá » 不貴難得之貨

Xem lại trang 3 : « bất quý nan đắc chi hoá, sự dân bất vi đạo » 不貴難得之貨使民不為盜. Bậc trị nước sở dĩ không chịu quý của khó đặng là để ngăn-ngừa lòng tham sanh ra và biến thành trộm đạo.

* * *

« Học bất học » 學不學

Câu này có nhiều nghĩa :

1.— « Học bất học » là « học mà như là người không có học » gì cả, vì cái học đã tiêu-hoá hoàn-toàn rồi.

2.— « Học bất học » cũng có nghĩa là học cái không thể học được tức là cái học về cái « bất khả tri », nghĩa là về Đạo.

3.— « Học bất học » cũng có nghĩa là « học, nhưng không mắc trong cái học của mình » nghĩa là không nô-lệ đến cái học của mình, vì cái mà ta học được là cái học nhị-nguyên.

* * *

« Phục chúng nhơn chi sở quá » 復衆人之所過

Chữ « phục » 復 đây có nghĩa là làm cho trở về gốc 使之反本. Thường nhơn họ ham cái ngọn mà quên quy

về nguồn. Bậc thánh-nhơn làm cho họ hối lỗi mà trở về với Đạo.

« *Di phụ vạn-vật chi tự nhiên nhi bất cảm vi* »

以輔萬物之自然而不敢為

Bậc thánh-nhơn trị nước, chỉ giúp cho tất-cả vạn-vật một cách tự-nhiên, nhưng không dám đem tư-tâm mình mà xen vào, nên nói là « bất cảm vi », 不敢為. (Xem lại chương 63). Vi (為) là hữu-vi (有為) vậy.

CHƯƠNG LXV

(65)

A.—	古	之	善	爲	道	者
	Cổ	chi	thiện	vi	Đạo	giả
		非	以	明	民	
		Phi	dĩ	minh	dân	
B.—		將	以	愚	之	
		Tương	dĩ	ngu	chi.	
		民	之	難	治	
		Dân	chi	nan	trị	
		以	其	智	多	
		Dĩ	kỳ	trí	đa.	
		故				
		Cổ.				
		以	智	治	國	
		Dĩ	trí	trị	quốc.	

國之賊
Quốc chi tặc.

不以智治國
Bất dĩ trí trị quốc,
國之福
Quốc chi phúc.

C.— 知此兩者亦稽式。
Tri thử lưỡng giả diệc khể thức.

常知稽式
Thường tri khể thức,
是謂玄德
Thị vị Huyền đức.

玄德，深矣，遠矣。
Huyền đức, thâm hĩ, viễn hĩ.

與物反矣
Dữ vật phản hĩ,
然後乃至大順
Nhiên hậu nãi chí đại thuận.

DỊCH NGHĨA

A.— Đời xưa, kẻ khéo thi-hành Đạo.

*Không làm cho dân « khôn lanh »
Mà làm cho dân « thực-thà »*

B.— *Dân mà khó trị,
Vì nhiều trí mưu.
Bởi vậy,
Lấy trí mà trị nước,
Là cái vạ cho nước.
Không lấy trí mà trị nước.
Là cái phúc cho nước.*

C.— *Biết hai điều ấy,
Là biết làm mô-thức.
Thường biết làm mô-thức,
Nên gọi là huyền-đức.
Huyền-đức thì sâu, thâm.
Nhấn đó, muốn vật trở về.
Rồi sau mới đến chỗ « đại-thuận ».*

* * *

BÌNH - CHỮ

A.— « Phi dĩ minh dân » 非以明民
« Tương dĩ ngu chi » 將以愚之

Hai chữ « minh dân » và « ngu dân » dùng để đối chiếu ; « minh dân » không có cái nghĩa là mở rộng óc thông-

minh, « ngu dân » cũng không có nghĩa là làm cho đầu óc con người trở nên ngu-dần, theo cái nghĩa thông-thường.

« Trí » đây là do ở câu : « dân chi nan trị, di kỳ trí đa » dùng làm đối-chứng, và có nghĩa là « đa mưu túc trí », mưu-mẹo, khôn xảo, chứ không phải ám-chỉ sự sáng-suốt thực-thà. Bảo rằng chủ-trương của Lão-Tử là « ngu dân » để dễ bề lợi-dụng bóc lột là hiểu sai.

Vương-Bật nói : « Minh », là « đa kiến xảo trá... ». Còn chữ « ngu » là thuần-phác tự-nhiên. « Ngu dân » là làm cho dân trở nên thuần-hậu thực-thà.

* *

B.— « Dân chi nan trị » 民之難治

« Di kỳ trí đa » 以其智多

Dân mà khó trị, là vì họ quá mưu cơ xảo-trá.

Bởi vậy, kẻ lấy trí mưu mà trị nước, đó là kẻ làm loạn cho nước, kẻ không lấy trí mưu mà trị nước, đó là kẻ đem hạnh-phúc cho nước.

Tại sao « dân mà khó trị, là vì dân nhiều trí mưu ? » Lỗi tại đâu ? Không phải tự người dân đa mưu trá ngụy mà thực ra là vì người trên dùng trá ngụy mà trị dân. Dùng trí-thuật mà tác-vì thì kết-quả tất-nhiên là phát-động dục-vọng của dân chúng. Người trên tất phải đề-phòng và áp-dụng biện-pháp trừng-trị. Dân-chúng thấy rõ mưu-mẹo người trên dùng để áp-đạo họ, dĩ-nhiên họ phải tìm những mảnh-khoé thủ-đoạn để trốn tránh che đậy.

Bấy giờ, trên dưới đua nhau dùng trá-nguỵ mà việc thiên-hạ càng ngày càng đi vào con đường gian-trá. Cồ-ngữ có câu : « Pháp lập tề sinh » nghĩa là pháp-luật mà thiết-lập ra, thì tề-đoan theo đấy mà phát sinh.

* * *

C.— « Tri thù lưỡng giả, diệc khê thức ».

知此兩者亦稽式

« Thường tri khê thức », 常知稽式

« Thị vị Huyền-đức », 是謂玄德

Biết hai điều đó, tức là « lấy Tri mà trị nước », và « không lấy Tri mà trị nước » thì có thể làm được phép-tắc cho bậc trị nước.

« Chữ « khê thức » (稽式) có bản viết là 稽式 (khải thức) tức là cái phép-tắc, quy-mô...

« Huyền-đức » ám-chỉ cái Đức huyền-diệu của Đạo, có thể cảm được mà không thể hiểu được.

Chữ « viễn » 遠 ở đây có nghĩa là « bất khả lượng », (不可量), không thể đo lường được. Tạm dịch là « xa thăm ».

Chữ « thuận » 順 ở đây có nghĩa là « trị », 治, tức là « thành trị ».

« Huyền-đức » là cái Đức Trời, nếu ta nắm giữ được, thì không cần kêu gọi, muôn dân cũng quay về mình : « bất triệu tự-lai ».

« *Nhiên hậu nãi chí đại thuận* » 然後乃至大順

Hai chữ « *nhiên hậu* » là chỉ sau khi ta nắm giữ được cái đức Huyền, thì thiên-hạ mới đến cõi thành-trị vậy.

CHƯƠNG LXVI

(66)

江 海 所 以 能 爲
A.— Giang hải sở dĩ năng vi
百 谷 王 者
bách cốc vương giả
以 其 善 下 之
Dĩ kỳ thiện hạ chi.
故
Cố

能 爲 百 谷 王
Năng vi bách cốc vương.

是 以 故 上 民 必 以 言 下 之
B.— Thị dĩ dục thượng dân tất dĩ ngôn hạ chi
欲 先 民 必 以 身 後 之。
Dục tiên dân tất dĩ thân hậu chi.

是以聖人

Thị dĩ thánh-nhơn

處上而民不重

Xử thượng nhi dân bất trọng

處前而民不害

Xử tiền nhi dân bất hại

是以天下樂推而不厭

Thị dĩ thiên-hạ lạc thôi nhi bất yếm.

以其不爭

Dĩ kỳ bất tranh

欲

Cố

天下莫能與之爭。

Thiên-hạ mạc năng dữ chi tranh.

* * *

DỊCH NGHĨA

- A.— Sóng biển sờ-dì làm dâng Vua trăm hàng.
 Vì nó khéo đứng dưới thấp,
 Nên làm Vua dâng trăm hàng.

B.—

*Bởi vậy,**Muốn ngồi trên dân,**Hắn lấy lời mà hạ mình.**Muốn đứng trước dân,**Hắn lấy mình để ra sau.**Vậy nên, Thánh-nhơn**Ở trên mà dân không hay nặng.**Ở trước mà dân không thấy hại.**Vì thế,**Thiên-hạ không chán, lại còn đẩy tới trước,**Bởi đó không tranh,**Nên thiên-hạ không cùng tranh với đó được.*

* * *

BÌNH - CHỮ

A.— Lão-Tử lấy sông và biển để cụ-thể-hoá và minh-chứng cái chủ-trương « *bất cảm vi thiên-hạ tiên* » và « *bất tranh* »... Kia như sông, biển sở dĩ làm được Vua các hang-hóc là nhờ đâu ?

Nhờ nó ở chỗ thấp nhất.

B.— Vậy, nếu muốn ngồi trên dân-chúng, hãy tự-minh khiêm-cung bằng lời nói ; nếu muốn cầm đầu nhân-dân, phải đứng đằng sau lưng họ. Một nguyên-tắc xử-thế điển-hình của Lão-Tử và đã được nói đi nói lại nhiều lần.

Đồng một ý-nghĩa với câu : « hậu kỳ thân nhi thân tiên »
後其身而身先.

Bậc thánh-nhơn trị nước, ngồi trên đầu dân mà dân không hay có mình ngồi trên đầu, dẫn-đạo dân mà dân không cảm thấy bàn tay của mình dắt dẫn. Bởi vậy, người dân không chán, lại còn đưa đầy lên ngôi cao... Là vì thánh-nhơn trị nước bằng đạo Vô-vi. Luôn luôn đứng dưới thấp, ở đằng sau thì người dân còn chỗ nào để tranh-chấp, bởi vậy, « vì không tranh mà thiên-hạ không sao cùng tranh với họ được ».

Trị nước bằng đạo hữu-vi lại không phải thế : thường hay can-thiệp đến việc dân một cách quá rõ-ràng, nên người dân cảm thấy là bị trị. Do đó mới có sanh ra tâm-trạng chống đối, thì bậc trị nước phải lo đề-phòng đề cùng-cố uy-quyền bằng pháp-lệ bủa giăng... Giữa cấp thống-trị và bị trị đã có chỗ tranh nhau, thì trước và sau sẽ có kẻ thắng người bại. Ngay mà người dân cảm thấy sức nặng của người trên đè xuống, cảm thấy cái bàn tay dắt dẫn chỉ đạo quá gắt-gao còn giữ, họ sẽ đâm chán, mong-mỏi vứt quăng gánh nặng, vượt khỏi cái bàn tay sắt buộc-ràng... Dùng cái đạo hữu-vi mà trị nước là tạo cho nhân-dân có chỗ cùng tranh với ta... là nguy vậy.

CHƯƠNG LXVII

(67)

A.—	天 下 皆 謂 我 道 大 Thiên-hạ giai vị ngã Đạo đại
	似 不 肖 tự bất tiếu.
	夫 唯 大 Phù duy đại,
	故 Cố
	似 不 肖 Tự bất tiếu.
	若 肖 久 矣 Nhược tiếu cửu hỹ,
	其 細 也 夫 ! Kỳ tế dã phù !
B.—	我 有 三 寶 Ngã hữu tam bảo

持 而 保 之：

Trì nhi bảo chi：

一 曰 慈，

Nhất viết từ；

二 曰 儉，

Nhị viết kiệm；

三 曰 不 敢 爲 天 下 先：

Tam viết bất cảm vi thiên - hạ tiên：

慈 故 能 勇

Từ cố năng dũng，

儉 故 能 廣

Kiệm cố năng quảng.

不 敢 爲 天 下 先，

Bất cảm vi thiên - hạ tiên，

故 能 成 器 長。

Cố năng thành khí trường.

今 舍 慈 且 勇

C.—

Kim xá từ thả dũng，

舍 儉 且 廣

Xá kiệm thả quảng.

舍 後 且 先

Xá hậu thả tiên

死矣。

Tử hĩ.

夫慈以戰則勝

D—

Phù từ dĩ chiến tắc thắng

以守則固

Dĩ thủ tắc cố.

天將救之

Thiên tướng cứu chi,

以慈衛之。

Dĩ từ vệ chi.

* * *

DỊCH NGHĨA

A.— Thiên-hạ đều gọi Đạo ta là lớn mà dường
như không giống chi cả.

Bởi nó Lớn nên Nó không giống chi cả.

Nhược bằng Nó giống vật chi,

Thì Nó đã nhỏ lâu rồi !

B.— Ta có ba vật báu, hằng nắm giữ và ôm-áp :

Một là « Từ » ;

Hai là « Kiệm » ;

Ba là «Không dám đứng trước thiên-hạ»
 Từ mới có Dũng,
 Kiệm mới có rộng,
 Không dám đứng trước thiên-hạ thì
 được Ngồi cao.

C.— Nay, nếu bỏ Từ để được Dũng,
 bỏ Kiệm để được Rộng,
 bỏ Sau để đứng trước là chết
 vậy !

D.— Lấy Từ mà tranh-đấu thì thắng ;
 Lấy Từ mà cõ-thủ thì vững.
 Trời mà muốn cứu ai,
 Lấy Từ mà giúp đó.

. . .

BÌNH - CHÚ

A. — « Đạo khả đạo, phi thường Đạo... » (1) Đạo mà nói dặng, gọi dặng là vì có chỗ giống. Có chỗ giống mới có thể dùng lời nói mà so-sánh miêu-tả, tức là Đạo đã có chỗ cùng. Như vậy, không còn có thể gọi Nó là lớn nữa, lớn một cách tuyệt-đối.

Như thế, ta thấy dùng danh-từ của giới nhị-nguyên mà diễn-tả những chân-lý của giới nhất nguyên thật là khó-

khẩn hết sức. Mỗi khi ta nói đến « lớn » thì óc ta liên-tưởng đến một cái gì tương-đối thôi, nghĩa là lớn hơn cái nhỏ, và dĩ-nhiên nhỏ hơn cái lớn khác... và cứ như thế, thì nhỏ cũng sẽ vô-cùng, mà lớn cũng sẽ vô-tận. Đọc Lão-Tử phải biết thoát ra khỏi quan-niệm nhị-nguyên để thông-cảm những gì không thể miêu-tả ra bằng lời nói câu văn con người.

* * *

B. — « Từ » (慈) là lòng yêu-thương mọi người, bất-luận là kẻ thiện người ác, và hay tha-thứ độ-lượng : « thiện-giả ngộ thiện chí, bất thiện-giả ngộ diệc thiện chí... Tín giả ngộ tín chí, bất tín giả ngộ diệc tín chí ». (XLIX)

善者吾善之不善者吾亦善之，信者吾信之，不信者吾亦信之。

Lấy « oán báo oán » là việc thường-tình, nhưng « lấy đức mà báo oán », tha-thứ và yêu-thương kẻ đã làm hại ta, phải là bậc đại-dũng trên đời, phải là kẻ đã thắng được lòng hăm sợ và ích-kỷ của mình : « thắng người là có sức, thắng được mình mới thực là người mạnh » (thắng hơn giả hữu-lực, tự thắng giả cường). « Từ » 慈 là kẻ dũng-mãnh nhất trên đời. Cho nên mới nói : « Từ cố năng dũng » 慈故能勇。

« Kiềm » (儉) tức là biết ức-chế lòng vị-kỷ thích xa-xỉ và thoả-mãn thú-tính của nhân-thân. Lão-Tử đã thường khuyên : « khứ thậm, khứ xa, khứ thái ». Xa, là xa-xỉ. Thái là kiêu-xa. Đây là cái bệnh rất nguy-hiểm cho bậc cầm quyền trị nước. « Tri nhi doanh chí, bất như kỳ di... Suy nhi chuyển chí, bất khả trường báo. Kim ngọc mãn đường, mạc chi năng thả. Phú quý nhi kiêu, tự di kỳ cứu ». (IX)

持而盈之，不如其已；撝而悅之，不可長保，金玉滿堂莫之能守。富貴而驕自遺其咎。

“Kiệm” là tránh xa-xì; tránh xa-xì để mà lập lại sự thăng-bằng xã-hội vì nghèo giàu quá chênh-lệch, để mà thực-hiện sự công-bình trong xã-hội bằng sự “tồn hữu dư”, “bỏ bất túc”. Bậc trị nước mà không biết “kiệm-ước” sẽ không bao giờ làm nên đại-sự. Cho nên mới bảo: “Kiệm, cố năng quảng” 儉故能廣. (Chữ “quảng” (廣) ở đây có nghĩa là những công-trình quảng-dại).

* * *

“Bất cảm vi thiên-hạ tiên” 不敢為天下先

Không dám đứng trước thiên-hạ, là không tranh, không kiêu-thái, không lấy mình làm gương mẫu để bắt kẻ khác phải tâng theo... Theo luật quân-bình “cao giả ức chi, hạ giả cử chi” thì việc “hậu kỳ thân, như thân thiên” là lẽ thường. Cho nên mới nói: “bất cảm vi thiên-hạ tiên, cố năng thành khí trường”.

Chữ “khí” 氣 đây, thời xưa vẫn dùng lẫn-lộn để chỉ chung người và vật, (人物之道稱). Chữ “khí trường” 氣長 ở đây có nghĩa là “vi thiên-hạ chi trường” 為天下之長 tức là bậc chủ-tể trông nước.

* * *

C. — “Kim xá Tìr thả dũng” 今含慈且勇

“Xá Kiệm thả quảng” 含儉且廣

« Xá hậu thả tiên, tử hỹ » ! 舍後且先死矣。

Chữ kim 今 ở đây ám-chỉ « người ngày nay » (今人).

Thế mà, người ngày nay (các bậc Vua Chúa) lại bỏ Tử để được Dũng, bỏ Kiệm để được đại sự, bỏ Sau để được Trước, nghĩa là chỉ muốn được Dũng (Mạnh) mà không cần đến lòng Tử, muốn tranh đại-sự mà không cần kiệm ước, muốn đứng trên thiên-hạ mà không biết nhún-nhường khiêm-tốn... đó là họ đi vào chỗ chết vậy. Tại sao ? Dũng mà thiếu Tử, thì là bạo-tàn ; làm đại sự mà thiếu kiệm, thì làm khổ nhân-sinh bằng sự đặt trên đầu họ sưu cao thuế nặng và bóc-lột ; làm bậc trên thiên-hạ mà thiếu khiêm-nhu từ-tốn là làm nhục thiên-hạ, thế mà không chết thì là một sự may-mắn lạ thường !

CHƯƠNG LXVIII

(68)

A.— 善 爲 士 者 不 武，
Thiện vi sĩ giả bất vũ，
善 戰 者 不 怒，
Thiện chiến giả bất nộ.
善 勝 敵 者 不 與
Thiện thắng địch giả bất dũ.

B.— 善 用 人 者 爲 之 不
Thiện dụng nhơn giả vi chi hạ
是 謂 不 爭 之 德
Thị vi bất tranh chi đức.
是 謂 用 人 之 力
Thị vi dụng nhơn chi lực.
是 謂 配 天 古 之 極。
Thị vi phối thiên cổ chi cực.

• * *

DỊCH NGHĨA

- A.— *Người tướng giỏi không dùng vũ-lực.
Người chiến đấu giỏi không giết dữ.
Khéo thắng địch là không tranh với đó.*
- B.— *Khéo dùng người là hạ mình giúp đó.
Đó là cái đức của sự không tranh.
Đó là cái thuật của sự dùng người.
Đó là hợp với chỗ cùng-cực của Đạo
Trời vậy.*

* * *

BÌNH - CHỮ

Đây, Lão-Tử lấy theo bình-cơ mà luận về cái đức « bất tranh » 不爭, cái đạo « nhu-nhược thắng cương cường », cái đạo « dĩ tiện vi căn, dĩ hạ vi cơ » của ông.

A. Người tướng giỏi đấu phải là người dùng đến vũ-lực mà đánh người trước ; nhà chiến-sĩ giỏi đấu phải là người dùng sự phần-nộ mà đối lại với kẻ lạng phạm mình. Kẻ khéo nhất trong sự thắng kẻ địch là không cần tranh với họ mà vẫn thắng được một cách dễ-dàng. Đó là nguyên-tắc chánh trong phép dùng nhu-thuật.

B. — Kẻ khéo dùng và sai-khiến người là kẻ không tự-phụ, kiêu-căng, là kẻ biết hạ mình cầu người, là kẻ biết « hậu kỳ thân, nhi thân tiên », « ngoại kỳ thân, nhi thân tồn » vậy.

CHƯƠNG LXIX

(69)

用 兵 有 言：

A.— Dụng binh hữu ngôn:

吾 不 敢 爲 主 而 爲 客
Ngô bất cảm vi chủ nhi vi khách,
不 敢 進 寸 而 退 尺：
Bất cảm tiến thốn nhi thoái xích：

是 謂 行 無 行

B.— Thị vi hành vô hành,

攘 無 臂，
Nhưong vô tý,
執 無 敵，
Nhưng vô địch,
執 無 兵。
Chấp vô binh.

C.— 禍莫大於輕敵
 Hoạ mạc đại ư khinh địch,
 輕敵幾喪吾寶。
 Khinh địch cơ táng ngô bảo.
 故
 Có

抗兵相加
 Kháng binh tương gia,
 哀者勝矣。
 Ai giả thắng hĩ.

...

DỊCH NGHĨA

- A.— Dụng binh có câu :
 Thà làm khách, hơn làm chủ.
 Thà thối một bước, hơn tiến một tấc.
- B.— Đó gọi là : bước mà không đi tới ;
 Nhượng mà không xấn tay ;
 Bất giặc mà không đối địch ;
 Giữ gìn mà không binh khi.
- C.— Không có hoạ nào lớn bằng khinh địch.

*Kinh địch thì mất của báu.
Nên, hai bên giao binh,
Kẻ nhường là thắng.*

* * *

BÌNH - CHỮ

Đây là lấy binh thư mà bàn đến đạo xử-thế : « bất tranh nhi thiện thắng » 不爭而善勝.

Đoạn này có lẽ do các nhà binh-pháp thêm vào, đều là phép dùng nhu-thuật.

Đây cũng là những nguyên-tắc đã được đem ra áp-dụng trong phép tranh-đấu của nhu-thuật và nhu-đạo (Jiu-Jitsu và Judo) 柔道.

CHƯƠNG LXX

(70)

吾 言

A.—

Ngô ngôn

甚 易 知

Thậm dị tri,

甚 易 行

Thậm dị hành.

天 下

Thiên-hạ

莫 能 知

Mạc năng tri,

莫 能 行

Mạc năng hành.

言 有 宗，

Ngôn hữu tông,

事 有 君。

Sự hữu quân.

- C.— 夫 唯 無 知
 Phù duy vô tri,
 是 以 不 我 知
 Thị dĩ bất ngã tri.
 知 我 者 希
 Tri ngã giả hy,
 則 我 者 貴。
 Tác ngã giả quý.
 是 以 聖 人
 Thị dĩ thánh-nhơn.
 被 褐 懷 玉。
 Bị hạt hoài ngọc.

* * *

DỊCH NGHĨA

- A.— Lời của ta, rất dễ hiểu, rất dễ làm.
 Thế mà, thiên-hạ không hay hiểu, không
 hay làm.
- B.— Lời của ta có gốc,
 Việc của ta có chủ.
- C.— Vì thiên-hạ không hiểu được cái chỗ đó,

Nên không hiểu được ta.

Hiểu ta, ít kẻ,

Nên ta mới quý.

Vì vậy, bậc thánh-uơn,

Ngoài mặt bó-vải, mà lòng đầy châu ngọc.

BÌNH - CHỮ

Chương này diễn cái ý đã được lập lại ở chương 81 sau này : « Tín ngôn bất mỹ, mỹ ngôn bất tín... » Ngoài cái hình-thức mộc-mạc, bên trong chứa đầy châu ngọc. (信言不美。美言不信)。

Đạo của ông nói rất giản-dị, chỉ quy về cái Một, không chi-ly, phiền-phức... nên ông bảo : « ngô ngôn thậm dị tri, thậm dị hành ». 吾言其易知，其易行。

Nắm được chỗ trọng-yếu của học-thuyết Lão-Tử, tức là Đạo, thì mới hiểu được tất-cả tư-tưởng của ông, nên mới nói : « ngôn hữu tông, sự hữu quân. Phù duy vô tri, thị dĩ bất ngã tri » 言有宗，事有君，夫唯無知，是以不我知。

CHƯƠNG LXXI

(71)

A.— 知 不 知 上，
Tri bất tri thượng,
不 知 知 病。
Bất tri tri bệnh.

B.— 夫 唯 病 病，
Phù duy bệnh bệnh,
是 以 不 病。
Thị dĩ bất bệnh.

C.— 聖 人 不 病
Thánh-nhơn bất bệnh,
以 其 病 病
Dĩ kỳ bệnh bệnh,
是 以 不 病。
Thị dĩ bất bệnh.

* * *

DỊCH NGHĨA

Có 2 cách dịch

- I. A.— *Biết được cái không-biết, là cao.
Không biết cái Biết đó, là bệnh,*
B.— *Biết đó là bệnh,
Thì không bệnh nữa.*
C.— *Thánh-nhơn không bệnh,
Vì biết đó bệnh,
Nên không bệnh nữa.*
- II. A.— *Biết mà cho là không-biết, thì cao,
Không biết mà cho là biết, thì bệnh.*
B.— *Biết đó là bệnh,
Thì không bệnh nữa.*
C.— *Thánh-nhơn không bệnh,
Vì biết đó bệnh,
Nên không bệnh nữa,*

* * *

BÌNH - CHỮ

A.— Trong 2 cách dịch câu « Tri bất tri thượng » thì cách dịch đầu cũng có lý của nó, vì nó hợp với tôn-chỉ của Lão-Tử, thường đề-cao cái Đạo, tức là cái « Bất khả tri »

(không thể biết được) vì Đạo, như ông đã nói, thì "bất khả đạo" : "Đạo khả Đạo, phi thường Đạo". Đạo là một lẽ Tuyệt đối, bất khả tư nghị. Cái Đó là điều ta nên biết. Còn cái biết thường, tức là cái "tri thức" của giới nhị nguyên là cái biết chi ly vụn vặt và sai lầm. Cái biết kia, biết Đạo, biết cái "không thể biết" mới thật là cái biết cao xa quan trọng thôi. Bởi vậy ở chương 56 ông nói : "Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri" (知者不言 , 言者不知). Biết thì không nói (vì không thể nói được cái không thể tư nghị) còn nói ra được thì là không còn phải là Đạo nữa, kẻ ấy tức là người không biết Đạo). Đạo, có Thường, có Biến. Nói ra được, là Biến đạo.

*

* *

Trái lại, nếu hiểu theo cách thứ hai là "biết mà như không biết" cũng có lý nữa, vì nó cùng một ý với câu : "Tri kỳ hùng, thủ kỳ thư" ở chương 28. "Biết như con trống, giữ như con mái" tức cùng một nghĩa với câu : "Thông minh duệ trí, thủ chi dĩ ngu".

*

* *

B. - Bệnh mà biết mình bệnh là bắt đầu khỏi bệnh. Cũng như người ta thường nói : "dại, mà biết mình dại, là bắt đầu khôn; mê mà biết mình mê, là bắt đầu tỉnh".

CHƯƠNG LXXII

(72)

- A.— 民 之 畏 威
 Dân chi úy uy,
 則 大 威 至。
 Tác đại uy chí.
- B.— 無 狎 其 所 居，
 Vô hiệp kỳ sở cư，
 無 厭 其 所 生。
 Vô yếm kỳ sở sanh.
 夫 唯 不 厭，
 Phù duy bất yếm，
 是 以 不 厭。
 Thị dĩ bất yếm.
 是 以 聖 人
 C.— Thị dĩ thánh-nhơn，

自 知 不 自 見。
 Tự tri bất tự kiến.
 自 愛 不 自 貴
 Tự ái bất tự quý.

故

去

去 彼 取 此。
 Khử bỉ thủ thử.

* * *

BÌNH - CHỮ

- A.— Dân mà không sợ cái đáng sợ,
 Tất cái sợ lớn phải đến.
- B.— Đừng chế hẹp chỗ ở của mình.
 Đừng chán đời sống của mình.
 Vì ta không chế,
 Nên ta không chán.
- C.— Bội vầy thánh-nhơn,
 Biết mình, mà không tự xem là sáng.
 Yêu mình mà không quý mình.
 Nên bỏ đầy mà giữ đó.

* * *

DỊCH NGHĨA

A. — « Dân chi uy uy » 民之畏威

« Tác đại uy chí » 則天威至

Chữ « uy » 威 và chữ « uy » 畏, xưa vẫn dùng chung một nghĩa. Nghĩa câu này là : « khi nào con người không biết sợ những điều đáng sợ, thì cái đáng sợ lớn sẽ đến. (人不畏其所當畏, 則大可畏者至矣) ».

« Những điều đáng sợ » là ám-chỉ bệnh-hoạn, tai ách do lòng dục của con người gây nên. « Cái đáng sợ lớn » (đại-uy) là ám-chỉ sự chết.

Trong cuộc sống hằng ngày, dân không biết sợ cái điều đáng sợ là bệnh-hoạn tai ách do lòng dục gây nên, buông mình theo dục vọng tưởng rằng không gì đáng sợ. Vì quá coi thường hậu-quả mà tật xấu càng ngày càng tăng, tội ác càng ngày càng nhiều... Như thế, là vọt cái chết đến vậy. (Xem chương 74).

* * *

B. — Chỗ ở của mình, đừng chê thấp-kém hẹp-hòi mà mong-mỏi chỗ ở cao-rộng hơn, vì mong cao-rộng hơn, thì đến đâu mới là thật cao-rộng ? và đến đâu mới thật là vừa lòng ?

Đời sống của mình, những phương-tiện sinh-tồn khi nhiều, khi ít.. phải biết đủ mà đừng chán ghét nó. Nếu chê là ít, thì biết bao nhiêu mới là đủ, vừa với lòng tham muốn của con người ? Đừng chán ghét, cho là chưa xứng với địa-vị của mình.

Đây là chỗ mà Lão-Tử thường căn dặn : « *Hoạ mạc đại ư bất tri túc* » (46) và « *tri túc bất nhục, tri chi bất đãi* » (44)...

« *Phù duy bất yếm* » 夫唯不厭.

« *Thị dĩ bất yếm* » 是以不厭.

« Vì ta không chê, nên ta không chán ». Ở đây, không phải Lão-Tử thuyết an-mạng theo cái nghĩa như phần đông đã hiểu là bằng lòng với số-phận mà người trên đã đặt đề cho mình một cách giả-tạo bất-công. « *An mạng* » đây là « *các an kỳ sở an, bất an kỳ sở bất an* », nghĩa là an theo cái Mạng mà Tạo-hoá đã an-bài. Như vậy, trước hết phải biết mình (*tự tri*), thật biết sở-trường sở-đoàn của mình đề mà « *tri túc* » 知足, « *tri chi* » 知止, « *vô yếm kỳ sở sanh* » 無欲其所生. Hai chữ « *tự tri* » (自知) là then-chốt của thuyết An Mạng. Mạng đây cũng không phải cùng một nghĩa với chữ Mạng của nhà lý-số, mà là cái mà Trời đã phú cho mỗi người, không thể cầu được mà cũng không thể trốn được.

Cho nên Thánh-nhơn : *Tự tri bất tự kiến, tự ái bất tự quý* 自知不自見。自愛不自貴. Biết mình đề mà an với Mạng, chứ không phải biết mình đề tự xem mình là gương mẫu, thấy có mình mà không thấy có người, quý mình mà khinh kẻ khác.

« *Cố khứ bì thủ khứ* » 故去彼取此

« Nèn, bỏ đó mà giữ đây ». « Bỏ » đó là bỏ-thành-kiến « *tự kiến* » « *tự quý* » (自見自貴). Còn « *giữ* » đây là giữ quan-niệm « *tự tri* » và « *tự ái* » (自知, 自愛).

CHƯƠNG LXXIII

(73)

勇 於 敢 則 殺
A.— Dũng ư cảm tác sát,
勇 於 不 敢 則 活。
Dũng ư bất cảm tác hoạt.
此 兩 者 或 利 或 害
Thử lưỡng giả hoặc lợi hoặc hại.

天 之 所 惡
B.— Thiên chi sở ố,
孰 知 其 故?
Thục tri kỳ cố?
是 以 聖 人 猶 難 之。
Thị dĩ thánh-nhơn do nan chi.

天 之 道：
C.— Thiên chi đạo：
不 爭 而 善 勝
Bất tranh nhi thiện thắng.

不善而善應

Bất ngôn nhi thiện ứng

不召而自來

Bất triệu nhi tự lai

緘然言謀。

Xiển nhiên thiện mưu.

天網恢恢，

D.— Thiên võng khôi khôi,

疏而不失。

Sơ nhi bất thất.

DỊCH NGHĨA

A.— Cái dưng của sự dám làm thì chết,
Cái dưng của sự không dám làm thì sống.
Hai cái đó, hoặc có lợi, hoặc có hại,

B.— Cái chỗ ghét của Trời,
Ai hay được duyên cớ?
Bậc thánh cũng vấp chỗ khó đó!

C.— Đạo của Trời:
Không tranh mà lại thắng;

*Không nói mà có kẻ nghe ;
Không gọi mà tự đến ;
Thong-thả mà xong việc.*

D.— *Lưới trời lồng-lộng,
Thưa mà chẳng lọt.*

* * *

BÌNH - CHỮ

A.— Cái dững của kẻ « hữu-vi » thì chết. Cái dững của kẻ « vô-vi » thì sống.

« Hữu-vi » thì tranh-dấu, gây hấn, đem mình lên trên đề cầu thắng, đem mình đến trước đề cầu tiến... thì là cái dững của kẻ dùng đến bạo-lực, dùng cương-cường đề thắng cương-cường... Cái dững ấy đưa mình đến chỗ chết.

Trái lại, cái dững của « vô-vi » thì tranh mà dùng phép « bất tranh » mà thắng, lui đề mà tiến, đem mình ra sau đề được đến trước, cúi xuống đề vượt lên cao, dùng nhu-nhược đề thắng cương-cường... cái dững ấy... giúp mình được sống.

* * *

B.— « Chỗ ghét của Trời » 天之所惡 : « Trời » đây, tức là Đạo. « Ghét » là sự không chịu, không dung được. Đạo ghét cái gì bộc-lộ quá, cái gì thái-quá, Đạo là quân-

binh. Vì vậy bậc thánh-nhơn thấy khó mà can dự đến việc người một cách tích-cực.

* * *

C.— Đạo của Trời « không tranh mà thắng », không nói mà tự-nhiên người người nghe theo, không kêu gọi mà tự-nhiên thiên-hạ quy về, việc gì cũng dường như dễ mặc tự-nhiên mà việc gì cũng xong cả.

Đó là cái đức của Vô-vi, « Vô-vi nhi vô bất vi » mà Lão-Tử đã không ngớt lặp đi lặp lại mãi.

* * *

D.— Đạo chi-phối vạn-vật như cái lưới bao trùm : không một sự vật gì có thể thoát khỏi những định-luật của Tạo-Hoá.

CHƯƠNG LXXIV

(74)

A.— 民 不 畏 死
 Dân bất úy tử,
 奈何 以 死 懼 之?
 Nại hà dĩ tử cụ chi?
 若 使 民 常 畏 死
 Nhược sử dân thường úy tử
 而 爲 奇 者
 Nhi vi kỳ giả
 吾 得 執 而 殺 之。
 Ngô đắc chấp nhi sát chi.
 孰 敢?

Thục cảm?

B.— 常 有 司 殺 者 殺。
 Thường hữu tư sát giả sát.
 C.— 夫 代 司 殺 者 殺，
 Phù đại tư sát giả sát，

是 謂 代 大 匠 斲。

Thị vị đại đại tượng trác.

夫 代 大 匠 斲 有，

Phù đại đại tượng trác giả,

希 者 大 傷 其 手 矣。

Hi hữu bất thương kỳ thủ hĩ.

• * •

DỊCH NGHĨA

A.— Dân bắt ný tử,
 Làm sao lấy chết dọa đó.
 Nhược bằng khiến dân thường sợ chết.
 Và lại có người phạm pháp,
 Ta bắt được và giết đi,
 Để không ai còn dám vi-phạm nữa ?
 Ai dám làm việc đó ?

B.— Thường có Đấng Tư-sát để mà giết.

C.— Nay ta lại thế Đó mà giết,
 Có khác nào thế tay thợ dẻo.
 Thế tay thợ dẻo,
 Ít thấy chẳng bị đứt tay.

• * •

A.— Chương này Lão-Tử chống lại những hình-phạt tru-lục của Pháp-gia (法家) để trị dân ở thời buổi ấy.

« Dân bất úy tử » 死不畏死.

« Nại hà dĩ tử cụ chi » 奈何以死懼之.

Ham sống, sợ chết là thiên-tính con người, nhưng làm cho dân không sợ chết nữa là vì đã quá dùng cái chết sát phạt nó. Đó là một chân lý, mới xem dường như là trái ngược với lẽ thường, nhưng là một chân-lý. Trong những chế-độ hà-khắc, hay dùng đến cực-hình, dân-chúng hằng ngày sống trong cảnh không ngày mai, thét rồi họ không còn sợ chết nữa. Dân mà không sợ chết nữa, thì dùng cái chết mà dọa chúng, có ích gì ?

Các nhà xã-hội-học ngày nay cũng đã chứng tỏ rằng : cực-hình càng tăng, số tội-ác lại càng thêm.

* * *

B.— Trái lại, khi dân-chúng sống trong an-ninh và hạnh-phúc : họ lại ham sống và sợ chết.

Khi mà họ biết sợ chết, giả sử lại có kẻ phạm phép nước, ta bắt và đem giết đi, thì có thể làm cho kẻ khác sợ mà không dám làm tội ác nữa. Nhưng, giết người, ai dám làm việc ấy ?

* * *

C.— Có Trời (Tư-Sát) 司殺 giết. Ta không nên thay Trời mà giết người. Thay Trời mà giết người, thì

Có khác nào ta thay người thợ đẽo mà đẽo, làm cái việc không phải của mình, thì ít khi thấy được chẳng bị đứt tay.

Ở đây ta thấy Lão-Tử chống-đối tử-hình (死刑).



CHƯƠNG LXXV

(75)

民之饑，

A.—

Dân chi cơ,

以其上食稅之多

Dĩ kỳ thượng thực thuế chi đa,

是以饑。

Thị dĩ cơ.

民之難治

B.—

Dân chi nan trị.

以其上之有爲

Dĩ kỳ thượng chi hữu vi.

是以難治；

Thị dĩ nan trị.

民之輕死

C.—

Dân chi khinh tử,

以其求生之厚

Dĩ kỳ cầu sanh chi hậu

是以輕死

Thị dĩ khinh tử.

夫唯無以生爲者

D.— Phù duy vô dĩ sanh vi giả.

是賢於貴生。

Thị hiền ư quý sanh.

• • •

DỊCH NGHĨA

- A.— Dân mà đối,
Là vì trên bắt thuế nhiều.
Nên mới đối.
- B.— Dân mà khó trị,
Là vì trên dùng đạo « hữu-vi »
Nên mới khó trị,
- C.— Dân mà khinh chết,
Là vì trọng cầu sự sống.
Nên mới khinh chết.
- D.— Kẻ nào không làm gì cả để sống.
Ngoan hơn kẻ cố « làm » để sống.
(xem chương 50)

• • •

BÌNH - CHỮ

A.— Đoạn văn này tầm thường dễ hiểu : dân mà đói khổ là vì bị nhiều sưu thuế.

B.— « Dân chi nan trị » 民之難治.

« Di kỳ thượng chi hữu vi » 以其上之有為.

Lão-Tử muốn bảo : dùng đạo « hữu-vi » mà trị, can-thiệp vào việc làm của dân, làm cho dân khó trị. Nên dùng « vô-vi » mà trị là hay hơn. Người trị nước cần phải « sanh nhi bất hữu ; vi nhi bất thị ; trượng nhi bất tề » (xem chương 10 và 51). Một nước mà đầu đầu cũng thấy bàn tay của chánh-quyền sai-khiến, kiểm-soát, can-thiệp, khó mà trị được lâu dài. Có kẻ bảo rằng : về chánh-trị Lão-Tử chủ-trương « dân-chủ » chống « chuyên-quyền » dưới mọi hình thức.

* * *

C.— « Dân chi khinh tử » 民之輕死.

« Di kỳ cầu sanh chi hậu » 以其求生之厚.

Xem lại chương 50 : « Nhơn chi sanh, động chi tử ; diệc thập hữu tam... Di kỳ sanh chi hậu » (Cái sống của con người đi tới chỗ chết cũng có mười ba... Vì quá lo tận sống cái sống của mình..) nên lao tâm khổ tứ mà chết.

Chữ « khinh tử » 輕死 không phải là không biết sợ chết, mà là khinh thường cái chết một cách vô-tâm.

* * *

D.— Tóm lại kẻ nào Sống một cách thản-nhiên, không sợ sống cũng không sợ chết... ngoan hơn là kẻ cố-gắng

sống một cách giả-tạo, bán-khoản, lo-lự để chiếm đoạt cho mình, để thoả-mãn vật-dục, để lên mặt, kẻ ân và cậy công, để chuyển quyền áp-bức kẻ khác dưới mọi hình-thức, dưới mọi danh nghĩa đối-trá. Chữ « vi » 爲, đây là nói về « hữu-vi ».

CHƯƠNG LXXVI

(76)

人 之 生 也 柔 弱

A.— Nhơn chi sanh dã nhu nhược.

其 死 也 堅 強

Kỳ tử dã kiên cường.

萬 物 草 木 之 生 也 柔 脆

B.— Vạn-vật thảo mộc chi sanh dã nhu thủy,

其 死 也 枯 槁

Kỳ tử dã khô khảo;

故

C.—

Cổ

堅 強 者，

Kiên cường giả,

死 之 從，

Tử chi đồ;

柔 弱 者，

Nhu nhược giả,

生 之 徒。
 Sanh chi đồ.

D.— 是 以 兵 強 則 不 勝，
 Thị dĩ binh cường tắc bất thắng，
 木 強 則 折。
 Mộc cường tắc chiết.

E.— 故
 Cố
 堅 強 處 下。
 Kiên cường xử hạ.
 柔 弱 處 上。
 Nhu nhược xử thượng.

* * *

DỊCH NGHĨA

- A.— Người khi mới sanh thì mềm, yếu ;
 Mà khi chết, thì cứng và mạnh.
- B.— Vạn-vật cây cỏ, mới sanh thì mềm dịu ;
 Mà khi chết, thì khô héo.
- C.— Nên,
 Cứng và mạnh là bạn của chết ;

CHƯƠNG LXXVI

Mềm và yếu là bạn của sống.

D.— *Ấy nên,
Binh mạnh thì không thắng ;
Cây mạnh thì dễ gãy.*

E.— *Cứng và Mạnh, ở bậc dưới ;
Mềm và Yếu ở bậc trên.*

* * *

BÌNH - CHÚ

Đây là cùng một ý với « Nhu nhược thắng cương cường » và « bất tranh nhi thiên thắng » của Lão-Tử, những tư-tưởng thông-thường của ông đã làm nòng-cốt cho học-thuyết của ông.



CHƯƠNG LXXVII

(77)

天 之 道，其 猶 張 弓 與？

A.—Thiên chi Đạo, kỳ du trương cung dư?

高 者 抑 之

Cao giả ức chi,

下 者 舉 之；

Hạ giả cử chi；

有 餘 者 損 之；

Hữu dư giả tổn chi；

不 足 者 補 之

Bất túc giả bổ chi.

天 之 道：

Thiên chi Đạo：

損 有 餘 而 補 不 足。

Tôn hữu dư nhi bổ bất túc.

人 之 道 則 不 然：

B.— Nhơn chi đạo tắc bất nhiên：

損 不 足 以 奉 有 餘

Tổn bất túc dĩ phụng hữu dư,

孰 能 有 餘 以 奉 天 下？

Thục năng hữu dư dĩ phụng thiên-hạ？

唯 有 道 者。

Duy hữu Đạo giả,

是 以 聖 人

C.— Thị dĩ thánh-nhơn,

爲 而 不 恃，

Vì nhi bất thị,

功 成 而 不 處，

Công thành nhi bất xử,

其 不 欲 見 賢。

Kỳ bất dục kiến hiền.

...

DỊCH NGHĨA

A.— Đạo Trời ư ? khác nào cây cung giương lên :

Chỗ cao, thì ép xuống,

Chỗ thấp thì nâng lên.

Có dư, thì bớt đi.

Không đủ, thì bù vào.

Đạo của Trời :

Bớt chỗ dư.

Bù chỗ thiếu.

B.— Đạo của Người thì không vậy :

Bớt chỗ thiếu,

Bù chỗ dư.

Ai đâu có dư để bù cho thiên-hạ.

Nếu không phải kẻ đã được Đạo !

C.— Bởi vậy, Thánh-nhơn :

Làm mà không cậy công,

Công thành rồi, không ở lại,

Không muốn ai thấy tài hiên của mình.

* * *

BÌNH - CHỮ

A. Chương này dùng hình-ảnh cây cung giương lên để vi hành-động của Đạo. Đạo, là quân-bình : « bỏ bớt tức, tòn hữu dư » (bù chỗ thiếu, bớt chỗ dư). Đây là yếu-điểm học-thuyết của Lão-Tử.

B.— Đạo Người thì khác : bù chỗ dư, bớt chỗ thiếu. Bởi vậy, kẻ giàu giàu thêm, kẻ nghèo nghèo thêm. Xã-hội vì vậy mà chênh-nghiêng, hoạ chiến-tranh vì đó mà diễn ra giữa những giai-cấp cùng-đỉnh và phú-hào.

C.— Thánh-nhơn vì vậy, « làm mà không cho là mình làm » nên không cậy công, mà bắt thiên-hạ nhớ ân ; thành công rồi thì đi, không ở lại hưởng...

Toàn là những hành-động của Vô-vi, cũng không muốn ai thấy tài an-bang tể-thế của mình và tham quyền cố vị... Khác với đạo hữu-vi có bấy nhiêu đó mà thôi. Vì vậy, dân không thù, người không oán : « ngoại kỳ thân nhi thân tồn ». Đó là « bạc vô kỳ, vô công và vô danh », người đời khó lòng theo kịp.

CHƯƠNG LXXVIII

(78)

A.—

天 下 柔 弱
Thiên-hạ nhu nhược,
莫 過 於 水
Mạc quá ư thủy,
而 攻 堅 強 者
Nhi công kiên cường giả,
莫 之 能 勝。
Mạc chi năng thắng.
其 無 以 易 之。
Kỳ vô dĩ dị chi.

B.—

柔 勝 剛，
Nhu thắng cương,
弱 勝 強。
Nhược thắng cường.

天 下 莫 能 知，
 Thiên - hạ mạc năng tri,
 莫 能 行。
 mạc năng hành.

C.— 是 以 聖 人 云：
 Thị dĩ Thánh-nhơn vân：
 受 國 之 垢，
 Thọ quốc chi cẩu,
 能 爲 社 稷 主
 Năng vi xã tắc chủ.
 受 國 不 祥，
 Thọ quốc bất tường,
 能 爲 天 下 王。
 Năng vi thiên-hạ vương.
 正 言 若 反。
 Chánh ngôn nhược phản.

* * *

DỊCH NGHĨA

- A.— Dưới trời, mềm yếu, không ai hơn nước.
 Không chi hơn đó được.
 Không chi thế đó được.
- B.— Mềm thắng cứng,

Yếu thắng Mạnh.

Dưới trời không ai không biết,

Nhưng không ai có thể làm được.

C.— *Bởi vậy thánh-nhơn nói :*

« Dám nhận lấy bại-bại của nước,

« Mới có thể làm được chủ xã-tắc.

« Dám nhận lấy sự không may của nước,

« Mới có thể làm Vua thiên-hạ ».

Lời ngay nghe trái ngược.

* * *

BÌNH - CHÚ

A.— Đoạn văn này không chỉ khó hiểu. Lão-Tử lấy Nước ví cái Đức của bậc thánh-nhơn trị nước.

B.— Ông ca-tụng công-dụng của cách xử-thế : lấy nhu mà thắng cương, lấy nhược mà thắng cường.

C.— Bậc thánh-nhơn « hậu kỳ thân, nhi thân tiên » vì biết Đạo là quân-bình, hễ « cao giả ức chi, hạ giả cử chi » (77), nên ở trên cao thì hạ mình xuống thấp để đứng làm chính-lệch đôn cân của Đạo.

« Chánh ngôn nhược phản » 正言若反.

Lời nói « chánh », đúng với chánh-lý, thì dường như là lời nói ngược với ý-thức thông-thường.

Chương này thừa-tiếp ý-nghĩa của chương 76 : «*Kiên cường giả, tử chi đồ ; nhu nhược giả, sanh chi đồ* »... 堅強者死之徒，柔弱者生之徒。◦ «*Kiên cường xử hạ ; nhu nhược xử thượng* » 堅強處下，柔弱處上。◦

CHƯƠNG LXXIX

(79)

和 大 怨 必 有 餘 怨，
A.— Hoà đại oán, tất hữu dư oán,
安 可 以 爲 善。
An khả dĩ vi thiện.

是 以 聖 人
B.— Thị dĩ thánh-nhơn
執 左 契 而 不 責 於 人。
Chấp tả khế nhi bất trách ư nhơn.

有 德 司 契，
C.— Hữu đức tư khế，
無 德 司 徹。
Vô đức tư triệt.

天 道 無 親，
D.— Thiên Đạo vô thân，

常 與 善 人。
 Thường dư thiện nhơn.

* * *

DỊCH NGHĨA

- A.— *Hoà được oán lớn, vẫn còn oán thừa,
 Sao cho thế là phải?*
- B.— *Ấy nên thánh-nhơn.
 Cầm tờ hợp-kước bên trái mà không trách
 người.*
- C.— *Kẻ Đức, thì hợp lại,
 Người không Đức, thì phân ra.*
- D.— *Đạo trời không thân ai,
 Thường gia ân cho người lành.*

* * *

BÌNH - CHỮ

A.— « Hoà đại oán, tất hữu dư oán » 和大怨必有余怨.

Chương 63, Lão-Tử chủ-trương « dĩ đức báo oán »
 (lấy đức mà trả oán). Nếu trái lại, lấy oán mà trả oán, ắt
 thành ra oán lớn (đại oán). Rồi, dù sau có vì lợi mà lấy
 đức trả oán lớn để giảng hoà, thì thế nào cũng còn oán

thừa (dư oán) bởi vì vết thương của oán lớn không dễ lành và cũng không thể lành.

* * *

B. — « Thánh-nhơn chấp tả khế nhi bất trách ư nhơn »
聖人執左契而不責於人。

« Tả khế » là phần bên tả của tờ hợp-ước. Ngày xưa tờ hợp-ước của 2 vua, chép làm 2 bản cùng trong một tờ, một bản bên tả, một bản bên hữu, rồi chia 2 tờ ấy, mỗi người giữ một nửa. Tục xưa, trọng bên hữu, khinh bên tả. Vì vậy, thánh-nhơn chịu lấy bên tả, vì đó là chỗ thiên-hạ khinh. Khinh nên không tranh. Không tranh nên không oán. Đối với thánh-nhơn không đâu là quý, không đâu là tiện cả.

* * *

C. — « Kê hữu Đức, thì hợp lại » (Hữu Đức tư khế).
有德司契. Chữ khế 契 có nghĩa là hợp lại (合). Chữ triết 徹 là phân ra (分). Hợp cái gì ? Hợp Ta và Người. Phân ra cái gì ? Phân ra Ta và Người.

« Hữu đức giả nhơn kỳ hợp nhất, cố vô oán. Vô đức giả, nhơn ngã chi giới thái minh, cố hữu dư oán dã ». (有德者人已合一，故無怨，無德者人我之界太明，故有餘怨也). Người « hữu Đức » thấy mình và người là Một, nên không thù oán. Người « Vô Đức » thấy sự phân-biệt giữa mình và người, nên có oán thù (dư oán).

* * *

D.— « *Thiên Đạo vô thân* » 天道無親,

« *Thường dữ thiện nhân* » 常與善人.

« *Thiện-nhân* » tức là người lành và thi-hành « đạo Trời ». Đạo Trời tuy không thiên-vị ai, nhưng thường ban-bố ân-huệ cho kẻ noi theo con đường Đạo. Chữ « *thiện* » 善 đây, không có nghĩa là người lành, sánh với kẻ dữ, vì Đạo Trời không thiên cho hạng người nào cả.

CHƯƠNG LXXX

(80)

- 小 國 寡 民
 A.— Tiểu quốc quả dân.
 使 有 什 伯 之 器 而 不 用，
 Sứ hữu thập bách chi khí nhi bất dụng；
 使 民 重 死 而 不 遠 徙
 B.— Sứ dân trọng tử nhi bất viễn tị.
 雖 有 舟 輿
 Tuy hữu chu dư，
 無 所 乘 之；
 Vô sở thừa chi.
 雖 有 甲 兵，
 C.— Tuy hữu giáp binh，
 無 所 陳 之。
 Vô sở trành chi.

使 民 復 結 繩 而 用 之。

D.— Sử dân phục kết thừng nhi dụng chi.

E.—
 甘 其 食 ;
 Cam kỳ thực,
 美 其 服 ;
 Mỹ kỳ phục,
 安 其 居 ;
 An kỳ cư,
 樂 其 俗 ;
 Lạc kỳ tục.

F.—
 鄰 國 相 望 ,
 Lân quốc tương vọng,
 雞 犬 之 聲 相 聞 ,
 Kê khuyển chi thanh tương văn,
 民 至 老 死 不 相 往 來 。
 Dân chí lão tử bất tương vãng lai.

* * *

DỊCH NGHĨA

A.— Nước nhỏ, dân ít,
 Dù có mười hoặc trăm thứ binh khí,

Cũng không cho dùng đến.

B.— *Khiến dân sợ chết, mà không đi xa.
Tuy có thuyền xe,
Không chỗ ngồi lên.*

C.— *Tuy có giáp binh,
Cũng không cho dùng đến.*

D.— *Khiến dân dùng lại cách gút dây.*

E.— *Ăn món ngon của nơi đó,
Mặc đồ đẹp của nơi đó,
Yên nơi mình ở đó,
Vui với phong-tục của đó.*

F.— *Nước gần cùng trông nhau,
Tiếng gà chó cùng nghe chung,
Dân đến già, chết không qua lại nhau.*

* * *

BÌNH - CHÚ

A. — Nghiêm-Phục bảo rằng: đây là phương trị quốc của một tiểu-quốc dân-chủ ngày xưa, tự-túc, tự-lập, như trong một thể-chế liên-bang ngày nay.

CHƯƠNG LXXXI

(81)

A.—

信 言 不 美，

Tín ngôn bất mỹ,

美 言 不 信。

Mỹ ngôn bất tín.

善 者 不 辯，

Thiện giả bất biện.

辯 者 不 善。

Biện giả bất thiện.

知 者 不 博，

Tri giả bất bác,

博 者 不 知。

Bác giả bất tri.

聖人不積

B.—

Thánh-nhơn bắt tích,

既以爲人己) 俞有,
Ký dĩ vi nhơn kỷ dũ hữu.

既以與人己 俞多。
Ký dĩ dữ nhơn kỷ dũ đa.

天之道，利而不害。

Thiên chi Đạo, lợi nhi bất hại.

聖人之道，爲而不爭。

Thánh-nhơn chi Đạo, vi nhi bất tranh.

* * *

DỊCH NGHĨA

A.—

Lời thành-thực không đẹp,

Lời đẹp không thành-thực.

Người « thiện » không tranh biện,

Người tranh biện không « thiện ».

Người trí không học rộng,

Người học rộng không trí.

B.—

Bực thánh-nhơn không thu giữ,

Càng vì người, mình càng thêm có,

Càng cho người, mình càng thêm nhiều.

Đạo của Trời, lợi mà không hại.

Đạo của Thánh-nhơn, làm mà không tranh.

BÌNH-CHU

A.— Đây là chương chót, Lão-Tử có lẽ muốn bảo với độc-giả: Tôi đã nói xong. Rất có thể các bạn cho rằng lời nói của tôi quê-mùá chất-phác, không văn-hoa sâu-sắc gì cả. Là vì « lời thành-thực do trong lòng nói ra » sẽ không cầu-kỳ trau-chuốt : « tín ngôn bất mỹ », « mỹ ngôn bất tín ».

Lời nói của tôi không cốt làm đẹp lòng các bạn, trái lại nó sẽ là lời nói thẳng.

« Thiện giả bất biện » 善者不辯.

Chữ « thiện giả » 善者 đây, không nên hiểu là người lành (đối với kẻ Ác 惡者) vì cái học của Lão-Tử đứng trên cấp Thiện Ác, mà ta phải hiểu là kẻ hoàn-toàn, thông suốt lẽ Đạo.

Kẻ sành về Đạo, đâu có còn tranh-biện, vì đâu cần phải bênh-vực lẽ phải của mình nữa : họ không còn xem chi là thật phải, phải một cách tuyệt-đối : « Thiên-hạ giai tri mỹ chi vi mỹ, tư ác dĩ ; giai tri thiện chi vi thiện, tư bất thiện dĩ ». (Chương 2).

« Tri giả bất bác » 知者不博.

Người « tri » không tham bác, tức là không chạy theo cái học trực-vật : « vi học nhật ích » mà là kẻ trở về, học cái học về Đạo : « vi Đạo nhật tồn » (Chương 48).

Chữ « 知 » ở đây có nghĩa là « 智 » (Tri).

* * *

B.— « Thánh-nhơn bất tích » 聖人不積.

Bậc Thánh là kẻ không tích trữ gì cho mình cả : tiền bạc danh vọng... v.v...

« *Kỷ dĩ vi nhơn kỷ dũ hữu* » 既以爲人已俞有。

Càng vì người bao nhiêu, thì Đức mình càng thêm sáng. Cho nên vì người mà thực ra là vì mình.

« *Kỷ dĩ dũ nhơn kỷ dũ đa* » 既以與人已俞多。

Càng cho, lại càng giàu. Thế thường hễ cho ra là bớt của mình để bù cho kẻ khác. Nhưng thực ra, càng bớt của mình để cho người, mình lại càng giàu thêm. Giàu đây là giàu lòng nhân, giàu hy-sinh, giàu đạo-đức, giàu vì không thiếu, không thêm muốn.

« *Thiên chi đạo, lợi nhi bất hại* » 天之道利而不害。

Đạo Trời, lợi mà không có hại. Câu này có mâu-thuẩn chăng? Vì đã nói đến lợi thì sao không có hại... Ở đây ta nên hiểu như vậy : giữ được Đạo Trời, tức là an-hiếu được cái then-chốt của đạo quân-bình, thì mới mong giữ-gìn được cái lợi mà không để cho đến đổi bị phản-phúc trở thành cái hại...

Hễ liệu đã « công thành thân thoái » thì sao có thể bị hại được. Người ta có giết là giết kẻ đứng đầu, chứ ai lại giết kẻ đứng sau. Cho nên « hậu kỳ thân nhi thân tiên, ngoại kỳ thân nhi thân tồn ». « Thiên chi Đạo, lợi nhi bất hại » là vậy.

« *Thánh-nhơn chi đạo vi nhi bất tranh* » 聖人之道爲而不爭. « Làm mà không tranh » đó là cái Đạo của Thánh-nhơn, cái Đạo « bất tranh nhi thiện thắng » đã nói nhiều lần trước đây.

SÁCH THAM KHẢO

A.— Sách chữ Hán :

- | | | |
|-----|----------|--------|
| 1. | 老子道德經 | 嚴復評點 |
| 2. | 老子研究 | 王力著 |
| 3. | 老子本義 | 清魏撰 |
| 4. | 老子與莊子 | 陳柱著 |
| 5. | 老子八篇 | 陳柱著 |
| 6. | 老子新註 | 紆爾穆威宣 |
| 7. | 老子 | 陳柱註釋 |
| 8. | 諸子概論 | 陳柱著 |
| 9. | 老子政治思想概論 | 孫思枋著 |
| 10. | 儒道兩家關係論 | 津田左右吉著 |
| 11. | 老子集訓 | 陳柱著 |
| 12. | 老子選注 | 陳柱著 |

* * *

B.— Sách chữ Pháp :

- 1.— Jules BESSE : *Lao-Tseu*.
Paris, Ernest Leroux, 1909.
- 2.— René BRÉMOND : *La Sagesse Chinoise selon le TAO*.
Paris, Lib. Plon, 1955.

- 3.— J.J. L. DUYVENDAK : *Tao Tō King : Le livre de la Voie et de la Vertu.*
Paris, 1953.
- 4.— Jean GRENIER : *L'esprit du TAO.*
Paris, Flammarion, 1957.
- 5.— Stanislas JULIEN : *Le Livre de la Voie et de la Vertu par le philosophe Lao-Tseu.*
Paris, 1842.
- 6.— Okakura KAKUZO : *Le Livre du Thé.*
Paris, Payot, 1931.
- 7.— Pierre LEYRIS et Houang-Kia-TCHENG : *La Voie et sa Vertu.*
Paris, 1949.
- 8.— R. M. PEDRETTI : *Tao Teh King.*
Paris, Ed. P. Gara.
- 9.— R. M. PEDRETTI : *Tao, Mystique de la Volonté.*
Paris, Chez Pad.
- 10.— Pierre SALET : *Le Livre de la Voie et de la Vertu.*
(Tao-Te-King de Lao-Tseu).
Paris, 1923.
- 11.— P. Léon WIEGER SJ : *Les Pères du système taoïste.*
Hien-hien, 1913.
- 12.— P. Léon WIEGER SJ : *Textes philosophiques.*
Hien-hien, 1930.
- 13.— *Tao Te King (Le Livre du Tao et de sa Vertu : Traduction nouvelle suivie d' Aperçus sur les enseignements de Lao-Tseu).*
Lyon, Paul Derain, 1951.

* * *

MỤC LỤC

Lời nói đầu	7
Học thuyết Lão Tử	12
<i>CHƯƠNG I.</i> — Đạo khả đạo	33
II.— Thiên hạ giai tri mỹ	39
III.— Bất thượng hiên	45
IV.— Đạo Xung nhi dụng chi	50
V.— Thiên địa bất nhân	53
VI.— Cốc thần bất tử	57
VII.— Thiên trường địa cửu	60
VIII.— Thượng thiện nhược thủy	63
IX.— Trĩ nhi doanh chi	68
X.— Tài dinh phách	71
XI.— Tam thập phúc	76
XII.— Ngũ sắc lệnh	79
XIII.— Sùng nhục nhược kinh	82
XIV.— Thị chi bất kiến	86

XV.—	Cổ chi thiện vi sĩ	91
XVI.—	Trí hư cực	97
XVII.—	Thái thượng	102
XVIII.—	Đại Đạo phé	106
XIX.—	Tuyệt thánh khí trí	108
XX.—	Tuyệt học vô ưu	111
XXI.—	Khổng đức chí dung	118
XXII.—	Khúc tắc toàn	122
XXIII.—	Hy ngôn tự nhiên	127
XXIV.—	Khí giả bất lập	132
XXV.—	Hữu vật hỗn thành	135
XXVI.—	Trọng vi khinh căn	140
XXVII.—	Thiện hành vô triệt tích	143
XXVIII.—	Tri kỳ hùng	148
XXIX.—	Tương dục thủ thiện hạ	153
XXX.—	Dĩ Đạo tá nhơn chủ	156
XXXI.—	Phù giai bình giả	161
XXXII.—	Đạo thường vô danh	166
XXXIII.—	Tri nhơn giả trí	170
XXXIV.—	Đại Đạo phẩm hệ	174
XXXV.—	Cháp đại-tượng	178
XXXVI.—	Tương dục hấp chi	181
XXXVII.—	Đạo thường vô-vi	185

XXXVIII (38).	Thượng đức bát đức	189
XXXIX (39).	Tịch chi đắc Nhất	196
XL (40).	Phản giả Đạo chi động	202
XLI (41).	Thượng sĩ vấn Đạo	205
XLII (42).	Đạo sinh Nhất	210
XLIII (43).	Thiên hạ chi chí nhu	215
XLIV (44).	Danh dữ thân	218
XLV (45).	Đại thành nhược khuyết	221
XLVI (46).	Thiên hạ hữu Đạo	224
XLVII (47).	Bất xuất hộ	228
XLVIII (48).	Vi học nhật ích	231
XLIX (49).	Thánh nhơn vô thường tâm	234
L (50).	Xuất sanh nhập tử	238
LI (51).	Đạo sanh chi	244
LII (52).	Thiên hạ hữu thi	248
LIII (53).	Sử ngã giới nhiên	254
LIV (54).	Thiện kiến giả	259
LV (55).	Hàm đức chi hậu	264
LVI (56).	Tri giả bất ngôn	270
LVII (57).	Dĩ chính trị quốc	275
LVIII (58).	Kỳ chính muộn muộn	282
LIX (59).	Trị nhơn sự thiên	289
LX (60).	Trị đại quốc	295

LXI (61).	Đại quốc giả hạ lưu	298
LXII (62).	Đạo giả vạn vật chi áo	302
LXIII (63).	Vi vô vi	308
LXIV (64).	Kỳ an dị tri	316
LXV (65).	Cổ chi thiện vi Đạo	326
LXVI (66).	Giang-hải sở dĩ năng vi	332
LXVII (67).	Thiên hạ giai vị ngã	336
LXVIII (68).	Thiện vi sĩ	343
LXIX (69).	Dụng binh hữu ngôn	346
LXX (70).	Ngô ngôn thậm dị tri	349
LXXI (71).	Tri bất tri thượng	352
LXXII (72).	Dân chi úy uy	355
LXXIII (73).	Dững ư cảm tác sát	359
LXXIV (74).	Dân bất úy tử	363
LXXV (75).	Dân chi cơ	367
LXXVI (76).	Nhơn chi sanh dã	371
LXXVII (77).	Thiên chi Đạo	374
LXXVIII (78).	Thiên hạ nhu nhược	378
LXXIX (79).	Hòa đại oán	382
LXXX (80).	Tiểu quốc quả dân	386
LXXXI (81).	Tín ngôn bất mỹ	389

Chịu trách nhiệm xuất bản :

LŨ HUY NGUYỄN

Chịu trách nhiệm bản thảo :

THÚY TOÀN

Biên tập : CHI NHÁNH

Bìa : LÂM QUỐC TRUNG

In 2000 cuốn, khổ 13 x 19cm tại Nhà máy in Trần Phú,
TP. Hồ Chí Minh. Số xuất bản : 05/91 VH. In xong và nộp
lưu chiểu tháng I năm 1991.

SÁCH NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC NĂM 1991

1. 99 NGON Thơ HOÀI ANH
2. VÙNG TỐI CÂM LẶNG Tiểu thuyết TÙNG CHỈ
3. EM LÀ GIAI NHÂN Thơ tình LƯU TRỌNG LƯ
4. PHÙ SA QUÊ MẸ Thơ VIỆT PHƯƠNG
5. VĂN CHƯƠNG, CẢM NHẬN VÀ SUY TƯỞNG
Lý luận phê bình HOÀNG THIỆU KHANG
6. ĐỔI MỚI VÀ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VĂN HỌC
Lý luận phê bình NGUYỄN VĂN HẠNH
7. KHẢO LUẬN TIỂU THUYẾT TRUNG HOA
Nghiên cứu NGUYỄN HUY KHÁNH
8. NGÀY HÈ CUỐI CÙNG JOHN PILGER
9. KẼ LỪA ĐẢO
Tiểu thuyết MATSUMÔTÔ - Văn học Nhật
10. NHỮNG MỐI TÌNH VÀ CUỘC ĐỜI ĐIỆN ẢNH CỦA
MARYLIN MONROE Tiểu thuyết N. Mailer - Văn học Mỹ
11. LƯỚI MỘNG Tiểu thuyết ANDREWS - Văn học Mỹ
12. TAY CỤ PHÁCH
Tiểu thuyết Sidney Sheldon - Văn học Mỹ
13. TÌNH YÊU THỜI CHIẾN TRANH
Tiểu thuyết FRANÇOIS SAGAN - Văn học Pháp
14. LÃO TỬ ĐẠO ĐỨC KINH
Nguyễn Duy Căn dịch và bình chú.
15. ANH EM NHÀ KARAZÔP tập III
Tiểu thuyết ĐÔSTÔEVSKI

Giá: 14.000đ